

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

**THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ CỦA ROME
TỪ NĂM 27 TCN ĐẾN NĂM 192**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC

HUẾ, NĂM 2020

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

LÊ VŨ TRƯỜNG GIANG

**THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ CỦA ROME
TỪ NĂM 27 TCN ĐẾN NĂM 192**

Ngành: Lịch sử Thế giới

Mã số: 9229011

LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC

**Người hướng dẫn khoa học:
PGS.TS. ĐẶNG VĂN CHƯƠNG**

Huế, năm 2020

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ sự biết ơn sâu sắc nhất đến PGS.TS. Đặng Văn Chương, người đã trực tiếp hướng dẫn, định hướng nghiên cứu, tận tình giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện Luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Khoa Lịch sử và Phòng Đào tạo Sau Đại học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi trong suốt quá trình tôi theo học Nghiên cứu sinh, khóa (2015-2018).

Xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Phòng Tư liệu Khoa Lịch sử - trường Đại học Khoa học Huế, Thư viện trường Đại học Khoa học Huế, Trung tâm Học liệu Đại học Huế, Thư viện Quốc gia, Thư viện trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, Thư viện Viện Nghiên cứu Châu Âu, Đại sứ quán Italia và một số nhà sách, tủ sách tư nhân đã tạo điều kiện cho tôi tham khảo nhiều tài liệu quý giá.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn gia đình, bạn bè đã khích lệ, động viên, ủng hộ tôi trong suốt thời gian hoàn thành Luận án.

Huế, ngày 18 tháng 8 năm 2020

Tác giả

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan luận án này hoàn toàn do tôi thực hiện. Các kết quả nghiên cứu, đoạn trích dẫn và số liệu sử dụng trong luận án đều được dẫn nguồn và có độ chính xác cao nhất trong phạm vi hiểu biết của tôi.

Thành phố Huế, ngày 18 tháng 8 năm 2020

Người viết cam đoan

Lê Vũ Trường Giang

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Nguồn tư liệu nghiên cứu	5
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	56
6. Đóng góp của luận án	7
7. Bố cục nội dung luận án	7
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....	Error! Bookmark not defined.8
1.1. Tình hình nghiên cứu vấn đề khoa học trong nước.....	Error! Bookmark not defined.8
1.2. Tình hình nghiên cứu vấn đề khoa học nước ngoài.....	Error! Bookmark not defined.12
1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu vấn đề.....	Error! Bookmark not defined...17
1.4. Những vấn đề đặt ra cho luận án.....	18
CHƯƠNG 2. THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ CỦA ROME TỪ NĂM 27 TCN ĐẾN NĂM 192	19.....19
2.1. Những vấn đề về thể chế và luật pháp.....	19
2.1.1. Khái niệm về thể chế.....	19
2.1.2. Cơ sở luật pháp trong quá trình xây dựng các thể chế của Rome.....	22
2.2. Sơ lược về thể chế chính trị của Rome trước năm 27 TCN	30
2.2.1. Các thời kỳ lịch sử của Rome	30
2.2.2. Thể chế chính trị của Rome trước năm 27 TCN.....	35
2.3. Các thể chế chính trị tiêu biểu từ năm 27 TCN đến năm 192.....	Error! Bookmark not defined.40
2.3.1. Chế độ Nguyên thủ (Principate)	Error! Bookmark not defined.40
2.3.2. Viện Nguyên lão trong thể chế chính trị mới	478
2.3.3. Bộ máy chính quyền của Rome	51

2.3.4. Thể chế Quân đội.....	656
Tiêu kết chương 2.....	Error! Bookmark not defined. 72
CHƯƠNG 3. THỂ CHẾ KINH TẾ CỦA ROME_TỪ NĂM 27 TCN ĐẾN NĂM 192	72
3.1. Sơ lược về thể chế kinh tế Rome trước năm 27 TCN	72
3.2. Thể chế trong nông nghiệp và thủ công nghiệp	778
3.2.1. Kinh tế Latifundia.....	778
3.2.2. Các vấn đề về chế độ nô lệ và lệ nông....	Error! Bookmark not defined. 82
3.2.3. Kinh tế thủ công nghiệp.....	809
3.3. Thể chế trong thương mại, giao thông và tiền tệ.....	Error! Bookmark not defined. 93
3.3.1. Sự vận hành các luồng thương mại.....	Error! Bookmark not defined. 93
3.3.2. Hệ thống vận tải đường bộ.....	94
3.3.3. Hệ thống vận tải đường thủy	Error! Bookmark not defined. 99
3.3.4. Phương thức giao dịch và kiểm soát tiền tệ.....	102
3.4. Thể chế quản lý kinh tế	Error! Bookmark not defined. 105
3.4.1. Kinh tế “cung điện”	Error! Bookmark not defined. 105
3.4.2. Kinh tế quân đội.....	Error! Bookmark not defined. 108
Tiêu kết chương 3	Error! Bookmark not defined. 110
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ CỦA ROME_TỪ NĂM 27 TCN ĐẾN NĂM 192	Error! Bookmark not defined. 112
4.1. Đặc điểm thể chế chính trị, kinh tế của Rome.....	111
4.1.1. Đặc điểm thể chế chính trị	111
4.1.2. Đặc điểm thể chế kinh tế.....	11720
4.2. Những tác động của các thể chế	Error! Bookmark not defined. 123
4.2.1. Đối với Rome.....	Error! Bookmark not defined. 123
4.2.2. Đối với châu Âu	Error! Bookmark not defined. 129
4.2.3. Đối với thế giới.....	133
KẾT LUẬN.....	137
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	1412
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	1423
PHỤ LỤC	151

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tiếng Latin	Tiếng Anh	Tiếng Việt
VNL			Viện Nguyên lão
pp.		page	Trang
TCN			Trước Công nguyên
Tr			Trang
Sdd			Sách đã dẫn
SPQR	Senatus populus- que Romanus	The Senate and the People of Rome	Nguyên lão nghị viên và dân chúng Rome

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Số hiệu	Tên hình	Trang
2.2	<i>Lược đồ Đế chế Rome dưới thời Augustus (27 TCN- 14)</i>	57
2.3	<i>Lược đồ Đế chế Rome thời điểm bành trướng cực đại</i>	42
PL 1.1	<i>Lược sử Rome qua các mốc thời gian</i>	PL.2
PL. 1.2	<i>Thế thứ các hoàng đế thời kỳ Pax Romana (27 TCN – 192)</i>	PL.4
PL. 1.5.	<i>Chân dung hoàng đế Augustus tại Rome hiện nay</i>	PL.7

DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ

Số hiệu	Tên bảng	Trang
2.1	<i>Bảng thống kê diện tích và dân số của Đế chế Rome qua hai mốc năm 14 và năm 164</i>	58
4.1	<i>Sơ đồ biểu thị mối quan hệ của các nhánh quyền lực của Đế chế Rome</i>	116
4.2	<i>Bảng thống kê sự mở rộng và phát triển của Đế quốc Rome</i>	124
PL.1.3	<i>Bảng thống kê các hoàng đế, thời gian và các lần tuyên cáo</i>	PL.5
PL.1.4	<i>Bảng tính tổng sản xuất trên đầu người của toàn đế quốc Rome vào năm 14</i>	PL.6

MỘT SỐ THUẬT NGỮ LATIN SỬ DỤNG TRONG LUẬN ÁN

STT	Thuật ngữ tiếng Latin	Nghĩa tiếng Việt
1.	Mare nostrum	Địa Trung Hải (biển của chúng ta)
2.	Populous	Người bình dân
3.	Comitia curiata	Đại hội Curi
4.	Imperator	Người cai trị đế chế
5.	Princeps	Nguyên thủ
6.	Latinitas	Quyền công dân Rome
7.	Fiscus caesaris	Kho bạc của hoàng đế
8.	Aerarium populi	Ngân khố quốc gia
9.	Proconsul	Chấp chính quan
10.	Quaestor	Quan coi quốc khố
11.	Praefectus annonae	Trưởng quan lương thực
12.	Senatus Romanus	Viện Nguyên lão
13.	Senatorial province	Tỉnh thuộc Nguyên lão
14.	Imperial province	Tỉnh thuộc Hoàng đế
15.	Legio	Lính Lê Dương
16.	Legatus	Quân đoàn trưởng
17.	Latifundia	Điền trang
18.	Vilicus	Người quản Latifundia
19.	Gens	Dòng họ
20.	Familia	Gia đình
21.	Pater familias	Người đứng đầu gia đình
22.	Patres familias	Thị tộc
23.	Navicularia	Vận chuyển
24.	Triumphal arches	Khải hoàn môn
25.	Collegia	Nghệp đoàn

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Rome là một trong những nền văn minh lớn nhất của thế giới thời cổ đại, có nhiều đóng góp quan trọng trong lịch sử phát triển của nhân loại, cũng như việc sớm hình thành tổ chức nhà nước và các sản phẩm văn minh trên sự kế thừa và phát triển những thành tựu văn minh Hy Lạp. Chính vì thế, nói đến Rome là nói đến một trong hai trung tâm lớn của phương Tây thời cổ đại, là nơi hội tụ của các nền văn minh Đông và Tây Địa Trung Hải, Bắc Phi. Chính vì lẽ đó, lịch sử Rome cũng là một đối tượng nghiên cứu lớn trong nền sử học cổ trung đại thế giới, thu hút nhiều nhà nghiên cứu, quan tâm tìm hiểu.

Lịch sử Rome cổ đại chia làm 3 thời kỳ: Thời kỳ nhà nước sơ khai (753 TCN - 510 TCN); Thời kỳ Cộng hòa (510 TCN - 27 TCN) và Thời kỳ Đế chế (27 TCN – 476) đối với Tây Rome và đối với Đông Rome, đế chế Byzantine (330 - 1453). Mỗi thời kỳ có những sự phát triển, đặc điểm lịch sử và đóng góp khác nhau. Trong đó, thời kỳ Đế chế Rome là một thời kỳ khá quan trọng đối với lịch sử sau này của châu Âu trung đại nói riêng và thế giới nói chung.

Trong phạm vi luận án này, chúng tôi muốn tìm hiểu thời kỳ hưng thịnh nhất trong những thế kỷ đầu về đế quốc Rome từ năm 27 TCN đến năm 192, được lịch sử Italia gọi là thời kỳ Pax Romana và giới sử học gọi đây là sơ kỳ Đế chế. Đây là thời kỳ được bắt đầu với sự xác lập ngôi vị hoàng đế của Augustus vào năm 27 TCN. Sự hưng thịnh kéo dài đến năm 180, khi Commodus lên nắm quyền, lịch sử Rome chuyển sang thời kỳ suy yếu và khủng hoảng do tác động của nhiều nguyên nhân và chấm dứt thời thái bình vào năm 192. Trong hơn hai thế kỷ, những di sản của Rome để lại khá đồ sộ với một bộ máy nhà nước chuyên chế chủ nô với các thể chế quyền lực hoàn chỉnh được xây dựng và củng cố chặt chẽ, tinh vi. Sự phát triển đó thể hiện ở quy mô dân số và lãnh thổ với một hệ thống hành chính nhiều phân cấp từ các tỉnh đế quốc tới các lãnh thổ thuộc địa, phụ thuộc cùng hệ thống những chư hầu tồn tại và phục vụ xung quanh đế quốc. Bên cạnh đó, những thành tựu về kinh tế mang hình thái chiếm nô, sự phát triển của đô thị, ngoại thương là những nét nổi bật. Đồng thời, thời kỳ lịch sử này còn chứng kiến sự phát triển mới của nền văn minh thời kỳ chế độ Principate với nhiều thành tựu rực rỡ. Chính vì thế, việc tìm hiểu phương thức vận hành quyền lực, cách

thức tổ chức nhà nước Rome dưới chính thể quân chủ chuyên chế khoác áo cộng hòa là một vấn đề cần đi sâu nghiên cứu. Do đó, việc tìm hiểu các thể chế chính trị, kinh tế làm rõ cơ sở và những lý luận của Rome cổ đại trong việc định hình và xây dựng các thể chế trên là nội hàm khoa học luận án hướng đến. Đó cũng là ý nghĩa khoa học của đề tài. Tại sao Rome có thể bành trướng và kiểm soát những vùng đất của toàn đế quốc tương đương với 40 quốc gia Âu - Á ngày nay với khoảng 5,1 triệu km²? Phương thức tổ chức bộ máy chính trị của Rome có gì khác biệt so với các thời kỳ lịch sử trước đó và một số đế quốc cổ đại khác? Liệu rằng sự phát triển kinh tế, sự chọn lọc các giá trị văn hóa có được quy định qua sự vận hành các thể chế này hay không? Những thể chế này đã tác động trực tiếp tới Rome và ảnh hưởng tới các thời kỳ lịch sử, các nền văn minh khác như thế nào? Làm sáng tỏ những câu hỏi này luận án sẽ có những đóng góp về cả phương diện khoa học và thực tiễn.

Về ý nghĩa khoa học: Đề tài hướng đến sự bao quát và toàn diện hơn về thời kỳ Pax Romana (27 TCN - 192), một thời kỳ lịch sử khá quan trọng của nền văn minh Rome. Qua đó, góp phần lý giải sâu sắc hơn sự phát triển vượt trội và những thành tựu nổi bật của Rome trong nền văn minh nhân loại. Đồng thời, việc thực hiện luận án hy vọng sẽ mở ra những hướng nghiên cứu, tiếp cận mới trong việc tìm hiểu lịch sử Rome.

Về giá trị thực tiễn: Làm rõ sự vận hành, cấu trúc của các thể chế chính trị, kinh tế của Rome là góp phần nhìn nhận lại một trường hợp văn minh điển hình, làm phong phú thêm kho tàng tri thức, kinh nghiệm lịch sử. **Luận án góp phần làm rõ ảnh hưởng của các thể chế chính trị, kinh tế không chỉ đối với Rome, mà còn đối với châu Âu và thế giới trong những thời kỳ khác nhau và cả trong hiện tại.**

Từ những lý do nói trên, chúng tôi quyết định chọn vấn đề: **“Thể chế chính trị, kinh tế của Rome từ 27 TCN đến 192”** làm đề tài nghiên cứu thuộc chuyên ngành Lịch sử thế giới, mã số 9229011, nhằm làm rõ sự vận hành thể chế trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế của Rome. Luận án làm sáng tỏ được mô hình phương thức kiểm soát quyền lực, duy trì nhà nước và nền văn minh có tính hệ thống của Rome. Qua đó, luận án cũng rút ra được những đặc điểm của các thể chế nói trên trong lịch sử Rome và đánh giá các tác động, ảnh hưởng đến các thời kỳ lịch sử sau này.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hóa các thể chế chính trị, kinh tế của Rome từ năm 27 TCN đến năm 192, luận án làm rõ bức tranh toàn cảnh cũng như chỉ ra bản chất các thể chế của Rome và làm nổi bật những đặc trưng của nhà nước chế độ chiếm hữu nô lệ điển hình.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Khái quát lịch sử Rome thời kỳ từ năm 27 TCN đến năm 192 và các tiền đề hình thành các thể chế chính trị, kinh tế.
- Làm rõ được khái niệm, hệ thống tổ chức, cách vận hành, chức năng của các thể chế chính trị, kinh tế của Rome..
- Trình bày và phân tích sự vận hành các thể chế chính trị, kinh tế của Rome một cách hệ thống dưới các góc nhìn khác nhau.
- Rút ra một số nhận xét, đánh giá về đặc điểm các thể chế chính trị, kinh tế và những tác động của các thể chế trong thời kỳ đỉnh cao từ năm 27 TCN đến năm 192.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Các thể chế chính trị, kinh tế của Rome là đối tượng nghiên cứu trọng tâm của luận án. Thể chế (institution) chính trị, kinh tế của Rome được chúng tôi nhìn nhận ở góc độ mô hình, là hệ thống các quy tắc, cấu trúc và chức năng được tổ chức, cơ cấu theo hệ quả của một tiến trình lịch sử. Các thể chế tạo ra bộ khung trật tự cho các chủ thể quan hệ về mặt chính trị của Rome và các thành phần kinh tế. Thể chế chính trị, kinh tế được vận hành dựa trên cơ chế của pháp luật nhà nước chiếm hữu nô lệ của đế quốc Rome.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về phạm vi thời gian: Luận án chủ yếu tập trung các sự kiện, vấn đề trong thời kỳ từ năm 27 TCN đến năm 192, tương ứng với việc xác lập chế độ chuyên chế, tập trung quyền lực dưới thời Augustus, kéo dài sự hưng thịnh cho đến thời Commodus (180-192). Năm 27 TCN là thời điểm Augustus xác lập vị trí chính trị của mình trong lịch sử Rome với sự ra đời của chế độ Principate kéo theo việc kiến thiết các thể chế khác, được giới sử học thế giới xác định là dấu mốc lớn, mở đầu sơ kỳ Đế chế hay thời kỳ Pax Romana. Và năm 192 đánh dấu sự kết thúc của thời kỳ này sau cái chết của hoàng

đế Commodus, chấm dứt triều đại Antonine cuối cùng trong sơ kỳ Đế chế. Cùng với đó là sự suy yếu, đầy biến động của Rome và sự thay đổi về mặt thể chế.

Về phạm vi không gian: Đề tài giới hạn không gian của đế quốc Rome thời kỳ đầu Đế chế liên quan đến một phần lãnh thổ châu Âu ngày nay, một phần Bắc Phi và khu vực Trung Đông.

Tuy nhiên, để có cái nhìn hệ thống, Luận án đôi khi có đề cập đến các vấn đề trước và sau mốc thời gian được giới hạn cũng như các không gian địa lí khác có liên quan.

Về phạm vi nội dung: Trong khuôn khổ luận án và sự giới hạn về điều kiện, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu ở một số chủ thể, vấn đề tiêu biểu như thể chế chính trị, thể chế kinh tế. Tựu trung, mỗi thể chế tuy có đặc điểm và cách vận hành riêng biệt nhưng lại thống nhất ở tính mục đích và hiệu quả xã hội theo những tiêu chuẩn của Rome và đó là điều chúng tôi hướng tới để lý giải về Rome thời Pax Romana.

Về tên gọi La Mã, Rome hay Roma và thuật ngữ Pax Romana

Trong luận án này, chúng tôi sử dụng tên gọi Rome để chỉ tên gọi chính thức La Mã cổ đại. Ngoài ra, các cách gọi khác như La Mã, Roma, Rô-Ma, chúng tôi đều sử dụng khi trích dẫn từ các nguồn tư liệu trong nước và tất cả các tên đều có giá trị như nhau¹.

Thuật ngữ **“Pax Romana”** được chúng tôi sử dụng nhiều lần trong luận án để chỉ thời kỳ 27 TCN -192. **Pax Romana**, gốc Latin, nghĩa là nền hòa bình của Rome. Cụ thể hơn có thể viết là *“Pax Imperia”*, nghĩa là hòa bình đế quốc, tuy nhiên ít dùng. Từ “Pax” cũng có nghĩa là hiệp ước, sự hòa thuận. Nền thái bình này kéo dài 219 năm, mở đầu bằng triều đại Augustus và kết thúc sau khi hoàng đế Commodus băng hà năm 192. Thời kỳ này được cho là hòa bình nhất và thịnh vượng nhất trong lịch sử Rome. Các cuộc chiến tranh, bành trướng lãnh thổ ít diễn ra và sự quấy nhiễu của các man tộc ở

¹Trong cách sử dụng tên gọi Rome ở Việt Nam từ trước đến nay vẫn phổ biến cách gọi **La Mã, Rome** hay **Roma (Rô-Ma)**. Các cách gọi này được các công trình, tài liệu trong nước đề cập, sử dụng một cách quen thuộc, tuy nhiên chưa có sự thống nhất chung. La Mã, là cách gọi dựa vào cách dịch từ nước ngoài, cụ thể chiết tự từ âm Hán Việt, nguyên do các sách vở trước đây ở trong nước đa phần chuyển dịch lại từ tiếng Trung, thay vì dịch trực tiếp từ ngôn ngữ gốc. “La Mã” dường như là từ ngữ được dùng thông dụng trong các sách giáo khoa, công trình, sách dịch, báo chí.

Trong khi, từ ngôn ngữ Latin gốc là “Rōma” và từ này ít dùng. Hai từ Roma và Rome đều có nghĩa tương tự La Mã. Roma là cách gọi theo tiếng Italia hiện tại. Rome là cách gọi theo tiếng Anh, cũng khá thông dụng ở Việt Nam và trên thế giới, hầu hết đều dùng Rome theo ngôn ngữ quốc tế. Mặt khác, các nguồn tư liệu nước ngoài chúng tôi tiếp cận được, đa phần là tiếng Anh và sử dụng Rome như thuật ngữ quen thuộc, phổ biến.

biên cương cũng không phổ biến. Rome đã tận dụng hòa bình để phát triển kinh tế, văn hóa... và đã để lại dấu ấn sâu đậm cho thể chế mà nó tạo dựng.

4. Nguồn tư liệu nghiên cứu

Tài liệu chính được sử dụng trong luận án này bao gồm các nguồn sau:

Trước hết, chúng tôi sử dụng các tư liệu gốc cung cấp những thông tin chính thức và độ tin cậy cao như các ghi chép của các nhà viết sử đương thời trong thời đại Pax Romana như Tacitus, Suetonius... với giá trị là nguồn sử liệu quý của thế giới; các sách, bài viết do các vị hoàng đế Rome đích thân soạn như Aurelius; các thể loại diễn văn, bút ký, thi ca... của các học giả, nghệ sĩ, chính trị gia... Hầu hết các nguồn sử liệu này được tham khảo từ ngôn ngữ tiếng Anh góp phần làm sáng tỏ thêm nhiệm vụ nghiên cứu, tiếp thu thêm các khía cạnh sâu sắc, có tính bản chất của vấn đề được nghiên cứu.

Thứ đến là các công trình, bài viết nghiên cứu trong nước liên quan đến đề tài được công bố trên các tạp chí khoa học như Tạp chí Nghiên cứu Trung Đông và châu Phi, Nghiên cứu châu Âu.

Để đảm bảo độ tin cậy của tư liệu, tránh sự phiến diện trong các nhận định, đánh giá về các vấn đề nghiên cứu, chúng tôi còn tham khảo, đối chiếu với nguồn tài liệu của các nhà nghiên cứu nước ngoài.

Ngoài ra, luận án sử dụng một số thông tin của các website có độ tin cậy cao đã đăng tải sách, bài báo điện tử chuyên về Rome.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để nghiên cứu và hoàn thành đề tài này, tác giả đã dựa trên quan điểm Marxist về phép biện chứng duy vật và duy vật lịch sử; xem xét các sự kiện liên quan trong mối quan hệ biện chứng, tương tác với nhau. Đây là nền tảng để chúng tôi xử lý các nguồn tư liệu, nhằm phân tích, đánh giá các sự kiện, các vấn đề cốt yếu trong lịch sử Rome và các thể chế xã hội của chủ thể này trong thời kỳ lịch sử được nghiên cứu. Theo đó, phương pháp luận này được vận dụng để xem xét, nhìn nhận, đánh giá sự vận động, mô hình tồn tại, phát triển của các thể chế chính trị, kinh tế trong lịch sử Rome thời kỳ Pax Romana.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Sự hình thành, vận hành trên cơ sở luật pháp và tác động của “*Thế chế chính trị, kinh tế của Rome từ 27 TCN đến năm 192*” là một đề tài lịch sử. Do vậy, các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành cơ bản như phương pháp lịch sử và phương pháp logic được sử dụng trong luận án.

Bằng phương pháp lịch sử, luận án sẽ tái hiện lại bức tranh lịch sử Rome, các thể chế chính trị, kinh tế được vận hành theo trình tự thời gian, liên mạch, trên cơ sở xem xét và trình bày quá trình phát triển của Rome, các thể chế theo một trình tự liên tục và nhiều mặt, trong mối liên hệ với các vấn đề khác. Bằng phương pháp logic, trên cơ sở các nguồn tư liệu có được, luận án sẽ khái quát hóa, tìm ra đặc điểm của các thể chế chính trị, kinh tế được nghiên cứu. Và đồng thời, rút ra được các căn nguyên, các điều kiện chi phối sự cấu thành, hoạt động của các thể chế chính trị, kinh tế.

Ngoài ra, tác giả còn sử dụng một số phương pháp liên ngành như: phân tích so sánh, tổng hợp, hệ thống hóa, thống kê ... nhằm tái hiện vấn đề một cách khái quát và khách quan nhất.

Việc sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu tạo điều kiện quan sát, nhìn nhận các vấn đề về chính trị, xã hội Rome được đa diện, đa chiều, có thứ tự, lớp lang và sự tương tác qua lại.

6. Đóng góp của luận án

Trên cơ sở kế thừa những thành quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, đóng góp của luận án thể hiện ở những mặt sau đây:

Về mặt khoa học:

Thứ nhất, tái hiện một cách khách quan về lịch sử, nền văn minh Rome trong thời kỳ từ năm 27 TCN đến năm 192.

Thứ hai, chỉ ra và phân tích, cấu trúc hóa các thể chế của Rome thời sơ kỳ đế chế trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế. Từ đó, rút ra được các nhân tố cấu thành, các đặc trưng cơ bản và cách thức vận động của các thể chế chính trị, kinh tế này.

Thứ ba, đánh giá được những tác động, ảnh hưởng của các thể chế chính trị, kinh tế của Rome thời sơ kỳ đế chế đối với tiến trình lịch sử Rome, châu Âu và thế giới.

Về mặt thực tiễn:

Thứ nhất, trên cơ sở nghiên cứu các thể chế xã hội Rome thời kỳ từ năm 27 TCN đến năm 192, luận án góp phần nhận thức về kiểu nhà nước quân chủ chuyên chế chủ nô điển hình trong lịch sử thế giới.

Thứ hai, từ những kinh nghiệm lịch sử trong cách vận hành các thể chế chính trị, kinh tế của Rome và các thành tựu đạt được từ mô hình này, luận án rút ra được một số bài học lịch sử, mô thức xây dựng các thể chế quản lý xã hội, xây dựng chiến lược phát triển quốc gia.

Về mặt tư liệu tham khảo:

Thứ nhất, trên cơ sở tập hợp và xử lý các nguồn tư liệu, đặc biệt là tư liệu gốc bằng tiếng Anh, luận án đã góp phần hệ thống hóa, bổ sung tư liệu trong nghiên cứu lịch sử thế giới nói chung, đặc biệt là lịch sử thế giới cổ - trung đại và lịch sử Rome.

Thứ hai, luận án là tài liệu tham khảo có giá trị về thể chế chính trị, kinh tế của Rome.

7. Bố cục nội dung Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, phụ lục, tài liệu tham khảo, nội dung chính luận án được chia làm 4 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Thể chế chính trị của Rome từ năm 27 TCN đến năm 192

Chương 3. Thể chế kinh tế của Rome từ năm 27 TCN đến năm 192

Chương 4. Một số nhận xét về thể chế chính trị, kinh tế của Rome từ năm 27 TCN đến năm 192

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

Lịch sử Rome và nền văn minh của chủ thể này từ lâu đã được giới nghiên cứu trong nước và quốc tế chú tâm nghiên cứu như một cấu phần quan trọng trong lịch sử cổ trung đại thế giới. Nghiên cứu về Rome nói riêng lại có mức độ quan tâm khác nhau giữa các nhà nghiên cứu trong nước và các nhà nghiên cứu nước ngoài.

1.1. Thực trạng nghiên cứu vấn đề khoa học trong nước

Lịch sử Rome là một bộ phận quan trọng trong lịch sử thế giới cổ đại nên ngay từ đầu đã được các nhà sử học Việt Nam quan tâm, tìm hiểu.

Nhóm thứ nhất, các công trình nghiên cứu mang tính tổng thể về Rome hoặc dành một dung lượng đáng kể để bàn về Rome.

Công trình *Lịch sử Thế giới cổ đại (tập 1 và 2)* của tập thể các nhà nghiên cứu Hoàng Diệp, Trịnh Nhu, Đỗ Văn Nhung, Nguyễn Gia Phú (1971) biên soạn phục vụ cho công tác giảng dạy của khoa Lịch sử, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội là một cố gắng rất lớn trong hoàn cảnh lịch sử thời bấy giờ. Rome đã được giới thiệu trong tập 2 qua phần thông sử chi tiết, dễ hiểu, tái hiện hầu hết các thời kỳ lịch sử và thành tựu văn minh.

Tại miền Nam, trước năm 1975, công trình chung của Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang (1955) về *Lịch sử thế giới*, trong quyển II, thời Trung cổ, đã có trình bày về Rome. Công trình đi vào sự so sánh hai đế quốc hàng đầu nhân loại: Đế quốc La Mã và Đế quốc Trung Hoa ở Tây và Đông của thế giới.

Nhà nghiên cứu Phạm Cao Dương với hai công trình *Thượng cổ sử Tây phương* (1967) và *Nhập môn Lịch sử các nền văn minh thế giới (tập 1)*, nằm trong Tủ sách phổ thông sử học Sài Gòn (1972), có thể xem là công trình đi sâu vào việc giới thiệu, khái quát được lịch sử phương Tây cổ đại, trong đó có Rome và đặc biệt là nền văn minh của chủ thể này.

Công trình *Lịch sử Hy Lạp và Rô Ma cổ đại* của Nguyễn Gia Phú (1994). Công trình đã dành trọn nửa cuốn sách để viết về lịch sử Rome từ khởi thủy cho đến lúc tan rã vào năm 476. Công trình đi sâu vào việc tái hiện nhiều mặt của lịch sử Rome, đặc biệt là tổ chức nhà nước và kinh tế, xã hội dưới chế độ chiếm hữu nô lệ qua nhiều thời kỳ khác nhau. Riêng thời kỳ Principate, tác giả chưa làm rõ về thể chế quyền lực, tổ chức nhà nước Rome mà chỉ trình bày sơ lược và đưa ra nhận định chung.

Công trình *Lịch sử thế giới cổ đại* (2005) do Lương Ninh chủ biên đã có những bước phác thảo quan trọng về Rome, những giai đoạn lịch sử, đặt nền móng cho việc nhìn nhận vai trò, vị thế lịch sử của một chủ thể chính trị, kinh tế quan trọng của phương Tây cổ đại. Nền kinh tế mang hình thái chiếm hữu nô lệ đã được các tác giả nhìn nhận, đánh giá khách quan những ưu, khuyết và tác động đối với sự phát triển của châu Âu trung đại. Riêng vấn đề văn hóa được cô đọng, chi tiết hơn trong “*Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại*” (2005) cũng do Lương Ninh chủ biên đã cho thấy sự, tiếp cận nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu, khai thác những vấn đề căn bản liên quan đến Rome như vấn đề nhà nước, xã hội.

Công trình *Lịch sử thế giới cổ đại, tập 2* của Chiêm Tế (2000) đã phân tích khá kỹ về sự chuyển biến nền kinh tế của Rome trong giai đoạn chuyển giao thời kỳ Cộng hòa sang thời kỳ Quân chủ. Công trình giải thích thuật ngữ, khái niệm như chế độ lệ nông, Latiphundia và một số hình thức kinh tế khác của Rome. Tính đối sánh với thời kỳ Cộng hòa cũng được bàn luận và thống nhất sự thay đổi bên trong của hai mẫu hình chế độ của Rome. Công trình cũng đã vạch ra những nét đại cương, qua đó thấy được sự phát triển của văn hóa Rome thời Pax Romana so với các thời kỳ trước đó. Các công trình này đặt nền tảng cho sự nghiên cứu về Rome thời kỳ 27 TCN - 192.

Bên cạnh đó, một số quan điểm nghiên cứu được chúng tôi tham khảo như tác giả Nguyễn Chí Tình với công trình *Số phận các nền văn minh và thế giới ngày nay* (Nxb Thanh Niên, 2007) với lý luận của nền chính thể dân chủ - tự do mà Rome cổ đại là đại diện tiêu biểu, cho thấy những kiến giải mới về sự xây dựng, tổ chức nhà nước.

Một số công trình nghiên cứu trong nước có đề cập đến nhà nước Rome thời kỳ này như *Các nền văn minh trên thế giới* (Nxb Văn hóa, 1998) của Nguyễn Văn Khang, Đặng Thị Hạnh, *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật* của tác giả Đinh Văn Mậu (2005). Tuy nhiên, các công trình này chưa trình bày cụ thể các thể chế quyền lực Rome. Lương Văn Kế, Trần Dương trong *Phác thảo chân dung đời sống văn hóa Đức đương đại* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004) đã dụng công trong việc đánh giá những nền móng của Rome trong việc kiến tạo nước Đức và cộng đồng German.

Các công trình khác đề cập ít nhiều đến một số vấn đề lịch sử của Rome giai đoạn này như cuốn *Rome* của Nhiều tác giả (Nxb Trẻ, 2003) về đời sống, kinh tế của Rome. Một công trình khác là *Những bí ẩn quân sự thế giới* của Nhóm biên soạn DSC (Nxb Thanh Hóa, 2007) chỉ thiên về lĩnh vực quân sự.

Nhóm thứ hai, các công trình nghiên cứu mang tính cụ thể, chuyên sâu về một số lĩnh vực của Rome.

Vấn đề thể chế với các khái niệm và phạm trù liên quan được giới nghiên cứu trong nước chú trọng. Hai tác giả Đào Minh Hồng, Lê Hồng Hiệp trong cuốn *Sổ tay Thuật ngữ Quan hệ Quốc tế* (Nxb Chính Trị Quốc gia Sự thật, 2018) đã chỉ ra khái niệm cơ bản về thể chế. Tác giả Phạm Thị Túy với bài viết “Vai trò của thể chế trong phát triển” (*Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 2-2014) đã đưa ra các dẫn chứng về vai trò quan trọng của thể chế trong lịch sử, nhất là sự tác động tới tầm nhìn phát triển quốc gia. Bài viết “Thể chế và Thành tích” (*Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, Số 03-2005) của Nguyễn Trần Bạt (2005), “Mối quan hệ hữu cơ giữa thể chế, cơ chế, chính sách, cơ chế điều hành và hành vi ứng xử” (*Tạp chí Hội nhập và Phát triển*, số 22, 5-6/2015) của Nguyễn Thanh Tuyên, Nguyễn Lê Anh là gợi ý quan trọng về mối liên quan giữa thể chế với các chủ thể chính trị và sự tạo dựng các thành tựu mà thể chế mang lại. Các công trình, bài viết này là sự gợi ý, định hình ý tưởng cho chúng tôi trong quá trình xác lập phạm vi nghiên cứu liên quan đến thể chế chính trị, kinh tế của Rome.

Về luật pháp của Rome, công trình *Luật La Mã: Tìm hiểu pháp luật nước ngoài* của Nguyễn Ngọc Đào (Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1994) đã khái quát hệ thống lịch sử pháp luật của Rome và đi sâu phân tích những vấn đề về pháp điển, các bộ luật, phạm trù luật suốt thời gian tồn tại của Rome. Tác giả Nguyễn Văn Nam với bài viết “Luật La Mã trong sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật châu Âu lục địa” (*Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 3/2006) đánh giá, nhìn nhận những tác động của luật pháp Rome với châu Âu lục địa trong một thời gian dài và xác định đây là căn cứ, nguồn tham khảo không thể thiếu khi thiết lập cơ chế luật trên phạm vi địa lý châu Âu.

Về giao thông, thương mại, tác giả Quang Liêm trong bài viết “Những con đường La Mã” (*Tạp chí Giao thông vận tải*, số 02/2002) đã làm rõ cách xây dựng những con đường, vai trò của chúng đối với lịch sử Rome, như một bộ phận đặc biệt tạo thành đế quốc này. Tác giả Chử Bích Thu qua bài viết *Con đường tơ lụa trên biển* (2014) cho biết các hoạt động giao thương của Rome đến các quốc gia phương Đông, qua con đường biển nổi tiếng và các điểm buôn bán, nổi kết quan trọng.

Về nhân vật lịch sử gắn liền với thời kỳ này, công trình *Virgile - nhà thơ vĩ đại của thời kỳ La Mã cổ đại* (1996) của học giả Nguyễn Mạnh Tường có thể xem là công trình biên khảo chi tiết, cụ thể nhất của Việt Nam về một nhân vật tiêu biểu, ảnh hưởng

lớn trong thời đại Pax Romana, đặc biệt là dưới thời kỳ của Augustus. Ngoài việc phân tích các ngữ nghĩa, biểu tượng, tình tiết, ngôn ngữ liên quan nhiều đến giá trị văn học, công trình còn là bản tổng thuật về hoàn cảnh lịch sử, miêu tả các diễn biến chính trị xã hội đặc sắc qua ngòi bút tài tình, thấu hiểu của một học giả thông thạo văn minh phương Tây và dành nhiều thời gian trong cuộc đời học tập và làm việc trong nền văn minh đó.

Tác giả Đặng Đức An và cộng sự với công trình *Những Mẫu Chuyện Lịch Sử Thế Giới* (2005) đã phả thảo chân dung một số nhân vật lịch sử trong thời sơ kỳ Đế chế, cung cấp một cái nhìn khác về hành trạng của họ tác động tới các thể chế. Nguyễn Đình Nhơn với tác phẩm *Những câu chuyện bí mật về một đế chế vĩ đại trong thế giới cổ xưa* (2004) gợi ý những nội dung liên quan về chính trị, cách hành xử của một số vị hoàng đế tiêu biểu. Những chi tiết lịch sử chọn lọc về các nhân vật lịch sử này đã cung cấp thêm góc nhìn về sơ kỳ Đế chế của Rome.

Về lĩnh vực giáo dục, Đàm Huy Oánh với công trình *Sơ lược lịch sử giáo dục* (2004) đã mở ra một nhận thức mới về mô hình dạy và học của Rome. Qua việc tiếp cận các môn học, chương trình học của các bậc tiểu học, trung học, cao đẳng và các trường chuyên môn và đặc biệt là triết lý giáo dục của những nhà sư phạm như Quintilia đã xây dựng nên một hệ thống giáo dục Rome hoàn bị. Giáo dục cũng là cơ sở, định hướng cho sự cải biến linh hoạt của một đế quốc hùng mạnh nhất Địa Trung Hải, nhất là về giáo dục luật pháp trong các trường học, cách đào tạo các pháp quan, chính khách.

Qua nghiên cứu tài liệu trong nước, chúng tôi nhận thấy rằng đề tài này chưa có tác giả nào triển khai nghiên cứu ở cấp độ chuyên sâu mang tính hệ thống và toàn diện như luận án, đề tài khoa học cấp Bộ... Một số bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành đã có đề cập đến thời kỳ lịch sử này của Rome nhưng mới chỉ dừng lại ở một vài bình diện nhỏ lẻ và chưa có một công trình chuyên biệt nào về Rome thời kỳ Pax Romana (27 TCN - 192). Với tinh thần cầu thị, ham học hỏi, chúng tôi đánh giá cao kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước và xem đây cũng là một nguồn tư liệu tham khảo cần thiết và hữu ích.

Nhìn chung, giai đoạn Rome thời kỳ từ năm 27 TCN-192 được các nhà sử học Việt Nam khác quan tâm, hình thành nên một cái nhìn đa diện về Rome qua nhiều góc nhìn từ lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hóa và cung cấp một số dữ liệu cơ bản. Các công

trình, bài viết nói trên đã tạo nền móng cơ bản, mang tính chất đại cương và có tính định hướng cho những nội dung khoa học liên quan đến đề tài chúng tôi nghiên cứu.

1.2. Thực trạng nghiên cứu vấn đề khoa học ở nước ngoài

Nghiên cứu về Rome thời kỳ Pax Romana được giới nghiên cứu nước ngoài từ lâu chú ý khai thác. Một phần do họ có điều kiện tiếp xúc xét về mặt địa lí, văn hóa và mức độ quan tâm, cũng như các điều kiện thuận lợi khác về tài liệu ngôn ngữ, đầu tư khoa học....

Thời kỳ Pax Romana không chỉ là một thời kỳ quan trọng trong lịch sử Rome mà còn ảnh hưởng đến châu Âu và thế giới về nhiều mặt nên đã thu hút nhiều đề tài nghiên cứu có tính tổng luận cũng như phân tích nhiều mặt, nhiều lĩnh vực của các nhà nghiên cứu đến từ Anh, Italia, Mỹ, Pháp, Hà Lan, Đan Mạch, Nam Phi...

Nhóm thứ nhất, gồm các công trình nghiên cứu về chính trị, lịch sử và văn minh Rome

Sự nghiên cứu toàn diện và có tính hệ thống được thực hiện trong công trình *The Roman Empire* (1992) của Colin Wells. Công trình đã mô tả tình hình chính trị tại trung tâm quyền lực của đế quốc, Hoàng đế và các tầng lớp chính trị khác cũng như trình bày về đời sống ở Rome và các tỉnh từ 44 TCN đến năm 235.

Kế đến, công trình được giới sử học thế giới đánh giá cao khi nghiên cứu về Rome là *The History of the Decline and Fall of the Roman Empire* của sử gia Edward Gibbon (Modern Library, New York, USA, 2003). Tác phẩm cung cấp đầy đủ về cái nhìn toàn cảnh về Rome và dành hơn 80 trang để bàn về thời kỳ này, đặc biệt là các vấn đề về luật pháp, chế độ chính trị. Từ đó, tác giả đưa ra những kiến giải về những nguyên nhân sụp đổ của Rome sau này. Gibbon cũng đưa ra những đánh giá về sự phát triển của Rome thời sơ kỳ Đế chế.

Trong khi đó, tác giả Peter Garnsey & Richard P. Saller lại đi vào các lĩnh vực khác của Rome như xã hội, kinh tế và văn hóa trong công trình *The Roman Empire: economy, society and culture* (Duckworth Publish house, Lon Don, England, 1987).

Về lịch sử các vùng đất của đế quốc Rome, chúng tôi đánh giá cao công trình *Rome: The Greatest Empire* của Nigel Rodgers (2003). Công trình đã khái quát được các vấn đề quan trọng như sự hình thành các tỉnh mới, tổ chức các cơ quan, đơn vị hành chính của Rome, đặc biệt là thời kỳ lịch sử và những nội dung quan trọng liên quan đến đề tài chúng tôi nghiên cứu.

Cuốn *Nền tảng Văn minh phương Tây* (2005) do tập thể các tác giả Mark Kishlansky, Patrick Geary, Patricia O'Brien đi sâu tìm hiểu và trình bày một cách khách quan các nền văn minh xa xưa nhất, trong đó có Rome. Các học giả phân tích rõ ràng và sâu sắc những biến đổi lịch sử: cấu trúc xã hội, định chế chính trị, những thay đổi trong việc tổ chức sản xuất, tác động của kỹ thuật và công nghệ, sự tiến hóa của gia đình và sự thay đổi của giới tính, sự tồn tại của chiến tranh, tín ngưỡng, truyền thống tôn giáo và triết học, các loại hình văn hóa... Đặc biệt, các thể chế về văn hóa được các tác giả trình bày rất chi tiết.

Một số công trình khái quát lịch sử như *The Roman empire - A very short introduction* của tác giả Christopher Kelly (Oxford University Press Inc, England, 2006) đã trình bày một cách tổng thể về chính trị và xã hội của đế quốc Rome, kết hợp hình ảnh minh họa phong phú. Và Edward Romilly Boak với công trình *A History of Rome to 565 A.D* (1921) cũng mang tính chất khái quát hóa và đưa ra những đánh giá chung về đế quốc Rome và những thành tựu văn minh.

Ngoài ra, Công trình *Frontiers of the Roman Empire the European dimension of a World Heritage Site* (2008) của nhiều tác giả là tập hợp bài viết của nhiều nhà nghiên cứu về Rome trên thế giới. Công trình đã đưa ra những quan điểm về biên giới văn hóa của Rome là những di sản vật thể và phi vật thể của nhân loại trên lãnh thổ châu Âu. Các công trình như *Lịch sử Ý Đại Lợi* của Georges Bourgin (bản dịch Thái Văn Kiểm, 1963), hay cuốn *Lịch sử Châu Âu* của David Lakes (2005) ít nhiều đề cập đến nội dung đế quốc Rome và sự vận hành quyền lực của đế quốc. Bên cạnh đó, các tác giả Lưu Hải Sinh - Phú Quang Hải với cuốn *100 nhà quân sự có ảnh hưởng đến thế giới* (bản dịch Nguyễn Gia Linh, 2008) và Cố Vân Thâm với cuốn *10 đại tướng soái thế giới* (bản dịch Phong Đảo, 2003) đã cho thấy những góc nhìn về quân sự, các nhân vật chính trị - quân sự chủ chốt đã tạo dựng và duy trì đế quốc Rome.

Nhóm thứ hai, gồm những công trình nghiên cứu về thể chế chính trị của Rome và các vấn đề liên quan

Công trình nghiên cứu tổng thể và có hệ thống nhất về thể chế chính trị của Rome trong suốt lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của mình là công trình *A History and Description of Roman Political Institutions* của Frank Frost Abbott (Publishers Sufjenarttm, Boston, USA, 1901). Tác giả chia các thể chế chính trị thành 3 thời kỳ: Vương chính, Cộng hòa và Đế chế, gói gọn trong 21 chương sách và 2 phần

phụ lục. Trong đó, các chương XII - XV tập trung nghiên cứu vấn đề lịch sử, sự thiết lập chế độ hoàng đế, những tương tác chính trị sơ kỳ Đế chế. Đặc biệt, chương XVII - XXI phân tích các thể chế chính trị các nội dung về hoàng đế, quan tòa, Viện Nguyên lão, công dân.

Tác giả Clifford Ando trong cuốn *The Administration of the Provinces* (Blackwell publishing, USA, 2010) chú trọng khai thác tư liệu, nghiên cứu về tổ chức hành chính các tỉnh của Rome. Với nguồn sử liệu phong phú, công trình chỉ rõ được sự hình thành các tỉnh, cách thức tổ chức bộ máy hành chính, vai trò của tỉnh đối với đế quốc Rome.

Một số công trình đi sâu vào các chính sách, chiến lược chính trị của các vị hoàng đế như *The Golden age of Rome: Augustus' program to better the Roman empire* của Matthew J. Bowser (University of Pittsburgh Press, Pennsylvania, USA, 2013) với hướng nghiên cứu về những tác động đến sự hình thành của các thể chế mới trong thời trị vì của Augustus. Vincent Scramuzza với công trình *The Emperor Claudius* (Harvard University Press, USA, 1940) khắc họa tiểu sử và hành trạng của hoàng đế Claudius, trong đó có nhiều chương nói về sự tác động của vị hoàng đế này tới các thể chế chính trị, kinh tế. Đặc biệt nhất là nguồn sử liệu trong tác phẩm *The Lives Of The Twelve Caesars* của C. Suetonius Tranquillus, một sử gia sống trong sơ kỳ Đế chế, đã ghi chép chi tiết về tiểu sử, quê quán, gia đình, các chính sách cai trị của các vị hoàng đế và đưa ra những ưu điểm, hạn chế khách quan và chủ quan. Suetonius để lại nhiều chi tiết lịch sử quan trọng về việc thay đổi, thiết lập các thể chế của Rome vào thế kỷ I và những năm đầu thế kỷ II. Bên cạnh đó, tác phẩm *Bàn về chính quyền* (Nxb Hồng Đức, 2017) của Marcus Tullius Cicero, một biện giả, chính khách Rome cổ đại đã tác động không nhỏ tư tưởng của mình đối với thời sơ kỳ Đế chế đã vạch ra những yếu khuyết thời Cộng hòa để bổ sung, hoàn thiện cơ chế pháp lý, thể chế của Rome về sau.

Tác phẩm *Bàn về tinh thần pháp luật* của Montesquieu (bản dịch của Hoàng Thanh Đạm, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2004) là một công trình mẫu mực, kinh điển về luật pháp của các kiểu nhà nước trên thế giới. Montesquieu đã xem Rome là một trong những đối tượng khảo sát, đánh giá chính khi bàn về chế độ nhà nước, các hình thức luật pháp và dùng quyết định luận lịch sử để bình giải. Dù đã trải qua hơn 200 năm, tác phẩm của ông vẫn có giá trị lớn, nhất là các nhận xét tổng quát về thể chế

chính trị. Trong tác phẩm, ở phần phụ lục *Những nhận định về nguyên nhân cường thịnh và suy thoái của Rome*, Montesquieu đã bàn về sự vĩ đại của Rome và nguyên nhân của sự vĩ đại ấy (chương I đến chương VIII) qua đó cung cấp những kiến giải quan trọng về nguyên nhân tạo nên những thành tựu của đế quốc này.

Công trình *Chính thể đại diện* (Nxb Tri thức, 2017) của John Stuart Mill có thể xem là tác phẩm quan trọng khi bàn về vấn đề chính thể. Tác giả đã lập luận, lược dẫn nhiều vấn đề về thể chế chính trị, trong đó trưng dẫn ra nhiều quan điểm liên quan đến thể chế chính trị của Rome.

Bên cạnh đó, *Bàn về khế ước xã hội* của Jean - Jacques Rousseau (Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2004) lại đưa ra những quan điểm về các kiểu nhà nước, hình thức các chính phủ, trạng thái quyền lực... Có thể xem, công trình này chứa đựng các giá trị phổ quát khi bàn về vấn đề thể chế chính trị. Một vài chương đã dẫn luận về Rome, đánh giá chế độ nô lệ, Đại hội nhân dân.

Ngoài ra, tác giả Samuel P. Huntington trong công trình *Political Order in Changing Societies* (Yale University Press, USA, 1968) phân tích về những tác động của chính sách, thể chế chính trị đến sự thay đổi xã hội nói chung, trong đó có bàn về thể chế của Rome. Về vấn đề thể chế nói chung, bài viết “What Are Institutions?” đăng trên *Journal of Institutional Economics* (Vol XI, (3/2006), Cambridge Universitym UK) của Geoffrey M. Hodgson được chúng tôi tham khảo về khái niệm thể chế. Ngoài ra, vấn đề tín ngưỡng liên quan đến yếu tố chính trị được tác giả P. A. Harland khai thác trong cuốn *Honours and Worship: Emperors, Imperial Cults and Associations at Ephesus (First to Third Centuries C.E.)*, (1996), trong đó hoàng đế được ví như biểu tượng thần quyền.

Nhóm thứ ba, gồm các công trình nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế, xã hội của Rome

Đi sâu vào lĩnh vực kinh tế là công trình *The Economy of the Roman Empire in the First two Centuries A.D.* (2007) của nhà nghiên cứu Andrej Zgur đến từ Đan Mạch có thể xem là sự nghiên cứu toàn diện về nền kinh tế của Rome. Từ tiền tệ, thị trường lao động, các ngành kinh tế cơ bản (đặc biệt là nông nghiệp), GDP đều được tác giả đưa ra bàn luận, phân tích dưới góc nhìn kinh tế, tài chính. Phương pháp liên ngành của kinh tế học được soi chiếu vào những vấn đề mang tính vi mô, đòi hỏi sự nhìn

nhận đa chiều để lý giải xác đáng hơn về tình hình kinh tế, các thể chế kinh tế của Rome.

Đặc biệt, tác giả Keith Hopkins với hai công trình quan trọng *Conquerors and Slaves* (Cambridge University Press, 1978) và “The Political Economy of the Roman Empire”, in *The Dynamics of Ancient Empires: State Power from Assyria to Byzantium* (Oxford University Press, 2009) đã hệ thống lại các yếu tố mang tính thể chế như chế độ nô lệ, những chính sách kinh tế vào thời sơ kỳ Đế chế. Các công trình cung cấp nguồn sử liệu phong phú và cách nhìn đa chiều về thể chế kinh tế.

Công trình *Đời sống La Mã thời cổ đại* của Pierre Grimal (2004) trình bày khá chi tiết các dữ liệu về đời sống, xã hội Rome qua nhiều thời kỳ lịch sử theo lối biên niên, sử ký. Riêng 2 thế kỷ chúng tôi khảo sát, tác giả Pierre Grimal cũng dành nhiều trang miêu tả chi tiết về đời sống xã hội, văn hóa từ bình dân đến quý tộc, đặc biệt nền kinh tế Rome với các ngành nông nghiệp, thủ công nghiệp, vận tải... được thể hiện mạch lạc, gắn kết.

Bài viết *The Labor Market of the Early Roman Empire* (2004) đăng trên *Journal of Interdisciplinary History* của Peter Temin cho biết về thị trường lao động sôi nổi, đầy tính cạnh tranh trên cơ sở phân tích bối cảnh chính trị, biến động xã hội dẫn đến việc sử dụng lao động nô lệ ở Rome. Qua đó, nghiên cứu cho thấy nền kinh tế của Rome thể hiện được những vấn đề cơ bản của xã hội chiếm hữu nô lệ, giá cả mua bán, sức làm việc của nô lệ so với các loại hình lao động khác. Bộ mặt kinh tế của Rome được tác giả đánh giá lệ thuộc lớn vào nô lệ, ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế.

Về kinh tế ngoại biên là các vùng thuộc tỉnh của Rome, nhà nghiên cứu Marcus Arkin trong công trình *Aspects of Jewish economic history* (2002) đã nghiên cứu kỹ lưỡng lịch sử diện mạo nền kinh tế Do Thái và dành nguyên một chương để bàn về yếu tố Rome trong sự phát triển của vùng đất và con người Do Thái. *An economic survey of Jewish life during the Pax Romana* là mục đã giải quyết cơ bản vấn đề kinh tế của một tỉnh thuộc Rome giàu có, văn minh qua sự nghiên cứu các lĩnh vực kinh tế như trồng trọt, thủ công nghiệp và sự giao thương với chính quốc Rome.

Về lĩnh vực giao thông, những luận chứng của René Poirier trong tác phẩm *Những công trình vĩ đại của nhân loại* (2001) đã khái lược những vấn đề về việc làm đường, các công trình xây dựng của Rome, thể hiện trình độ văn minh, tài trí của Đế quốc này trong lĩnh vực giao thông. Tác giả đi sâu vào việc lý giải nguyên nhân hình

thành các con đường, những loại đường tiêu biểu, quá trình xây dựng đường, các chi tiết kỹ thuật của con đường Rome.

1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu vấn đề

Kế thừa những thành tựu của các học giả đi trước, luận án hướng đến việc dựng lại bức tranh tổng thể và rút ra một số nhận xét về các thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa của Rome. Qua việc khảo cứu tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về Rome và các thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa, có thể nhận thấy những tồn tại và vấn đề đặt ra cần phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Rome và lịch sử, nền văn minh nói chung đã được giới nghiên cứu trên khắp thế giới quan tâm và đã gặt hái nhiều thành tựu nghiên cứu đáng kể. Sự phong phú về nội dung, do nguồn tư liệu, ý thức hệ chính trị và các phong văn hóa trong và ngoài biên giới của Đế chế Rome cổ xưa. Nhìn chung, nhiều công trình trong số đó thiên về nghiên cứu một cách khái quát, đánh giá tổng thể xuyên suốt nhiều thời kỳ lịch sử theo tính chất biên niên hoặc trình bày vấn đề theo những chủ đề riêng biệt và chưa đề cập nhiều đến các vấn đề lịch sử Rome trong thời kỳ 27 TCN - 192 với tư cách là một đối tượng nghiên cứu riêng biệt.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu ở nước ngoài mặc dù rất phong phú, đa dạng, song là ấn phẩm, công trình của tác giả nước ngoài nên thường phản ánh quan điểm, cách thể hiện, cách nhìn nhận, đánh giá của giới nghiên cứu các nước đó, khu vực đó. Vì vậy, việc kế thừa đòi hỏi phải có sự phê phán và chọn lọc khi tiếp cận tư liệu nhằm đảm bảo độ tin cậy và khách quan trong nhìn nhận, đánh giá vấn đề nghiên cứu.

Thứ ba, lịch sử của Rome cũng như các thể chế, các vấn đề chính trị, kinh tế đã được nhiều học giả, các nhà nghiên cứu ở Việt Nam quan tâm, tìm hiểu hơn nửa thế kỷ qua. Nhiều công trình thông sử, các bài viết chuyên sâu về lịch sử, pháp luật, nhà nước đã đề cập đến Rome như một cấu phần, nội dung quan trọng. Tuy nhiên, số lượng công trình nghiên cứu còn hạn chế nhất là vẫn chưa có một công trình nào đề cập một cách đầy đủ và toàn diện về thời kỳ Pax Romana (27 TCN - 192). Các công trình có liên quan đến vấn đề chỉ dừng lại ở chỗ khảo tả nền văn minh Rome, các thành tựu nói chung và các thời kỳ lịch sử. Và đó là đóng góp lớn của các tác giả đi trước trong việc định hình cơ bản lịch sử của một Rome cổ đại còn đó nhiều vấn đề tồn tại.

Thứ tư, các thể chế chính trị, kinh tế trong thời kỳ 27 TCN - 192 của Rome được các tác giả trong và ngoài nước quan tâm, song vẫn chưa đánh giá một cách có hệ thống về những ảnh hưởng, tác động đối với Rome và lịch sử nhân loại.

Những thành quả nghiên cứu của các học giả, các nhà nghiên cứu đi trước, đó là nguồn tư liệu hết sức quan trọng, tạo thuận lợi lớn về cơ sở, căn nền cho những định hướng nghiên cứu mới, toàn diện hơn của chúng tôi.

1.4. Những vấn đề đặt ra cho luận án

Những công trình của các tác giả trong và ngoài nước là chất liệu quan trọng để chúng tôi thực hiện đề tài. Qua việc trình bày tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước và các thể chế chính trị, kinh tế của Rome có thể nhận thấy những tồn tại và vấn đề đặt ra cần phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, cụ thể như sau:

- Khái quát lịch sử Rome, đặc biệt chú trọng thời kỳ 27 TCN đến 192.
- Giải thích các khái niệm liên quan đến vấn đề thể chế và cơ sở luật pháp đã kiến tạo nên các thể chế của Rome.
- Làm rõ tiến trình vận động, phát triển của các thể chế chính trị, kinh tế của Rome thời sơ kỳ Đế chế.
- Hệ thống hóa và phân tích các bộ phận cấu thành các thể chế chính trị, kinh tế của Rome thời sơ kỳ Đế chế..
- Rút ra những đặc điểm của các thể chế chính trị, kinh tế và đánh giá một cách toàn diện và khách quan những tác động của các thể chế đó đối với Rome, châu Âu và thế giới.

CHƯƠNG 2. THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ CỦA ROME

TỪ NĂM 27 TCN ĐẾN NĂM 192

Trong chương này, chúng tôi làm rõ khái niệm thể chế, luật pháp và phác thảo những nét khái quát về lịch sử và hệ thống thể chế chính trị của Rome vào những thời kỳ trước đó, làm cơ sở cho những nghiên cứu về thể chế chính trị của Rome từ năm 27 TCN đến năm 192.

2.1. Những vấn đề về thể chế và cơ sở luật pháp của nhà nước Rome

2.1.1. Khái niệm về thể chế

Thể chế (institution) được định nghĩa bởi các học giả trong và ngoài nước, ở những chuẩn mực và góc độ khác nhau. Thuật ngữ này có một lịch sử sử dụng lâu dài trong các ngành khoa học xã hội, có niên đại sớm nhất là Giambattista Vico trong tác phẩm *Scienza Nuova* năm 1725. Xét về góc độ vĩ mô, thể chế là loại cấu trúc quan trọng nhất của xã hội loài người, chính chúng tạo nên những thứ khác của đời sống xã hội. Thể chế bao hàm tổ chức với hệ thống các quy tắc, quy chế được sử dụng để điều chỉnh sự vận hành của tổ chức nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức.

Theo Samuel P. Huntington, thể chế là “*mô hình hành vi ổn định, có giá trị, định kỳ*” (stable, valued, recurring patterns of behavior) [86; tr.9]. Còn Hodgson tuyên bố rằng thể chế là “*hệ thống các quy tắc tích hợp cấu trúc các tương tác xã hội*” (integrated systems of rules that structure social interactions) [82; tr.501]. Hay nói cách khác, thể chế là hệ thống xã hội được thiết lập và phổ biến những quy tắc tương tác xã hội. Các quy tắc bao gồm các quy tắc hành vi và quy ước xã hội, mà trên hết là những quy tắc có tính pháp lý, được tập hợp có hệ thống bằng văn bản.

Định nghĩa kinh điển nhất được đưa ra bởi nhà kinh tế học người Đức - Adolph Wagner - cho rằng “*Thể chế là các khế ước, các hợp đồng và luật lệ thành văn đang cai quản đời sống và con người*”. Douglass Cecil North, người được giải Nobel với công trình nghiên cứu “Kinh tế và Thể chế” năm 1993, cho rằng “*Thể chế là những giới hạn được vạch ra trong phạm vi khả năng và hiểu biết của con người hình thành nên mối quan hệ qua lại của con người*” [3; tr.54].

Theo quan niệm của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF): “*Thể chế có thể được hiểu là cái tạo thành khung khổ trật tự cho các quan hệ của con người, định vị cơ chế thực thi và giới hạn của các quan hệ giữa các bên tham gia tương tác; là ý chí chung*

của cộng đồng xã hội trong việc xác lập trật tự, những quy tắc, những ràng buộc và các chuẩn mực, giá trị chung được mọi người chia sẻ” [12; tr.21].

Theo hai tác giả Đào Minh Hồng, Lê Hồng Hiệp, khái niệm “thể chế” thường được hiểu theo hai nghĩa phổ biến. Theo cách hiểu thứ nhất, *“thể chế là tập hợp những quy tắc chính thức, các quy định không chính thức hay những nhận thức chung có tác động kìm hãm, định hướng hoặc chi phối sự tương tác của các chủ thể chính trị với nhau trong những lĩnh vực nhất định. Các thể chế được tạo ra và đảm bảo thực hiện bởi cả nhà nước và các tác nhân phi nhà nước” [107].* Theo cách hiểu thứ hai, *“thể chế là một cơ quan, tổ chức công với các cơ cấu và chức năng được định sẵn một cách chính thức nhằm điều chỉnh các lĩnh vực hoạt động nhất định áp dụng chung cho toàn bộ dân cư. Đối với một quốc gia, các thể chế chính trị bao gồm chính phủ, quốc hội và các cơ quan tư pháp. Mối quan hệ giữa các thể chế này được quy định bởi Hiến pháp” [107].* Trong phạm vi luận án này, cách hiểu thứ hai được chúng tôi tiếp nhận và lấy đó làm cơ sở xây dựng các đối tượng nghiên cứu về thể chế chính trị, kinh tế của Rome.

Trong một sự tiếp cận khác, hai tác giả Nguyễn Thanh Tuyền, Nguyễn Lê Anh lại cho rằng: *“Thể chế là hệ thống pháp chế gồm: Hiến pháp (luật mẹ, luật căn bản); các bộ luật (luật cơ bản và luật “hành xử”), các quy định, các quy tắc, chế định..., nhằm hài hòa các quyền lợi và trách nhiệm của mỗi công dân, mọi tổ chức trong một trật tự xã hội, hướng tới sự tổng hòa các lợi ích của cộng đồng” [60; tr.3].* Các tác giả cho rằng, thể chế được thể hiện qua các đặc trưng là sản phẩm của chế độ xã hội, phản ánh sâu sắc bản chất và chức năng của nhà nước đương quyền; Thể chế được điều chỉnh thích ứng với những thay đổi của chế độ chính trị đương quyền; Thể chế cũng có thể được sửa đổi, thậm chí bãi bỏ cục bộ, phụ thuộc vào sự cải cách hay đổi mới của nhà nước cầm quyền; Thể chế có vai trò quyết định đến sự hình thành và hoạt động của cơ chế, chính sách và cơ chế điều hành và hành vi ứng xử của con người. Thể chế bao gồm: Thể chế chính thức và thể chế phi chính thức.

Thể chế chính thức là hệ thống pháp chế gồm hiến pháp, luật, đặc biệt là các quyền sở hữu, luật pháp về tự do khế ước, tự do cạnh tranh, tổ chức công quyền, nhất là các thiết chế thi hành pháp luật và những quy trình kiểm soát quyền lực công cộng khác được thực hiện bởi những cơ chế khách quan.

Thế chế phi chính thức gồm các quy tắc bất thành văn, quy phạm, những điều cấm kỵ được tuân thủ trong quan hệ giữa nhóm người. Đó là các dư luận xã hội, góp phần hình thành đạo đức, lối sống, phẩm giá con người. Các thế chế phi chính thức đã bị bỏ qua phần lớn trong chính trị so sánh, nhưng ở nhiều quốc gia, đó là các thế chế và quy tắc không chính thức chi phối bối cảnh chính trị.

Thế chế được hiểu như là hệ thống các quy định do nhà nước xác lập trong hệ thống văn bản pháp luật của nhà nước và được nhà nước sử dụng để điều chỉnh và tạo ra các hành vi và mối quan hệ giữa nhà nước với công dân và các tổ chức nhằm thiết lập trật tự kỷ cương xã hội. Thế chế về mặt nhà nước bao gồm toàn bộ các cơ quan nhà nước với hệ thống quy định do nhà nước xác lập trong hệ thống văn bản pháp luật của nhà nước và được nhà nước sử dụng để điều chỉnh và tạo ra các hành vi và mối quan hệ giữa nhà nước với công dân, các tổ chức nhằm thiết lập kỷ cương xã hội.

Các thế chế có sự tương tác qua lại với pháp luật, cơ chế chính thức cho việc xây dựng và thực thi quy tắc chính trị. Thế chế đóng vai trò định hướng, hướng dẫn, tạo khung khổ cho việc tổ chức, vận hành xã hội; kiến tạo nền tảng kinh tế, chính trị, xã hội của quốc gia; là chủ thể quản lý xã hội và xác lập các công cụ quản lý xã hội hữu hiệu; duy trì một chính quyền tốt, hạn chế tham nhũng; góp phần tạo ra những tiền đề, điều kiện hạn chế những khuyết tật của tiến trình phát triển xã hội; kiểm soát các nguồn lực trong xã hội và đảm bảo các chủ thể xã hội thực hiện được các quyền và nghĩa vụ [59; tr.60-66].

Một thế chế ưu việt trong thời đại của nó sẽ tạo ra nhiều thành tựu và ngược lại một thế chế khiếm khuyết sẽ không tạo ra thành tích gì đáng kể. Chất lượng của thế chế phản ánh trình độ chính trị, bản chất chính trị của quốc gia. Sở dĩ các xã hội, các cộng đồng tuân phục theo thế chế vì những ưu điểm của bản chất chính trị nhiều hơn các khuyết điểm và tạo ra sự lựa chọn hoặc không lựa chọn. Trong lịch sử, những thế chế bất hợp lý thường tồn tại không dài. Điều này cho thấy sự phát triển ở hình thái xã hội nào cũng đòi hỏi một quá trình sàng lọc và thải hồi dần những yếu tố không còn phù hợp, nhất là về mặt thế chế. Bản chất chính trị của nhà cầm quyền được thể hiện thông qua thế chế mà nhà cầm quyền xây dựng.

Mối quan hệ của các thế chế với bản chất con người là một câu hỏi nền tảng của khoa học xã hội. Các thế chế có thể được coi là “tự nhiên” phát sinh và phù hợp với

bản chất con người trong từng thời kỳ lịch sử. Về cơ bản, các thể chế có thể luôn được xây dựng, cải cách để phục vụ tốt hơn nhu cầu của con người.

Thời cổ đại, Cicero (106 - 43 TCN) một biện giả, quý tộc từng giữ chức pháp quan trong bộ máy nhà nước Rome khi bàn về vấn đề thể chế từng cho rằng: *“Một chính quyền được cấu thành từ các quan chức - tức những người chỉ đạo guồng máy hành chính của nó, cho nên những yếu tố phân định các kiểu nhà nước khác nhau chính là đặc tính biến đổi của những vị trí này. Chính tổ tiên người La Mã chúng ta đã thiết kế nên hệ thống trí tuệ và sắc bén nhất. Và vì vậy, không có sự đổi mới nào - hay nếu có chẳng thì chỉ rất ít - mà tôi nghĩ là cần thiết cho thể chế do tổ tiên ta sáng tạo ra”* [11; tr.268].

Trong khuôn khổ phạm vi thể chế của Rome, chúng tôi tìm hiểu các thể chế về mặt nhà nước, cấu trúc, thể chế bộ máy hành chính, các quy tắc vận hành dựa trên bộ khung hiến pháp và luật pháp đã được xác lập. Đồng thời, các thể chế kinh tế cũng được kiến thiết và vận hành trên sự thống nhất chung.

2.1.2. Cơ sở luật pháp trong quá trình xây dựng các thể chế của Rome

Nền tảng hiến pháp

Hiến pháp (the constitution) đầu tiên của Rome phải là một văn kiện được viết ra mà thể hiện dưới hình thức hệ thống các thủ tục và luật lệ được giữ gìn cẩn trọng. Đó là tập hợp các quy tắc và tập quán của luật không thành văn, cùng với các luật thành văn phát triển sau này, hướng dẫn việc quản trị thể chế. Trong đó Mos maiorum, hay còn gọi phong tục tổ tiên bất thành văn mà từ đó Rome khởi sự việc hoạch định các chuẩn mực xã hội [83; tr.17]. Đó là khái niệm cốt lõi của chủ nghĩa truyền thống, phân biệt với luật thành văn. Các Mos maiorum được gọi chung là các nguyên tắc, mô hình hành vi và thực tiễn xã hội được tôn trọng theo thời gian đã ảnh hưởng đến đời sống cá nhân, chính trị và quân sự trong suốt một thời kỳ dài. Hay nói cách khác, chúng là các quy phạm xã hội của Rome được thể hiện dưới dạng các phong tục hay tập quán, đã được sử dụng để điều chỉnh các quan hệ xã hội trước đó, còn tiếp tục có tác dụng điều chỉnh trong xã hội, là cơ sở để hình thành nên các quy tắc xử sự chung và được nhà nước bảo đảm thực hiện.

Tuy nhiên, vì Mos maiorum là một vấn đề của tập quán, không phải là luật thành văn, nên các quy tắc phức tạp mà nó thể hiện đã phát triển theo thời gian. Các quy tắc bất thành văn này đã thích nghi với hoàn cảnh thay đổi, cho phép chủ nghĩa

bành trướng đưa Rome từ một lãnh thổ lên một đế quốc hùng mạnh [83; tr.18]. Việc bảo tồn Mos maiorum phụ thuộc vào sự đồng thuận và điều độ giữa giới cầm quyền có sự cạnh tranh quyền lực và địa vị đe dọa nó.

Có thể thấy rằng, tập quán pháp theo kiểu Mos maiorum được hình thành trên cơ sở tập quán được nhà nước Rome công nhận nên trở thành những quy tắc xử sự mang tính chất bắt buộc và có tính chất pháp lý. Chúng ra đời cùng với sự tan rã của chế độ cộng sản nguyên thủy, tập quán pháp được sử dụng phổ biến trong các nhà nước chủ nô và Rome là một điển hình. Tập quán pháp được ghi nhận là hình thức pháp luật cổ nhất. Vào thời kỳ đầu tiên này, đây là hình thức nhà nước thừa nhận giá trị của các tập quán đã tồn tại trong xã hội nhưng không ghi nhận các tập quán đó trong các văn bản pháp luật mà cho phép trực tiếp áp dụng các tập quán đó. Điều này được lý giải do trình độ lập pháp còn sơ khai từ những ngày đầu xuất hiện nhà nước này đã buộc giai cấp thống trị phải sử dụng các tập quán như là nguồn của pháp luật để quản lý xã hội [64]. Đối với Rome, hiến pháp theo hình thức bất thành văn nói trên có lẽ cũng xuất phát từ lý do sâu xa này.

Trong hiến pháp đó, có ba thành phần chính chịu sự giám sát và bổ sung lẫn nhau. Đó là Đại hội nhân dân, Viện Nguyên lão và hai vị quan chấp chính tối cao cũng là các quan tòa quân sự và dân sự tối cao do đại hội nhân dân bầu, thỉnh thoảng có chức vụ độc tài và thường được giới hạn trong sáu tháng. Đại hội nhân dân có thể quyết định chiến tranh hay hòa bình. Viện Nguyên lão có toàn quyền kiểm soát Kho bạc và Chấp chính quan có quyền lực pháp lý cao nhất [68; tr.90-93].

Cicero (106 - 43 TCN) khi nói đến nhà nước đã trích dẫn câu đầu tiên: *“Nhà nước La Mã được thiết lập vững chắc trên nền tảng các thông lệ cổ xưa và yếu tố con người”* [11; tr.255]. Các thông lệ cổ xưa ở đây được hiểu là hiến pháp bất thành văn và ông cũng đánh giá cao sự tôn trọng các luật tục của tổ tiên và sự chấp hành nó với vai trò của các cá nhân hội đồng trên cơ sở đảm bảo công lý. Hệ quả của sự nghiêm túc trước các tinh thần luật pháp sơ khai này được đánh giá cao: *“Trước thời của chúng ta, những tục lệ truyền thống của chúng ta đã tạo nên nhiều nhân vật xuất chúng và đáng kính, rồi từ đó, họ lại tiếp tục gìn giữ những tục lệ và thể chế của ông cha”* [11; tr.256]. Một nhận định khác về hiến pháp là: *“Dù còn rắc rối và công kênh, nhưng nó cũng đã được thi hành có hiệu quả”* [9; tr.45].

Tuy nhiên, vào thời của Cicero, tức thế kỷ I TCN, lúc chế độ Cộng hòa với các thể chế của nó đã đi vào suy yếu mà ông gọi là: *“Chúng đã hoàn toàn chìm vào quên lãng đến nỗi chúng không những không được tuân theo mà còn hoàn toàn biến mất khỏi ký ức nhân dân”* [11; tr.256].

Có thể nói rằng, thời Cộng hòa, hiến pháp rất được tôn trọng. Vào giai đoạn cuối, nhiều điều trong hiến pháp Rome đã bị những chế độ độc tài dần phá dỡ, nhất là dưới chế độ tam hùng, đặc biệt là vai trò của Caesar.

Montesquieu nhận định về tinh thần hiến pháp và cơ chế làm việc của Rome trong thời kỳ sơ khai rằng: *“Hiến pháp thời bấy giờ vừa là quân chủ, vừa là quý tộc, vừa là bình dân. Chính quyền tỏ ra hài hòa, không có ganh tỵ hoặc tranh cãi gì. Vua chỉ huy quân đội và trợ cấp các gia đình liệt sĩ. Vua triệu tập Viện Nguyên lão, tập hợp dân chúng bàn một số công việc, còn số công việc khác thì bàn với Viện Nguyên lão* [33; tr.123].

Đến thời Pax Romana, sau khi Octavius xác lập quyền lực của mình vào năm 27 TCN thì trong luật của đế quốc Rome (Roman law), hiến pháp là tên gọi chung cho một đạo luật lập pháp của một hoàng đế. Nó bao gồm các sắc lệnh (edicts), nghị định (decrees) và hồ sơ là câu trả lời, các quyết định bằng văn bản cho các quan chức hoặc người khởi kiện. Các quyết định, mệnh lệnh do hoàng đế đưa ra không phải là hiến pháp mà là tạo ra các quy tắc pháp lý để thực hiện.

Rome không tồn tại các đảng phái chính trị mà căn cứ trên quan hệ huyết thống gia đình, gia tộc, thường gọi là gen, hay dòng họ, đây là một nhóm người có quan hệ huyết thống cùng sống trên một phần lãnh thổ và tạo thành một lực lượng chính trị. Dưới là gia đình (familia) bao gồm những người sống dưới cùng một mái nhà. Bằng nhiều phương cách khác nhau gen đã duy trì sự kiểm soát quyền lực, đưa các thành viên của mình lên vũ đài chính trị. Đó cũng là cách hiểu ngầm về các quy tắc bất thành văn được sử dụng ở sơ kỳ Đế chế.

Và một điều đặc biệt là có sự phân biệt giữa Italia và các tỉnh trong các đặc quyền được hiến pháp ban cho. Italia được coi trọng như trung tâm của đế quốc và là nền móng vững chắc của hiến pháp. Đây là nơi cư ngụ, cai trị của hoàng đế và Viện Nguyên lão. Các điền trang của người Italia được miễn thuế. Các hội đồng được hình thành nên sau mô hình hoàn hảo ở thủ đô, được ủy thác để thực thi những luật lệ. Tất cả những người Italia bản xứ khi sinh ra đều là công dân Rome, họ có sự thống nhất

trong ngôn ngữ, tập quán và những thể chế dân sự. Italia được xem là trung tâm của đế quốc, quốc gia chủ thể giữa các quốc gia liên hợp [64].

Trong thời kỳ đầu của chế độ Principate, những cải cách về hiến pháp đã lập một trật tự chính trị mới trong bộ máy nhà nước Rome. Octavius muốn củng cố địa vị của mình với tư cách là chủ nhân của nhà nước. Ban đầu, ông được Viện Nguyên lão tín nhiệm giữ chức chấp chính quan và bảo toàn quyền lực của mình. Sự sắp xếp có ý nghĩa như một sự phê chuẩn vị trí của ông trong đế quốc. Sau đó, Viện Nguyên lão đã trao cho Octavius một loại quyền lực chỉ huy đối với tất cả các tướng lĩnh quân sự (military governors) của Rome, và toàn bộ quân đội [65; tr.270]. Ông được xưng tụng là Augustus. Sau khi những cải cách cuối cùng được thực hiện, Augustus không bao giờ thay đổi hiến pháp của mình nữa. Mục tiêu cuối cùng của Augustus là đảm bảo sự kế thừa có trật tự. Vào năm 6 trước Công nguyên, Augustus đã trao quyền lực tòa án cho con nuôi của mình là Tiberius. Một năm trước khi mất, vào năm 13, một đạo luật đã được Augustus ban hành nhằm củng cố cho quyền lực pháp lý của Tiberius kế thừa vương vị. Những hành động thay đổi hiến pháp có chủ ý của Augustus đã phá vỡ hình thức hiến pháp trên tinh thần tự do cũ thời Cộng hòa, hay nói như nhà sử học Edward Gibbon: *“Những nguyên tắc của một hiến pháp tự do đã bị đánh mất không cách gì cứu chữa được khi mà quyền lập pháp lại do bộ phận hành pháp chỉ định”* [76; tr.56].

Tiếp đến, Tiberius lên nắm quyền và trước hết là nắm quyền chỉ huy lực lượng Vệ binh pháp quan. Vệ binh pháp quan (The Praetorian Guard, Latin: cohortes praetoriae) là một đội quân hoàng gia tinh nhuệ, được Octavius thành lập để bảo vệ an ninh cá nhân và khai thác các thông tin tình báo. Sau đó, ông buộc toàn thể quân đội tuyên thệ trung thành. Dưới thời Tiberius, quyền bầu các quan tòa chuyển từ Đại hội nhân dân sang Viện Nguyên lão.

Hoàng đế Caligula đã đưa ra cách luận giải về xây dựng thể chế: *“Muốn tìm ra những quy tắc xã hội tốt nhất thích hợp với quốc gia thì phải có một trí tuệ ưu việt... Trí tuệ ấy xây dựng một sự nghiệp cao cả, lâu dài, có thể phải làm trong một thế kỷ và hưởng thụ ở thế kỷ sau”* [48; tr.99]. Và trên thực tế, trong thời kỳ cầm quyền của mình, Caligula đã có những hành động thực tế, dù rằng những chính sách của ông khá khắc nghiệt và nhiều sử gia đánh giá ông như một “bạo quân”. Tiếp nối sau đó, các vị hoàng đế đa phần lên ngôi nhờ sự can thiệp của quân đội, khiến tình hình nội chính của Rome khá rối ren. Các vị hoàng đế Nero, Galba, Otho, Vitellius lần lượt thay nhau kế vị và

kết thúc trong sự đẫm máu. Frank Frost Abbott viết: “*Trong những thập kỷ sau cái chết của Augustus, Đế quốc Rome, theo một nghĩa nào đó, là một liên minh của các nguyên tắc sơ bộ, có thể đã tan rã bất cứ lúc nào*” [65; tr.296].

Tuy nhiên, dưới thời Hoàng đế Vespasian, hiến pháp Rome bắt đầu một bước tiến về chế độ quân chủ. Ông ban hành việc cải cách thuế, cụ thể thu nhiều hơn các mức thuế, tăng sự cống nạp của các tỉnh. Ông tái cấu trúc lại quyền hạn của các Nguyên lão nghị viên. Và lần đầu tiên trong các vị hoàng đế, ông trao ngôi lại cho con trai ruột của mình là Domitian. Chính sự thế tập này là một trong những dấu ấn lớn, đặt tiền lệ cho sự trao ngôi theo dòng dõi huyết thống, đặt nền móng cho thời kỳ quân chủ tuyệt đối sau này. Sự cải cách hiến pháp không có gì thay đổi cho đến thời kỳ Trajanus, khi vị hoàng đế này khôi phục lại nền cộng hòa tự do và cho Viện Nguyên lão một số khả năng lập pháp độc lập (legislative abilities). Aurelius là vị hoàng đế thay đổi hiến pháp ở chỗ đã xác lập bộ máy hành chính quan liêu, sự phân cấp và thăng tiến các chức quan trong bộ máy và đặc biệt nhất là thực hiện chế độ đồng hoàng đế (co-emperor) cho con trai mình là Commodus [65; tr.319]. Điều này khiến nhiều học giả liên tưởng đến sự phục sinh của hình thức hai chấp chính quan như thời Cộng hòa. Trên thực tế, địa vị thế tập của Commodus đã được xác lập và vị vua này nhanh chóng thể hiện sự chuyên chế của mình và kết thúc thời kỳ Pax Romana.

Một điều đặc biệt, trong cách vận hành chính trị, các hội đồng lập pháp (legislative assemblies) là các thể chế chính trị quan trọng trong thời Cộng hòa. Chính người dân (và các hội đồng) là người có tiếng nói cuối cùng liên quan đến việc bầu chọn thẩm phán, ban hành luật, thực hiện hình phạt tử hình, tuyên chiến và hòa bình, và tạo (hoặc giải thể) các liên minh. Tuy nhiên, các hoàng đế đã xóa bỏ nó và thay vào đó là quyền lập pháp cho các Nguyên lão nghị viên và cả bản thân hoàng đế. Điều này đồng nghĩa với hình thức dân chủ trực tiếp trong các cuộc bầu cử, lập pháp, tư pháp đã không còn diễn ra như thời Cộng hòa, thay vào đó là sự tập trung dưới tay hoàng đế. Chính hiến pháp đã tạo ra quyền lực tuyệt đối của nhà nước vào tay cá nhân. Trong đánh giá của gần như tất cả người Rome, ngoại trừ các triết gia như Cicero và Seneca, thì nhà nước có quyền năng vô hạn về mặt pháp luật. Cho dù người Rome không ủng hộ chế độ chuyên quyền nhiều đến mấy đi nữa, thì thật ra họ chỉ “*sợ sự chuyên quyền của cá nhân*” [7; tr.233]. Và điều này đã thường xảy ra trong tiến trình lịch sử mới của Đế quốc.

Nhìn chung, hiến pháp dưới chế độ Principate chủ yếu được định hình trong thời cai trị của Augustus. Các cải cách, bổ sung khác không tạo sự phát triển nào đáng kể, ngược lại khiến thể chế Rome tiếp tục hướng về chế độ quân chủ.

Hệ thống luật

Luật Rome (latin: lex) là một hệ thống luật cổ, được xây dựng từ năm 449 TCN và không ngừng được bổ sung, sửa đổi trong quá trình phát triển của mình. Được xem là hệ thống pháp luật hoàn chỉnh nhất của nhà nước chiếm hữu nô lệ, nhất là các chế định pháp luật về dân sự. Trong hệ thống luật gồm công pháp và tư pháp. *“Công pháp là hệ thống luật dùng để “ad statum rei Romanae Spectat” (luật về tổ chức nhà nước), còn hệ thống tư pháp dùng để “ad Singulorum utilitatem” (luật bảo vệ quyền lợi cá nhân)”* [15; tr.9].

Luật tư pháp gồm Luật dân sự (Jus civile) là luật áp dụng đối với công dân Rome và luật chung (jus gentium) áp dụng cho những người không có tư cách công dân Rome. Hai dạng luật này tập trung giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong quan hệ giữa người với người. Luật dân sự và luật chung được bổ sung bởi các quy tắc được các thẩm phán rút ra từ hoạt động xét xử và các quy tắc này tạo thành một hệ thống luật gọi là luật thực hành (jus praetorium). Bên cạnh đó, công pháp là hệ thống luật chi phối tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Hệ thống này có nhiều sự thay đổi tùy vào tình hình chính trị.

Luật pháp đã được tạo ra và thông qua bằng một số cách khác nhau. Trong lịch sử của mình, Rome đưa ra luật mới chính thức là thông qua Hội đồng Nhân dân bằng hình thức bỏ phiếu bởi thành viên của hội đồng. Luật pháp đã được ban ra từ các sắc lệnh của Viện Nguyên lão, các quyết định của các quan tòa và đặc biệt là sắc lệnh của hoàng đế. Tinh thần luật pháp của Rome được Cicero nhận định như sau: *“Luật pháp chân chính phù hợp với cả mệnh lệnh từ lý tính và mệnh lệnh từ tự nhiên. Nó áp dụng phổ quát cho tất cả mọi người. Nó bất biến và vĩnh cửu. Mệnh lệnh của nó là những tiếng gọi nghĩa vụ, và nó ngăn cấm rằng: Không được làm những gì sai trái... Không có Viện Nguyên lão hay dân tộc nào có thể giải thoát chúng ta khỏi những nghĩa vụ của nó”* [11; tr.248].

Về sự hình thành luật pháp của Rome, học giả Cao Huy Thuần cho rằng: *“Có hai quan niệm khác nhau. Hoặc cho rằng Thượng Đế tự mình sáng tác ra luật. Hoặc cho rằng Thượng Đế không trực tiếp ban luật ra, nhưng gợi hứng cho người. Khác*

nhau nhiều lần. Quan niệm thứ nhất là của Do Thái và Hồi giáo. Quan niệm thứ hai là của cổ Hy Lạp, Rome. Ki Tô giáo, vừa là thừa kế của văn minh Do Thái, vừa tiếp thu văn minh cổ Hy Lạp, Rome, thu nhập cả hai truyền thống khác nhau đó” [54; tr.38-60]. Ở đây cho thấy từ khi thành lập và đến những thời kỳ sau, luật pháp Rome có những tôn sùng, thành tín nhất định đối với lực lượng siêu nhiên (thượng đế), hay nói cách khác, từ ban sơ luật pháp Rome có một sự duy tâm, thần quyền nhất định. Luật Rome hình thành trên cơ sở hòa hợp giữa các trật tự, tương tác xã hội, tư duy cai trị, một chút tâm linh và trên hết Rome tôn trọng luật pháp một cách tuyệt đối. Đồng thời, luật pháp là điều kiện căn bản, thực hiện các chức năng của nhà nước chiếm hữu nô lệ mà Rome là trường hợp điển hình: *“Nhằm củng cố và bảo vệ chế độ tư hữu, nhà nước chiếm hữu nô lệ đã sử dụng nhiều biện pháp khác nhau, trong đó đặc biệt là sự xác nhận về mặt luật pháp quyền sở hữu tuyệt đối của chủ nô về tư liệu sản xuất và nô lệ, quy định tình trạng vô quyền của người nô lệ”* [31; tr.71]. Luật pháp vì thế đảm bảo quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, sức sản xuất, tức là nô lệ và sử dụng các công cụ như quân đội, vệ binh, pháp quan để bảo vệ luật pháp ấy.

Vào thời sơ kỳ Đế chế, việc soạn thảo luật pháp là kết quả của việc phải tăng cường chuyên chế trong chính trị. Mặc dù, mệnh lệnh hoàng đế là pháp luật nhưng việc có quá nhiều mệnh lệnh phải thực thi nên cần phải chỉnh lý, nhất là trong khi quyền lợi của giai cấp chủ nô bị uy hiếp, thì càng phải củng cố pháp luật để thể hiện ý chí của giai cấp chủ nô về mặt pháp luật. Mặt khác, trong lĩnh vực kinh tế, một số đạo luật từ thời kỳ Cộng hòa đã không còn hợp lý và các thể chế kinh tế đang vận động, hình thành cũng cần cơ chế luật pháp mới, chẳng hạn như: *“Tình hình mậu dịch ngày càng phát triển, mối quan hệ về tài chính ngày càng phức tạp, cũng như nhiều loại khế ước trong thương nghiệp ngày càng đa dạng, nên cũng đòi hỏi có sự đảm bảo và điều chỉnh về mặt pháp luật”* [57; tr.505].

Các luật được thi hành bởi một quan chức được gọi là pháp quan (Praetor). Pháp quan là thuộc hàng quan chức cấp cao thứ hai, chịu trách nhiệm quản lý công lý. Pháp quan là người thực thi công lý, tuyên bố hoặc chỉ đạo các phán quyết trong các vụ kiện cá nhân, là người bảo vệ luật dân sự.

Để giữ gìn luật pháp trong thành thị, Rome đã có một lực lượng canh sát gọi là Vigiles. Vigiles có nhiệm vụ đảm bảo an ninh, đối phó với những tên tội phạm như kẻ trộm và nô lệ chạy trốn. Khi cần nhiều lực lượng hơn, như trong các cuộc bạo loạn

hoặc chống lại các băng đảng, các đội Vệ binh pháp quan và các quân đoàn đô thị được điều động.

Trong khoảng thời gian từ năm 27 TCN đến năm 192, chúng ta có thể thấy sự phát triển của các luật linh hoạt hơn để phù hợp với nhu cầu của thời đại. Ngoài luật cũ và chính thức, một lớp pháp lý mới được tạo ra gọi là *ius honarium*, có thể được định nghĩa là “*Luật được giới thiệu bởi các quan tòa có quyền ban hành các sắc lệnh để hỗ trợ, bổ sung hoặc sửa đổi luật hiện hành*” [68; tr.93]. Với luật mới này, chủ nghĩa hình thức cũ đang bị từ bỏ và các nguyên tắc mới linh hoạt hơn của *ius gentium* được sử dụng.

Rousseau cũng đánh giá cao cơ chế làm luật của Rome khi ông trích dẫn lời các vị đại pháp quan nói với công dân: “*Những điều chúng tôi đề nghị chỉ biến thành luật chừng nào dân chúng đồng ý. Hỡi công dân La Mã, các bạn hãy làm ra luật để bảo đảm lấy hạnh phúc*” [48; tr.102].

Còn tinh thần luật pháp được thực thi ở Rome được Montesquieu đúc kết như sau: “*Viện Nguyên lão cho rằng hình phạt quá mức chỉ gieo rắc sợ hãi trong dân. Nhưng hình phạt nặng thì mới có hiệu quả, sau đó ít người bị tố cáo, ít người phạm tội. Trái lại, phạt nhẹ quá thì lúc nào cũng có người bị tố cáo và phải lập tòa án luôn*” [33; tr.81]. Và ông cũng chỉ rõ trong tác phẩm *Những nhận định về nguyên nhân cường thịnh và suy thoái của Rome* đã bàn về sự vĩ đại của Rome và nguyên nhân vĩ đại ấy (chương I đến chương VIII), Montesquieu đã liệt kê 9 nguyên nhân và đặc biệt nhấn mạnh các nguyên nhân như: “*khả năng của các đạo luật, trao quyền bầu cử cho binh lính và chia đất chiếm cho công dân và sự hoàn hảo trong cai trị và kế hoạch đề ra những biện pháp uốn nắn sự lệch lạc*” [33; tr.303-304]. Cicero lại đẩy cao sự thượng tôn pháp luật và công chính trong cách thức tổ tụng: “*Bởi trên đất nước này, dù vào thời đại nào thì toàn thể dân chúng cũng như những viên bồi thẩm khôn ngoan nhất và viễn kiến nhất cũng luôn chống lại những công tố viên có uy quyền quá lớn. Vì sẽ thật sai lầm nếu để một công tố viên vận dụng uy quyền mạnh mẽ của mình, hay năng lực áp đảo, ảnh hưởng vượt trội hay tiếng tăm rộng rãi làm phương tiện tác động đến phán quyết của tòa*” [11; tr.193]. Việc coi trọng pháp luật và trình độ lập pháp được xem trọng, dẫn đến hệ quả là vào sơ kỳ Đế chế, các vị hoàng đế đã tạo ra thể chế cố định cho quân đội, bộ máy hành chính, từ đó ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác như kinh tế, văn hóa.

Điều này chứng tỏ luật pháp Rome vừa nghiêm khắc, cứng rắn, vừa có sự linh hoạt, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của thể chế và lịch sử. Vì thế, luật pháp ngay từ buổi đầu cho đến thời Pax Romana cho thấy sự tương ứng với nguyên tắc chính thể.

Một sự tiên bộ về việc xây dựng và duy trì nền tảng luật pháp đó là trong hệ thống giáo dục Rome đã có các trường cao đẳng luật pháp, được xem là sự khởi đầu giáo dục luật pháp đầu tiên của nhân loại. Xã hội Rome rất tôn trọng luật pháp và địa vị môn luật trong sinh hoạt xã hội là cần thiết. Ngành học này cốt để đào tạo các nhà luật pháp tương lai. Họ được truyền dạy kiến thức, được thực tập tại các phiên tòa. Các tài liệu giảng dạy về luật pháp đã được hệ thống hóa qua tay các học giả bằng ngôn ngữ Latin và kinh đô Rome là minh chứng cho sự giáo dục này.

Hai thế kỷ đầu Công nguyên, luật Rome và khoa học pháp lý Rome đạt đến mức độ toàn diện nhất được xem là thời kỳ cổ điển của luật Rome. Thành tựu văn học và thực tiễn của luật pháp thời kỳ này đã tạo cho luật Rome hình dạng độc đáo. Các pháp quan, các luật sư và đặc biệt là các hoàng đế Rome đã đưa ra ý kiến pháp lý, soạn thảo các dự luật. Năm 130, pháp quan Salvius Iulianus đã phác thảo một hình thức tiêu chuẩn của sắc lệnh. Sắc lệnh này bao gồm các mô tả chi tiết, cho phép một hành động pháp lý và biện pháp bảo vệ hành động pháp lý đó. Do đó, sắc lệnh tiêu chuẩn có chức năng như một bộ luật toàn diện, có vai trò chỉ ra các cơ sở cho một yêu cầu pháp lý thành công. Một thành công nữa là Rome đã đem những lễ thói cũng như luật pháp áp dụng cho các tỉnh và hầu hết đều được thực thi nghiêm túc. Trong quân đội, người lính đặc biệt tuân thủ kỷ luật và tôn trọng luật pháp. Theodoric của Ostrogoths (trị vì 475 - 526) đánh giá cao luật pháp Rome và xây dựng chế độ mới trên nền tảng của Rome với lời khuyên: *“Đừng ghét sự cai trị của luật pháp vì đối với các người nó rất mới, sau những phần uất không chủ đích của tính cách man rợ [49; tr.56].*

Có thể nói, hiến pháp và luật Rome tạo thành khuôn khổ cơ bản cho hệ thống luật pháp không những phục vụ cho sự cầm quyền của Đế quốc mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến sự kiến thiết các thể chế trong bộ máy chính trị được xây dựng, hoàn thiện nhất là thời kỳ từ 27 TCN đến năm 192.

2.2. Sơ lược về thể chế chính trị của Rome trước năm 27 TCN

2.2.1. Các thời kỳ lịch sử của Rome

Cùng với nền văn minh lớn là Hy Lạp, lịch sử phương Tây cổ đại còn là lịch sử của một chủ thể lớn nhất và hùng mạnh nhất trong lịch sử vùng Địa Trung Hải cổ đại.

Đó là lịch sử của Rome với những hoạt động chính trị, quân sự rầm rộ nhất suốt trong thời gian tồn tại và bành trướng.

Sau khi làm chủ bán đảo Italia, Rome còn xâm chiếm bên ngoài lập thành một đế quốc rộng lớn bao gồm đất đai của ba châu Âu, Á, Phi nằm bao quanh Địa Trung Hải.

Lịch sử Rome cổ đại có thể chia thành ba thời kỳ lớn là thời kỳ Vương chính, thời kỳ Cộng hòa và thời kỳ Quân chủ.

Thời kỳ Vương chính (753 TCN- 510 TCN)

Thời kỳ này còn gọi là thời sơ sử của Rome. Theo truyền thuyết², năm 753 TCN người dân ở đồng bằng Latium đã dựng nên một toà thành bên bờ sông Tiber, họ đã lấy tên người đứng đầu là Romulus để đặt cho toà thành đó, vì vậy có tên là Rome³. Tác giả Chiêm Tế cho rằng: *“Người Rome ở thời đại của những người mệnh danh là “vua” - gọi là thời đại vương chính - hình thức một chế độ dân chủ quân sự dựa trên cơ sở thị tộc, bào tộc và bộ lạc”* [53; tr.142]. Giai đoạn 753 - 510 TCN, đứng đầu nhà nước là vua (Rex), dưới vua có Viện Nguyên lão và Đại hội nhân dân. Thời kỳ Vương chính đặt nền móng cho sự ra đời của đế quốc Rome vùng lãnh thổ chủ yếu là Italia.

Thời kỳ Cộng hòa (510 TCN - 27 TCN)

Vào khoảng năm 510 TCN, người Rome nổi dậy khởi nghĩa lật đổ những vị Rex ngoại bang kiêu ngạo. Từ đó chính quyền thành việc của dân (res publica⁴), do vậy chế độ nhà nước mới gọi là Res publica, tức là chế độ cộng hòa. Bộ máy nhà nước thời kỳ này gồm Viện Nguyên lão và Đại hội nhân dân là hai cơ quan chấp chính có quyền ngang nhau, nhiệm kỳ là một năm. Tuy chế độ cộng hòa đã được thiết lập

² Theo truyền thuyết về thành Rome, vị vua Numitor đã bị người em trai của mình đoạt ngôi và cô con gái của ông là Rhea Silvia bị buộc trở thành trinh nữ để không thể sinh con. Nhưng Rhea Silvia lại mang thai với con của thần Mars (thần chiến tranh). Khi cặp trẻ bị phát hiện, công chúa bị giam. Hai đứa trẻ bị thả xuống dòng sông Tiber vì người ta lo ngại rằng sau này chúng sẽ cướp ngôi báu. May mắn là 2 anh em đã cặp bờ sông sót và được một con sói cái cho bú cho đến khi chúng được một người chăn cừu cứu mang.

Khi biết được câu chuyện quá khứ của mình, 2 anh em đã giết kẻ chiếm ngôi Amulus, khôi phục lại ngôi vị cho Numitor và trở lại nơi được con sói nuôi dưỡng để xây dựng một thành phố. Vào thế kỷ thứ 8 TCN, người anh Romulus đã cho xây thành Rome với biểu tượng là chó sói. Romulus trở thành vị vua đầu tiên của Rome.

³ Có thể Rome là từ chiết âm từ Rumon hoặc Rumen, tên cổ xưa của Tiber, mà lần lượt có cùng một gốc như với động từ Hy Lạp (rheo) và động từ Latin Ruo, cả hai đều có nghĩa là "dòng chảy". Hoặc từ ómup từ tiếng Hy Lạp (rhōmē), có nghĩa là sức mạnh. (Xem thêm Claudio Rendina, *Roma ieri, oggi, domani*, Newton Compton, Roma, 2007, pg. 17).

Một sự lí giải khác là ở một đoạn văn do nhà thơ Stesichorus người Graeco-Sicilian viết không lâu sau khi thành Rome ra đời cho thấy Rome được lấy tên từ một phụ nữ thành Troa tên là Rome. Stesichorus (638-555 trước Công nguyên) đã miêu tả Rome cùng đoàn tùy tùng chạy trốn khỏi thành Troa bị tàn phá bởi chiến tranh. Họ đã đến một mảnh đất xinh đẹp và Rome yêu thích mảnh đất này đến nỗi nàng lập mưu cùng những người đàn bà khác đốt hết tàu thuyền buộc đoàn quân phải ở lại. Nhưng đoàn quân cũng vui mừng với điều đó và quyết định lấy tên Rome đặt cho thành phố (*Discovery.com*)

⁴ Tiếng Latin, nghĩa tiếng Anh sau này republic. Res publica dùng để chỉ toàn bộ lãnh thổ đế quốc như một cộng đồng thịnh vượng chung, cụm từ này có thể dùng cho cả thời kỳ Cộng hòa và thời kỳ Đế quốc.

nhưng sự cách biệt giữa quý tộc và bình dân vẫn rất lớn. Nói về chế độ Cộng hòa, F.Engels nhận định: *“...trước khi xóa bỏ cái gọi là vương quyền, thì cái trật tự xã hội cũ - dựa trên quan hệ huyết thống giữa các cá nhân - đã bị phá bỏ, thay vào đó là một thể chế Nhà nước mới mẻ và hoàn chỉnh, dựa trên sự phân chia địa phương và sự chênh lệch về tài sản. Ở đây, quyền lực đó được tập trung vào tay những công dân được làm nghĩa vụ quân sự; để chống lại không chỉ nô lệ, mà cả những người gọi là “vô sản”, tức là những người không được làm nghĩa vụ quân sự và không có vũ trang”*. [17; chương VII].

Vì vậy bình dân đã đấu tranh với quý tộc trong hai trăm năm để đòi giải quyết các yêu cầu của họ. Kết quả, bình dân đã được thỏa mãn các yêu cầu như bình dân được cử quan Bảo dân để bênh vực quyền lợi cho mình, được chia ruộng đất, được kết hôn với quý tộc, được làm quan chấp chính, bình dân nếu phá sản cũng không biến thành nô lệ v.v... Thắng lợi của bình dân đã làm cho chế độ cộng hòa quý tộc của Rome được dân chủ hóa thêm một bước so với trước.

Từ thế kỷ I TCN, chế độ cộng hòa ở Rome dần dần bị chế độ độc tài thay thế. Người giành được quyền độc tài đầu tiên là Sulla. Năm 82 TCN, Sulla tuyên bố làm độc tài suốt đời nhưng đến năm 79 TCN vì ốm nặng phải từ chức và đến năm 78 TCN thì chết.

Đến thế kỷ II TCN, chế độ Cộng hòa bắt đầu có những biểu hiện của sự khủng hoảng. Rome khó có thể đạt tới sự bình đẳng về chính trị, cùng với đó là người dân sống trong những thái cực khác nhau, thậm chí xung đột về tư tưởng và quyền lợi. 95% dân số sống vật vờ dưới mức sống bình thường. Như bức tranh sau đây của Tiberius Gracchus nhận định về những người lính: *“Những con thú hoang trên đất Italia còn có tổ để mà về. Thế mà những người lính chiến đấu và chết vì tổ quốc thì phải chịu cảnh màn trời chiếu đất, số phận buộc họ lang thang cùng con cái trong cảnh không nhà không cửa trên khắp mặt đất”* [35; tr.50].

Và tiếp đó, ông đã khởi xướng những xu thế cải cách để khiến nền chính trị của Rome được vững vàng và bình đẳng hơn. Năm 133 TCN, Tiberius Gracchus⁵, sau khi được bầu làm quan bảo dân, thuyết phục Hội đồng lập pháp ban hành luật hạn chế số

⁵Là người dòng họ Gracchan, ông đại diện cho nhóm chính trị có đường lối rõ ràng gọi là nhóm Gracchi chủ yếu là phát ngôn viên đại diện cho số nông dân không ruộng công lại giới quý tộc nguyên lão, nhưng họ cũng được sự ủng hộ của tầng lớp trung lưu.

lượng đất thuộc quyền sở hữu của cá nhân chỉ ở mức 310a và quy định phần đất vượt quá con số đó phải giao lại cho thành bang, để cho công dân nghèo thuê với mức tô danh nghĩa. Trước khi luật có hiệu lực, nhiệm kỳ làm quan bảo dân của Tiberius kết thúc. Ngay sau đó, ông quyết định phải ra tái cử, bất chấp nhiệm kỳ của quan hành chính địa phương chỉ là một năm theo quy định trong hiến pháp. Động thái bất hợp pháp này giúp cho các nguyên lão có lý do đàn áp bằng vũ lực. Cuộc bầu cử đi kèm với các cuộc nổi dậy trong đó Tiberius và 300 người theo ông bị khách hàng và nô lệ của giới quý tộc giết chết.

Chín năm sau, Gaius Gracchus, em trai của Tiberius tiếp tục cuộc đấu tranh giành trật tự cho những người bị thiệt thòi quyền lợi. Được bầu làm quan bảo dân năm 123 TCN, ông thuyết phục để ban hành luật cung cấp ngũ cốc hàng tháng cho người dân thành phố chỉ bằng một nửa giá thị trường. Kế đến ông chuẩn bị cuộc công kích nhắm vào quyền lực của Viện Nguyên lão, nhưng ông thất bại trong lần ra tái cử chức quan bảo dân năm 121 và bị liệt vào danh sách kẻ thù của Rome. Khi ông từ chối ra trình diện trước tòa của Viện Nguyên lão, thì Viện Nguyên lão tuyên bố tình trạng chiến tranh để chống lại ông. Sau khi những người theo ông bị đánh tan tác, Gaius yêu cầu một nô lệ trung thành hãy giết mình. Sau đó, 3.000 người trung thành với ông đều bị xử tử [7; tr.210]. Ý nghĩa chính trong vụ Gracchus được tìm thấy trong mức độ minh họa sự bất lực chính trị của Rome, và sự nguy hiểm từ chủ nghĩa bảo thủ thiên cận của họ. Crane Brinton, John B. Christopher nhận xét rằng: *“Dù sao thì sự tranh chấp giữa đường lối cải tổ của họ và đường lối bảo thủ của Thượng Viện cũng đã đưa Rome tới độc tài chuyên chế”* [6; tr.69].

Như vậy, những cố gắng của họ đã tạo tiền đề cho những cuộc cải cách có tính quy mô sau này, để xây dựng đế quốc Rome hưng thịnh.

Sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa Spartacus, ở Rome xuất hiện chính quyền tay ba lần thứ nhất. Đó là Crassus, Pompey và Caesar. Năm 54 TCN, Crassus bị tử trận trong khi đánh nhau ở phương Đông. Năm 49 TCN, Caesar bất chấp lệnh của Viện Nguyên lão phải trở về Rome và từ bỏ quyền chỉ huy quân sự. Tuy nhiên, ông đã đem quân vượt sông Rubicon và chỉ vài tuần sau thống trị cả Italia. Ông tự xưng là dictator perpetuo, nghĩa là quan độc tài trọn đời. Năm 48 TCN, Pompey tìm cách trừ khử Caesar để độc chiếm chính quyền nhưng bị thất bại phải chạy sang phía Đông. Caesar truy kích Pompey tận Ai Cập. Tại đây, ông giúp công chúa Cleopatra giành được ngôi

vua, do đó ông ở lại trong cung đình Ai Cập hơn nửa năm. Năm 45 TCN, sau khi đánh bại mọi thế lực chống đối ở phương Đông, Caesar kéo đoàn quân chiến thắng trở về và trở thành người đứng đầu nhà nước Rome, nhưng đến năm 44 TCN thì bị ám sát.

Sau khi Caesar chết ít lâu, năm 43 TCN, ở Rome lại xuất hiện chính quyền tay ba lần thứ hai. Octavius, con nuôi Caesar tham gia Liên minh tam hùng lần thứ 2 cùng với Marcus Antonius và Marcus Aemilius Lepidus. Với tư cách là một thành viên của Tam hùng, Octavius cai trị Rome và hầu như toàn bộ các vùng thuộc địa châu Âu một cách chuyên quyền, chiếm giữ cả quyền chấp chính tối cao sau khi hai chấp chính Aulus Hirtius và Gaius Vibius Pansa Caetronianus qua đời và đảm bảo khả năng tái cử bất biến của mình. Tam hùng tan rã sau khi hoàn thành mục tiêu của những kẻ lập ra nó: Lepidus bị buộc lưu vong và Antonius buộc phải tự sát sau khi bại trận tại Actium trước Octavius năm 31 TCN.



2.1. Lược đồ Đế chế Rome thời điểm bành trướng cực đại

(Nguồn <http://www.apl.com/boomerangbox/d101402.htm>)

Thời kỳ Đế chế

Năm 27 TCN, sau khi chính quyền tay ba lần thứ hai tan rã, Octavius về bên ngoài là khôi phục lại Cộng hoà Rome và hoạt động chính trị của Viện Nguyên lão nhưng thực chất mọi quyền lực tuyệt đối đều nằm trong tay ông. Ông là vị hoàng đế đầu tiên của Rome. Kết quả là thể chế này được biết đến như là đế quốc Rome. “*Nền chính trị “nguyên thủ” do Octavius khai sáng trên thực tế là sự mở đầu đế chế Rôma. Tuy ông không xưng đế, nhưng trên thực tế ông là vị Hoàng đế đầu tiên của đế quốc Rôma*” [4; tr.198].

Đế quốc này kéo dài qua nhiều triều đại và kết thúc vào năm 476. Phần phía Đông vẫn tồn tại và dần dần phát triển thành Đế chế Byzantine (476-1453). Lược đồ **trên đây** cho chúng ta thấy về sự phát triển của Rome thời kỳ này với lãnh thổ rộng lớn nhất.

Đến thời quân chủ, chế độ nô lệ ở Rome ngày càng khủng hoảng trầm trọng. Đến thế kỷ III, công thương nghiệp phát triển một thời nhanh chóng suy sụp, cư dân thành thị giảm sút, thành thị trở nên điêu tàn, mối liên hệ giữa các nơi của đế quốc không còn chặt chẽ nữa. Trong hoàn cảnh đó, do miền Đông nhờ sự liên hệ với các nước phương Đông, kinh tế còn có thể phát triển thuận lợi hơn ở miền Tây, nên năm 330, hoàng đế Constantine đã rời đô sang Constantinople ở phía Đông.

Theodosius I đi vào lịch sử như là vị hoàng đế cuối cùng thống trị một Đế quốc Rome nguyên vẹn. Sau cái chết của Theodosius vào năm 395, hai con trai của ông là Arcadius và Honorius chia nhau cai trị Đông Rome (đóng đô tại thành Constantinople) và Tây Rome (định đô tại Milan, sau đó dời đô về Ravenna). Từ đây, hai Đế quốc Rome hoạt động độc lập về mặt chính trị với các vị hoàng đế khác nhau. Sang thế kỷ V, một số bộ lạc Germania đã thành lập các vương quốc của mình trên đất đai của Tây Rome.

Đến thập kỷ 70 của thế kỷ V, đế quốc Tây Rome chỉ còn lại một vùng nhỏ bé mà ở đó, chính quyền thực tế đã nằm trong tay các tướng lĩnh người Germania. Năm 476, một viên tướng người Germania là Odoacer nổi dậy làm chính biến lật đổ hoàng đế cuối cùng của Tây Rome là Romulus Augustus. Đế chế Tây Rome diệt vong ở đây. Về danh nghĩa thì Odoacer là chư hầu của Đông Rome nhưng thực tế thì chính ông mới là người trị vì Italia. Trên đất đai cũ của Tây Rome, ba vương quốc mới dần được thành lập gồm vương quốc Ostrogoth, vương quốc Lombard và vương quốc Frank. Còn đế quốc Byzantine thì vẫn tiếp tục tồn tại và đi dần vào con đường phong kiến hóa cho đến năm 1453 thì bị đế quốc Ottoman tiêu diệt.

2.1.2. Thể chế chính trị của Rome trước năm 27 TCN

Thời kỳ Vương chính

Ngoài vương quyền ra, sự cai trị của người Rome trong thời điểm này còn có Đại hội nhân dân và Viện Nguyên lão. Đại hội nhân dân xưa nhất của Rome gọi là Đại hội Curi (Comitia curiata). Đại hội quy định công dân nam giới thuộc ba bộ lạc ở Rome đều có quyền tham gia Đại hội; người thuộc bộ lạc, thị tộc nào thì tập hợp theo bộ lạc,

thị tộc ấy để khai hội. Để biểu quyết cho một vấn đề gì, 30 curi đều có quyền bỏ mỗi curi một lá phiếu. Đại hội có quyền thông qua hoặc bác bỏ những đạo luật do Viện Nguyên lão thảo ra. Đại hội bầu ra “vua” cũng như các quan chức cao cấp. Đại hội coi như là một toà án tối cao [16]. Ngoài ra, tổ chức này còn quyết định về xử án và liệu có nên tuyên chiến xâm lược hay không. Nhưng điều cơ bản là tổ chức này là một tổ chức phê chuẩn, không có quyền đề xuất việc ban hành luật pháp hoặc đề nghị thay đổi chính sách.

Kế đến là Viện Nguyên lão (Hội đồng các bô lão) gồm có những thủ lĩnh của 300 thị tộc. Mỗi thị tộc cử ra một vị bô lão của mình tham gia. Viện Nguyên lão có quyền quyết định trong nhiều công việc và quyền được thảo luận trước về những đạo luật mới. Những nghị viên của Viện Nguyên lão thường là những người xuất thân ở những gia đình quý tộc Rome có thế lực (patrici). Về sau, quyền lực của Viện Nguyên lão dần dần lớn mạnh, trở thành cơ quan quyền lực trọng yếu nhất của nhà nước Rome [53; tr.141].

Viện Nguyên lão với các thành viên là người đứng đầu nhiều thị tộc khác nhau hình thành cộng đồng. Thậm chí còn hơn cả công dân thông thường, những người cai trị thị tộc là hiện thân cho quyền lực tối cao của các đơn vị hành chính trực thuộc Rome.

Nhà vua là thành viên duy nhất trong số họ, người được họ giao phó quyền chủ động sử dụng quyền bính. Khi ngai vàng chưa có người kế vị, thì quyền lực của nhà vua ngay lập tức chuyển cho Viện Nguyên lão cho đến khi sự lên ngôi của một vị Rex mới được thần dân chấp nhận. Lúc bình thường, chức năng chủ yếu của Viện Nguyên lão là xem xét các đề xuất của nhà vua, đề xuất này đã được hội đồng lập pháp phê chuẩn và phủ quyết nếu như vi phạm quyền do tập quán xưa xa hình thành. Vì thế hầu như không thể tạo ra được sự thay đổi cơ bản trong luật pháp khi đa số thành viên chưa sẵn sàng phê chuẩn. Thái độ bảo thủ cực đoan này của các giai cấp thống trị tồn tại dai dẳng cho đến khi lịch sử Rome kết thúc.

Bàn về nhà nước Rome, tác giả Chiêm Tế viết: *“Nhà nước Rome vừa ra đời, đã mang tính chất hai mặt. Một mặt, đó là nhà nước thống nhất, tổ chức theo hình thức cộng hoà, trong đó quyền dân chủ của nhân dân Rome được đảm bảo ở một mức độ nhất định, tạo điều kiện cho Rome phát triển mạnh mẽ chế độ chiếm hữu nô lệ. Nhưng mặt khác, nhà nước đó thực chất là nhà nước cộng hoà quý tộc, trong đó quyền hành*

tập trung vào tay giai cấp quý tộc Rome; sự cách biệt giữa các tầng lớp trong xã hội” [53; tr.148].

Nhận định trên đã bao quát được những đặc điểm chính của nhà nước Rome, thể hiện tính chất hai mặt của một chế độ chính trị dân chủ chủ nô, trong đó quyền lực nằm trong tay tầng lớp quý tộc chủ nô, các tầng lớp khác chỉ mang tính đại diện để xoa dịu các mâu thuẫn trong xã hội chiếm hữu nô lệ thời kỳ đầu.

Thời kỳ Cộng Hòa

Sau khi thoát khỏi sự cai trị của người Etruscan, dân Rome đã thề rằng họ sẽ không bao giờ sống dưới sự cai trị của một ông vua và họ đã tìm ra giải pháp [5]. Mọi vấn đề của Rome sẽ do mọi người quyết định, các công dân sẽ bầu cử và Rome sẽ trở thành một nước Cộng hòa. Sự ra đời của nền Cộng hòa đã tạo một bước ngoặt lớn và một vị trí quan trọng trong lịch sử của Rome và thế giới. Những chữ viết tắt SPQR là biểu ngữ của nền Cộng hòa, là hội đồng nguyên lão và nhân dân thành Rome. Nó là chữ viết tắt của tiếng Latin *Senatus populus Que Romanus*, có nghĩa là Nguyên lão nghị viên và dân chúng Rome⁶. Nó được khắc trên nhiều bản khắc và tiền xu [35; tr.25].

Từ đó, việc cai quản không còn là việc của một ông vua nữa, họ sẽ được cai quản bởi hệ thống luật pháp và các quan chức do nhân dân bầu cử. “Vua” đã bị phế truất, chính quyền trở thành “việc của dân” và nhà nước Cộng hòa nghĩa là nhà nước của dân, chứ không phải là của “vua” nữa.

Song trong tình hình chiến tranh liên miên thời bấy giờ, “dân” đây có nghĩa là nhân dân vũ trang, tức quân đội Rome. Do đó, Đại hội Centuri là đại hội của toàn thể quân đội họp để quyết định chung về mọi vấn đề quân sự như tuyên chiến, đình chiến hoặc nghị hoà, bầu cử tướng lĩnh hàng năm và trở thành cơ quan quyền lực tối cao của nhà nước Rome.

Viện Nguyên lão của nền cộng hòa Rome là cơ quan có quyền lực rất to lớn. Các nguyên lão nghị viên là những quý tộc giàu sang, có thế lực, từng nắm giữ các chức quan cao cấp. Số lượng ban đầu của Viện Nguyên lão là 300 người đại diện cho 300 thị tộc (*patres familias*) [36; tr.110]. Dù thế, để củng cố địa vị của mình, Caesar đã tiến hành nhiều thay đổi chính trị và xã hội quan trọng. Ông cho tăng số nghị viên Viện Nguyên lão từ 300 lên 900 người có thế lực ở Italia cũng như ở cả các tỉnh, thuộc

⁶Tiếng Anh là “*The Senate and the Roman People*” hay “*The Senate and the People of Rome*”

phe cánh của mình [53; tr.202].

Viện có quyền phê chuẩn các chức quan cao cấp mới được bầu ra, quản lý tài sản quốc gia, chỉ đạo thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại và trông coi các công việc tôn giáo. Viện Nguyên lão nắm khá nhiều đầu mối công việc quốc gia trong thực tế. Điều đặc biệt là các thành viên của Viện Nguyên lão giai đoạn đầu hầu như không ăn lương nhưng lại rất tích cực trong việc bảo vệ những giá trị truyền thống của Rome.

Theo thể chế cộng hòa Rome, quyền lực cao nhất được những tập thể đại hội và Viện Nguyên lão nắm giữ. Ngoài ra là các chức vị quan lại có khá nhiều [36; tr.110-113].

Đứng đầu nhà nước là hai vị quan chấp chính (consul), hai người được nhiều phiếu bầu nhất. Từ đó, hai vị này sẽ buộc phải thỏa thuận với nhau về mọi vấn đề và họ được bầu cử hàng năm để không ai nắm quyền lực quá lâu. Hai quan chấp chính có quyền hành cao nhất và ngang nhau: là tổng chỉ huy quân đội, triệu tập đại hội Viện Nguyên lão, Đại hội nhân dân, chỉ đạo thực hiện các quyết nghị của hai cơ quan này. Nhận định về một vị chấp chính quan đúng nghĩa, Cicero cho rằng: *“Một vị chấp chính quan đảm đương công việc của mình không chỉ thấy bốn phận phải làm trong hiện tại mà còn phải nhìn ra bốn phận phải hoàn thành trong tương lai”* [11; tr.152]. Gặp lúc quan chấp chính được cử làm quan độc tài (dictator) có toàn quyền quyết định tối hậu về mọi việc nhưng chỉ trong thời hạn, thường là 6 tháng.

Các chức quan khác là: tư pháp, giám sát, ngân khố... là những chức quan theo nhiệm kỳ do công dân Rome bầu ra. Riêng các chức quan độc tài, nhiếp chính và trưởng quan kỵ binh không phải do bầu mà do Viện Nguyên lão cử trong trường hợp quốc gia lâm nguy. Quan độc tài được cử trong hai quan nhiếp chính. Lúc đó, quan độc tài (dictator) có quyền tuyệt đối, viên quan khác bị xóa bỏ, sẽ lập lại sau 6 tháng. Trong bộ máy nhà nước Rome, các tầng lớp cao cấp cũng có vai trò không nhỏ.

Dưới thời Caesar, chế độ hành chính ở các địa phương cũng được cải tổ lại. Caesar mở rộng quyền công dân Rome (latinitas) cho dân tự do ở nhiều tỉnh như: Gaul, Tây Ban Nha,... Quý tộc địa phương được hưởng một số đặc quyền, đặc lợi. Caesar đã cho lập đất thực dân ở các tỉnh, cho di cư đến đó hàng chục vạn cựu chiến binh và dân nghèo, ban bố nhiều đạo luật nhằm hạn chế hành vi lạm quyền của các thống đốc Rome ở các tỉnh. Chỗ dựa chủ yếu của Caesar là quân đội. Quân đội đã giúp cho Caesar đánh bại đối thủ của mình; đã đưa ông lên ngôi vị độc tài. Cho nên không

những Caesar đã ban thưởng nhiều chiến lợi phẩm cho binh sĩ mà còn chú ý giải quyết yêu cầu về ruộng đất cho họ nữa.

Một trường hợp khác là Cicero (106 - 43 TCN). Trong thời kỳ làm việc trong bộ máy nhà nước cuối thời Cộng hòa, Cicero bị thúc đẩy bởi một mục tiêu lý tưởng: sự hòa hợp quốc gia, sự hòa hợp giai cấp mà ông gọi là *Conncordia Ordinum*. Tiến trình hòa hợp này được bao hàm những người được ban quyền công dân Rome, nhưng quan trọng hơn là sự hợp nhất giữa các Nguyên lão nghị viên và các kỵ sĩ (equites), chỉ xếp sau các Nguyên lão về tài sản. Ông cũng phê phán tầng lớp quý tộc chủ nô là nền tảng quốc gia nhưng không thực hiện tốt vai trò của họ. Tinh thần phê phán và đổi mới của ông đã ảnh hưởng trực tiếp tới sơ kỳ Đế chế và các thời kỳ sau đó.

Chế độ cộng hòa của Rome là một thử nghiệm về một chính quyền chung, kế thừa và học hỏi nền cộng hòa của các thành bang Hy Lạp. Chế độ này đảm bảo những người giàu và nghèo ở một mức độ nào đó có thể chia sẻ được quyền lực. Người giàu thì trở thành các nhà lãnh đạo, còn kẻ nghèo thì trở thành binh lính và có quyền góp ý về cách điều hành chính quyền. Họ ý thức được việc duy trì một nhà nước cộng hòa, gặt hái những thành công là cần phải có trách nhiệm trong việc lãnh đạo, kiểu như Cincinnatus⁷.

Với việc tổ chức nhà nước như thế, tính chất quý tộc của nền cộng hòa Rome rất rõ nét. Và đó là một thể chế chính trị tiến bộ trong thời cổ đại.

2.3. Các thể chế chính trị tiêu biểu từ năm 27 TCN đến năm 192

2.3.1. Chế độ Nguyên thủ (Principate)

Hoàng đế, danh hiệu này lần đầu tiên được sử dụng như một sự tôn sùng đối với một nhà lãnh đạo quân sự của Rome cổ đại. Trong truyền thống Rome, danh hiệu này có ý nghĩa và tầm quan trọng lớn của hình thức đế quốc, của chế độ quân chủ phát triển. Thời kỳ Vương chính, vua Rome (Rex, Regis) là danh hiệu người đứng đầu nhà nước Rome cổ đại. Theo truyền thuyết thì có cả thảy 7 vị vua. Vị vua đầu tiên của Rome là Romulus, người cuối cùng là vua Tarquinius, nổi tiếng là bạo ngược đã bị dân chúng truất ngôi để lập nên nền Cộng hòa Rome.

⁷ Cincinnatus (520 TCN - 430 TCN), ông là một nhân vật chính trị của Cộng hòa La Mã, từng giữ chức chấp chính quan với nhiều chính sách tiến bộ. Ông là biểu tượng của một trong những anh hùng đầu tiên của Rome và là một tấm gương về đạo đức.

Tuy nhiên, người Rome cổ đại lại không thích cái tên Rex và sau khi Julius Caesar trở thành quan Độc tài⁸. Tiếp đến, thắng lợi của Octavius mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử Rome giai đoạn vinh quang nhất, thịnh vượng nhất xưa nay chưa từng có ở Rome. Edwar Mc Nall Burn cho rằng: *“Không giống như người chú vĩ đại của mình Octavius dường như không thích thú với các tham vọng quân chủ. Dù sao đi nữa, ông kiên quyết giữ lại hình thức nếu không nói là những điểm tinh túy trong chính quyền hợp hiến”* [7; tr.234].

Người ta đánh giá cao Augustus không phải bởi sự giành chiến thắng của ông trước các đối thủ như Mac Antony mà là nghệ thuật cai trị đất nước. Về một ý nghĩa nào đó, Augustus đã tạo ra được một chính quyền theo quy tắc chính trị: *“Cái họ cần không phải chính thể của sức mạnh, mà là một chính thể của hướng dẫn”* [32; tr.100]. Ông đã định vị lại quyền lực và nêu rõ khái niệm của nó trong đầu óc của dân chúng ở thành Rome và sau này là toàn đế quốc. Một con người hào phóng với những kẻ dưới quyền, binh lính, dân chúng và cả Viện Nguyên lão mờ mắt trước những phù hoa mà ông tạo nên. Năm 27 TCN, lần đầu tiên trong lịch sử Viện Nguyên lão ban cho Octavius cái gọi là quyền lực suốt đời, nghĩa là ông vĩnh viễn ngồi trên ngai vàng cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay. Vị hoàng đế này đã để lại nhiều thành quả cho chính thể mới, là các thể chế chính trị, kinh tế được thiết lập, mở đầu thời kỳ hoàng kim nhất của Rome.

Octavius giữ hình thức cộng hòa nhưng đồng thời cải tổ chính quyền theo đường hướng Caesar đã vạch ra. *“Ông gọi mình là người đã phục hồi “cộng Hòa Rome”, tránh lờ loẹt trong đời sống tư của mình, và bao giờ cũng nói rằng danh hiệu ông thích nhất là “đệ nhất công dân”* [6; tr.72]. Nhưng lịch sử gọi Octavius là “Augustus” và xem ông và những người kế vị là Đại Đế.

Ông chấp nhận các danh hiệu Augustus và Imperator do Viện Nguyên lão và quân đội đề xuất với ông. Danh hiệu Augustus biểu thị nghĩa “thánh hóa” và ngụ ý rằng người mang danh hiệu này được thánh thần ban cho nhiều đặc ân. Danh hiệu sẽ trở thành một phần cái tên của ông và được chúng ta biết đến ngày nay. Với quyền lực là người đứng đầu tôn giáo, xã hội và quân sự một cách hợp pháp với Viện Nguyên lão hoạt động như một cơ quan cố vấn, Augustus đã thực sự là một hoàng đế. Bàn về vấn

⁸ Lúc bấy giờ Độc tài là một chức quan của nền Cộng hòa Rome và bản thân Caesar cũng không phải là người đầu tiên giữ nó.

đề này, nhà sử học Lương Ninh có nhận định: “*Tuy không tự xưng là Hoàng đế, nhưng trong thực tế, Octavius đã nắm trong tay những quyền hạn của một ông Hoàng thực thụ: tổng chỉ huy quân sự (Imperator), quan chấp chính và quan bảo dân vĩnh viễn, tổng giáo chủ toàn Italia... Viện Nguyên lão còn suy tôn ông là “quốc phụ”, nghĩa là người cha của đất nước*” [42; tr.228]. Sự kết hợp vương quyền và thần quyền này trong những danh xưng đề tôn lên vị trí của người đứng đầu nhà nước Rome bước đầu thể hiện sự quân chủ chuyên chế sơ khai.

Rome đã đạt được những vinh quang to lớn dưới thời Augustus. Ông lập lại hòa bình sau 100 năm nội chiến, duy trì một chính phủ hiệu lực và hệ thống tiền tệ lành mạnh, kéo dài các tuyến đường nối Rome với các miền đất trải rộng bao la của nó. Augustus đã cai trị đế quốc bằng phương thức: “*Thông qua chiến tranh, pháp luật, chính trị và sự tuyên truyền ảnh hưởng, tôi tin rằng hành động của Augustus ngay từ đầu phản ánh một chương trình rõ ràng để làm cho đế chế Rome trở thành quốc gia hùng mạnh và an toàn nhất mà nó có thể và ông không chỉ làm việc cho tham vọng cá nhân*” [70; tr.4].

Ông nắm giữ các chức vụ quan thống đốc và quan bảo dân vĩnh viễn, nhưng ông từ chối không muốn trở thành nhà độc tài hay thậm chí trở thành quan tổng tài suốt đời, mặc dù dân chúng muốn ông như thế. Danh hiệu mà ông thích hơn là Princeps (nguyên thủ, hay Công dân số 1 của nhà nước), theo nghĩa đầy đủ là “the first of the Roman citizens” (latin: princeps civium Romanorum). Lý do của sự chọn lựa có ý đồ này là “*Chính trong tinh thần bảo vệ truyền thống lập hiến, Augustus đã không tạo cho mình chính thể mới, nơi sẽ trao cho ông quyền hạn tương tự cũng như không chấp nhận bất kỳ vị trí nào có thể mang lại cho ông quyền lực chuyên quyền*” [69; tr.208]. Hình thức nguy tạo quyền lực trên một danh hiệu mới đã tỏ ra có hiệu quả, là sự tiếp nối truyền thống cộng hòa dưới hình thức mới. Vị trí Princeps có thể nói là trung tâm quyền lực của Rome.

Do đó, giai đoạn trị vì của ông và giai đoạn trị vì của những người kế nghiệp thường được gọi là Principate (chế độ nguyên thủ), hay sơ kỳ Đế chế, phân biệt với thời kỳ Cộng hòa (thế kỷ 6 TCN đến năm 27 TCN) và hậu kỳ Đế chế (284 đến 476).

Về sau, những hoàng đế khác xem danh hiệu của mình là một chức trách của nguyên thủ (Princeps) - công dân số 1, đồng thời là tổng chỉ huy quân đội, phán quan tối cao và trong nhiều trường hợp là cả vai trò chủ tế hay đại giáo chủ trong tôn giáo.

Với ý định luôn luôn là người đứng đầu cao nhất, nhưng nó cũng có thể giảm xuống đến một danh hiệu không cần thiết cho giới quý tộc chưa bao giờ được gán “Đế chế”, họ được xem như là đương kim, là nguyên thủ. Augustus tránh đặt tên mình bất cứ điều gì mà có thể gợi nhớ đến “chế độ quân chủ” hay “chế độ độc tài”. Thay vào đó, những vị hoàng đế đầu tiên này xây dựng cung điện, quyền lực của họ như là một bộ sưu tập phức tạp của cơ quan, chức danh, và danh dự, được hợp nhất xung quanh một người duy nhất và người thân gần gũi.

Sau này, hoàng đế Rome là danh hiệu mà giới sử học dùng để gọi những người cai trị Rome trong thời kỳ Đế chế. Về mặt từ nguyên, từ “hoàng đế” bắt nguồn từ danh hiệu “Imperator” trong tiếng Latin, có nghĩa là “ra lệnh và ra lệnh”, sau hiểu thành “người cai trị đế chế”. Sau này, tiếng Anh kế thừa bằng từ Emperor, tiếng Pháp là Empereur.

Mặt khác, ngay chính người Rome không dùng chính xác một từ cụ thể để chỉ danh hiệu này. Có những từ được dùng là Imperator, Augustus, Caesar và Princeps đều có nghĩa tương đương với hoàng đế. Nói chung, dù mang danh hiệu nào thì hoàng đế Rome cũng là nhà lãnh đạo tối cao của Rome và nắm trong tay quân đội.

Không có sự thế tập quyền kế vị cha truyền con nối đối với chức Princeps (nguyên thủ). “*Mặc dù Princeps hầu như là người chuyên quyền, quyền bính ông ta nắm giữ là quyền bính của Viện Nguyên lão và người dân Rome, ông ta không có quyền cai trị thừa kế như con cháu của nhà vua*” [7; tr.217]. Điều này có tính điển hình đối với chế độ hoàng đế, nhờ vậy mà giai đoạn đầu Rome đã chọn cho mình những hoàng đế tài năng.

Các hoàng đế Rome thường sử dụng một số danh hiệu sau cái tên của mình. Dưới đây, chúng tôi xin liệt kê một vài danh hiệu thường gặp (xem chú thích)⁹.

⁹ *Danh hiệu Caesar:*

Danh hiệu này bắt nguồn từ tên riêng của Julius Caesar là Caesar. Bắt đầu từ triều đại của Vespasianus, thuật ngữ Caesar đã phát triển từ một tên gia đình thành một tiêu đề chính thức. Tên riêng này từ đó đã được thông qua bởi tất cả các hoàng đế Rome, độc quyền bởi vua cầm quyền sau khi triều Julius-Claudius chấm dứt. Trong truyền thống này, Julius Caesar đôi khi được xem như là “Caesar hoàng đế”.

Danh hiệu Augustus:

Danh hiệu cao quý đầu tiên ban cho Hoàng đế Augustus. Sau ông, hầu hết các hoàng đế Rome đều được thêm cái tên này vào tên của họ với một giá trị tượng trưng. Augustus cũng đã cấp danh hiệu cao quý phiên bản cho nữ như sự kính cẩn (Augusta) với vợ của mình. Kể từ khi chưa có danh hiệu Hoàng hậu nào, phụ nữ của triều đại trị vì được cung cấp cho danh hiệu cao quý này là mục tiêu cao nhất có thể đạt được. Tuy nhiên rất ít người được cấp danh hiệu này và chắc chắn không phải là một quy luật dành cho tất cả các bà vợ của hoàng đế Rome.

Danh hiệu Imperator:

Về hình thức, các hoàng đế Rome ban đầu tránh bất kỳ loại buổi lễ và biểu chương khác với những gì là bình thường trong nền cộng hòa. Sự thay đổi duy nhất là màu sắc chiếc áo choàng của họ được quy định là màu tía. Màu tía là màu sắc của quyền lực, phần lớn được dùng làm áo choàng cho hoàng đế. Trước đây, các Nguyên lão nghị viên mặc áo màu tía. Đến thời kỳ Đế chế, bất cứ ai mặc áo tía đều mắc tội phản nghịch, chỉ có hoàng đế mới có quyền ấy.

Các hoàng đế không mang vương miện bằng vàng vì họ không muốn dân chúng nghĩ họ là vua chúa. Nhưng họ thường mang vòng nguyệt quế để làm biểu tượng cho thắng lợi và sức mạnh quân sự. Sau mỗi cuộc chinh phạt, vòng nguyệt quế được sử dụng với ý nghĩa của sự chiến thắng. Riêng lá nguyệt quế thì từ lâu lại được dùng làm mũ đội cho các tướng lĩnh Rome chiến thắng [22; tr.10].

Để nắm được vương quyền trước hết phải có được quyền lực quân sự. Octavius xác lập được vị trí lịch sử của mình sau khi thắng trận, kết thúc nội chiến và nắm trong tay gần như quyền lực quân đội. *“Sau chiến thắng Actium¹⁰, vận mệnh của thế giới La Mã nằm trong tay Octavius. Kẻ chinh phạt nắm trong tay 40 quân đoàn kỳ cựu, ý thức được sức mạnh của chính họ, cũng như sự yếu kém của hiến pháp, đã quen dần với bao nhiêu cảnh đổ máu và bạo lực suốt hai mươi năm nội chiến, và rồi hết lòng cống hiến cho dòng họ Caesar, nơi mà họ nhận được và mong chờ những phần thưởng hậu hĩnh nhất* [76; tr.57]. Một tướng lĩnh thắng trận trong những cuộc chiến không ngừng ở các tỉnh thường tổ chức tại Rome một lễ “khải hoàn” vĩ đại, với một cuộc diễu hành của đoàn quân chiến thắng, mang theo tù binh và chiến lợi phẩm làm cho dân chúng lóa mắt. Quân đội được tướng lĩnh ban thưởng rộng rãi chỉ biết trung thành với họ,

Trong Cộng hòa Rome, Imperator có nghĩa là tướng lĩnh, chỉ huy quân đội. Vào cuối nền Cộng hòa, Imperator là một danh hiệu được ban cho các tướng lĩnh bởi quân đội Rome và Viện Nguyên lão sau khi họ giành được một thắng lợi lớn. Danh hiệu này lúc đầu tương đương với nguyên soái, chỉ huy toàn bộ quân đội. Vào năm 15, Germanicus tự xưng Imperator trong thời cai trị của người cha nuôi của ông ta là Tiberius.

Sau này Imperator đã trở thành một danh hiệu dành riêng cho vua cầm quyền. Điều này dẫn đến nghĩa Hoàng đế trong tiếng Anh, “Empereur” trong tiếng Pháp và “Mbreti” trong tiếng Albanian. Danh hiệu Imperatrix cũng dành cho nữ trong tiếng Latin.

Bên cạnh đó còn một số danh hiệu để chỉ hoàng đế Rome như: Autokratōr, Basileus...

Autokratōr là một bản dịch của từ Imperator (Latin) trong phiên âm tiếng Hy Lạp. Với người Hy Lạp, Autokratōr thường có nghĩa là độc tài.

Basileus không được sử dụng độc quyền trong ý nghĩa của “hoàng đế”, nhưng lại là một từ chính thức chỉ Hoàng đế ở phía Đông, nói tiếng Hy Lạp.

¹⁰ Trận chiến Actium diễn ra vào năm 31 TCN, là trận chiến có ý nghĩa quyết định trong cuộc nội chiến thời Cộng hòa, là cuộc đối đầu giữa một bên là Octavius (tức Augustus), bên kia là Marcus Antonius và nữ hoàng Cleopatra. Octavius chiến thắng, củng cố quyền lực trên toàn đế chế song vẫn núp dưới danh nghĩa của nền cộng hòa.

thay vì trung thành với chính quyền. Một trong những bí quyết thành công trên chính trường Rome là phải lập được nhiều thành tích chiến trận.

Tiếp đến, tiền bạc và sự phóng khoáng là một trong những điều kiện để duy trì quyền lực của Augustus. *“Ông là người giàu có nhất tại Rome, giàu đến nỗi ông trả lương binh sĩ và phát bánh cho dân nghèo với tiền riêng của mình”* [6; tr.73].

Augustus còn nhận được sự ngưỡng mộ của dân chúng khi ông bỏ tiền ra tu bổ hệ thống nước tại Rome và xây cất những dinh thự nguy nga. Điều mà trước đây các vị chấp chính quan, các nhà độc tài hầu như không làm được. Các vị hoàng đế sau này phần lớn là những kẻ giàu có, những đại điền chủ, chủ nô, quý tộc được bao quanh bằng khối tài sản khổng lồ để làm những gì họ muốn. Vì thế, Augustus tự hào rằng: *“Tôi tiếp nhận một tòa thành xây bằng gạch nhưng tôi đã để lại một tòa thành xây bằng đá hoa cương”* [50; tr.39].

Vương quyền của hoàng đế, về mặt hình thức cũng cần hiểu rằng, Rome duy trì chế độ cộng hoà ngay cả trong thời kỳ đế chế, tức là vẫn duy trì hình thức dân chủ chủ nô của Viện Nguyên Lão. Trong đó, hoàng đế chỉ là một nguyên thủ (*princeps*), *“người cao nhất trong hàng ngũ các vị Nguyên Lão”* [58; tr.114]. Bản chất của quyền lực có thể không thay đổi nhiều, nhưng biểu hiện bên ngoài và nền tảng ý thức hệ đã biến đổi. *Princeps* được hợp thức hoá thông qua cuộc bầu cử ở Viện Nguyên lão.

Những nguyên do để Augustus lựa chọn chế độ quyền lực này vì do ông hiểu nền chính trị Rome luôn có quan điểm trái chiều với nền quân chủ. Lý do là nơi đây có truyền thống của nền Cộng hòa ngự trị hàng thế kỷ. Vị hoàng đế đầu tiên này rất thông minh khi ông tuyên bố phục hồi nền Cộng hòa cũ và chính ông là người công dân đầu tiên. Cái gọi là nền *“cộng hòa mới”* thực chất chỉ là bề ngoài, trên thực tế Augustus là vị hoàng đế đầu tiên của đế quốc Rome. Rõ ràng, Rome trở thành một đế quốc do một người duy nhất cai trị. Cũng từ đó, quân đội giờ đây được một người duy nhất chỉ huy và Rome tiếp tục kéo dài sự yên ổn của mình thêm mấy trăm năm nữa sau gần một thế kỷ lộn xộn bởi sự mất cân bằng quyền lực, nội chiến và tha hóa.

Những vị hoàng đế Rome đầu tiên đã không cần một tên cụ thể đối với chế độ quân chủ chủ nô. Họ có cung điện, quyền hạn đầy đủ và tích lũy như vậy trong bất kỳ lĩnh vực quyền lực đến mức độ tối cao. Chính thể đó được duy trì sau khi ông mất vào năm 14 và người con nuôi là Tiberius được truyền ngôi, tiếp đó kéo dài thêm 400 năm nữa.

Vương quyền còn thể hiện bởi việc sùng bái nhà vua từ từ xuất hiện. Chẳng hạn, danh từ *Pontifex Maximus*¹¹ là đại giáo chủ, một danh phẩm tôn giáo cao của người Rome cổ đại. Vị trí này rất quan trọng nên chỉ dành cho giới quý tộc. Danh phẩm này dần dần trở thành chính trị hóa và đến thời Augustus, nó đã được gộp vào vương quyền như một sự minh chứng thêm cho quyền uy của hoàng đế. “Thánh đế” cao quý [50; tr.43]. Đây là một cố gắng làm sống lại tôn giáo Rome cổ, có lẽ như là một công cụ thúc đẩy sự ổn định chính trị. Hoàng đế Augustus cũng thấu hiểu khả năng sùng bái người cai trị. Và ông đã ra chỉ dụ ban cho cha nuôi Julius Caesar một vị trí giữa các vị thần Rome và xây dựng một đền thờ cho Julius được phong thần. Ông cũng tự xưng là Divi Filius (con trai của Julius thần thánh) [38; tr.155]. Sau này Augustus được phong thần lúc ông chết và từ đó một hành động chính trị được mọi người bắt chước cho những cái chết của các vị hoàng đế nào sau này được cho là đã cai trị giỏi. Năm 13 TCN, Augustus bầu làm tăng lữ cao nhất. Như vậy, bộ máy nhà nước và tôn giáo được định đoạt bởi cá nhân hoàng đế Augustus [36; tr.113], một sự kết hợp giữa vương quyền và thần quyền vào sơ kỳ Đế chế.

Việc sùng bái, thần thánh hóa các hoàng đế cũng bao hàm nội dung chính trị: *“Đây là nỗ lực đoàn kết các tỉnh trên cơ sở hệ tư tưởng thống nhất và nhờ đó củng cố đế quốc”* [10; tr.146]. Chính quyền đế quốc nói riêng và người Rome nói chung, đều có xu hướng rất khoan dung cho phần lớn tôn giáo và tín ngưỡng, sao cho họ không gây bất an. Và cần phải có một tôn giáo chủ thể để chế định các tín ngưỡng đó. Vì thế, trong một nỗ lực nhằm để tăng cường lòng trung thành, các công dân của đế quốc đã được kêu gọi tham gia thờ cúng hoàng đế để tỏ lòng tôn kính đối với những vị hoàng đế (thường là đã qua đời) như là các á thần [79; tr.319-324]. Một vài hoàng đế tự mình tuyên bố là vị thần trong khi đang còn sống với hoàng đế. Từ đó, công cụ này chủ yếu là cách mà mỗi một vị hoàng đế sử dụng để kiểm chế thần dân của mình.

Augustus cũng bảo trợ việc xây dựng các đền thờ cho Rome và đền thờ các hoàng đế. Như vậy, một phần của sự hồi sinh tôn giáo là xây dựng lại hàng chục đền thờ và việc dâng lễ vật cho Thần Bản Mệnh (thần bảo vệ) của hoàng đế cũng trở thành tục lệ.

Augustus còn được cho là người bảo trợ cho các nghệ sĩ và thi nhân. Ông được phong thánh sau khi chết. Hiện tượng này được lặp lại và sau đó hầu hết các vị hoàng

¹¹ *Pontifex Maximus* by Jona Lendering (Livius.org, August 21, 2011)

để sau khi chết đều được công bố là đã trở thành thần và đền thờ được cất lên để thờ cúng họ. Một đặc quyền không công dân Rome nào dễ dàng có được. “*Di chỉ Divus Augustus là một ngôi đền được xây dựng để kỷ niệm phong thần cho hoàng đế Rome đầu tiên, Augustus*” [72; tr.90]. Nó được xây dựng giữa đồi Palatine và Capitoline. Đó là minh chứng rõ ràng của sự thần thánh hóa các vị hoàng đế Rome. Tất cả là để tỏ lòng tôn kính đối với các hoàng đế. Từ đây, hoàng đế Rome cũng đồng thời là người chủ tể của tôn giáo, đó là sự sùng bái đầy tính chính trị nhưng được hợp pháp hóa một cách nghiêm túc. Ở một giới hạn nào đó, có thể hiểu vương quyền và thần quyền đã được kết chung làm một vào thời kỳ Đế chế. Như vậy, đây là một dấu hiệu của nền quân chủ chuyên chế thần quyền.

Tại các tỉnh phương Đông, nơi có tục lệ xem nhà vua như một vị thánh, Augustus và những người kế nghiệp được dân chúng sùng bái ngay lúc còn sống. Và vào thế kỷ thứ II, ngay tại Rome, những nghi lễ mà người phương Đông dùng cho thánh chúa cũng bắt đầu được áp dụng cho đương kim hoàng đế.

Nhiều hoàng đế không phải là người Rome, họ có thể là người các tỉnh khác, nhưng đều là những công dân Rome đầy tài năng. Sau một thời gian, đế quốc tiếp tục được củng cố với sự ổn định của bộ máy nhà nước. Các hoàng đế Rome luôn được chủ nô ở các tỉnh tôn sùng và ngược lại, giới chủ nô này ngày càng có địa vị chính trị trong bộ máy nhà nước. Chính quyền thật sự thành công cụ thống trị chung của giai cấp chủ nô toàn đế quốc. Do vậy, nhiều hoàng đế Rome không phải là người Rome. Chẳng hạn hoàng đế Trajanus (98-117), hoàng đế Hadrian (117-138) là người Tây Ban Nha...

Một số hoàng đế đã học tập tư tưởng nhân văn, áp dụng chủ nghĩa Khắc kỷ (Stoic) trong đời sống chính trị. Tư tưởng khắc kỷ được các hoàng đế học hỏi và một trong số họ đã trở thành môn đồ thâm tín, một triết gia đại diện là hoàng đế Marcus Aurelius (121 - 180). Vị Hoàng đế đã ngự bút viết tác phẩm *Suy ngẫm* (Meditations) bằng tiếng Hy Lạp để tự răn dạy chính mình. Cho đến nay, *Suy ngẫm* vẫn được tôn vinh là công trình văn chương đồ sộ viết về nhiệm vụ và phẩm hạnh của chính phủ. Và đó cũng là cách giải thích vì sao Rome vào sơ kỳ Đế chế có nhiều vị hoàng đế cai trị tốt như vậy.

Về vấn đề kế nghiệp, theo Nerva, một luật gia giải quyết thỏa đáng bằng cách chọn một người trung tín và tài ba lên kế vị, và mỗi nhà vua lại theo thông lệ ấy. Trong tám mươi hai năm với bốn triều đại liên tiếp, thông lệ ấy được noi theo. Trajan (98-

117), Hadrian (117- 138), Antonius Pius (138-161) và Marcus Aurelius (161-180) chứng tỏ rằng yếu tố khả năng tốt hơn yếu tố cha truyền con nối.

Sau này, hoàng đế Marcus Aurelius bãi bỏ thông lệ chọn người ngoài kế nghiệp, và cho con là Commodus (180-192) lên kế vị. Mặc dù là một triết gia thông thái nhưng quyết định của ông rõ là sai lầm. Commodus chỉ thích đua chiến xa và những cuộc giác đấu tại võ trường, và rốt cuộc bị ám sát. Đây là một trong những nguyên nhân tai hại khiến đế quốc Rome suy yếu.

Và chế độ này về sau bộc lộ những yếu điểm và Rousseau trong “Khế ước xã hội” đã chỉ ra mặt hạn chế của sự tập trung quyền lực vào tay hoàng đế như sau: *“La Mã đến thời cực thịnh thì bắt đầu quy vào cho một số người cả quyền lập pháp và quyền cai trị tối cao; từ đó nảy sinh các tệ nạn độc đoán, chuyên quyền và nhà nước La Mã cổ đại bước dần vào chỗ suy vong”* [48; tr.101]. Tuy nhiên, thời kỳ thịnh vượng của Rome kéo dài đến mấy thế kỷ nữa và dần suy vong khi mô hình chính trị của họ không có sự thay đổi linh hoạt theo hoàn cảnh mới, là một trong những nguyên nhân khiến đế quốc suy yếu.

Những đặc điểm về vương quyền kể trên đã tạo sự khác biệt rất lớn về thể chế của Rome thời kỳ Đế chế so với những thời kỳ trước đó. Sự tập trung quyền lực này cũng là một trong những điều kiện để Rome phát triển tới đa những thành tựu và nối tiếp sự hưng thịnh kéo dài.

2.3.2. Viện Nguyên lão trong thể chế chính trị mới

Augustus đã cố khôi phục lại danh dự và quyền lực của Viện Nguyên lão (Senatus Romanus) khi cai trị Đế quốc. Ông nắm thực quyền của một vị hoàng đế chuyên chế và vẫn duy trì sự có mặt của Viện Nguyên lão dưới hình thức quân chủ khoác áo cộng hòa.

Viện Nguyên lão cũng không được bầu trực tiếp. Tuy nhiên, vì nó gồm những người trước kia đã được Hội đồng bầu làm quan tòa nên dưới thời Cộng hòa có yếu tố dân chủ trong Viện. Theo truyền thống, những người lớn tuổi đứng đầu những Đại gia tộc lớn (patres familias) được chọn vào Viện Nguyên lão. **Chủ nghĩa bảo thủ Rome** đảm bảo cơ chế pháp lý cổ điển này được duy trì suốt thời Cộng hòa và còn được nhiều đời hoàng đế tiếp tục áp dụng.

Dưới thời hoàng đế Augustus, ông đã làm giảm số lượng xuống còn 600 Nguyên lão nghị viên thay vì với số lượng thành viên lên đến 900 người vào thời Julius Caesar.

Hoàng đế cũng quy định các thành viên được thừa kế, được bầu và được phong bằng sắc lệnh hoàng đế ban cho những người nắm giữ chức quan cao cấp. Đồng thời quy định “*Những người không đủ điều kiện ở lại Viện Nguyên lão được xếp loại là tầng lớp kỹ sư*” [69; tr.205]. Được làm một Nguyên lão nghị viên là một vinh dự cao quý trong xã hội Rome. Để vào được Viện Nguyên lão, mỗi thành viên phải có tài sản theo quy định là khoảng một triệu đồng sesterces [96; tr.89]. Đa phần, các Nguyên lão nghị viên mong mỏi tìm kiếm địa vị và uy tín xã hội, thay vì quyền lực thực tế như thời Cộng hòa. Từ đó về sau, Viện Nguyên lão không bao giờ trở lại sự mạnh mẽ và quyền lực như trước nữa.

Các nguyên lão do hoàng đế ủy thác quyền vẫn được tiếp tục chỉ định làm thống đốc của các tỉnh thuộc Đế quốc như xứ Gaul và làm tướng các quân đoàn. Các nguyên lão hình thành một tầng lớp công dân cấp cao hơn những người Rome bình thường. Họ mặc một chiếc áo choàng (toga) đặc biệt, có một sọc rộng màu tím, có chỗ ngồi tốt nhất tại các nhà hát được giữ trước cho họ và thường được hoàng đế mới hứa là những thành viên trong đó sẽ không bị bắt giữ hay hành hình một cách nhanh chóng [29]. Đất đai của Nguyên lão nghị viên được miễn thuế và các nguyên lão được hưởng nhiều ân sủng, luôn luôn giàu có.

Như thế, Viện Nguyên lão đã thay đổi thành phần, những kẻ giàu có mới, có nguồn gốc quý tộc, có một lượng tài sản nhất định được bổ sung vào theo ý Augustus. Và cái cơ quan quyền lực to lớn trong nền Cộng hòa Rome, trái tim của những mơ ước dân chủ cổ đại, nay chỉ còn là công cụ của chính quyền hoàng đế mà thôi. Cũng vì lẽ đó mà các Nguyên lão nghị viên có vô vàn đặc lợi được ban sủng mặc dù họ cũng chịu không ít thiệt thòi chính trị xét về tiến trình lịch sử của Rome.

Mặt khác, sự sụp đổ của chế độ Cộng hòa đã chuyển quyền lực từ Viện Nguyên lão sang tay các hoàng đế. Bắt đầu từ thời hoàng đế đầu tiên, Augustus, hoàng đế và Viện Nguyên lão là hai nhánh quyền lực quan trọng hàng đầu trong chính quyền đế quốc. Trong thực tế, quyền lực của Viện Nguyên lão là không đáng kể. Trong khi đó, hoàng đế mới chính là người nắm những quyền lực thực sự của nhà nước. Các thành viên Viện Nguyên lão được hoàng đế chỉ định, có thể là thân tín, nhưng mặt khác chỉ là hình thức của những kẻ tìm kiếm địa vị, uy tín chứ không phải là cơ quan quyền lực như trước đây.

Đặc biệt, thời hoàng đế Tiberius đã chuyển tất cả quyền hạn bầu cử từ Đại hội nhân dân sang Viện Nguyên lão. Vai trò của Nguyên lão nghị viên tham vấn (*senatus consulta*) được các quy định của pháp luật đảm bảo. Viện Nguyên lão đồng thời được bầu thẩm phán mới, tuy nhiên sự chấp thuận của hoàng đế luôn luôn cần thiết trước khi một cuộc bầu cử có thể được hoàn thành [65; tr.386]. Viện Nguyên lão vẫn mang những trọng trách gồm chủ trì các phiên tòa luật pháp và chọn thống đốc cho khoảng 1/3 các tỉnh.

Về mặt lý thuyết, Viện Nguyên lão dường như có những quyền hạn của thời Cộng hòa, ví như có quyền được bầu hoàng đế mới, trong khi kết hợp với các hội đồng dân sự khác, sau đó sẽ trao cho vị vua mới quyền điều hành lực lượng nhà nước để thi hành luật pháp (*imperium*¹²). Tuy nhiên, thực tế thì không như thế. Đến nỗi, sau khi một hoàng đế chết hoặc thoái vị, Viện Nguyên lão thường thần thánh hóa vị hoàng đế ấy.

Về quyền lập pháp, Viện Nguyên lão chủ yếu là quyền lập pháp, các vấn đề về tài chính và tính chất hành chính và một vài các quyền hạn trên các tỉnh do Viện Nguyên lão quản lý.

Vào giai đoạn đầu thời kỳ Đế chế, Viện Nguyên lão có tổ chức thẩm quyền xét xử hình sự. Trong những trường hợp này, Nguyên lão nghị viên thành lập hội đồng xử án, và bản án được đưa mang tính chất như một sắc lệnh của Viện Nguyên lão (*senatus consultum*). Dù thế, hoàng đế có thể tha thứ cho một cá nhân bị kết án thông qua một quyền phủ quyết của riêng mình. Sự chuyên chế và độc tài đã được thể hiện ở đó.

Bên cạnh đó, xảy ra tình trạng nếu một cá nhân không phải hạng Nguyên lão nghị viên thì có hai cách cho cá nhân để trở thành một Nguyên lão nghị viên. Theo cách đầu tiên, hoàng đế cấp cho người đó có quyền ứng cử quan coi quốc khố và cách thứ hai, vị hoàng đế bổ nhiệm cá nhân đó vào Viện Nguyên lão [65; tr.381-382].

Về mặt tài chính, trước khi Viện Nguyên lão kiểm soát ngân khố, Augustus định ra rằng tiền thuế từ các tỉnh của hoàng đế sẽ được chuyển vào Fiscus (một ngân khố riêng của hoàng đế). Điều này khiến Augustus trở nên giàu hơn cả Viện Nguyên lão và dư dả tiền bạc để đảm bảo sự trung thành của binh lính.

¹² Sử gia người Anh Arnold Hugh Martin Jones (1904-1070), chuyên nghiên cứu về Rome cho rằng: “Đó là việc giao toàn bộ quyền lực của nhà nước cho một người để làm những gì người đó cho là vì lợi ích tốt nhất của nhà nước”.

Như vậy, từ khi quyền lực của hoàng đế ngày càng lấn át, thì Viện Nguyên lão đã hành động như một phương tiện mà qua đó hoàng đế thực hiện quyền hạn độc đoán của mình.

Sở dĩ quyền lực của hoàng đế hơn hẳn Viện Nguyên lão là do các vị hoàng đế biết cách thiết lập bộ máy trung ương hết sức khôn khéo. Trong các cuộc họp Viện Nguyên lão, hoàng đế đóng vai trò chủ tọa. Nguyên lão nghị viên cấp cao phát biểu trước Nguyên lão nghị viên cấp thấp hơn. Tuy nhiên, hầu hết các dự luật trước khi trình Viện Nguyên lão đã được hoàng đế thông qua. Các hoàng đế sử dụng những hội đồng của mình soạn thảo và xem qua trước khi đem bàn với Viện Nguyên lão.

Dưới thời vị hoàng đế Vespasian (69-79), Viện Nguyên lão lại được cải tổ. Việc này có một ý nghĩa chính trị rất lớn, bởi hoàng đế cho phép tầng lớp đại quý tộc chủ nô ở các tỉnh về tham gia chính quyền ở Rome. Vì thế sau này, bộ phận Nguyên lão nghị viên không phải là người Italia thực thụ, công dân Rome thực thụ ngày càng đông. Từ đó, chính quyền Rome không còn là một chính quyền đại biểu cho quyền lợi của tầng lớp đại quý tộc chủ nô ở Rome mà là chính quyền chung cho các địa phương khắp khu vực Địa Trung Hải. Cuối thế kỷ II, số Nguyên lão nghị viên thuộc các tỉnh chiếm hơn 40% tổng số [53; tr.215].

Sự suy giảm quyền lực khiến các Nguyên lão nghị viên dưới con mắt của các hoàng đế trở nên đổi khác. Nhiều vị hoàng đế tỏ ra đối xử không mấy thân thiện với Viện Nguyên lão. Người trị vì tôn trọng Viện Nguyên lão nổi bật nhất là hoàng đế Trajanus. Còn lại là sự đối xử thô lỗ với “trái tim của Rome” này. Các bạo chúa như Caligula hay Domitian là những minh chứng rõ ràng.

Caligula là vị hoàng đế nổi tiếng về thái độ xem thường Viện Nguyên lão¹³. Ông tuyên bố “... sẽ sớm mở một nhà chứa ở trong cung điện” [62; tr.17]. Hành động này của Caligula đã bị các nhà chính trị thời đó phê phán và những sử gia cũng chép lại các hành vi không đúng mực của vị bạo quân này.

Ngoài ra, Hadrian, một hoàng đế vốn nổi tiếng nhân đức, đã làm xấu đi mối quan hệ giữa mình với Viện Nguyên lão vì ông đã hành hình nhiều Nguyên lão nghị viên.

¹³ Sử Rome chép rằng, ông ta có một con ngựa quý, ông thường xuyên cho ngựa vào hoàng cung và tổ chức những bữa tiệc đề khoản đãi con ngựa mình. Hành xử như vậy đã quá lắm, nhưng chưa dừng lại đó, Caligula đã vượt quá giới hạn khi đề nghị mọi người bầu con ngựa quý của ông ta thành quan Chấp chính tối cao đứng đầu Rome

Điều mà Viện Nguyên lão có thể làm được là luôn luyện tiếc cho chính quyền Cộng hòa trước đó, đã mất hết quyền lực ý nghĩa và mất hết linh hồn của nó.

Một nguyên do khác, sự can thiệp của quân đội cũng là một yếu tố làm suy yếu quyền lực của Viện Nguyên lão. Sự can thiệp thường xuyên vào công việc nhà nước của Vệ binh Pháp quan của hoàng đế là nét điển hình. Lần đầu tiên Vệ binh can thiệp vào công việc chính trị là năm 41, đã buộc Viện Nguyên lão thừa nhận Claudius là hoàng đế. Trường hợp hoàng đế Nero năm 54 cũng lặp lại như vậy. Sự xâm phạm quyền dân sự tái diễn này của Vệ binh Pháp quan là một bước trên đường tiến tới sự quân phiệt hóa. Để kiểm soát quyền lực ở kinh đô Rome, cũng như đảm bảo sự an toàn cho bản thân các vị hoàng đế không gì hơn là trực tiếp nắm trong tay quyền điều hành binh lực của Vệ binh Pháp quan. Trong vòng hơn một thế kỷ, các vị hoàng đế đã hoàn toàn dựa vào khả năng quyền lực của mình để mua chuộc thiện chí của quân đội. Quân đội, bảo vệ an toàn cho các vị hoàng đế. Viện Nguyên lão lại mất đi sự kiểm soát đó nên họ bị suy giảm quyền lực một cách đáng kể.

Quá trình thay đổi vai trò và suy giảm quyền lực của Viện Nguyên lão đã đánh dấu mốc thiết lập cho chế độ quân chủ chủ nô. Từ đó, Rome trở thành một đế chế dưới sự cai trị đầy tham vọng và thực quyền của một vị hoàng đế.

2.3.3. Bộ máy chính quyền của Rome

Bộ máy chính quyền cấp trung ương

Chấp chính quan (Proconsul): Là chức danh cao nhất của một vị quan dưới thời đế chế. Chức vụ chấp chính quan không còn thực quyền như thời Cộng hòa mà chỉ là hình thức. Việc duy trì chức quan này là sự “khoác lớp áo cộng hòa” lên thể chế chính trị mới của các hoàng đế. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, chức vụ này có thể thay mặt hoàng đế chủ trì buổi họp của Viện Nguyên lão.

Chấp chính quan là người trưởng thành từ Viện Nguyên lão và là một Nguyên lão nghị viên đặc biệt. Trong các cuộc họp Viện Nguyên lão, hoàng đế thường ngồi giữa hai quan chấp chính và thường đóng vai trò chủ tọa [65; tr.383]. Đây là kiểu xử sự hình thức như những người ngang hàng, các princeps với nhau và để thổi làn gió mới vào thể chế quân chủ trá hình ấy.

Tiêu biểu nhất là Augustus đã làm hết sức khôi phục mọi hình thức của nền Cộng hòa đầu tiên. Dưới thời đế chế, một quan chấp chính tối cao không được tại chức cả đời mà phải về hưu để người khác thay chỗ.

Quan coi quốc khố (quaestors) là một chức quan chuyên giám sát về vấn đề tài chính. Trong chế độ Cộng hòa, quan coi quốc khố là một loại quan chức được bầu, nhưng trong thời đế chế, quan coi quốc khố lại được hoàng đế bổ nhiệm. Trong nền Cộng hòa, quan coi quốc khố là chức quan được dân cử để giám sát công việc kho bạc và tài chính của nhà nước, tài chính quân đội và các chức hạng dưới quyền mình. Chức quan này không biết xuất hiện từ khi nào, nhưng vào khoảng năm 420 TCN đã có bốn quan coi quốc khố, được bầu mỗi năm. Sau năm 267 TCN, số lượng được mở rộng đến 10 người. Một số quan coi quốc khố được phân công làm việc trong thành phố và những người khác được phân làm việc cho các thống đốc ở các tỉnh. Một số được chỉ định để giám sát tài chính quân sự. Nếu thành công qua cuộc bầu cử để thành quan coi quốc khố, một người đàn ông Rome sẽ được quyền ngồi tại Viện Nguyên lão và bắt đầu sự nghiệp chính trị của mình. Trong quá trình cải cách của Sulla vào năm 81 TCN, tuổi tối thiểu để tham gia chức vụ này là ở độ tuổi 30 cho giới quý tộc và tuổi 32 cho giới bình dân. Số lượng quan coi ngân khố cũng lên đến 20 người [91].

Luật pháp Rome thời kỳ Đế chế quy định, một thành viên Viện Nguyên lão có thể được bầu làm quan coi quốc khố. Tuy nhiên, người được đi bầu cho cuộc bầu cử quan coi quốc khố phải là một Nguyên lão nghị viên hoặc là con trai của Nguyên lão nghị viên. Họ có nhiệm vụ quản lý và giám sát tài chính, nhưng cũng chịu trách nhiệm cho các thông điệp của hoàng đế. Một người đàn ông trẻ, được lãnh chức này sẽ trở thành một quan chức rất quan trọng trong chính quyền trung ương. Bên cạnh đó, họ còn có nhiệm vụ là giám sát các trò chơi, các cuộc đấu của triều đình. Một quan coi quốc khố không có các vệ binh nhưng được quyền mặc áo toga có viền tím [122].

Trưởng quan lương thực (praefectus annonae): Cái tên của chức quan này gợi đến tên vị thần của nguồn cung cấp lương thực tới những thành phố của Rome. Chức quan này vô cùng quan trọng, bởi nó đảm nhận vấn đề về an ninh lương thực cho toàn Đế quốc và đặc biệt là kinh đô Rome. Trưởng quan cấp ngũ cốc còn đóng vai trò phân phối, cung cấp khẩu phần cho quân đội. Vị trí của praefectus annonae nhiều khi trở thành vĩnh viễn, với một loạt các đặc quyền, bao gồm trợ cấp công dân và miễn thuế nhất định. Chức quan này được hoàng đế tín nhiệm. Sự bất bình thường trong cơ chế quản lý sẽ dẫn đến rối loạn không đáng có, ví như cung cấp thiếu khẩu phần, sự bất ổn dẫn đến nạn đói...

Quan giám sát: Một trong hai chức quan được bầu 5 năm một lần để chỉ đạo cuộc điều tra dân số Rome, phân loại công dân theo của cải và hạnh kiểm. Về lý thuyết, không thể nắm được chức vụ nào nếu như không có ít nhất hai năm thâm niên kể từ lần nhậm chức trước. Điều này nhằm ngăn chặn những con người có thể trở thành độc tài, dám lấn át quyền lực hoàng đế.

Thống tướng Hạm đội: hải quân nằm ngoài sự kiểm soát của hoàng đế vì hoàng đế chỉ có quyền lớn với các quân đoàn trên bộ. Do đó, cần có vị tướng đặc biệt để đảm nhận. Đó là thống tướng hạm đội, đảm bảo các chức năng kiểm soát trên biển, chủ yếu là Địa Trung Hải... và các hoạt động buôn bán. Dường như, mọi hoạt động trên mặt biển đều do chức tướng lĩnh này đảm nhiệm.

Trưởng quan tuần phòng ban đêm/ cứu hỏa (Vigiles): với các nhiệm vụ canh gác tuần phòng, đảm bảo an ninh cho Rome vào ban đêm và chỉ huy các lực lượng cứu hỏa. Chức vụ này tỏ ra hữu hiệu dưới thời Nero với vụ đốt thành Rome nổi tiếng.

Trưởng vệ quân Pháp quan: Khởi đầu Đế chế, Augustus đã tạo nên một lực lượng vệ binh đồn trú ở Rome được biết đến là Vệ binh Pháp quan. Nhóm này gồm khoảng 9000 người làm lực lượng vệ binh của Rome và làm cận vệ riêng của Augustus [38; tr.155], nhưng sau một vài thập niên, lực lượng này đóng một vai trò có tính quyết định và trong một số trường hợp đã dùng bạo lực trong việc chọn lựa các tân hoàng đế.

Chức vụ Trưởng vệ quân Pháp quan là người đứng đầu đội cận vệ hoàng đế (cấm vệ quân), cũng là chức vụ quyền lực nhất, gần gũi nhất với hoàng đế, luôn ở bên hoàng đế để bảo vệ những lúc cần thiết, không rời nửa bước. Sự an nguy của hoàng đế phụ thuộc vào mức độ nhanh nhạy của vị này. Có lẽ vì thế mà lương của các vị trí này khá lớn, từ 60.000, 100.000 và 200.000 sesterces [127]. Điều này chứng tỏ các vị hoàng đế rất coi trọng sự an nguy của mình để tránh cái chết thảm như Caesar ở ngay Viện Nguyên lão trong sự bất đề phòng.

Ngoài những chức quan cụ thể ở trên, chúng tôi cũng xin đề cập đến một số tầng lớp có quyền hành đặc biệt và gắn bó mật thiết với các hoàng đế, Đế chế Rome. Có thể kể đến như:

Tầng lớp quan chức kỵ sĩ quý tộc

Một tầng lớp chỉ ngay dưới các nguyên lão về mặt uy thế, phẩm giá và đôi khi tài sản cá nhân còn giàu có hơn, là các kỵ sĩ quý tộc. Lúc đầu họ cung ứng đội kỵ binh

cho quân đội của nền cộng hòa ban sơ, họ thuộc số tương đối ít những công dân đủ giàu để trang bị cho bản thân thành những kỵ binh. Sau khi bị loại trừ hoàn toàn khỏi quân đội của giới quý tộc nghị viện, họ quay sang kiếm tiền. Họ đã có những cơ hội vàng trong công việc ngân hàng, thương mại, thu thuế và đấu thầu các hợp đồng của chính quyền như xây cầu và hải cảng, cung cấp quân nhu và thu địa tô.

Dưới thời Augustus có đông đảo kỵ sĩ quý tộc, có thể lên tới 500 người. Họ cung cấp một đội ngũ hoàn hảo các đảng nam nhi mạnh đầy nhiệt huyết để điều hành đế quốc thời hoàng đế độc tôn. Augustus sử dụng rộng rãi các kỵ sĩ quý tộc như ủy viên chánh phụ trách về tài chính của các lãnh thổ thuộc hoàng đế. Hoàng đế Hadrian đã tận dụng triệt để những kỵ sĩ quý tộc mới này. Tuy vậy, không như nguyên lão, họ không có một Nhà nghị viện để tập hợp giai cấp của họ và tên tuổi, địa vị của họ cũng không tồn tại đến cuối thời kỳ Đế chế. Dù thế, dạng quan chức đặc biệt này có thể kiểm soát quan công sứ của Viện Nguyên lão và có thể làm cả thống đốc một số tỉnh. Tại Rome, Augustus khôi phục lại cuộc cưỡi ngựa điều hành hàng năm của các kỵ sĩ quý tộc diễn ra vào ngày 15 tháng 7, có khi lên đến 5000 người tham gia nghi thức này.

Để xếp vào hàng kỵ sĩ quý tộc đòi hỏi phải có của cải khoảng 300.000 đồng sesterces, chưa đến 1/3 tài sản của một vị Nguyên lão [96; tr.90-91]. Các kỵ sĩ quý tộc được nhận diện qua những sọc tím nhỏ hẹp trên áo choàng toga của họ. Họ đeo một cái nhẫn vàng đặc biệt và có chỗ ngồi tốt thứ hai trong nhà hát. Để thuộc về phẩm cấp hiệp sỹ không đòi hỏi phải cư trú tại Rome, nên có nhiều người sống ngoài Rome, hoặc trong nước Italia hay ở các tỉnh khác. Tầng lớp này thường là những thành viên được kính trọng và là người bảo vệ cho các quan tòa tại địa phương.

Tóm lại, bộ máy quan lại trung ương là một hệ thống các quan chức được phân bổ nhiệm vụ cụ thể tùy chức trách và lĩnh vực đảm nhận. Trong bộ máy đó có cả quan dân sự và quân sự. Nhưng tất cả đều phụ thuộc vào mệnh lệnh của hoàng đế, người có uy quyền tuyệt đối với nhiệm vụ và hành động của bộ máy này.

Bộ máy chính quyền ở các tỉnh của Rome

Rome đã thành công trong việc chinh phục nhiều vùng lãnh thổ, bao gồm toàn bộ khu vực Địa Trung Hải và các khu vực ven biển ở phía Tây Nam châu Âu và Bắc Phi, các vùng đất phía Đông. Những vùng lãnh thổ này là nơi có nhiều nền văn hóa bộ tộc khác nhau, từ nguyên thủy tới trình độ rất tinh vi.

Từ đó các tỉnh (province)¹⁴ của Rome được hình thành. Về cách quản lí hành chính chung, Rome đã thiết lập hai dạng tỉnh thuộc đế chế. Một là tỉnh thuộc Nguyên lão (senatorial province) và dạng khác là tỉnh thuộc Hoàng đế (Imperial province).

Về hệ thống gọi là tỉnh thuộc Nguyên lão (senatorial province) là tỉnh mà Viện Nguyên lão có quyền bổ nhiệm thống đốc. Các tỉnh này thường nằm vùng ven Địa Trung Hải và ít có khả năng nổi loạn vì được hoàn toàn bình định lâu dài, đã tích hợp với chính trị và văn hóa Rome. Cho nên Rome ít có những quân đoàn đóng trấn thủ. Dạng này bao gồm các tỉnh Achaea, Creta et Cyrene, Cyprus, Gallia, Narbonensis, Hispania, Baetica, Macedonia (Macedonia & Thessalia), Pontus et Bithynia, Sicilia...

Thường thì Viện Nguyên lão chọn các thủ hiến cho các tỉnh khác nhau, với tước hiệu thống đốc tỉnh, trực thuộc Viện Nguyên lão.

Còn Tỉnh thuộc Hoàng đế (Imperial province) được bắt đầu từ thời kỳ Đế chế mà trước đây hầu như chưa từng có quy ước. Thường đây là những tỉnh mới, chưa ổn định, được giao cho vị thống đốc do hoàng đế bổ nhiệm. Các hoàng đế đã thiết lập các tỉnh dưới sự quản nhiệm của mình và lấy nguồn tài sản từ sự cung phụng của các tỉnh. Vì thế mà các hoàng đế rất giàu có. Sau này, sự chuyên chế càng lớn nên các hoàng đế đôi lúc lấn sang cả việc bổ nhiệm thống đốc ở tỉnh thuộc Nguyên lão. Ngoài ra còn có những vùng ngoại lệ, như vùng Judea được giao cho một tổng trấn, dưới quyền của Khâm sai xứ Syria. Trong thế kỷ I và II, chính quyền trung ương gửi khoảng 160 quan chức mỗi năm để cai trị bên ngoài nước Italia [66; tr.179].

Một đặc điểm chung là các thống đốc dù thuộc Viện Nguyên lão hay hoàng đế đều cai trị các tỉnh của họ với quyền lực tuyệt đối, mặc dù họ không thể vi phạm luật hay đạo luật của Rome chống lại các công dân Rome. Một số thống đốc ở các tỉnh cai trị công bằng, nhưng một số khác nổi tiếng là tham ô. Dưới quyền thống đốc các tỉnh có thư ký, nhân viên thư báo - công vụ, thông ngôn, thầy tư tế đền thờ, và quân cận vệ [66; tr.180]. Các nhân viên này bao gồm cả dân sự lẫn quân sự, thường là kỵ sĩ quý tộc trong độ tuổi sung sức và kinh nghiệm.

Về quy mô các tỉnh:

Trở thành một đế quốc rộng lớn bao trùm toàn vùng Địa Trung Hải, chính quyền Rome chia những vùng đất chiếm được ngoài bán đảo Italia thành 9 tỉnh [36;

¹⁴Nghĩa từ nguyên, theo tiếng Latin bắt đầu từ “provincial”, có nghĩa là “*nhiệm vụ được giao cho quan hành chính địa phương*” [33; tr. 139]. Từ đó, người Rome, mở rộng nghĩa này để biểu thị các khu vực khác nhau mà họ thu được qua việc xâm chiếm và thiết lập sự thống trị bằng bộ máy ở các tỉnh (Province).

tr.112].

Sáu tỉnh ở phía Tây là Sicilia, Sardinia, Coorse, Cyrenaica, Gaule, Tây Ban Nha. Ba tỉnh ở phía Đông là Irili, Macedonia và Cận Đông. Nguyên tắc “*chia để trị*” được áp dụng cùng với sự hình thành bộ máy cai trị tại các tỉnh có tính chất tự phát bên cạnh tổng trấn do chính quyền trung ương cử đến với rất nhiều quyền hành. Sau này, các tỉnh còn phát triển thêm và mở rộng ra nhiều, dẫn đến thêm nhiều tỉnh được hình thành.



2.2. Lược đồ Đế chế Rome dưới thời Augustus (27 TCN- 14)

(Nguồn: http://www.artchive.com/artchive/R/roman/roman_augustus2.jpg.html)

Tuy nhiên, hệ thống các tỉnh, có thể thay đổi theo thời gian. Ví dụ, vào năm 68, có tới 36 tỉnh, gồm 11 tỉnh thuộc Nguyên lão và 25 tỉnh thuộc Hoàng đế.

Các thủ phủ quan trọng của Đế chế Rome¹⁵ bao gồm: 1. Londonium (London), 2. Lutetia (Paris), 3. Augusta Treverorum (Trier), 4. Colonia Agrippina (Koeln), 5. Moguntiacum (Mainz), 6. Augusta Vindelicorum (Augsburg), 7. Regina Castra (Regensburg), 8. Vindobona (Wien), 9. Verona, 10. Toletum (Toledo), 11. Karthago, 12. Syracusae (Syrakus), 13. Apollonia, 14. Athens, 15. Odessa, 16. Byzantium (Konstantinov, Istanbul), 17. Ancyra (Angora, Ankara), 18. Trapecus (Trapezunt), 19. Palmyra, 20. Ninus (Ninive), 21. Babylon, 22. Alexandria, 23. Caesaria, 24. Jerusalem.

¹⁵ Tham khảo từ Josef Holzer, bản dịch: Đinh Phan Cư, Phạm Hồng Lam (2011), *Lịch sử giáo hội qua 100 trình thuật*, bản điện tử (tonggiaophanhue.net).

Cách cai trị của Rome đối với các tỉnh trên toàn lãnh thổ đế quốc có sự thay đổi ở quy mô và tổ chức. Bởi theo Crane Brinton, John B. Christopher: “Một chính thể độc nhất không thể nào phù hợp cho những chủng tộc khác biệt của một vùng rộng lớn như vậy, gồm những xứ văn minh như Ai Cập, Hy Lạp, và những xứ man rợ chẳng hạn như nước Anh lúc đó còn một số dân còn trong tình trạng bộ tộc bán khai, sơn xanh thân thể” [6; tr.75].

Bảng biểu dưới đây cho chúng ta thấy quy mô các tỉnh được cụ thể hơn như sau:

Đơn vị hành chính	Diện tích (1000 km ²)	Dân số năm 14 (triệu người)	Mật độ dân (người/km ²)	Dân số năm 164 (triệu người)	Mật độ dân (người/km ²)	Tỷ lệ tăng dân số (%)
Greek peninsula	267	2.8	10.5	3.0	11.2	7.1
Anatolia	547	8.2	15.0	9.2	16.8	12.2
Greater Syria	109	4.3	39.4	4.8	44.0	11.6
Cyprus	9.5	0.2	21.2	0.2	21.1	—
Egypt	28	4.5	160.7	5.0	178.6	11.1
Libya	15	0.4	26.7	0.6	40.0	50.0
Greek East	975.5	20.4	20.9	22.9	23.5	12.3
<i>Annexations</i>				0.2		
Greek East (with annexations)				23.1		
Italy	250	7.0	28.0	7.6	30.4	8.6
Sicily	26	0.6	23.1	0.6	23.1	—
Sardinia and Corsica	33	0.5	15.2	0.5	15.2	—
Maghreb	400	3.5	8.8	6.5	16.3	85.7
Iberia	590	5.0	8.5	7.5	12.7	50.0
Gaul and Germany	635	5.8	9.1	9.0	14.2	55.2
Danube Region	430	2.7	6.3	4.0	9.3	48.1
Latin West	2,364	25.1	10.6	35.7	15.1	42.2
<i>Annexations</i>				2.5		
Latin West (with annexations)				38.2		
Roman Empire	3,339.5	45.5	13.6	61.4	15.9	34.9

2.3. Bảng thống kê diện tích và dân số Rome qua hai mốc: năm 14 và năm 164¹⁶

Theo bảng này, dân số Rome có sự tăng đáng kể từ 45.5 triệu người (năm 14) tăng lên 61.4 triệu người (năm 164) với tỷ lệ tăng 43.9%. Mật độ dân số cũng thay đổi từ 13.6/người/km² tăng lên 15.9/người/km². Dân số các tỉnh phía Tây tăng nhiều hơn từ 25.1 triệu người (năm 14) lên 35.7 triệu người (năm 164), tăng 10.6 triệu người, trong khi các tỉnh phía Đông tăng từ 20.4 triệu người (năm 14) lên 22.9 triệu người (năm 164), tăng 2.5 triệu người. Trên cùng một đơn vị diện tích không thay đổi, chứng tỏ các tỉnh phía Tây có sự phát triển hơn, vượt trội về quy mô dân số. Tỉnh đông dân

¹⁶Frier, Bruce W (2000), *Demography*, in Alan K. Bowman, Peter Garnsey, and Dominic Rathbone, eds., *The Cambridge Ancient History XI: The High Empire, A.D. 70–192*, Cambridge University Press, pp.812.

nhất ở phía Tây là Italia, nơi có kinh đô Rome và tỉnh đông dân nhất ở phía Đông là vùng Anatolia (Tiểu Á). Để làm rõ hơn thể chế chính trị đã được thiết lập như thế nào, chúng tôi tiếp tục đi sâu vào từng khu vực.

Các tỉnh phía Tây

Augustus và những người kế nghiệp mở rộng bờ cõi Đế quốc Rome ở phía Tây cho tới khi bành trướng tới tận độ vào thế kỷ thứ II. Tại Tây Âu, họ chinh phục Anh quốc từ phía Nam tới một trường thành ở miền Bắc do Hadrian và Antonius Pius xây ngang đảo để ngăn chặn sự xâm nhập của người Scotland. Xứ Gaul dưới quyền thống trị của họ gồm có các nước Pháp, Bỉ, Luxembourg, và một phần Hà Lan, Đức, Thụy Sĩ ngày nay.

Rome cũng cai trị một phần Áo và Bavière, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha và toàn thể miền Đông Nam châu Âu nằm dưới sông Danube, và Dacia (một phần xứ Rumania ngày nay) ở phương Bắc con sông này. Vùng Germania được chia thành hai tỉnh: Germania hạ (Lower Germania) (tương ứng với phần phía Nam của Hà Lan ngày nay) và Germania thượng (Upper Germania) (tương ứng với Thụy Sĩ và Alsace ngày nay). Chỉ riêng hai phần của vùng Thượng German - Raetian có chiều dài 550 km từ phía Tây Bắc của đất nước đến sông Danube ở phía Đông Nam [71]. Dưới thời Augustus, Rome bắt đầu chinh phục và đánh bại các dân tộc Germania vào năm 12 TCN, do hai tướng Germanicus và Tiberius thống lĩnh các binh đoàn hàng đầu. Sau thất bại vào năm 9, hai con sông Rhin và Danube là biên giới giữa Rome và lãnh thổ các dân tộc Germania ở châu Âu.

Tại những tỉnh phía Tây, người Rome thiết lập một chính thể địa phương theo cách duy trì các lãnh thổ dưới hình thức thành bang hoặc thị quốc của họ, chia mỗi tỉnh ra làm nhiều hạt, với quyền tự trị khá rộng rãi, mà họ gọi là civitates (số nhiều của civitas, thị quốc; mỗi hạt có Viện Nguyên lão và các hội đồng, với quyền hành pháp trong tay một hội đồng (curia) gồm những đại diện chủ bản xứ. Seville (Tây Ban Nha), Bordeaux (Pháp), và Trier (Đức) là ba trong hàng chục thành phố Tây Âu xưa kia vốn là những civitates của Rome [6; tr.75].

Riêng các tỉnh mới như Anh, Rome gặp nhiều trở ngại để duy trì mặc dù Caesar là người đầu tiên đánh dấu sự chinh phục. Vào năm 43, quân đội Rome dưới quyền Aulus Plautius, gồm 4 quân đoàn cộng với quân đồng minh đổ bộ tại Richborough, đi về hướng Bắc đến sông Thames, đè bẹp mọi sự chống trả của người Anh. Về sau,

hoàng đế Claudius lập Camulodunum là thủ phủ cho tỉnh mới của ông và **cho một viên** thống đốc cai trị. Sau đó, nhiều vùng được bảo hộ thừa nhận quyền bá chủ của Rome như: Xứ Iceni ở Norfolk, Brigantes hùng mạnh ở Bắc Anh và Regni ở Sussex. Luân Đôn, St Albans và những thị trấn khác hình thành theo sau quân đội vào những năm 70 và Fosse Way từ Lincoln đến Exeter trong thực tế đã đánh dấu ranh giới tạm thời đầu tiên của nước Anh thuộc Rome. [96; tr.126-127].

Các thống đốc ở tỉnh Anh đã cai trị khá tốt. Agricola, thống đốc từ năm 77 đến 83, khuyến khích khai hóa những người Briton ở vùng trung, cho họ định cư trong các thung lũng hoặc thị trấn, hơn là ở trên các đỉnh đồi có hào lũy, có đầy đủ các nhà hát, nơi hội họp, nhà tắm và dạy họ tiếng Latin. Người Silures ở Wales chuyển từ các pháo đài trên đồi xuống một thị trấn Rome mới ở Caerwent. Khi hoàng đế Hadrian ghé thăm nước Anh vào năm 122, ông nhận thấy biên giới không ổn định. Đúng với bản năng cơ cực của mình, ông lập ra một tuyến mới dài 122km từ vịnh Solway đến cửa sông Tyne, gọi là tuyến Tyne-Solway. Định là vĩnh viễn nên nó được xây bằng đá ở phần hướng Đông, phần hướng Tây lúc đầu được xây bằng than bùn.

Vào năm 130, một mô hình cai trị khác ra đời, đó là đơn vị đồn trú quân sự đã được thiết lập với các pháo đài ở Chester, York và Caerleon. Theo đó, binh lính của các bộ lạc đồng minh với Rome đóng dọc theo các bức tường thành và quanh xứ Wales. Các thành thị ở vùng đất thấp của Anh đời sống phát triển nhanh, nhiều nơi học theo văn minh Rome. Tuy vậy, pháp đình và khu họp chợ lớn ở Luân Đôn được xây dưới thời Hadrian có kích thước khổng lồ. Việc khai mỏ được mở mang, các mỏ sắt, chì và than được sản xuất nhiều hơn vàng, cùng với nông nghiệp và mậu dịch.

Tóm lại, các tỉnh phía Tây đế quốc được thiết lập muộn, biên giới không ổn định, lại thường xuyên đối mặt với những man tộc nên đã được chính quyền Rome tổ chức rất linh hoạt. Sự có mặt của quân đội thường xuyên cũng là một trong những phương thức cai trị ở các vùng đất này. Các tỉnh đa phần chịu thần phục sự cai trị của Rome, rất ít tỉnh muốn ly khai.

Các tỉnh phía Đông

Nhìn chung, các tỉnh phía Đông có mức độ đô thị hoá và xã hội phát triển hơn so với phía Tây. Điều này được lí giải vì trước đây vùng này đã được thống nhất dưới thời đế chế Macedonia và đã được Hy Lạp hóa do ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp. Ở vùng Cận Đông, Rome thống trị Tiểu Á, Syrie, Palestine và bán đảo Sinai (Rome gọi

là Arabia), thêm một số tỉnh tại Arménie và Lưỡng Hà. Tại Bắc Phi, toàn thể đất đai dọc bờ biển phương Bắc và những vùng đất ở hậu cứ gồm Maroc, Algérie, Tunisie và Libye ngày nay đều thuộc Rome và đặc biệt là Ai Cập. Tại đây, người Rome giữ những truyền thống hành chính địa phương đã có sẵn. Những thống đốc Rome tại các tỉnh ở Ai Cập và Cận Đông là những nhà cai trị chuyên chế. Tại Bắc Phi, những thị quốc cũng được hưởng một chế độ tương tự, nhưng phần lớn đất đai là của riêng nhà vua hay giới quý tộc giàu có ở Rome. Tỉnh Ai Cập, trong thời kỳ Đế chế, có dân số khoảng 8 triệu nhưng chỉ đứng hàng thứ hai so với Rome về mặt dân số [96; tr.124]. Với gần 1 triệu cư dân dưới thời Augustus, thành Alexandria rộng gần bằng Rome, là minh chứng điển hình cho sự cai trị thành công của Rome với một tỉnh phía Đông xa xôi như thế.

Về quyền thừa hành cai trị, một pháp quan thái thú giữ chức tổng đốc cai trị từ thành Alexandria và các nguyên lão không được phép khẩn cấp của hoàng đế thì không được đến thăm viếng. Vị quan thái thú đầu tiên, Aelius Gallus, đã mở một chiến dịch thọc sâu vào Sudan, long trọng tuyên bố sở hữu lãnh thổ này làm cơ sở cho việc chinh phục của mình. Việc này làm Augustus giận dữ đến độ Gallus bị ép phải tự vẫn. Các vị quan sau cần trọng hơn và biên giới vẫn cố định qua nhiều thế kỷ.

Bên cạnh đó, sự kết hợp của các tầng lớp tăng lữ và các quan lại địa phương trong hàng thiên niên kỷ trước đó tiếp tục duy trì và bây giờ là phục vụ cho Đế quốc. Phần lớn dân chúng bị cột chặt với việc đồng áng bằng lao động cưỡng bức để không ngừng cung cấp nhu yếu phẩm cho Rome nhiều hơn là cho chính quyền xứ họ. Ai Cập và các tỉnh phía Đông hầu hết đều rất thần phục, ít khi xảy ra những cuộc khởi nghĩa lớn.

Riêng vùng Palestine là nền hành chính tỉnh, hạt của Rome không thu được nhiều kết quả như mong muốn. Thời kỳ đầu người Rome để cho người Do Thái được tự trị, điển hình là thời vua Herod. Dù là lãnh thổ thuộc Rome nhưng người đứng đầu vùng đất này vẫn được gọi là vua, và ông chỉ cần thần phục hoàng đế Rome, xem mình như một chư hầu. Sự thần phục của vị vua này đối với Rome đã bị dè bủ: *“Y chỉ mới cải đạo sang Do Thái giáo và sống cuộc sống của một hoàng tử Rome chứ không phải là một ông hoàng Do Thái”* [21; tr.214].

Vào thời điểm Chúa Jesus sinh ra, lãnh thổ Israel thuộc Đế quốc Rome, nhưng đặt dưới quyền cai trị của Herod. Vào năm 4, Hoàng đế Rome Augustus phế truất

Herod Archelaus, con của Herod và đặt các xứ Judea, Samaria và Idumea dưới quyền cai trị trực tiếp của chính quyền Rome. Xứ này được giám sát bởi một quan tổng đốc, người này có quyền bổ nhiệm chức Thượng tế của Do Thái giáo. Tình trạng này kéo dài cho đến năm 64. Xứ Galilea, nơi Jesus lớn lên, vẫn dưới quyền cai trị của Herod Antipas (một người con khác của Herod).

Vài phe nhóm tôn giáo tranh giành ảnh hưởng với nhau trong cộng đồng Do Thái như nhóm Saducee, có quan hệ mật thiết với giới tư tế và Đền thờ, trong khi nhóm Phariseu có nhiều ảnh hưởng trong vòng các học giả, giáo sư và lãnh đạo các hội đường. Các nhóm này chống đối sự chiếm đóng của Đế quốc Rome nhưng vào thời Jesus họ vẫn cố kiềm chế để không có phản ứng công khai nào. Nhiều người kỳ vọng vào sự xuất hiện của một vị Cứu Tinh, hậu duệ của vua David để giải phóng họ khỏi sự cai trị của người Rome. Những người thuộc nhóm quá khích tin rằng chẳng bao lâu Vương quốc Do Thái sẽ được phục hồi và họ chuẩn bị các phương tiện để chống người Rome. Các phản ứng của người Rome cuối cùng dẫn đến sự phá đổ Đền thờ và sự suy vong của các nhóm kể trên.

Vùng đất Do Thái vào khoảng 3 năm cuối cùng của Chúa Jesus đã không còn quy chế tự trị nữa mà đã trở thành một tỉnh của Rome. Quan cai trị lúc bấy giờ là quan Tổng trấn Poncius Pilate. 40 năm sau Chúa Jesus, người dân Do Thái một lần nữa nổi loạn chống sự cai trị của đế quốc Rome và lần này họ bị đàn áp nặng nề, đền thánh Jerusalem bị phá hủy (lần thứ 2) và dân Do Thái bị bắt làm nô lệ đến các xứ xa xôi. Lịch sử cổ đại nước Do Thái đến đây có thể xem như chấm dứt. Phải đợi đến gần 2000 năm sau, người Do Thái mới có cơ hội trở về đất thánh của họ và xây dựng một đất nước mới vào năm 1948.

Tuy nhiên, sự cai trị của Rome đôi phần có khắc nghiệt và làm cho những tỉnh phía Đông bắt đầu thấy căm ghét như lời của nhà hùng biện Cicero (106 TCN- 43 TCN¹⁷ của Rome đã cảnh báo cách đó một thế kỷ trước khi Đế chế hình thành: *“Không có từ ngữ nào có thể diễn tả nỗi căm ghét mà các nước ngoại bang dành cho chúng ta, bởi sự thái quá của những người mà chúng ta cử đến cai trị họ. Tất cả các tỉnh thành đều kêu ca về sự bất công và tham lam của Rome. Tôi xin nhắc các ngài rằng Rome sẽ không bao giờ chống đỡ nổi với cả thế giới”* [35; tr.83-84].

¹⁷ Một triết gia, nhà chính trị, nhà hùng biện tài ba của Rome.

Nhìn chung, các tỉnh phía Đông khá ổn định, được cai trị tốt và đôi khi có phần khắc nghiệt khiến một vài nơi phản ứng dữ dội. Chính các tỉnh phía Đông là nguồn lợi lớn cho Rome nên bộ máy hành chính ở đây được tổ chức linh hoạt, phản ứng nhanh và cũng rất quyết liệt đối với các âm mưu chống đối.

Các vùng lãnh thổ phụ thuộc khác

Vùng biên giới Rome có rất nhiều những nhóm sắc tộc sinh sống và thường xuyên có những tương tác qua lại trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa. Mỗi quan hệ này có sự liên quan mật thiết đến tính ổn định của Rome. Do đó, các nhà cầm quyền của Rome đã tận dụng sự hợp tác này trong việc xây dựng đế quốc.

Trước hết, chúng ta cần hiểu về cách tổ chức ở các vùng biên giới, giáp ranh. Người Rome gọi biên giới của họ là những *limites*¹⁸. Trong thời kỳ đầu của đế quốc, biên giới chỉ là những con đường ở vùng ranh tạo điều kiện cho binh lính đi lại dễ dàng. Theo thời gian, doanh trại viễn chinh biến thành các thành lũy, khu dân cư. Đặc biệt, một vài khu vực biên giới được Rome cho xây những bức tường ngăn cách, nổi tiếng nhất là bức tường Hadrian ở phía Bắc nước Anh.

Hai tác giả Crane Brinton, John B. Christopher đã chỉ ra những sự khác biệt trong cách duy trì sự cai trị của Rome. Dọc biên giới châu Âu, nhất là ở Anh và ranh giới Rhin Danube, phải có những chính quyền quân sự để chống lại các cuộc xâm lăng và nội loạn. Những trại định cư của các đạo quân thường biến thành thị trấn. Hai trong những thị trấn còn lại sau lúc đế quốc tan rã là Kohn và Vienna. Bên cạnh đó, những con đường do Rome xây dựng đóng vai trò khá quan trọng trong việc vận chuyển con người, hàng hoá và thông tin dọc vùng biên. Hơn nữa, biên giới châu Âu của đế quốc Rome hầu hết chạy dọc theo hai con sông Rhine và Danube, tạo khá nhiều điều kiện thuận lợi cho việc giao thông. Ranh giới Rome dọc theo sông Rhine bắt đầu hình thành trong thế kỷ I TCN sau khi các binh đoàn Rome do Julius Caesar chỉ huy xâm chiếm xứ Gaul trong một loạt các chiến dịch hàng năm khởi đầu từ năm 58 TCN. Với việc dẹp tan cuộc nổi loạn của người Gaul do Vercingetorix dẫn đầu năm 51 TCN, sau đó người Rome kiểm soát chắc chắn toàn bộ vùng đất ở phía Tây và Đông sông Rhine.

Các nhà quản lý Rome ở vùng biên giới đã khuyến khích một số bộ lạc nhỏ đoàn kết với nhau dưới quyền một người lãnh đạo, bằng cách mua chuộc các thủ lĩnh hay

¹⁸ Theo tiếng Latin, từ *limes* vốn có nghĩa là một con đường giữa cánh đồng, không phải là một bức tường hay bờ rào như người ta thường nghĩ.

tạo áp lực. Việc đó làm cho họ dễ kiểm soát một “ông vua con” hơn là một nhóm các thủ lĩnh hoặc những hội đồng bộ lạc. Đến cuối thế kỷ thứ nhất TCN, các binh đoàn Rome lại tổ chức nhiều chiến dịch chống các bộ lạc người Germania và hoàng đế Augustus muốn dời ranh giới phía Đông đến sông Elbe. Nhưng kế hoạch đó bị chấm dứt một cách đột ngột trong năm thứ 9 khi người Germania do một thủ lĩnh tên là Arminius dẫn đầu, đã phục kích và tiêu diệt một đoàn quân 20.000 người dưới sự chỉ huy của thống đốc Publius Quintilius Varus [58; tr.88]. Sau đó, Augustus quyết định cho xây dựng một loạt những thành trì thường trực dọc theo sông Rhine và như vậy trở thành đường biên giới sông Rhine. Với dòng chảy nhanh, sông Rhine ban tặng cho đế quốc một biên giới tự nhiên. Nó rõ ràng đánh dấu ranh giới Tây Bắc của Rome trong gần 450 năm.

Sau này, để củng cố biên giới Đông Bắc, các hoàng đế Rome không ngừng dùng quân đội để mở rộng dưới sự áp đặt bằng vũ lực. Đặc biệt, dưới thời hoàng đế Trajanus đã xâm chiếm vương quốc Dacia để hình thành một biên giới mới dọc theo rừng Carpathians. Một chiến dịch khởi đầu vào năm 101 với 13 quân đoàn (tổng cộng trên 150.000 quân) làm cho Dacia phải trở thành một quốc gia chư hầu, nhưng do việc thỏa thuận có lợi nhiều cho Rome, nên việc thần phục không tồn tại lâu được [96; tr.119]. Trajanus bèn chuẩn bị cho cuộc xâm lấn toàn diện khác bằng cách xây dựng một chiếc cầu và con đường thật lớn. Cuộc tấn công vũ bão cuối cùng vào thủ phủ Dacia vào năm 106, biến Dacia thành một tỉnh thuộc Rome được che chở dọc sườn núi phía Bắc bởi những tường thành Porolissensis, dọc theo rừng Carpathians. Nhờ dựng nên bức tường thành vĩ đại này, bao bọc lãnh thổ phía Đông Bắc nhô ra gần như chọc vào các thảo nguyên của Nga, Trajan đã chia mỗi bộ tộc ở một bên sông, mà gìn giữ được những vùng đất bên bờ sông Danube qua nhiều thế hệ.

Như vậy, trong quá trình phát triển và bành trướng của mình, Rome đã công nhận nhiều vương quốc nhỏ hơn làm các quốc gia chư hầu vệ tinh, có tính đồng minh phụ thuộc. Sự vận dụng cẩn thận những quốc gia chư hầu này được liên minh theo các cấp độ khác nhau dưới quyền điều khiển của thành Rome đã trở thành một chính sách đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc Rome vào cuối nền Cộng hòa và đầu thời kỳ Đế chế.

Đối với Augustus và những hoàng đế kế vị, đây là một cách khôn ngoan không tốn kém để bảo vệ đế quốc. Nó giống như hệ thống vệ tinh có tâm là Rome và các quốc gia liên quan thường bị Rome hóa dần, trước khi được sáp nhập vào lãnh thổ.

Những quốc gia chư hầu phần lớn rất nhỏ và có thể bổ sung quân tiếp viện khi được yêu cầu, hơn là cứ phải có những đơn vị đồn trú tốn kém của chính họ. Vào năm 67, các binh đoàn của Vespasian được tiếp viện 15.000 quân lính hạng nhẹ từ các quốc gia chư hầu gần đó cho cuộc chiến Do Thái [96; tr.122].

Về phía Bắc châu Âu, các bộ lạc khác nhau của người Germania sinh sống khắp nơi. Sự manh mún khiến họ khó có thể hình thành những vương quốc ổn định. Tại đây, tiền bảo trợ và các hiệp ước là cách để kìm hãm những người man di này hoặc để họ giành giết lẫn nhau, nhưng họ không là những vị vua chư hầu đúng nghĩa. Phần lớn các vương quốc chư hầu chạy dài theo biên giới phía Đông Đế quốc, qua khỏi đó là đế quốc Parthia (Ba Tư) rộng lớn, một đối thủ của Rome. Các quốc gia chư hầu chính ở phương Đông do Pompey thành lập và được củng cố bởi Mark Antony và Augustus, gồm 3 ngã tư biên giới có tính sống còn: Pontus, trên bờ Nam Biển Đen, Cappadocia ở Trung Tiểu Á, bị thôn tính vào năm 17, và Commagene, kiểm soát hành lang sống còn ngang thượng lưu sông Euphrates. Xa hơn về phía Nam, các vua chư hầu của Ả Rập gồm Palmyra giàu có và Arabia Nabatea (Jordan) trù phú với thủ phủ đặt tại Petra. Một nước được bảo hộ khác là Mauretania (Bắc Algeria hay Morocco), hình thành một phần từ vương quốc cũ Numidia. Nước này bị thôn tính bởi Claudius, người cũng thôn tính cả quốc gia chư hầu Thrace ở phía Đông Balkans. Về phía Bắc Biển Đen, vương quốc Bosphorus là một phần của Scythia nhưng có những thành phố theo văn hóa Hy Lạp bên bờ duyên hải. Nó vẫn là một nước chư hầu quan trọng đối với Rome vì buôn bán ngũ cốc từ Ukraine. Vespasian thôn tính Commagene và các nước chư hầu khác nhỏ hơn trong một chiến thắng vẻ vang vào năm 69-79 cho đến khi chỉ còn những vương quốc bé nhỏ Caucasus - xứ Iberia trong vùng núi Caucasus và xứ Colchis - cộng với Palmyra và Arabia Nabatea là tồn tại. Việc này đòi hỏi triển khai thêm quân đội và xây dựng thêm cộng sự để trực tiếp đối phó với Parthia. Trajan thôn tính Arabia Nabatea vào năm 106.

Đặc biệt là Armenia, khi Augustus chiến thắng ở phương Đông vào năm 20 TCN, công nhận Armenia như một nước do Rome bảo hộ. Viên tướng giỏi Corbulo của Nero áp đặt một sự thỏa hiệp vào năm 63, trong đó các hoàng tử Parthia sẽ là vua của Armenia nhưng do Rome tấn phong (đội vương miện). Vào năm 66, Nero đưa Tindates lên làm vua Armenia trong một buổi lễ xa hoa tại Rome. Trajanus lợi dụng việc người Parthia đã thay thế vị vua do Rome tấn phong vào năm 114 làm một cái cớ

cho chiến dịch bành trướng lớn ở phương Đông, thôn tính vương quốc này. Về sau, Hadrian rút quân khỏi đó để đi xâm chiếm những nơi khác ở phương Đông.

Tóm lại, nhờ có sự tồn tại và gắn kết với các nước chư hầu này mà Rome đã duy trì đế quốc một cách ổn định, giữ được sự ổn định chính trị và phát triển giao lưu, buôn bán. Sử dụng các nước chư hầu cũng là biện pháp bảo đảm quyền lực của đế quốc ở các vùng biên thùy, cũng như uy danh của Đế quyền Rome trên những vùng đất tương lai có thể là của Rome.

2.3.4. Thể chế Quân đội

Xây dựng và tổ chức quân đội

Rome xây dựng một quân đội đặc biệt tinh nhuệ và có sức chiến đấu bền bỉ cao để duy trì sự ổn định của một đế quốc rộng lớn trên vùng đất châu Âu, một phần châu Á, Bắc Phi cổ đại. Quân đội hợp thành bởi những công dân Rome chiến đấu trong mỗi chiến dịch. Dần theo sự phát triển của lịch sử đế quốc, quân đội Rome được tổ chức chuyên nghiệp hơn và hình thành các đạo binh thường trực. Đây là một quân đội được huấn luyện bài bản và trang bị đầy đủ. Virgile ca ngợi những chiến binh Rome: “*Nước Ý sinh ra một giống người hùng tráng, thuộc dân Marses, Sabins. Có người dân Ligure không biết mệt mỏi là gì, có những người Volsque “giáo mác luôn trong tay”. Nước Ý sinh ra bao anh hùng, những Decius, Marius, Cammille trứ danh, Những Sípion thiện chiến, Ceasar vĩ đại nay đã thắng trận ở biên giới xa xăm của châu Á. Mới xa bờ cõi La Mã, dân Indien đã run cầm cập trước sức lực của Ý*” [61; tr.155]. Họ được chia theo các quân đoàn tùy theo tuổi tác, kinh nghiệm, tài sản và địa vị xã hội. Đơn vị quân đoàn là đơn vị cơ bản, chủ lực của quân đội để bảo vệ đế quốc.

Khác với cơ cấu nhà nước trước kia, Augustus xây dựng quân đội Rome thành đội quân thường trực và trung thành với nền quân chủ đế quốc. Theo đúng tinh thần “quân cốt tinh chứ không cốt nhiều”, Augustus giảm số đơn vị từ 70 quân đoàn xuống còn 25 quân đoàn (25 vạn người) [36; tr.114]. “*Vào thế kỷ II sau Công nguyên, La Mã có 150.000 quân viễn chinh chủ lực và quân số trợ chiến còn nhiều hơn*” [22; tr.12]. Đến thời kỳ đỉnh cao, cương giới rộng mở, đế quốc Rome đã duy trì một lực lượng quân đội hùng mạnh nhất thế giới với 500.000 binh lính trên khắp toàn lãnh thổ [35; tr.10]. Binh lính trong quân đội phải là người thuộc hạng công dân của Rome. Tuy nhiên, sang thế kỷ II, do quy mô lãnh thổ quá rộng, dần dần binh lính nhiều dân tộc khác được tuyển vào quân đội, bỏ qua các tiêu chí cũ và đó cũng là lý do: “...*khi xã hội*

công dân La Mã không còn là điều kiện thường xuyên để bổ sung vào các đạo quân ấy nữa thì nó nhanh chóng biến mất tính chất ổn định của nó” [18; tr.108.

Tất cả các chức vụ chỉ huy quân đội cao cấp đều do các tướng lĩnh xuất thân từ tầng lớp kỵ sĩ và Viện Nguyên lão nắm giữ. Kỷ luật và huấn luyện quân đội rất nghiêm khắc. Công cụ ấy tỏ ra có hiệu lực với quốc gia một thời gian dài.

Những người lính Rome là những chiến binh mẫu mực về sự nhanh nhạy, bản lĩnh, kỷ luật và sức chịu đựng [18]. Có nhiều loại lính trong đó lính trẻ nhất thuộc loại lính bán vũ trang gọi là *velite* được trang bị nhẹ, lính vũ trang đầy đủ gọi là *triarii*. Họ được tổ chức theo đơn vị nhỏ nhất là tiểu đội gồm 8 người, cùng sống và chiến đấu với nhau. Nổi bật nhất là lính viễn chinh Rome, hay còn gọi là lính Lê Dương (*legio*) chủ yếu là bộ binh, được trang bị đầy đủ và do một quân đoàn trưởng (*legatus*) chỉ huy. Họ được huấn luyện chiến đấu tốt và các kỹ năng xây dựng thành quách, làm đường sá. Những người lính này có thời gian nghỉ vụ quân sự thường là gần 20 năm hoặc hơn, đến thời Marius thì chỉ còn 16 năm. Họ phải đi khắp các vùng đất của đế quốc để làm nhiệm vụ trấn trị các vùng đất mà các quân đoàn Rome chiếm được. Đối với cả quân đội Rome, bộ binh đồng nghĩa với hai từ quân đội, có vai trò là lực lượng chủ lực trên chiến trường trong bất kỳ một cuộc đối kháng nào.

Đội hình chiến đấu Phalanx: là đội hình bộ binh tiêu biểu của người Hy Lạp, được người Rome kế thừa. Đội hình này có nghĩa là sát cánh nhau, một sự gắn kết giữa các tiểu chủ trang trại và các nhóm bộ binh chiến đấu. Tuy nhiên, nó đã thay đổi theo từng thời điểm để phù hợp với thực tế chiến trường và kẻ thù mà họ đối mặt.

Rome đã xây dựng nên tổ chức quân đội với nền tảng cơ bản là các tiểu đoàn (*maniples*) và cấp cao hơn là quân đoàn (*legion*), hay còn gọi là các đạo binh. Một quân đoàn Rome thường có quân số là 4500 người trong đó có 4200 là bộ binh, còn lại là kỵ binh bảo vệ hai bên sườn [44; tr.62]. Một quân đoàn được bố trí thành ba tuyến *maniples*, mỗi tuyến có 10 *maniples* dựa vào tuổi tác và kinh nghiệm chiến đấu, mỗi *maniples* lại bao gồm hai đại đội với quân số mỗi đại đội là 60 - 70 người do một đại đội trưởng chỉ huy. Khi tham chiến, tuyến 1 áp sát gần đối phương ở khoảng cách 50-100m và bắt đầu phóng lao ở khoảng cách 30m. Sau đó, lực lượng này dùng khiên và kiếm tràn lên đánh giáp lá cà với kẻ địch đang bị thương tích vì đợt lao. Tiếp đến là cuộc tấn công của tuyến 2 sau khi tuyến 1 mệt mỏi và rút lui qua những khoảng trống

của maniples 2. Nếu tuyến 2 cũng không đánh tan kẻ thù thì tuyến 3 sẽ xông lên với đội hình giáo dài, khiên che vững chắc để kết liễu quân địch.

Khi chiến đấu nếu tuyến nào bị thất bại thì được các tuyến sau che chở, bao bọc và tạo đường rút lui. Sau khi lui về các tuyến sau, các chiến binh sẽ tập hợp lại đội hình và sẵn sàng lao ra khi cần thiết. Mọi thứ chỉ yên ổn sau khi đã vào doanh trại có hàng rào cọc nhọn, là nơi dành cho kẻ chiến thắng nghỉ ngơi và kẻ thua trận trú ẩn.

Quân đội Rome đã làm nên một cuộc cách tân về chiến thuật chiến đấu, dường như đã hơn hẳn đội hình phalanx truyền thống ở mức độ linh hoạt và hiệu quả chiến đấu. Các quân đoàn vào thời Đế chế được tổ chức theo kiểu của Gaius Marius (157-86 TCN) với một cuộc cải cách trong tổ chức quân đội trước đó và duy trì đến thời kỳ này.

Đơn vị chủ yếu là các đội quân gọi là cohort gồm 480 lính, 10 cohort hợp thành một quân đoàn (khoảng 5000 người) chứ không phải là các maniples như trước. 4 quân đoàn tạo thành một binh đoàn (khoảng 20.000 người). Các cohort này rất linh động và có thể là một quân đoàn mini vì nó được tổ chức từ ba maniples với đầy đủ hastati, principes và triarii. Lúc này, mỗi binh đoàn được yểm trợ ở các cánh sườn bởi 2000 kỵ binh, ở tuyến đầu là 2000-3000 khinh binh, lính bắn tên, ná bắn đá. Khi tham chiến, lực lượng khinh binh sẽ gây náo động hàng ngũ quân địch. Khi quân địch tràn lên sẽ bị lính bắn tên, ném đá tấn công rồi rút về phía sau để thế chỗ cho bộ binh tiến lên tiêu diệt kẻ thù. Kỵ binh thì lo việc tấn công hai bên sườn và bọc hậu. Nhờ có trận pháp đa binh chủng này, quân đội Rome đã tạo nên những chiến công oanh liệt cho đế quốc.

Đồng thời, trong quân đội, một số tín ngưỡng được thực hành nhằm đảm bảo lý tưởng và ổn định tinh thần cho binh lính. Chẳng hạn, thần Mithras được xem là tôn giáo của những chiến binh hướng về niềm tin của lòng yêu thương, về ánh sáng và bóng tối. Mithras là thần mặt trời, thần của sự hoà thuận trong kinh Avesta. Mithra bảo vệ những quốc gia trung thành với hiệp ước và trừng phạt những ai vi phạm. Sự sùng bái Mithras rất phổ biến ở Rome những thế kỷ đầu sau Công nguyên, đặc biệt là trong quân đội:

“Hỡi Mithras, Thần của Ban mai, tiếng kèn của chúng tôi đánh thức tường thành!

Rome ở bên trên các quốc gia, nhưng Thần ở trên hết mọi thứ!

Giờ đây, khi những cái tên hô lên đã được đáp lại, và vệ binh đã cất bước ra đi,

Mithras, vốn cũng là một chiến sĩ, xin thần hãy ban cho chúng tôi sức mạnh trong hôm nay!

Mithras, Thần của hoàng hôn, hạ xuống ở phương Tây

Ngài, đang bắt tử đang hạ xuống, đang bắt tử lại trỗi lên!

Tụng ca của quân đoàn XXX (Hymn of the 30th legion) [27; tr.160]

Nền quân sự Rome chính là bản lề của các thể thức, mô hình tổ chức quân sự sau này, thể hiện bản lĩnh quân sự của phương Tây trên trường quốc tế. Đế quốc Rome cổ đại đã chứng minh cho thế giới thấy sự tồn tại của các đội quân thiện chiến, dũng mãnh của họ với nhiều chiến tích, nhiều cuộc bành trướng lãnh thổ không bao giờ dứt và bản lĩnh chống chọi với các nguy cơ xâm lăng từ bên ngoài. Ở thời kỳ này, điều làm nên những kỳ tích bành trướng của Rome chính là mô hình trận pháp và nghệ thuật chỉ huy chiến tranh.

Vai trò của quân đội Rome

Rome đã đào luyện một lớp thanh niên đam mê chiến tranh và yêu thích sự vũ dũng, tàn bạo. Đấu trường Colisee nổi tiếng, nơi 11.000 con thú và 5000 người bị chết thảm đã chứng minh cho thú vui sắc mùi máu, để tôi luyện thói quen giết chóc của chiến tranh. *“Khi nhìn thấy máu thay vì quay đi thì anh ta lại chăm chú nhìn và hòa mình vào sự điên cuồng đó. Anh ta say sưa trong cảnh dã man của cuộc đấu và chìm đắm trong cảnh chém giết. Khi rời trường đấu anh ta mang theo một tư tưởng bệnh hoạn, nó đeo đẳng, ám ảnh anh ta cho đến khi anh ta quay lại trường đấu”* (Xento Rustan) [35; tr.9]. Đấu trường là nơi nhận dạng văn hóa đám đông của Rome ở tinh thần thượng võ, coi trọng sức mạnh.

Vì yếu tố vũ dũng và tính bành trướng truyền thống nên từ một cộng đồng nhỏ ở Italia vào thế kỷ VIII TCN, một vệt mờ trên bản đồ vào thế kỷ V TCN khi chế độ Cộng hòa được xác lập. Sau chiến thắng trong cuộc chiến với Carthage, Rome kiểm soát được vùng Bắc Phi, Tây Ban Nha và các lãnh thổ phụ cận khác với diện tích lên đến 647.500 km [35; tr.36]. Như vậy, chỉ trong vòng 50 năm của thế kỷ III TCN, Rome đã mở rộng diện tích lên gấp 3 lần. Đến thế kỷ I TCN, toàn bộ châu Âu đã nằm trong sự cai quản của Rome. Và khi đế chế hình thành dưới vương triều Augustus, người ta khâm phục về sự lấy lòng chiến công và đất đai rộng lớn của Rome. Vị hoàng đế đầu tiên này đã thôn tóm Ai Cập và mở rộng biên giới tới sông Danuyp.

Suốt thời kỳ Đế chế, có thể nói Rome phát triển khá ổn định. Tiếp đó, Trajanus là hoàng đế có nhiều công trạng trong việc bành trướng, mở rộng lãnh thổ cho đế quốc như sự thôn tính Rumania, Armenia ngày nay và nhiều vùng đất ở phía Đông. Rome xứng đáng với danh hiệu của một đế quốc vĩ đại, hiển hách với những chiến công và thành tựu. Cũng cần nói thêm về vị hoàng đế hiển hách này, rằng trong cuộc chinh phạt Rumania ông đã mang về cho Rome hàng nghìn nô lệ và một lượng khổng lồ châu báu đủ để làm thay đổi cả thành Rome.

Quân đội của Rome luôn nắm trong tay những uy lực của sức mạnh, đứng trước bất kỳ sự đưng độ nào, họ cũng thị uy như cách áp chế sự quy phục của người Achaea dưới đây: *“Lời những người này khuyên các bạn đừng tham chiến hoàn toàn đi ngược lại lợi ích của chính các bạn; không có lòng tự trọng cũng như phẩm giá của mình các bạn sẽ trở thành nạn nhân của kẻ thắng trận”* [63; tr.173]. Sự tự tin và hiểu chiến đã giúp cho quân đội Rome có được những thứ mình muốn.

Những cuộc bành trướng liên tục khiến cho Rome giàu có một cách nhanh chóng. Những chiến lợi phẩm thu được bao gồm các tác phẩm nghệ thuật, châu báu, vàng và những thứ quý giá khác và hơn hết là nguồn nô lệ. Thời kì hoàng kim, Rome buôn bán 10.000 nô lệ mỗi ngày [35; tr.61]. Số lượng nô lệ này đóng vai trò là nguồn nhân lực quan trọng trong kinh tế nông nghiệp, khu mỏ... Vào những năm đầu tiên của thời kì đế quốc, số nô lệ tăng lên vùn vụt, cứ 3 người dân Rome lại có 1 nô lệ.

Sau này, do lãnh thổ quá rộng lớn nên quân đội Rome thay vì đi chinh phục lại làm nhiệm vụ canh giữ và bảo tồn nguyên trạng khỏi bị các thế lực khác nhòm ngó. Chính sách này được sử dụng dưới thời hoàng đế Hadrian mà biểu tượng cao nhất của nó là bức tường thành mang tên hoàng đế Hadrian tại lãnh thổ Anh dài 117 km.

Sở dĩ quân đội quan trọng đối với việc duy trì đế quốc vì chỉ có quân đội mới đảm bảo sự cố kết của nhiều dân tộc khác nhau dưới sự cai trị của hoàng đế Rome. Và sự cố kết đó chính là tính chiến đấu vì lợi ích, phù hợp với quy luật lịch sử của một đế quốc hùng mạnh mà Rome đã chú ý xây dựng: *“Một quân đội gồm nhiều sắc tộc thì chẳng có chủ nghĩa ái quốc nào khác hơn là hiến thân cho lá cờ. Những quân đội như thế đã từng là những kẻ đao phủ hành quyết nền tự do trong suốt chiều dài lịch sử”* [32; tr.486]. Quân đội còn chính là những kẻ thừa hành quản trị một số chi tiết trong hệ thống kinh tế. Quân đội cần muối cho ngựa và binh lính. Người ta đôi khi trả lương

cho binh lính bằng muối¹⁹. Cá là thực phẩm quan trọng nhất trong nghệ thuật ẩm thực của người Rome, còn cá ướp muối là một trong những mặt hàng trao đổi chính của họ, trong đó quân đội cũng sở hữu nhiều quyền lợi.

Do sự quan trọng như thế nên việc bổ nhiệm tướng lĩnh được thực hiện theo cách rút thăm và được thay thế hàng năm để tránh không bị diệt vong dần dần, mà đủ sức để chiếm lĩnh lấy thế giới. Hai quan kiểm duyệt đưa vào danh sách thành viên của Viện Nguyên lão những cá nhân mà, theo ý kiến chung, cần phải có mặt ở đó. Người kiểm duyệt cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của mình để chọn ra một vị tướng đủ phẩm cách để đảm nhiệm chức trách. Lý thuyết là như vậy nhưng phần lớn hoàng đế mới là người quyết định chọn ai.

Như vậy, quân đội ngoài những nhiệm vụ về an ninh, chính trị, họ còn có thêm những vai trò không thể tách rời khi vươn những cánh tay quân đoàn ở khắp các tỉnh với những nhiệm vụ kinh tế, truyền bá văn minh. Quân đội chính là nền tảng cứng để Đế quốc được duy trì. Không có quân đội, Rome khó có thể có một cương giới rộng lớn, một tập hợp các tỉnh đa dân tộc, những biên giới ổn định và sự giàu có kếp xù.

¹⁹Salt, đó là nguồn gốc của chữ salary - tiền lương trong tiếng Anh, và thành ngữ “worth his salt”, - xứng với số muối phải trả (chú thích của Cynthia Stokes Brown).

Tiểu kết chương 2

Thế chế chính trị của Rome được phân tích dựa trên cơ sở của sự tổ chức, cơ cấu các bộ phận hợp nhất về mặt nhà nước, được tạo ra bằng cơ chế luật pháp rõ ràng. Thế chế chính trị trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, nhiều biến động và đã thích nghi, thay đổi trong hoàn cảnh lịch sử mới khi Rome cần hòa bình, ổn định để cai trị đế quốc rộng lớn với nhiều bất ổn.

Các nhánh quyền lực trong hệ thống thế chế chính trị của Đế quốc Rome cho thấy sự đồ sộ và quy mô của nó. Từ vương quyền của hoàng đế, đến vai trò của Viện Nguyên lão là một cuộc cạnh tranh quyền lực vô cùng quyết liệt. Và phần thắng đã nghiêng về các hoàng đế, điều kiện để chính thể quân chủ hình thành.

Chế độ Principate đã xác lập vị trí của hoàng đế - nguyên thủ với sự tập trung quyền lực về mặt nhà nước và định hướng cho các tín ngưỡng, thần quyền. Thế chế này là biểu hiện cao nhất của chế độ quân chủ chuyên chế chủ nô tồn tại song hành cùng truyền thống cộng hòa quý tộc chủ nô.

Bộ máy quan lại trung ương làm việc theo sự chỉ đạo chung của hoàng đế với từng nội dung công việc, chức trách khác nhau. Bộ máy này gánh vác những trách nhiệm quan trọng để làm cho chính quyền trung ương dễ dàng điều phối. Trên thực tế, vai trò của bộ máy trung ương vừa củng cố, duy trì quyền lực của hoàng đế và trong nhiều trường hợp tác động không nhỏ đến các trạng thái tích cực hoặc tiêu cực của chính quyền, nhất là khu vực kinh đô.

Chính quyền các tỉnh được phân loại thành tỉnh thuộc Nguyên lão và tỉnh thuộc Hoàng đế về danh nghĩa nhưng đa phần đã được tổ chức và hoạt động như những mảnh ghép hoàn thiện cho đế quốc. Sự phân chia này thể hiện sự phân quyền và trong nhiều trường hợp vai trò của hoàng đế vượt xa Viện Nguyên lão. Các tỉnh trong thời kỳ này ít biến động về mặt chính trị, ngược lại gắn bó mật thiết về các hoạt động kinh tế.

Riêng quân đội, là sợi xích thắt chặt sự toàn vẹn của Rome cũng như duy trì tính ổn định của quyền lực đế quốc. Nhánh quyền lực quan trọng bậc nhất, là thế chế đặc biệt không thể tách rời với quyền lực hoàng đế. Sự tổ chức và vai trò của quân đội Rome cơ bản hoàn thiện, hợp lý và duy trì rất ổn định trong hai thế kỷ sơ kỳ Đế chế.

CHƯƠNG 3. THỂ CHẾ KINH TẾ CỦA ROME

TỪ NĂM 27 TCN ĐẾN NĂM 192

Trong chương này, chúng tôi muốn tìm hiểu về Rome vào thời kỳ hưng thịnh nhất trong những thế kỷ đầu kiến thiết từ năm 27 TCN- 192 qua lĩnh vực kinh tế. Nền kinh tế mang hình thái chiếm hữu nô lệ mật kỳ, chế độ lệ nông trong nông nghiệp, sự phát triển các ngành thủ công nghiệp, ngoại thương, giao thông vận tải là những nét nổi bật để định hình nên một đế quốc giàu mạnh.

3.1. Sơ lược về thể chế kinh tế Rome trước năm 27 TCN

Khi đầu trường Colosseum được xây dựng thì dân số thành Rome là 1 triệu người, Chỉ riêng thành Rome đã tiêu thụ một lượng ngũ cốc rất lớn là 8000 tấn mỗi tuần và cần những con tàu tải trọng 10.000 tấn để chuyên chở các vật dụng cần thiết cho thành phố [35; tr.10].

Bên cạnh đó, những đường ống cấp thoát nước dài đến hàng trăm cây số, xuyên qua các ngọn đồi để đảm bảo đủ nước sạch cho cả thành phố. Hệ thống này được xem là sự vĩ đại nhất của thành Rome thời bấy giờ, thậm chí cho đến nay vẫn là điều mà thành phố Rome hiện đại phải học hỏi. Điều này do đâu, thành tựu văn minh hay những bước phát triển kinh tế mang lại sự giàu có cho Rome?

Hoạt động thương mại phát đạt đã thôi thúc và làm cho hệ thống tiền tệ, ngân hàng của Rome có những biến đổi đáng kể. Ngoài đồng as truyền thống bằng đồng đã xuất hiện đồng tiền Sestectius, đồng Denarius bằng bạc và đồng tiền Aureus bằng vàng. Đãi tiền và cho vay lãi trở nên tấp nập và cũng thành một hoạt động kinh doanh đáng kể.

Năng lực và hiệu quả sản xuất dựa vào giới bình dân ngày một suy giảm, trong khi đó Rome lại có thừa khả năng cung cấp một nguồn lao động mới, đông đảo, chi phí ít và chịu bóc lột nặng nề. Đó là nô lệ. Theo John Stuart Mill (1806-1873) cho rằng: *“Một nô lệ, đúng với tên gọi, là người đã không học được cách tự giúp mình. Anh ta chắc chắn đã tiến được một bước từ tình trạng hoang dã. Anh ta còn chưa học được bài học đầu tiên cần thiết của một xã hội chính trị. Anh ta mới học được rằng cần phải tuân phục”* [32; tr.99-100]. Và với sự cai trị khắc nghiệt của mình, chế độ chiếm hữu nô lệ được duy trì, đảm bảo cung ứng một lực lượng lao động cho nền kinh tế Rome.

Nhà sử học Lương Ninh kết luận: “...không ở đâu chế độ chiếm nô - một chế độ kinh tế - xã hội dựa chủ yếu trên sức lao động của nô lệ, bóc lột nô lệ - hình thức bóc lột đầu tiên, thô bạo nhất của xã hội có giai cấp - lại có điều kiện và thực sự đã phát triển mạnh mẽ như ở Rome, và cũng chưa ở nơi nào chế độ nô lệ lại được sử dụng rộng rãi và khắc nghiệt như ở Rome” [42; tr.217].

Mặt khác, Rome hội tụ nhiều điều kiện về tự nhiên - xã hội rất lí tưởng như thuận lợi về mặt vị trí địa lí, những đặc điểm tự nhiên của tài nguyên và những dân cư có đặc điểm nhân chủng, tính cách dân tộc điển hình, khởi đầu cho kỷ nguyên mới của Rome trên bản đồ chính trị thế giới cổ đại. Những điều kiện này cũng góp phần giúp Rome bước đầu ổn định vị thế, tiềm lực kinh tế trong thời kỳ Cộng hòa và phát huy sức mạnh trong thời kỳ Đế quốc. Nền kinh tế của Rome ngoài ảnh hưởng của các luồng thương mại, tính tự thân của nông nghiệp còn tùy thuộc nhiều vào sức mạnh chính trị và các cuộc chiến tranh.

Về điều kiện tự nhiên

Rome bắt đầu lịch sử của mình ở bán đảo Italia. Đây là một lãnh thổ dài và hẹp ở Nam Âu giống hình chiếc ủng vươn ra Địa Trung Hải, diện tích khoảng 300.000 km². Vùng đất Italia trên bản đồ như một chiếc ủng, bao bọc ba mặt là biển, phía Nam bán đảo là đảo Sicilia, phía Tây là đảo Corsica và đảo Sardinia. Rome có khí hậu ôn hòa và mùa trồng trọt kéo dài. Về mặt thổ nhưỡng, Rome có những vùng đất canh tác màu mỡ nhất châu Âu. Vùng đất Tuscan của nó được thiên nhiên ban phát ánh sáng mặt trời hơn 2400 giờ/năm [5]. Nơi đây trồng bắp và các loại ngũ cốc khác. Bắp là nguồn thực phẩm chính của đa số dân chúng ở Rome, chiếm 70-80% chế độ ăn của người dân Rome [35; tr.86].

Về vị trí địa lý, với vị thế là một vùng đất bán đảo, ba mặt Đông, Tây, Nam đều giáp biển cho nên thuận lợi lớn về phát triển hàng hải. Từ đây, Rome có thể buôn bán với tất cả các vùng đất quanh Địa Trung Hải, đó là điều kiện cho phép kinh tế Rome phát triển một cách thuận lợi, cũng như việc dùng hải quân để kiểm soát mặt biển này. Ngoài thuận lợi có đường bờ biển kéo dài, Rome chỉ cách biển có 15 dặm nên dễ dàng tham gia vào luồng thương mại Địa Trung Hải [6; tr.60]. Do đó, Rome đã xây hai hải cảng cực tốt là Tarentum và Naples để khai thác các nguồn lợi từ đường biển. Bờ biển phía Đông không thuận tiện cho thuyền bè đi lại nhưng bờ biển phía Nam có nhiều vịnh và cảng tốt, do đó có mối quan hệ sớm với Hy Lạp [14].

Đồng bằng Latium ở phía Nam Rome mang lại rất nhiều nguồn lợi lúc dẫn nước vào tưới tiêu hợp lí. Đồi núi quanh Rome có rất nhiều gỗ và bãi cỏ cho gia súc. Đặc biệt, 7 ngọn đồi trên bờ sông Tibre có thể biến thành chiến lũy phòng thủ dễ dàng và nó đã được lợi dụng để bảo vệ Rome trước sự tấn công của ngoại bang.

Về yếu tố địa hình, bán đảo Italy lớn gấp năm lần bán đảo Hy Lạp nhưng nó không bị chia cắt thành những vùng biệt lập như Hy Lạp mà là một đơn vị địa lý thuận lợi cho sự thống nhất về lãnh thổ và chính trị. So với Hy Lạp, Italy có nhiều lợi thế hơn. Đồng bằng rộng lớn và phì nhiêu, núi non không cản trở giao thông, không tạo nên sự ngăn cách quá lớn giữa các vùng miền.

Nhìn chung, ngay từ ban đầu, Rome đã có địa lợi để dễ bề tồn tại, phát triển và gây dựng được ảnh hưởng lớn lao của mình cũng như thuận lợi trong việc phát triển kinh tế không những của Rome mà toàn bộ Đế quốc.

Nền văn minh Rome là nơi con người cư trú khá sớm, và vùng đất Italia xưa là nơi hội tụ của các nền văn minh Đông, Tây Địa Trung Hải và Bắc Phi. Từ thời đồ đá cũ đã xuất hiện những cư dân sống ở bán đảo. Thời kỳ này, sự di cư của các cư dân từ các lục địa vào bán đảo Italia và bị cách biệt với phần còn lại của châu Âu bởi dãy núi Alps nên việc giao lưu gần như bắt buộc với các nền văn minh khác quanh biển Địa Trung Hải. Cư dân của Rome tương đối thuần nhất do phạm vi hẹp và tương tự một ốc đảo ở Nam châu Âu, được gọi chung là người Italia.

Tác giả Edwar Mc Nall Burn trong cuốn *Văn minh phương Tây* lại lí giải ở một góc độ thuận lợi khác về sự thích nghi của Rome. Họ cho rằng địa hình của Italia là bán đảo nên dễ bị xâm lược. Núi Alps không phải là rào cản hữu hiệu chặn đứng dòng người đến từ Trung Âu, thậm chí đạo quân của Hanibal một thời đã vượt qua dãy núi này để tập kích Rome một cách mau chóng và quyết liệt.

Mặt khác, bờ biển thấp ở nhiều nơi mời gọi ngoại bang xâm chiếm bằng đường biển. Vì vậy, người Rome ngay từ đầu đã tập cho họ cái thói quen cai trị đất nước bằng vũ lực hơn là sử dụng biện pháp hòa bình. Họ thường xuyên mở các chiến dịch quân sự, trước hết là tự bảo vệ mình, sau đó là các mục tiêu bành trướng.

Nhà sử học Peter Turchin cho rằng, “*Một đặc tính cá biệt của Rome là nó đối diện không phải một mà là hai biên giới rõ rệt, cái này nối tiếp cái kia. Hình thể địa lý của nước Ý và cư dân sống ở đó từ những năm đầu tiên của thời kỳ Đồ sắt đã giải thích rất nhiều cho việc hình thành Rome*” [58; tr.195].

Rome còn là một thành phố vùng biên giới, nơi giao thoa của hai nền văn hoá Etruscan và Latin. Nó nằm trên vùng đất cạn và dễ đổ bộ nhất của sông Tiber. Vị trí trên sông Tiber là một lợi thế rất lớn cho sự phát triển sau này của Rome, vì con sông này cung cấp đường chuyên chở hàng hoá thuận lợi nhất vào nội địa vùng Tyrrhenian. Nhưng vị trí biên giới còn quan trọng hơn trong việc hình thành đế quốc tương lai.

Dọc theo sông Tiber, nơi hai quốc gia tiếp xúc, hình thành một vùng biên giới văn hoá giữa hai nền văn minh cao hơn của người Etruscan và Latin [14]. Như các vùng biên giới khác, nó cũng có đặc tính địa phương rõ rệt và do đó, theo lý thuyết, sẽ không có một đế quốc hùng mạnh xuất hiện từ đó nhưng Đế quốc Rome lại nổi lên từ biên giới thứ hai.

Cư dân chủ yếu và cũng là thành phần cư dân có mặt sớm nhất ở bán đảo Italia gọi là người Italotes (người Italia cổ). Trong đó, bộ phận sống ở vùng Latium gọi là người Latin. Về sau, một nhánh của người Latin đã dựng lên thành Rome ở trên bờ sông Tiber, từ đó họ được gọi là người Rome.

Từ sử liệu và các dữ liệu khảo cổ, quốc gia Rome dường như xuất hiện từ quá trình phát sinh đế quốc ở vùng biên giới. Theo truyền thuyết Rome, dân Rome đầu tiên gồm ba bộ lạc: *Ramnes*, *Tities* và *Luceres* [58; tr.197]. Tên của họ xuất phát từ Romulus, người Latin; Titus Tatius, người Sabine; và Lucumo, người Etruscan [46; tr.121-140]. Rõ ràng sự kết hợp các yếu tố sắc tộc Latin, Sabine và Etruscan đã làm nên con người Rome.

Ngoài ra, còn có người Gaul, người Hy Lạp, người Gaul cư trú ở miền Bắc bán đảo, người Etruscan ở miền Bắc và miền Trung, còn người Hy Lạp thì ở các thành phố ven biển phía Nam và đảo Sicilia. Sau này, Rome phát triển, mở rộng lãnh thổ, bành trướng khắp Địa Trung Hải, biên giới trải từ bờ biển Đen đến Đại Tây Dương với vô vàn khoáng vật, đất đai, tài nguyên... là nguồn cung cấp bất tận cho nền kinh tế chiếm nô.

Trong thời kỳ chúng tôi nghiên cứu, Rome vẫn nằm trong một hình thái xã hội chiếm hữu nô lệ, không khác với thời Cộng hòa về mặt nội dung. Dưới thời Pax Romana, Nguyên lão nghị viên, các chấp chính quan tối cao, các pháp quan, thống đốc tỉnh được chọn từ những thành viên toàn là những người giàu có, quý tộc. Họ đều sở hữu nô lệ và là những chủ nô quyền lực.

Theo cách hiểu chung, nhà nước là một bộ máy để cho giai cấp này áp bức giai cấp khác. Bộ máy của Rome cũng dùng để duy trì dưới sự thống trị của một giai cấp có đặc quyền đặc lợi (chủ nô) để cai trị tất cả các giai cấp bị lệ thuộc khác (nô lệ, bình dân). Rome còn mở rộng áp bức ra bên ngoài với sự cai trị với các dân tộc khác, đã bao gồm giai cấp bị trị có chung số phận lệ thuộc như thế. Bộ máy đó trong một nhà nước chủ nô thời này là chính thể quân chủ hùng mạnh, khoác một chiếc áo Cộng hòa giả danh nhưng vẫn duy trì kiểu bóc lột của xã hội chiếm hữu nô lệ.

Dưới chính thể quân chủ chủ nô, tất cả các quyền đều thuộc về chủ nô. Nền quân chủ được củng cố với sự ổn định của bộ máy nhà nước. Các hoàng đế luôn được chủ nô ở các tỉnh tôn sùng và ngược lại, giới chủ nô này ngày càng có địa vị chính trị trong bộ máy nhà nước. Chính quyền thật sự thành công cụ thống trị chung của giai cấp chủ nô toàn đế quốc. Còn nô lệ thì chỉ là đồ vật dưới con mắt pháp luật vì tất cả mọi thứ bạo lực đều có thể dùng đối với nô lệ, ngay cả giết một người nô lệ cũng không coi là phạm tội. Nô lệ là nguồn sống của Rome, nguồn lao động chính và thỏa mãn sự giàu có, quyền lực của chủ nô. Hoàng đế không tách nô lệ ra khỏi đời sống của Rome, tuy nhiên đã có nhiều chính sách thay đổi. Nô lệ vẫn tồn tại, vẫn thiết thực dưới chế độ quân chủ, để phục vụ và phục tùng. Hoàng đế làm cho chế độ này hưng thịnh và để bảo ban hơn trước, đó là một vai trò lớn.

Những cuộc chiến đem về Rome số lượng tù binh khổng lồ để biến thành nô lệ phục vụ cho xã hội Rome. Điều đó đã gây nên những biến động hết sức lớn lao và sâu sắc trong đời sống kinh tế và xã hội Rome, tạo nên những tiền đề hết sức thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và chế độ chiếm nô của Rome trong thời kỳ Cộng hòa. Nhờ thuận lợi về đường biển, nên Rome dường như quy tụ sự có mặt các thương nhân của hầu hết các miền ven Địa Trung Hải. Họ là những kẻ kiếm lời từ hoạt động buôn bán nô lệ. Ví dụ, đánh Tarenium, Rome bán 30.000 tù binh nô lệ; sau 3 chiến dịch trong chiến tranh Punic, Rome bán tổng cộng 95.000 tù binh nô lệ [42; tr.216-217]... Những chợ buôn bán nô lệ mọc lên ở mỗi thành phố. Hầu như nô lệ toàn vùng phía Đông Địa Trung Hải được chở đến các chợ nô lệ lớn bên bờ biển gần Rome, một ngày bán tới cả vạn nô lệ, số đó lại được đưa về các chợ ở địa phương. Nô lệ được bán như tất cả các hàng hoá khác.

Vì thế, trong tác phẩm *Bàn về Nhà nước*, Lenin viết: “...nhà nước của xã hội chiếm hữu nô lệ, vô luận là nhà nước quân chủ hay chính thể cộng hoà, vô luận là nhà

nước cộng hoà quý tộc hay là nhà nước cộng hoà dân chủ đều là những hình thức khác nhau của nhà nước chiếm hữu nô lệ” [28; tr.80]. Ngay đến pháp luật cũng được đảm bảo: *“Pháp luật Rome xem người nô lệ như một thứ công cụ... Pháp luật chỉ bảo vệ quyền lợi cho chủ nô là hạng người duy nhất được thừa nhận có quyền công dân vô luận lúc ấy là chính thể quân chủ hay là chính thể cộng hoà, những chính thể ấy chẳng qua chỉ là chính thể quân chủ của bọn chủ nô hoặc chính thể cộng hoà của bọn chủ nô mà thôi*” [28; tr.87].

Như thế, bản chất của chính thể quân chủ chuyên chế chủ nô vào sơ kỳ Đế chế là một đặc điểm quan trọng. Qua đó, thấy được sự nhất quán của chế độ nô lệ mà Rome đã gây dựng và phát triển như một mẫu hình của thế giới cổ đại, vượt qua sự tàn bạo, bất công với một mục đích kéo dài sự hưng thịnh cho Rome. Chính thể quân chủ có chăng là sự đổi khác về cơ cấu quyền lực nhưng vẫn tiếp nối cách tổ chức xã hội chiếm hữu nô lệ đặc trưng của Rome.

Về tính hệ thống, trong lãnh thổ Rome, hàng triệu người ở các vùng văn hóa, dân tộc khác nhau như Italia, Gaul, Tây Ban Nha, châu Phi, phương Đông... đã được gắn bó với nhau bằng một sợi dây duy nhất: Nhà nước Rome và dưới sự trị vì của một hoàng đế đầy uy quyền.

3.2. Thể chế trong nông nghiệp và thủ công nghiệp

3.2.1. Kinh tế *Latifundia*

Theo các khảo sát của các nhà kinh tế học cổ đại, 75% tổng sản phẩm của Rome là nguồn thu từ nông nghiệp. Chính vì thế, vị trí nông nghiệp trong nền kinh tế rất lớn và Rome tồn tại mạnh hay yếu phụ thuộc nhiều vào sự ổn định của nền kinh tế này. Các binh đoàn Rome nhờ những vật phẩm của ngành nông nghiệp để viễn chinh. Đất đai được mở rộng do công của những binh đoàn cũng đồng nghĩa với sự thôn tính những vùng trồng trọt màu mỡ. Đô thành Rome sống xa hoa cũng nhờ nền kinh tế cơ bản này.

Và nhắc đến kinh tế nông nghiệp phải kể đến nền kinh tế *Latifundia*. Theo tiếng Latin là *Latifundium*, gồm hai thành phần trong tiếng Latin là “*latus*” nghĩa là “rộng rãi” và “*fundus*”, nghĩa là “trang trại”. *Latifundia*²⁰ có thể hiểu là vùng đất rộng rãi, có hình thức trang trại theo nghĩa hiện đại và là một bất động sản nông nghiệp của chế độ chiếm hữu nô lệ Rome. Đây là những khu đất rộng lớn chuyên về nông nghiệp với các

²⁰ Thời bấy giờ quy định bất động sản này phải có diện tích trên 500 jugera, tức 125 ha.

sản phẩm ngũ cốc, ô liu, nho ở các vùng lân cận như Rome, Magna Graecia, Sicily, bán đảo Iberia, Ai Cập và Tây Bắc châu Phi. Kinh tế Latifundia phụ thuộc rất lớn vào chế độ nô lệ, hay nói cách khác, Latifundia là sản phẩm của chế độ nô lệ trong nông nghiệp. Latifundia đầu tiên được tích lũy từ chiến lợi phẩm của chiến tranh, bị tịch thu từ các dân tộc bị chinh phục bắt đầu vào đầu thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên, mở rộng, phát triển vào sơ kỳ Đế chế. Đó là phần thưởng nông nghiệp trao cho các tướng lĩnh, binh lính viễn chinh và giành thắng lợi. Họ được cấp những vùng đất nhỏ theo mô hình kinh tế tự cung tự cấp. Trong thời kỳ kinh tế khó khăn, các chủ đất lớn mua lại và hợp nhất sở hữu đất đai thành các đơn vị lớn hơn đã tạo ra mầm mống Latifundia sơ khai. Đặc biệt, sau những chiến thắng quân sự, lãnh thổ của Rome không ngừng mở rộng cũng là lúc giới quý tộc, thương nhân bỏ tiền ra để mua về những vùng đất mênh mông và biến thành tài sản riêng của mình. Ngoài ra, tầng lớp quý tộc còn dựa vào uy thế của mình để lấn chiếm ruộng đất công, đất tư hữu của dân nghèo, dân lưu tán, binh sĩ tử trận... Cuối cùng, họ có trong tay những vùng đất mênh mông. Trên cơ sở đó, các điền trang lớn hay đại trại gọi là Latifundia xuất hiện. Như vậy, các điền trang thay đổi hình thức từ những nông viên nhỏ được thu tóm, mở rộng thành những điền trang lớn (Latifundia). Các điền chủ này ủng hộ các hình thức nông nghiệp đa dạng việc canh tác từ cây lương thực đến nho, ô liu, trái cây và chăn nuôi. Các khu vực lớn còn cung cấp đá xây dựng, gỗ xẻ, củi.

Các nghiên cứu cho biết sở hữu các Latifundia đa phần thuộc tầng lớp địa chủ - chủ nô, cũng chính là thành viên của Viện Nguyên lão và có một số quy định ưu tiên họ không phải nộp thuế đất. Một số khác thuộc quyền sở hữu của giới quý tộc, tướng lĩnh. Quyền sở hữu đất đai chỉ là một trong nhiều điểm khác biệt khiến tầng lớp thượng lưu, quý tộc (aristocrats) tách biệt với tầng lớp thấp hơn. Họ được gọi là chủ sở hữu hay địa chủ - chủ nô. Địa chủ - chủ nô sẽ *“Tổ chức lại các tổ chức nhỏ thành các trang trại có lợi nhuận lớn hơn để cạnh tranh với các quý tộc khác”* [84; tr.1-9]. Vì kinh tế Rome cơ bản phụ thuộc vào nông nghiệp, và trong văn hóa thời bấy giờ đã đưa ra phạm trù người đàn ông tốt, đồng nghĩa với người đàn ông làm nông giỏi. Tầng lớp quý tộc địa chủ còn nhận ra việc sở hữu mảnh đất lớn đi kèm với việc biến nó thành vùng đất phát triển sản xuất có quy mô và năng suất, chất lượng nông phẩm.

Về việc quản lý Latifundia, có một hiện tượng là những người chủ Latifundia đa số sống ở thành thị và thường không có mặt tại các Latifundia. Các điền trang này

được những người tự do quản lí và giám sát những nô lệ làm việc. Họ được gọi là *vilicus*, có nhiệm vụ là tuân theo chỉ dẫn của chủ sở hữu *Latifundia*, thay mặt quản lý các công việc sản xuất và nô lệ tại đó. Những người giám sát phải đảm bảo thực hiện đúng các mệnh lệnh của chủ sở hữu.

Latifundia là dạng sở hữu đất trồng của chủ nô, sử dụng sức lao động tập thể của nô lệ với phương thức sản xuất độc canh. Do vậy, muốn thiết lập *Latifundia* phải có 2 yếu tố: chế độ sở hữu ruộng đất lớn của tư nhân và có đầy đủ nô lệ. Trong *Latifundia* thường trồng các loại cây như nho, oliu, ngũ cốc và có luôn xưởng chế biến dầu oliu, ép và làm rượu nho. Các *Latifundia* ở Nam Italia - nơi có những đồng cỏ trù phú lại chủ yếu kinh doanh nghề chăn nuôi. Chế độ chiếm hữu nô lệ Rome phát triển mạnh mẽ gắn liền với sự hưng thịnh của các *Latifundia*.

Dưới thời *Pax Romana*, việc chiếm giữ công cộng đối với đất đai không được phổ biến. Đất đai theo luật chủ yếu thuộc về hai chủ sở hữu chính là dòng họ (*gens*) và gia đình (*familia*). Dòng họ là một nhóm người có quan hệ huyết thống cùng sống trên một phần của lãnh thổ và tạo thành một lực lượng chính trị và quyền sở hữu đất đai này mang tính chất tập thể. Còn gia đình gồm những người sống dưới cùng một mái nhà và có người đứng đầu gia đình (*pater familias*) và quyền sở hữu đất đai mang tính chất cá nhân. Các đại điền trang lớn thường do hai chủ sở hữu này nắm giữ.

Nền kinh tế của *Latifundia* mang tính chất hai mặt khá rõ rệt (vừa khép vừa mở). Đó là nền kinh tế nông nghiệp trong khuôn khổ của nền kinh tế tự nhiên, cung cấp đầy đủ nhu cầu của điền trang (mang tính khép kín). Mặt khác, sản phẩm của nó lại gắn bó chặt chẽ với hoạt động thủ công nghiệp, thương mại trong khuôn khổ của nền kinh tế hàng hóa (mang tính mở rộng). Các sản phẩm do *Latifundia* sản xuất đã góp phần hình thành một phần của nền kinh tế thương mại, nhiều sản phẩm được xuất khẩu. Kinh tế nông nghiệp ở Rome thời kỳ này không hoàn toàn mang tính chất kinh tế tự nhiên, mà gắn liền với nền kinh tế thương nghiệp, với thị trường mang đặc điểm của nền kinh tế hàng hóa, tiền tệ cổ đại, sơ khai. Vì mỗi tỉnh, mỗi vùng có mặt hàng nông nghiệp khác nhau, nơi trồng ngũ cốc, nơi ô liu, nho hay gia súc nên cần có sự trao đổi, mua bán. Do đó giữa các tỉnh của đế chế phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế. Trong nhiều thế kỷ, rượu nho, dầu ôliu và nhiều sản phẩm nông nghiệp khác của Rome đã được đem bán rộng rãi khắp nơi trong đế quốc.

Tuy nhiên, một vấn đề mà các sử gia hiện đại bàn đến là vấn đề phát triển nông nghiệp quá mức của Rome đã để lại những hậu quả khôn lường như: “...việc phá rừng tràn lan, thả trâu bò ăn cỏ quá nhiều tất nhiên sẽ dẫn đến sự xói mòn đất và mất đi lớp đất mặt màu mỡ, các lý do chính của sự suy thoái kinh tế của nước Ý thuộc La Mã. Ngay cả các dân tộc cổ xưa cũng có thể làm tổn hại môi trường” [38; tr.65]. Và vào thế kỷ thứ 2, Latifundia đã thay thế nhiều trang trại vừa và nhỏ ở một số khu vực của Đế quốc. Kinh tế Latifundia đạt năng suất lao động cao. Nông dân không có đất đã chuyển đến thành thị. Một số nông dân tự do buộc thuê lại trên các khu đất, còn phần lớn đất đai chủ sở hữu trực tiếp quản lý, lao động chủ yếu là nô lệ. Nhà tự nhiên học cổ đại Pliny đã 6 lần nhắc đến Latifundia và ông cho biết: “Sáu chủ sở hữu đã chiếm hữu một nửa tỉnh của Châu Phi vào thời điểm Hoàng đế Nero” và đồng thời, ông cũng đưa ra dự báo: “Latifundia đã hủy hoại Italia và sẽ sớm hủy hoại các tỉnh” [94; tr.35].

Vấn đề ruộng đất mà tiêu biểu là Latifundia trong lịch sử của Rome rất nhạy cảm, nhiều lần ảnh hưởng đến sinh mệnh chính trị của những người đứng đầu. Trường hợp hai anh em Tiberius Gracchus (năm 163 -132 TCN) và Caius Gracchus (năm 153 - 121 TCN) khi nắm quyền đã thực hiện chính sách hạn điền, yêu cầu giới hạn ngay việc chiếm hữu đất đai quá rộng và ổn định vị trí của các nông dân ở phân tán. Nhưng trong cuộc đấu tranh chống lại các đại điền chủ, hai anh em Gracchus đã bị lật đổ²¹. Điều này chứng tỏ, chính sách đất đai và sử dụng lao động rất khó để có sự thay đổi một sớm một chiều nếu như những giá trị thịnh vượng của Rome không sớm bộc lộ yếu điểm.

Latifundia là một thể chế quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp. Về ý nghĩa lịch sử, Latifundia là dấu ấn lớn trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp của Rome, góp phần tạo nên sự ổn định trong thời kỳ Cộng hòa và sự thịnh vượng thời kỳ Đế chế thời kỳ đầu. Những bất động sản khổng lồ này được tạo ra từ sự chinh phục, những chiến thắng của Rome sau nhiều cuộc chiến tranh mở rộng lãnh thổ Đế quốc và đồng thời tạo ra một tầng lớp địa chủ - chủ nô giàu có, nhiều đất đai. Có thể nói rằng kinh tế đại điền trang Latifundia là một sự tiếp nối của “các tiền đề nông dân nông nghiệp đã in đậm bản sắc công dân La mã trong suốt một thời kỳ dài” [25; tr.107], là cơ sở cho nền kinh tế

²¹ Tiberius Gracchus đã thảo ra một đạo luật hạn định ruộng đất công, mỗi gia đình quý tộc được chiếm làm của riêng không được quá 1000 mẫu; phạm ruộng đất chiếm quá mức ấy thì tịch thu đem phân phối cho những người bình dân không có ruộng đất. Giai cấp quý tộc địa chủ phản đối kịch liệt đã giết chết Tiberius Gracchus cùng 300 đồng đảng. Như thế là cuộc vận động hạn điền biến thành một cuộc đấu tranh đổ máu.

Rome cổ đại. Với những tiến bộ trong nông nghiệp, Latifundia tạo ra sự ổn định kinh tế, sinh lợi cho người chủ sở hữu, đáp ứng sự phân công lao động và quy mô kinh tế.

3.2.2. Các vấn đề về chế độ nô lệ và lệ nông

Chế độ nô lệ nói chung đóng một vai trò quan trọng trong xã hội và nền kinh tế của Đế quốc. Họ là lực lượng lao động chân tay chủ yếu, phục vụ quý tộc, chủ nô.

Theo một ước tính tương đối, riêng vùng Italia có khoảng từ 2-3 triệu nô lệ vào cuối thế kỷ 1 trước Công nguyên, chiếm khoảng 35% đến 40% tổng dân số Italia [98; tr.170]. Về tổng thể, 49% nô lệ thuộc sở hữu của giới thượng lưu, những người chiếm chưa đến 1,5% dân số của đế chế. Khoảng một nửa số nô lệ làm việc ở vùng nông thôn, nông nghiệp; khoảng 25% nô lệ ở các thị trấn và thành thị làm việc trong các ngành thủ công nghiệp, dịch vụ công cộng [80; tr.58-60].

Nô lệ là những con người có xuất thân khắp châu Âu và Địa Trung Hải. Dường như Rome không đặt nặng về vấn đề chủng tộc, vì trong các cuộc chiến tranh và sự chiến thắng đã mang cơ hội cho họ chiếm lấy nô lệ không phân biệt nguồn gốc dân tộc nào. Trong Đế quốc, nô lệ được bán đấu giá công khai. Giao dịch nô lệ được giám sát bởi các quan chức tài chính được gọi là quaestors. Trong giai đoạn đầu của sơ kỳ Đế chế, Augustus đã áp thuế 2% đối với việc bán nô lệ, ước tính sẽ tạo ra doanh thu hàng năm khoảng 5 triệu sesterces. Thuế được tăng lên 4% vào năm 43 [81; tr.721-722]. Điều này mang lại cho nhà nước nguồn thu đáng kể. Các chợ nô lệ dường như đã tồn tại ở khắp các thành thị của Đế chế và một trong các trung tâm lớn ngoài Rome là thành Ephesus, vùng đất ngày nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, Rome phải đối mặt với tình trạng thiếu nô lệ khi các cuộc chiến tranh ít được tiến hành. Và để duy trì một lực lượng lao động nô lệ, các hạn chế pháp lý gia tăng về giải phóng nô lệ đã được đưa ra. Những nô lệ trốn thoát sẽ bị săn lùng và trả lại.

Có hai loại nô lệ chính: công cộng và tư nhân. Nô lệ công cộng (servi publici) thuộc sở hữu của nhà nước. Họ làm việc trong các dự án xây dựng công cộng, phục dịch cho một quan chức, làm việc trong các mỏ.... Nô lệ tư nhân (servi privatei) thuộc sở hữu của một cá nhân. Họ làm những công việc như người giúp việc gia đình, người lao động trong các trang trại và thợ thủ công.

Nô lệ bắt buộc phải làm việc trong nhiều ngành nghề, có thể được chia thành 5 nhóm: phục vụ trong hộ gia đình, phục vụ hoàng gia hoặc những điểm công cộng, phục vụ trong thủ công nghiệp và dịch vụ tại các thành thị, làm việc trong nông nghiệp

và khai thác mỏ [75; tr.323]. Trong đó đáng chú ý nhất là các nô lệ công cộng làm việc trong các đền thờ và các tòa nhà công cộng. Hầu hết thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của người phục vụ cho các quan chức. Một số nô lệ công cộng có trình độ học vấn có thể làm công việc văn phòng như kế toán, thư ký. Trong các thành phần xuất thân nô lệ, những người có nguồn gốc Hy Lạp có trình độ cao nhất và thường phục vụ trong các ngành nghề đòi hỏi tay nghề cao và cả chất xám. Khổ nhất là nô lệ không học vấn, những nô lệ là người tự do bị kết án phải làm việc trong các khu mỏ kim loại hoặc mỏ đá, những nơi được cho là khét tiếng tàn bạo. Nô lệ làm việc ở mỏ họ không thể mua sự tự do của mình, họ sẽ sống và chết trong hầm mỏ. Một số nô lệ bị bắt làm võ sĩ giác đấu mua vui cho dân chúng tại các đấu trường.

Khi nói về bản chất của kiểu quan hệ nô lệ - chủ nô, Montesquieu cho rằng: *“Quan hệ nô lệ, nói đúng ra là biến một người thành sở hữu của một người khác làm ông chủ tuyệt đối cả cuộc đời và tài sản của anh ta. Như vậy là không tốt, chẳng ích gì cho ông chủ và cho người nô lệ. Anh nô lệ không thể làm điều gì theo đạo lý, còn ông chủ thì trút hết mọi tật xấu lên người nô lệ, mất hết đạo đức mà không tự biết, trở nên kiêu sa, láu táu, cứng nhắc, nóng nảy, tàn ác”* [33; tr.145]. Một nô lệ luôn khao khát được tồn tại, được sống, đó là quyền cơ bản đầu tiên của họ, ngoài ra mọi quyền khác đều bị tước bỏ. Hình thức nô lệ dân sự này thể hiện tính chất điển hình của chế độ nô lệ ở Rome.

Vào các thời kỳ trước đó, nô lệ được xem như “con vật biết nói”, chịu sự đối xử hà khắc, bất công. Các cuộc nổi dậy mạnh mẽ thời Cộng hòa làm xáo trộn sự ổn định của Rome đã thay đổi cách nhìn nhận về sự ngăn chặn “các kẻ thù từ bên trong” vào sơ kỳ Đế chế. Hơn nữa, lãnh thổ Rome đã quá rộng lớn, trên cơ sở hiệp nhất các quốc gia, dân tộc ở châu Âu, châu Á, và châu Phi dưới bộ máy nhà nước và luật pháp chung. Các hoàng đế tập trung vào việc nội trị hơn là tiến hành các cuộc chiến tranh mở rộng ra bên ngoài làm thiếu hụt lớn lượng nô lệ có nguồn gốc là tù binh, vốn chiếm tỷ trọng cao trong thành phần nô lệ. Vấn đề nô lệ vì thế đã có sự thay đổi, cải hoán phù hợp với hoàn cảnh mới. Thời sơ kỳ Đế chế, nhà sử học Edward Gibbon đã có những bình giải lớn về sự thay đổi chính sách nô lệ: *“Trong những gia đình đông đúc của họ, và đặc biệt là trong những điền trang thôn quê, họ khuyến khích những cuộc hôn nhân với những người nô lệ. Những cảm thức tự nhiên, những tập quán nhờ giáo dục, và việc sở hữu một hình thức độc lập về tài sản đã góp phần làm giảm nhẹ đi những căng*

thẳng của tình cảnh nô lệ” [76; tr.49]. Sự thay đổi này là một bước ngoặt lớn về cách nhìn nhận, đánh giá vai trò, vị trí nô lệ như một lực lượng lao động có giá trị trong xã hội.

Vào giai đoạn đầu thời Pax Romana, một số hoàng đế bắt đầu trao nhiều quyền hơn cho nô lệ. Hoàng đế Claudius tuyên bố rằng nếu một nô lệ bị chủ nhân bỏ rơi, anh ta sẽ được tự do. Nero đã trao cho nô lệ quyền khiếu nại chống lại chủ nhân của họ tại một tòa án. Và dưới thời Antoninus Pius, một người giết một nô lệ mà không có lý do chính đáng có thể bị xét xử vì tội giết người. Nhờ vào đức độ và chính sách của một số hoàng đế nên cách cư xử với nô lệ có thêm những bước tiến. Những sắc lệnh của hoàng đế Hadrian, Antonine, sự bảo hộ của pháp luật được áp dụng cho những con người khốn cùng nhất. **Cụ thể, trước đây, quyền phán quyết liên quan đến vấn đề sinh tử của người nô lệ thường bị lạm dụng và những người chủ có quyền quyết định cuối cùng. Sắc lệnh này đã trao quyền cho các quan tòa. Những nhà tù bí mật bị hủy bỏ và trong trường hợp khi có một khiếu nại đủ bằng chứng về cách đối xử thậm tệ, người nô lệ sẽ được giải thoát hoặc được chuyển giao cho một người chủ ít tàn bạo hơn.**

Sự bảo vệ pháp lý của nô lệ tiếp tục có những thay đổi lớn đến nỗi cho phép nô lệ lên tiếng về sự đối xử tàn nhẫn hoặc không công bằng của chủ nô. Thái độ thay đổi một phần do ảnh hưởng giữa giới tinh hoa có học thức, ảnh hưởng chủ nghĩa khắc kỷ, có quan điểm con người bình đẳng và mở rộng sang cả nô lệ [93; tr.9]. Tiêu biểu, một cựu nô lệ và là triết gia có ảnh hưởng nhất là Epictetus (55-135), đã đề xuất các tư tưởng của mình. Ông đã chỉ dạy rằng con người có thể đạt được tự do bằng cách làm chủ những dục vọng của mình và vun xới sự thanh thản của tâm hồn. *“Epictetus kêu gọi tình huynh đệ giữa người với người, hợp nhất với tự nhiên và ý thượng đế. Và sự xuất phát từ ngoại giới là nguyên nhân của đau khổ. Con người phải giải phóng khỏi những ràng buộc vật chất, danh vọng, địa vị”* [26; tr.178-179]. Ông chủ trương muốn tìm được hạnh phúc phải thuận theo tự nhiên, thanh nhiên chấp nhận cái được và mất. Những tư tưởng khắc kỷ này đã tác động đến một số vị hoàng đế, mà đại diện là Aurelius, từ đó cách nhìn về quan hệ nô lệ dần được nới rộng.

Dưới chế độ Principate, tự do của nô lệ sẽ được hoàng đế ban cho. Nô lệ công cộng có thể được giải phóng bởi hội đồng thành phố. Đặc biệt, Rome cho phép những người nô lệ được giải phóng trở thành công dân được hưởng tự do, quyền sở hữu và tự do chính trị, bao gồm cả quyền bầu cử. Những người nô lệ được giải phóng tạo thành

một tầng lớp xã hội gọi là Libertini. Tầng lớp này không được tham gia vào bộ máy nhà nước.

Thế kỷ II chứng kiến những đổi thay lớn và nô lệ được dự báo là “đám mây đen lơ lửng trên bầu trời Rome” vì rằng: *“Một nền kinh tế được xây dựng dựa trên sức lao động của nô lệ sẽ dễ bị tổn thương theo hai hướng. Một là sự có sẵn lao động cưỡng bức ngăn cản cuộc cách mạng kỹ nghệ, Thứ hai, thậm chí còn nguy kịch hơn, nô lệ không sinh sôi nảy nở”* [9; tr.48]. Việc nô lệ sụt giảm dẫn đến thiếu hụt lao động, nhất là lao động trong nông nghiệp.

Trong tình hình đó, Rome cũng phải đối mặt với một hoàn cảnh kinh tế - xã hội mới. Đầu tiên, kỹ thuật trồng trọt nông nghiệp là một trong những thành tựu nổi bật của nền văn minh Rome. Những kết quả to lớn từ sản lượng nông nghiệp, chất lượng nông sản có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế cũng như cục diện ổn định của Rome thời kỳ này phụ thuộc nhiều vào phương thức canh tác và vấn đề phát triển kỹ thuật. Rome đồng thời đã sản sinh các nhà nông học trong thời này đó là Porcius Cato, M.Terentius Varro, L. J. Moderatus Columella. Columella là người gốc Tây Ban Nha. Sự trải nghiệm trong nghiên cứu nông học, chăn nuôi giúp ông có nhiều phát kiến mới. Công trình nông học *“Bàn về nông nghiệp”* dày dặn với 12 cuốn, đề cập nhiều đến kinh nghiệm sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, chăn nuôi là đóng góp lớn về mặt khoa học cho lĩnh vực này [57; tr.499]. Một trong những luận điểm quan trọng của Columella là phê phán hình thức sử dụng nô lệ trong canh tác nông nghiệp. Ông cho rằng: *“Đem ruộng đất giao cho nô lệ canh tác là điều không thích nghi nhất. Việc làm đó cũng giống như giao ruộng đất cho đao phủ để hành hình”* [57; tr.450]. Sự công kích này đã giúp những nhà quản lý Rome ý thức đến việc thay đổi, nhất là lý thuyết nông học của Columella gần như công kích vào chế độ chiếm nô của Rome và việc sử dụng lao động nô lệ trong nông nghiệp như của Carton²² cách đó 3 thế kỷ. Tư tưởng

²² Trong khi đó Carton (234 -149 TCN), lại là nhà tư tưởng bảo vệ cho nền kinh tế chiếm hữu nô lệ đó. Trong tác phẩm “Nghề trồng trọt” của mình, ông đề nghị “Tiêu dùng ít, dành dụm nhiều”. Carton coi lợi nhuận chính là số dư thừa ngoài giá trị mà giá trị được ông hiểu là những chi phí sản xuất. Chẳng hạn, trong việc sử dụng công nhân tự do, Carton cho rằng tất cả “giá trị là các chi phí về vật tư và tiền trả cho công thợ”. Vì vậy, để có được lợi nhuận cao ông khuyên hãy “yên tâm chờ đợi giá cao”. Tuy nhiên, Carton là kẻ thù của việc sử dụng lao động làm thuê. Ông mong muốn bảo đảm nguồn thu nhập nhờ các nô lệ, ông chú ý nhiều đến việc tổ chức lao động của nô lệ. Carton yêu cầu phải có điểm giới hạn khả năng kéo dài ngày làm việc của nô lệ. Căn cứ vào môi trường làm việc của nô lệ, Carton đề nghị duy trì những cuộc cãi cọ giữa nô lệ với nhau, bắt nô lệ làm việc khó ải hơn gia súc. Chẳng hạn, trong những ngày lễ, bò đực có thể nghỉ ngơi còn nô lệ vẫn phải làm việc. Bò đực ốm cần phải chữa chạy, còn nô lệ vẫn phải được bán tổng đi giống như “chiếc xe ngựa cổ lỗ”. Tư tưởng cực đoan, cũ hủ của Carton về sử dụng lao động nô lệ trong nông nghiệp về sau bị hạn chế nhiều do thực tế là lao động của nô lệ trong các ngành trồng trọt không đem lại hiệu quả cao. Vì thế lý thuyết nông học của

nông học cấp tiến so với thời này đã kích thích sự ra đời của chế độ lệ nông. Các điền trang ở châu Âu về sau đã học hỏi nhiều về mặt quản lý nông trại từ lý luận của Columella.

Trong toàn lãnh thổ Rome, nhiều ứng dụng cải tiến công cụ lao động nông nghiệp được phổ biến. Loại cày có bánh xe ở Hy Lạp, công cụ cắt lúa là liềm cong ở Gallia... phần nào tăng được năng suất lao động. Mạng lưới kênh mương để tưới tiêu ở Ai Cập được cải tiến, mở rộng và là vừa lúa cung cấp lương thực cho Rome. Tương tự, Panonia, Miosesia ở bờ sông Dabube cũng đóng góp nguồn lương thực dồi dào. Nho, oliu ở Gallia, Tây Ban Nha, các đảo trên biển Aegean.

Trong bối cảnh đó, một số nghiên cứu cho rằng xã hội nô lệ và lao động nô lệ chỉ tương ứng với thành Rome và vùng phụ cận Italia. Còn sự tuyên bố rằng toàn bộ nền kinh tế dựa trên chế độ nô lệ, phải được chứng thực cho các tỉnh khác để trung bình cho toàn bộ đế quốc đạt 50% lao động nô lệ. Tuy nhiên, các tỉnh lại không đạt được con số tỷ lệ lao động như ở Rome. Ví dụ, theo điều tra dân số từ Ai Cập cho thấy rằng nô lệ ở Ai Cập chiếm khoảng 10% dân số.

Một ước tính khác về chế độ nô lệ trong Đế quốc Rome là chỉ có 10-15 % dân số là lao động nô lệ. Thời thịnh vượng nhất khoảng một phần tư dân số của Rome và khoảng một phần mười số đó ở các tỉnh. Cuối cùng giá trị của 1/8 (tức 12.5%) sẽ được quy cho tổng thể tỷ lệ nô lệ trong Đế quốc. Trớ trêu thay, nếu người ta chấp nhận lý thuyết Rome dựa trên lao động nô lệ, và hoàn toàn là 12,5% nô lệ ở trong lực lượng lao động có nghĩa là tối đa 12,5% dân số miễn lao động, điều đó có nghĩa là 25% dân số sẽ làm việc, trong khi 75% thành thoi sống từ lao động của những người kia. Và họ gọi đây là một nền kinh tế cung ứng (subsistence economy) và người ta cho rằng có gì đó không đúng với đánh giá này. Nền kinh tế không thể là một nền kinh tế cung ứng nếu chỉ có tối đa 25% lực lượng lao động làm việc cho 75% còn lại và tạo ra sự giàu có như đã được chứng minh [106; tr.212]. Nhiều quan điểm nghiên cứu khác đồng ý là lao động tự do, là hình thức lao động chủ yếu và nền kinh tế của Đế quốc Rome dựa trên lao động tự do²³. Tuy nhiên, theo chúng tôi đây chỉ là những quan điểm còn thiếu những căn cứ và bằng chứng thuyết phục.

²³Điều này tương đồng với nền kinh tế Mỹ trong thế kỷ XIX. Vào năm 1860, theo điều tra dân số, tỷ lệ nô lệ đã gần một phần ba ở các bang phía Nam, nhưng nếu cộng toàn bộ dân số Mỹ, tỷ lệ sẽ là một phần tám (12.5%), tương đương với Đế quốc Rome. Như vậy, chế độ nô lệ và phương thức sản xuất của nó tích hợp vào các mô hình nhà nước theo mỗi cách riêng.

Có thể nói với vai trò quan trọng của nô lệ trong kinh tế, xã hội Rome, chế độ nô lệ của Rome là một kiểu điển hình nhất trong hình thái xã hội chiếm hữu nô lệ.

Chế độ lệ nông

Từ đầu thời kỳ chế độ Principate, chế độ nô lệ có sự thay đổi lớn, cách nhìn nhận về nô lệ cởi mở hơn. Các chủ nô ở Rome đã thay đổi cách bóc lột. Họ đem một phần ruộng đất, các cơ sở kinh tế giao cho nô lệ kinh doanh để thu một phần lợi nhuận. Nhiều nô lệ được giải phóng và họ thành người làm thuê trên mảnh đất của chủ nô cũ. Mặt khác, các chủ ruộng đất lớn cũng chia nhỏ ruộng ra và phát canh cho những người không có ruộng đất cày cấy như nô lệ mới được giải phóng, nông dân nghèo, cư dân các man tộc... Những người được phân ruộng làm thuê này gọi chung là lệ nông (coloni). Nguyên nghĩa coloni nghĩa là người nông dân tự canh tác hay những di dân canh tác ở những vùng đất bị Rome chiếm làm thuộc địa. Và thực tế là họ đem sức của chính mình để canh tác trên mảnh đất được chia đó. Lệ nông so với nô lệ được chút ít tự do và có tinh thần tự nguyện sản xuất hơn. Và việc phát canh theo hình thức mới cho những đối tượng xã hội mới ở nông thôn được gọi chung là chế độ lệ nông (colonat) điển hình của thời kỳ quân chủ. Những lệ nông này buộc gắn chặt vào ruộng đất và đem lại nhiều lợi ích lớn cho các đại điền chủ. Lối bóc lột mới này vừa có lợi cho chủ, vừa có lợi cho người sản xuất, vừa kích thích hứng thú và khả năng lao động của họ để tạo ra năng suất lao động cao.

Lý giải cho sự ra đời trực tiếp của hình thức sản xuất mới này trong thế kỷ I, nhiều sử gia cho rằng do các đại điền chủ không thể tự mình đi hết phần đất đai của điền trang (Latifundia) rộng lớn mà họ sở hữu nên buộc phải giao cho tầng lớp lệ nông trực tiếp trông trọt trên các mảnh ruộng, chủ yếu là ruộng trồng lương thực hay trồng các cây nông nghiệp ngắn ngày. Thời kỳ này, các chủ đất không còn tin tưởng những người quản lý nô lệ như trước và dù gì thì sự thu hoa lợi từ đất trồng lương thực vẫn an toàn hơn so với các loại hình nông nghiệp khác.

K.Marx đã đặt vấn đề về việc gọi các chủ đồn điền ở Mỹ thế kỉ XIX có phải các nhà tư bản và kết luận họ là những nhà tư bản, căn cứ trên sự tồn tại của họ như là sự bất thường trong một thị trường thế giới dựa trên lao động tự do. Một chế độ sản xuất được cho là cùng tồn tại với lực lượng chủ đạo chiếm ưu thế. Thị trường thứ cấp như chế độ nô lệ trong trường hợp chủ nghĩa tư bản Mỹ là bị chi phối bởi chế độ chính trị nhưng được tích hợp vào chế độ này. Khi đó lao động được sử dụng, cũng như nô lệ người Mỹ, để sản xuất cho một thị trường tư bản. Chế độ nô lệ không phải là điểm của cạnh tranh cho sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Lý do tại sao chủ nghĩa tư bản có thể cùng tồn tại với chế độ nô lệ đã được Marx chứng minh. Nếu các trạng thái lao động nô lệ của Mỹ, nơi tỷ lệ được tìm thấy là 1/3, là vẫn được coi là trạng thái tư bản, thì tỷ lệ 1/8 cho Đế quốc Rome cũng sẽ diễn ra tương tự. Tuy nhiên, chế độ nô lệ ở Rome đã được giải thích chi tiết để thể hiện tầm quan trọng kinh tế và chứng minh tại sao nó không chỉ khác với chế độ nô lệ của Mỹ, mà lại rất giống với lao động tự do.

Lúc đầu lệ nông là người tự do, có một số vẫn có quyền công dân, thân phận của họ không phải suốt đời và tất nhiên không phải cha truyền con nối như nô lệ. Thậm chí ở một vài trường hợp đặc biệt, họ có thể đảm nhận những chức vụ tôn giáo hoặc là thành viên của các hội đồng địa phương.

Mối quan hệ chủ đất - lệ nông chỉ là quan hệ về kinh tế. Họ chỉ có một nghĩa vụ là phải nộp địa tô cho chủ ruộng đất bằng tiền hoặc bằng sản phẩm. Mức thu địa tô lúc đầu bằng 1/3 thu hoạch. Lệ nông phân biệt với nô lệ ở chỗ họ không phải đeo xiềng khi lao động.

Về sau, cùng với sự phát triển của chế độ lệ nông, địa vị của lệ nông ngày càng thấp kém. Hết thời kỳ Pax Romana, thân phận của lệ nông không còn tự do nữa, phải cha truyền con nối và bị gắn chặt vào ruộng đất. Mức địa tô phải nộp cao hơn trước kia nhiều. Họ không được kết hôn với những phụ nữ có địa vị tự do²⁴.

Như vậy, chế độ lệ nông được hình thành từ những nguyên nhân sâu xa như: do sự bóc lột tàn khốc của giai cấp chủ nô đối với nô lệ dẫn đến nhiều cuộc khởi nghĩa đổ máu; do chế độ nô lệ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội, năng suất thấp kém của lao động nô lệ buộc giai cấp chủ nô phải thay đổi hình thức sản xuất; do nguồn cung cấp nô lệ chiến tù ngày càng ít đi dẫn đến phát sinh những vấn đề mới trong nền kinh tế của Đế quốc Rome.

Chế độ lệ nông phát triển vào giai đoạn cuối của chế độ chiếm hữu nô lệ, là hình thức quá độ giữa chế độ nô lệ và chế độ nông nô. Đây là mầm mống sơ khai của hình thái kinh tế xã hội phong kiến khởi phát ở Tây Âu, dần dần thay thế cho hình thái kinh tế xã hội chiếm hữu nô lệ vào những thế kỷ sau này. Những người lệ nông chính là tiền thân của nông nô²⁵ thời trung đại.

²⁴Kiểu hôn nhân của họ được pháp luật của Rome quy định không khác kiểu Contubernium, là một cuộc hôn nhân nô lệ. Cuộc hôn nhân giữa những lệ nông với nhau vì thế không được xem là hợp lệ. Chúng phụ thuộc vào ý chí của những người chủ.

²⁵Chúng ta cần phân biệt thêm với chế độ nông nô giai đoạn đầu của thời phong kiến Tây Âu sau này, với ba loại lực lượng lao động nông nghiệp chính là lệ nông, nông dân nửa tự do và nô lệ. Trong ba loại này, lệ nông là tầng lớp đông đảo nhất. Được nhận một phần đất do chủ giao cho, họ có nghĩa vụ phải nộp tô, nộp thuế thân, phải làm lao dịch và không được rời ruộng đất.

Nô lệ chia làm hai loại: loại thứ nhất gồm những đầy tớ làm các công việc hầu hạ trong nhà lãnh chúa và những người làm các nghề thủ công làm việc trong các xưởng của lãnh chúa. Họ bị coi là tài sản của chủ và có thể bị mua bán. Loại thứ hai là những nô lệ được cấp ruộng đất, họ phải nộp địa tô cho chủ và không được rời khỏi ruộng đất. Tuy vậy, sau khi nộp địa tô, số sản phẩm còn lại thuộc quyền sử dụng của họ. Thế là, về danh nghĩa, họ vẫn là nô lệ nhưng thực chất họ đã biến thành nông nô.

Còn nông dân nửa tự do là những người có địa vị cao hơn nô lệ, nhưng lại thấp hơn lệ nông. Họ cũng được giao cho một mảnh đất để canh tác và truyền mảnh đất ấy từ đời này sang đời khác. Cùng với sự phát triển của phương thức bóc lột phong kiến, sự khác biệt giữa ba loại lực lượng lao động nông nghiệp ấy ngày càng ít. Họ biến dần thành một tầng lớp có thân phận giống nhau, đó là tầng lớp nông nô.

3.2.3. Kinh tế thủ công nghiệp

Thủ công nghiệp có những tiến bộ trong kỹ thuật sản xuất, trong phân công lao động và chuyên môn hóa trong việc sản xuất ra những mặt hàng tinh xảo. Những tiến bộ về mặt kỹ thuật trong sản xuất có thể kể đến việc chế biến đồ kim khí, sự phát minh ra cối xay nước, cày cải tiến lớn hơn và nặng hơn trước, việc hoàn thiện máy ép nho bằng gỗ ...

Dụng cụ xây bột bằng nước được ứng dụng trong kỹ thuật khai thác mỏ. Việc sử dụng các dụng cụ thoát nước trong hầm mỏ giải quyết vấn đề ứ đọng, đảm bảo an toàn khai thác. Loại rổ rẻ và những dụng cụ kéo vật nặng lên cao đã được ứng dụng trong công trình kiến trúc. Các ngành thủ công phát triển nở rộ, nhiều chủng loại sản phẩm ra đời, kỹ thuật chế xuất tinh xảo hơn.

Có đến 80 ngành nghề thủ công được cho là có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế [57; tr.447]. Một số trường hợp đặc biệt, các ngành nghề có thể nhiều hơn. Các tài liệu chữ khắc cổ cho biết có 268 nghề nghiệp khác nhau ở thành phố Rome và 85 ở Pompeii [85; tr.196]. Có thể kể đến các ngành như thoi pha lê, dệt len, làm đồ châu báu, muối, làm gốm, đồ đá, chế hương liệu, dụng cụ sắt, làm bánh mì, rượu... và đặc biệt là sản xuất vũ khí quân dụng. Các ngành thủ công có quy mô theo phường sản xuất, từ vài chục đến vài trăm người, trong đó đông nhất là sản xuất đồ gốm. Mỗi vùng có những sản phẩm đặc thù như Etruria, Campania sản xuất đồ kim loại, Mutina làm đèn... là những vùng gần Rome. Ở các tỉnh Bắc Phi làm hàng xa xỉ, châu báu; Tiểu Á làm chăn len, da lông; thuộc nhuộm, pha lê ở Phoenecia; mỹ phẩm, vải gai ở Ai Cập...

Ngành khai thác mỏ hưng thịnh ở Tây Âu. Các mỏ chì, thiếc, bạc ở Tây Ban Nha, sắt ở Gallia, chì ở Anh, vàng ở Dacia... Muối thời bấy giờ được xem là một tài nguyên thiết yếu: *“Muối là một yếu tố quan trọng trong thành công của người La mã; hơn 60 mỏ muối hiện diện trên toàn đế chế”* [8; tr.173]. Về quy mô các mỏ khai thác các loại tài nguyên, có những mỏ ở Tây Ban Nha tập trung đến 40.000 người làm [53; tr.143]. Ngoài những cơ sở sản xuất thủ công nghiệp của tư nhân, còn có những xưởng lớn của nhà nước chuyên khai thác kim loại, đá, sản xuất đồ gốm, gạch ngói..., tập trung đông đảo nô lệ và một phần là dân tự do làm thuê, với quy mô to lớn.

Sự phát triển thủ công nghiệp dẫn đến sự ra đời các nghiệp đoàn (collegia). Nghiệp đoàn quan trọng nhất ở nhiều thành thị trong lãnh thổ Rome là nghiệp đoàn thợ

nén dạ, liên quan đến việc sản xuất vải vóc, nhuộm và giặt áo quần. Những người thợ nhuộm với nhiệm vụ của họ là giặt và chuẩn bị vải, quần áo hoặc sau khi được người thợ dệt dệt xong hoặc khi chúng bị bẩn trong khi sử dụng. Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu một vài ngành thủ công của các nghiệp đoàn tiêu biểu.

Nghề dệt và nhuộm vải

Công việc sản xuất vải vóc, có nghĩa là xe lanh, dệt vải được tiến hành tại nhà qua bàn tay lao động của những nữ nô. Công việc xe được dùng tay xe sợi, với cọc sợi và con suốt. Cái xa còn chưa được biết tới. Công việc dệt vải đòi hỏi phải có khung cử²⁶, hình dạng biến đổi theo dòng thời gian và được hoàn thiện vào đầu thời kỳ Pax Romana. Máy dệt này được sử dụng trong suốt thời kỳ cổ đại và trong tất cả các tỉnh. Những khung cử dệt này cho phép thực hiện các hình vẽ bằng cách thay đổi các màu sắc và cách dệt sợi ngang. Các tấm thảm cổ xưa được lưu giữ cho thấy rõ những chi tiết của kỹ thuật dệt này. Đối với các vải quý thuộc loại này, có các xưởng chuyên biệt, nhất là ở phương Đông, nơi người ta không những chỉ sử dụng len mà còn sử dụng cả lụa, lanh và vải bông nữa.

Phương thức khá phức tạp. Trước tiên vải được giặt trong nước chứa một chất giặt nào đó rồi người ta đưa vải sang một chậu chứa đầy đất sét tẩy dạ, sau đó người ta dùng các chày đập bằng gỗ đập vải, để các sợi khít vào nhau hơn. Việc xả sạch sẽ được tiến hành sau khi đã chải nhẹ nhằm tạo ra dáng vẻ mượt mà. Khi có vải len màu trắng, các vết bẩn được tẩy sạch với việc phun hơi bằng xút, các hơi xút xông lên tạo thành một chất tẩy màu rất mạnh. Các áo choàng bằng da, đôi khi được thấm bột phấn rất mịn, tạo thành một lớp hồ khá bền. Lúc này người ta đưa chúng sang máy ép để tạo các đường li.

Qua các cuộc khai quật khảo cổ, nhiều nhất là ở thành Pompei, người ta phát hiện một xưởng ép dạ với rất nhiều các chậu to được những người công nhân nhúng vải vào

²⁶ Khung cử bao gồm một khung gỗ với hai xà khi thì thẳng đứng khi thì chéch nghiêng và có lỗ khoan cách quãng đều đặn. Một xà ngang được cố định ở phần trên và cố định với các chốt. Một xà ngang khác, giống như thế, ở phần dưới. Một thanh ngang di động có các giá đỡ nằm ẩn trong các lỗ của nẹp đứng. Các sợi dây được buộc vào thanh ngang phía trên và đan xen ẩn vào trên và dưới của thanh ngang. Mỗi sợi được buộc vào một quả cân tạo thành lực kéo căng. Mỗi một trong số sợi ẩn dưới thanh ngang phía dưới lại có một sợi dây buộc nối thêm vào thanh ngang di động. Bằng cách này, hai sợi dây giáp nhau tạo thành một góc, qua đó với một con thoi, người ta đưa sợi ngang qua. Thao tác hoàn thành, thanh ngang được rút ra khỏi giá đỡ và đưa về tiếp xúc với các nẹp đứng. Việc này nhằm đưa sợi trở lại, dưới tác động của quả cân - lực kéo căng, ở phía sau các sợi dây đi xuyên qua thanh ngang phía dưới. Trong góc mới được tạo ra như vậy, người ta cố gắng đưa sợi dệt ngang áp sát với sợi ngang đã dệt trước đó bằng một que mềm. Sau đó, một lần nữa, thanh ngang được đặt lên các giá đỡ và cứ tiếp tục như vậy. Do đó công việc được tiến hành từ trên xuống dưới. Thanh ngang tạo thành trục lăn: khi người ta đặt tới được một độ vải dài vừa đủ và để tiếp tục công việc một cách tiện lợi, người ta quấn lên thanh ngang này khổ vải đã dệt được.

đó và dùng chân chà xát, một lán kho dùng vào việc sấy khô, và cả một loạt những bàn chuoát và chải thô. Các máy ép giống như các máy in sao, với các thanh nẹp đứng và vít xiết.

Việc nhuộm vải được các thợ ép dạ hay thợ nhuộm chuyên trách thực hiện. Nói chung, đó chính là len, vẫn còn ở dạng lông cừu hay dẹt và ở dạng, sợi, được nhuộm theo màu mong muốn. Theo cách này người ta có được một màu duy nhất và vải nhuộm thâm đều. Thuốc nhuộm do chính người thợ nhuộm làm ra, hay đã được làm sẵn khi nhập vào. Màu được ưa chuộng nhất là màu tía²⁷, gồm cả một gam các màu tím và các màu đỏ chứ không phải chỉ một màu nhất định.

Những thuốc nhuộm màu tía vô cùng đắt đỏ và được nhiều người ưa chuộng. Chính vì thế chỉ có người giàu có mới có thể dùng màu này. Sau này, nhiều loại thuốc nhuộm rẻ tiền hơn xuất hiện. Phần lớn các sản phẩm này có nguồn gốc thực vật như: cây nghệ cho các loại màu vàng, một số vú lá cây sồi, xanh chàm nhập từ Ấn Độ, cũng như các nguyên liệu bản xứ, như cây địa đất và cây rễ đỏ của các thợ nhuộm. Người ta cũng dùng cả các khoáng chất: rỉ sắt, than sa, bồ hóng...

Việc sản xuất vải, nhuộm, giặt đa công và cầu kỳ này đã tạo nên những sản phẩm vải vóc đáp ứng nhu cầu ăn vận khá chung diện của thành Rome cũng như thành thị ở các tỉnh và nhất là thỏa mãn nhu cầu xa hoa của giới chủ nô, quý tộc.

Một điều thú vị là mặt hàng dẹt may rất cần thiết, được ưa chuộng và dường như giao dịch phổ biến khắp Đế quốc. A.H.M. Jones cho biết: *“Cả hàng dẹt và hàng may mặc thành phẩm đều được giao dịch giữa các dân tộc của đế quốc, những sản phẩm thường được đặt tên theo địa điểm như một thị trấn cụ thể, đó là một hình thức “thương hiệu”* [90; tr.184-185]. Hàng may mặc thành phẩm được phân phối bởi các đại lý bán hàng và đặc biệt là vai trò của các thương nhân lưu động. Centonarii là từ để gọi công nhân bang hội chuyên sản xuất hàng dẹt may và tái chế quần áo cũ thành hàng hóa. Các thợ dẹt, thợ nhuộm đều có nghiệp đoàn riêng và đều hoạt động rất hiệu quả.

Nghề sản xuất và kinh doanh rượu

Qua việc khai quật các di chỉ ở thành Pompei, các nhà khảo cổ học đã phát hiện

²⁷ Việc làm thuốc nhuộm màu tía rất phức tạp. Thuốc nhuộm màu tía cổ điển được làm từ một chất tiết ra ở một số động vật thân mềm vùng Địa, Trung Hải, thuộc loài ốc gai. Trong con vật còn đang sống, chất lỏng này có màu trắng nhò nhò hay vàng nhạt. Khi con vật chết và dưới tác động của mặt trời, chất này ngả sang màu tía, sau một loạt các chuyển đổi màu từ màu vàng chanh sang màu xanh chàm. Tính chất đặc biệt này cho phép dùng việc "chuyển" màu vào thời điểm mong muốn và sau đó tiến hành những pha chế.

ra một nền chế biến và kinh doanh rượu rất phát triển. Nguyên liệu là rượu nho từ các vườn nho vùng Campanie. Người ta chở nho trên những chiếc xe nhỏ chất đầy về tận trang trại. Nho được ép qua một hệ thống ép cổ xưa với một chiếc đòn bẩy có nối dây với một cái trục đứng. Việc ép nho có được nhờ vào một cái máy vít, giống với cái vít của các máy ép hiện đại. Nước nho được hứng vào một đường rãnh lát xi-măng, đường này sẽ đưa nước nho vào những chum lớn bằng đất nung được trám nhựa kín (*dolia*). Các chum *dolia* này rất to, được hầu như hoàn toàn chôn dưới đất khiến cho việc chắt rượu rất khó khăn. Rượu được làm theo cách này đậm đà. Vào cuối thế kỷ I, việc sử dụng các thùng *tonneau* bằng gỗ có đóng đai như xứ Gaul được sử dụng. Thùng *tono* bằng gỗ, tiện lợi hơn, thay đổi hoàn toàn các điều kiện lên men và ngấu rượu cũng như hương vị của rượu. Rượu vang xứ Gaul rất tiếng tăm, làm lu mờ sự nổi tiếng của mùi vị thổ địa của rượu truyền thống vùng Địa Trung Hải.

Sự tập trung sở hữu vào tay một số người ở Rome biến việc sản xuất rượu trở thành một nền sản xuất gần như mang tính công nghiệp. Xuất phát từ các cơ sở lớn, rượu được phân phối cho các thương gia và những người tiêu thụ trong các túi da lớn chở trên các xe kéo bốn bánh. Người ta đổ đầy rượu vào trong các vò hai quai rồi trám kín bằng xi hay thạch cao. Đôi khi, người ta tách lớp bề mặt bằng một lớp dầu mỏng để ngăn sự oxy hóa khi tiếp xúc với không khí. Việc khắc bằng mũi nhọn ngay trên vò hay có miếng ván nhỏ buộc vào cổ vò ghi lại năm thu hoạch và bình rượu sẽ yên ngủ trong hầm, vùi đứng trong một lớp cát dày là công việc ghi chép quan trọng để lập một “hồ sơ” cho thùng rượu [19; tr.122].

Người ở thành Rome và các thành thị trong toàn lãnh thổ đế quốc không khó để kiếm rượu riêng cho mình. Người ta có thể thưởng thức ở các quán ăn, quán rượu các vò hai quai, đựng đầy các loại rượu khác nhau. Thường rượu địa phương, rẻ nhất, người ta có được một lượng rượu với giá một *As* như rượu Campanie, các loại rượu Toscan, các loại rượu Hy Lạp. Giá rượu *falec* đắt gấp bốn lần so với loại rượu thường. Ngành sản xuất rượu rất phát triển và thịnh vượng cho mãi sau này.

3.3. Thể chế trong thương mại, giao thông và tiền tệ

3.3.1. Sự vận hành các luồng thương mại

Sự gia tăng sản xuất trong các ngành và khu vực khác nhau của đế quốc Rome, đặc biệt là những khu vực chuyên về các sản phẩm nhất định đã dẫn tới yêu cầu hình thành các tuyến thương mại mở rộng để các sản phẩm đến các khu vực tiêu thụ cũng

n như việc trao đổi hàng hóa, lao động giữa các vùng kinh tế trong đế quốc. Hai phương thức cơ bản của thương mại được tiến hành trong đế quốc là trên mặt nước (biển, sông) và trên đất liền. Đó chính là tiền đề hình thành các thiết chế kinh tế như cảng biển, kênh đào (thương mại trên mặt nước) và đường bộ. Thương mại hàng hải và đất liền cũng được Rome giám sát dựa trên nhiều điều luật liên quan đến các vấn đề hàng hải và thương mại.

Giao thương bằng sông và biển trong thời kỳ này là phương cách vận chuyển hiệu quả và tiết kiệm nhất, do tốc độ, phạm vi và khối lượng hàng hóa lớn có thể chuyển nhượng.

Vận chuyển (navicularia -latin) là một phần quan trọng của nền kinh tế Rome cổ đại cũng như bất kỳ nền kinh tế nào chú trọng đến sự giao thương. Rome sau nhiều cuộc viễn chinh, thiết lập cương giới về cơ bản sở hữu toàn bộ Địa Trung Hải đã cho phép các thương nhân dễ dàng buôn bán với các thành thị gần biển. Không phải ngẫu nhiên mà các thành thị lớn nhất của thời kỳ này hoặc nằm trên bờ biển hoặc trên một con sông có thể đi nhanh ra biển. Nhiều nghiên cứu về kinh tế cho rằng việc hàng hóa được vận chuyển bằng đường biển, đường sông rẻ hơn so với vận tải đường bộ.

Tuy nhiên, trên thực tế số lượng lớn hàng hóa lại được vận chuyển trên đất liền, nhất là ở những quãng đường ngắn, và vận chuyển thương mại trên biển (hoặc sông) thuận lợi hơn cho khoảng cách trung bình và dài hơn.

Một bản thống kê cho thấy, hàng hóa vận chuyển khoảng cách ngắn khoảng 1.078.000 tấn, khoảng cách tầm trung 295.000 tấn và đường dài 165.000 tấn [106; tr.228].

Phần lớn các sản phẩm nông nghiệp được tiêu thụ tại địa phương, nhưng các sản phẩm khác, nhất là những mặt hàng xa xỉ có xu hướng được tiêu thụ ở những khu vực xa hơn. Vì dù ngay cả khi một con tàu từ một nơi xa xôi vận chuyển hàng hóa bằng đường biển đến một thành phố nơi các sản phẩm được tiêu thụ vẫn sẽ cần một lượng người để dỡ hàng và vận chuyển một khoảng cách ngắn cần thiết cho chợ, nhà kho. Như vậy, khối lượng hàng hóa được vận chuyển trong khoảng cách ngắn sẽ luôn có lợi thế hơn bất kỳ phương tiện giao thông đường dài hoặc trung bình nào. Minh họa cho điều này là mặt hàng lúa mì - một thực phẩm chủ yếu khắp mọi nơi trên Đế quốc đều cần và vẫn có khoảng 30% sản lượng được vận chuyển trong khoảng cách trung

bình đến dài [106; tr.229]. Một số vùng của Đế quốc, ngay cả thành Rome, khó có thể có đủ sản lượng lúa mì địa phương tự trồng và cần thiết phải nhập khẩu số lượng lớn.

Việc hình thành các tuyến giao thông, các luồng thương mại sẽ tạo được nhiều tác động tích cực. Từ kinh đô Rome đến các tỉnh phía Đông và phía Tây có sự kết nối về kinh tế, hình thành một mạng lưới luân chuyển, trao đổi hàng hóa từ các cơ sở sản xuất hàng thủ công nghiệp, các mặt hàng nông phẩm, đến những hàng xa xỉ phẩm, hàng nhập nước ngoài... Sự sản xuất hàng hóa tăng lên, nhu cầu trao đổi qua thị trường cấp thiết hơn trước, liên kết vùng miền được đề cao nên xóa dần ranh giới của tính chất tự nhiên tự cung tự cấp. Rome phải nhập hàng hóa từ Ai Cập, xứ Gaul, Tiểu Á, đảo Sicily... trong lãnh thổ và cả hàng hóa từ Trung Quốc, Ấn Độ... để phục vụ từ nhu cầu đời sống đơn giản đến nhu cầu xa hoa của mình.

Những yêu cầu thiết yếu trên đây đã dẫn đến sự hình thành các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy, không chỉ phục vụ cho nhu cầu thương mại mà còn phục vụ cho các ý đồ bành trướng, mở rộng lãnh thổ và tiếp xúc với các nền văn minh khác ngoài biên giới Rome.

3.3.2. Hệ thống vận tải đường bộ

Từ thời đại Augustus (27 TCN -14) trở đi, các hoàng đế Rome lấy kinh đô làm trung tâm, đắp đường sá đi thông suốt đến các tỉnh. Mỗi khi chinh phục được một vùng đất thì một trong những điều đầu tiên mà quân đội phải làm là xây dựng đường sá để quân lính di chuyển nhanh hơn. Về sau, những con đường này góp phần vào việc đi lại, vận chuyển hàng hóa dễ dàng hơn và giúp kết nối Đế quốc thành một mạng lưới kinh tế, chính trị thống nhất. Những đường sá đều có lát đá, rộng rãi chạy đi khắp nơi trong toàn quốc, chằng chịt như những mạch máu trong cơ thể. Điều đặc biệt là chất lượng các công trình thời ấy rất tốt, đến độ người ta còn dùng đến ngày nay. Có thể kể đến cây cầu ở Alcantara thuộc Tây Ban Nha. *“Đã hơn 1800 năm kể từ ngày được xây dựng, cây cầu vẫn được dùng để đi lại.”* [24; tr.194].

Augustus bắt đầu chương trình bảo trì hệ thống đường sá trong những năm mới cầm quyền. Ông bổ nhiệm một số sĩ quan coi sóc việc này, mỗi người phụ trách ít nhất một con đường. Ông cho dựng cột mốc nhũ vàng (miliarium aureum), tại quảng trường Rome. Cây cột có chữ mạ đồng này là điểm hội tụ lý tưởng của tất cả các con đường ở Italia. Từ đó có câu ngạn ngữ: *“Đường nào cũng tới Rome”*. Augustus cũng

cho trưng bày bản đồ của toàn bộ hệ thống đường sá. Đường như so với nhu cầu và tiêu chuẩn thời ấy, mạng lưới đường này là quá tốt.

Những con đường của Rome không chỉ có hàng hóa và quân đội đi qua mà còn *“chuyển tải những tư tưởng, trào lưu nghệ thuật, triết lý và giáo lý”* như Romolo A. Staccioli, nhà nghiên cứu văn khắc từng nhận định [109].

Đến thời hoàng đế Trajan (98-117), 23 con đường đã được thiết lập từ điểm xuất phát là cột mốc dựng tại quảng trường thủ đô. Cột mốc được mạ vàng này là trung tâm của một hệ thống đường sá dài tất cả 56.000 dặm²⁸. Từ cột mốc chính này là hệ thống hàng triệu các cột mốc khác trên đường. Các cột mốc trên đường cho người ta biết khoảng cách từ nơi này đến nơi khác. Cột mốc thường làm bằng đá, hình trụ, và được đặt cách quãng mỗi 1.480 mét - tương đương đơn vị một dặm của người La Mã. Cũng có những trạm dừng chân để khách lữ hành có thể thay ngựa, mua thực phẩm, hoặc trong vài trường hợp, nghỉ qua đêm.

Tại phía Bắc, hệ thống đường sá đi qua Lombardy, xứ Gaul và nước Anh, đến tận biên giới Scotland, phía Đông đi qua Zuyder Zee, phía Nam đi đến Cadiz thuộc Tây Ban Nha và từ đây nó đi dọc bờ biển Địa Trung Hải đến tận các kim tự tháp Ai Cập, sau đó đi dọc theo biên giới Palestin, tại đây nó phân các nhánh đến Byzantium, Smyrna, Persia và Ấn Độ Dương, phía Tây nó còn đi xa hơn nữa đến Bosphorus qua Hy Lạp, Hungary và bờ biển Dalmatia rồi đến tận biên giới nước Đức. Ở nhiều nơi khác nhau, nó phân ra rất nhiều nhánh, làm thành 125.000 dặm gồm các con đường cấp 2 đi đến trung tâm của nhiều nước, nhiều tỉnh và nhiều thị trấn [47; tr.72-90].

Khi Rome đạt được các chiến thắng đầu tiên, họ dựa trên các dấu vết các con đường tại các địa phương và tìm cách thống nhất nó để thành một mạng lưới, nền tảng cho hệ thống đường sá châu Âu.

Rome giỏi trong việc xác định các chiến lược về quy hoạch có tính tổng thể trên khắp lãnh thổ, hướng đến tính liên kết cũng như khả năng giao thương. Và họ đội ngũ tính toán tỉ mỉ đến từng chi tiết của việc hoạch định này. Các con đường phục vụ cho việc phát triển thương mại và sự bành trướng thuộc địa, hay nói cách khác nó trở thành một trong những công cụ chinh phục quan trọng.

²⁸ Về con số 56.000 dặm tương đồng với 80.000km nếu được quy đổi theo con đường La Mã chứng tích của ngành kiến trúc cổ đại (Sđd): *“Qua nhiều thế kỷ, người La Mã đã xây dựng một mạng lưới đường sá tiện ích, với tổng chiều dài lên tới hơn 80.000 km trên một diện tích lớn nay thuộc hơn 30 quốc gia”*.

Con đường đầu tiên mang dáng dấp như thế được làm từ năm 300 TCN có tên là Appius Claudius Caecus. Rome đã dành nửa thiên niên kỷ để làm đường. Các con đường sau này trở thành hành trình của các tông đồ Thiên Chúa giáo cũng như sự xâm lược của các man tộc. Trong nội dung này, chúng tôi chỉ khảo sát các con đường thời kỳ Pax Romana.

Thời hoàng đế Augustus, hệ thống đường sá tại xứ Gaul được thi công. Những người kế nhiệm làm thêm hệ thống đường tới phía Bắc, phía Tây để tiếp nhận hàng hóa từ Anh. Hoàng đế Trajan (98-117) là người hoàn thành con đường mạn này. Tiberius xây dựng con đường thứ hai tại Tây Ban Nha gọi là “con đường bạc”, nối liền đường Domitia về bờ biển châu Phi, Ai Cập và xa hơn nữa. Claudius thực hiện xây dựng các con đường tại Anh, mở mang London, Liverpool cũng như Scotland.

Những con đường đã vận chuyển rất nhiều hàng hóa phục vụ việc buôn bán trong toàn lãnh thổ Rome. Cách vận chuyển hàng hóa rẻ nhất thời bấy giờ được cho là vận tải bằng đường thủy. Hải cảng Alexandria (Ai Cập) nổi tiếng là nơi chuyển hàng hóa từ phía Đông về Rome. Người ta cho rằng hầu hết các loại bánh mì ở Rome làm bằng lúa mì Ai Cập.

Để thông thuộc hệ thống khổng lồ các con đường đó, không gì hơn là phải sử dụng một bản đồ khoa học, bao quát. Ngày nay, các sử gia đã tìm ra tấm bản đồ Peutinger, là bản sao của một bản đồ được vẽ từ thời các đạo binh La Mã còn hành quân trên những con đường nổi tiếng đó. Tấm bản đồ này đã được đặt theo tên ông Konrad Peutinger, thư ký thành phố Augsburg ở miền Nam nước Đức khi vào năm 1508, ông có được bản sao tay này. Hiện nay nó được trưng bày tại Thư viện Quốc gia Áo tại Vienna, dưới cái tên bằng tiếng Latin: Tabula Peutingeri. Bản đồ *Peutinger* là một cuộn giấy, khi trải ra, có chiều rộng 0,34 m, còn chiều dài tới hơn 6,75 m. Bản gốc gồm 12 mảnh da được nối lại với nhau. Hiện chỉ còn lại 11 mảnh [51; tr.21-23]. Bản đồ này cho thấy toàn đế quốc Rome vào thời hoàng kim²⁹.

²⁹ Bản đồ Peutinger có thể cuộn lại nên dễ dùng khi đi đường. Một sáng tạo của bản đồ này là người vẽ đã phải thu ngắn hướng bắc nam và kéo dài hướng Đông Tây ra nhiều để có thể đưa mọi chi tiết cần thiết vào bản đồ. Kết quả là ra đời một bản đồ bị biến dạng nhưng dễ mở, dễ tham khảo, có thể cuộn lại và mang theo dễ dàng. Người dùng có thể nhanh chóng nhận ra đâu là con đường dễ nhất để đi từ nơi này đến nơi khác. Các chi tiết trên bản đồ được phân biệt bằng màu sắc. Đường sá được biểu thị bằng màu đỏ, núi bằng màu nâu và sông bằng màu xanh lá cây. Trên bản đồ có tên của hàng trăm thị trấn và vị trí của chúng được đánh dấu bằng hình các ngôi nhà, các khu vườn có tường bao quanh và những ngọn tháp. Bản đồ cũng cho biết khoảng cách giữa các thị trấn, trạm xe và nơi dừng chân. Riêng ký hiệu để chỉ thành Rome là hình một nữ vương quyền uy, khoác áo choàng tím, đang ngồi trên ngai. Quả địa cầu và cây vương trượng trên hai tay bà ám chỉ quyền thống trị thế giới tập trung tại kinh đô của đế quốc.

Về nguồn gốc của kỹ thuật xây dựng, Rome đã học hỏi kỹ thuật xây dựng của người Carthage để nâng cấp những con đường họ tìm thấy. Nhưng có lẽ người Etruria còn đi trước cả Rome trong lĩnh vực này [29]. Ngày nay, người ta vẫn còn thấy dấu tích của những con đường do người Etruria xây dựng. Hơn nữa, trước thời Rome, nơi đây đã có nhiều đường mòn mà có lẽ người ta thường dùng để lừa gia súc từ đồng cỏ này qua đồng cỏ khác. Tuy nhiên, chúng thường khó đi vì rất bụi vào mùa khô và lầy lội vào mùa mưa. Rome thường làm đường trên những con đường mòn này.

Đường của Rome là mẫu hình lý tưởng của những tiêu chuẩn xây dựng công trình công cộng, không những có ý nghĩa vào thời bấy giờ mà cả đến sau này. Chúng tôi xin lược dưới đây để bàn về kỹ thuật xây dựng những con đường huyền thoại đó. Các con đường được chia làm 3 cấp khác nhau: Con đường cấp 1: Các con đường huyết mạch, đường chính quan trọng bậc nhất của hệ thống đường. Đó là xương sống để kiến tạo nên những con đường khác. Chính quyền trung ương đài thọ kinh phí xây dựng chính. Đặc biệt, một số người có tiền của muốn ghi tên mình trên các cột mốc cũng có thể bỏ tiền ra đầu tư. Các con đường này đảm bảo sự thông suốt giữa chính quyền trung ương và các tỉnh, các vùng bị chinh phạt. Chúng thường xuyên được quân đội sử dụng vì những mục đích quân sự và được quân đội bảo vệ, sửa sang; Con đường cấp 2: Là các nhánh được phân ra từ đường huyết mạch. Chúng nối liền các thành phố với nhau, trung tâm huyện lỵ, chợ...; Con đường cấp 3: Hệ thống đường nối các làng xã, đại điền trang, các đồn quân. Kinh phí xây dựng do chính quyền địa phương và các chủ điền lớn muốn lưu thông hàng hóa mình nhanh chóng. Các con đường còn quy định tải trọng lưu hành là 405kg hoặc cao hơn là 585kg trong trường hợp chiến xa do ngựa kéo và được luật pháp quy định rõ ràng để đảm bảo sự an toàn cho những con đường.

Lý do các con đường được xây dựng vững chãi, kiên cố mà theo học giả Pháp Jullian là “*Được xây dựng cho mục tiêu mãi mãi*” xuất phát từ nhu cầu của quân đội. Thời bấy giờ, các phương tiện chiến đấu của Rome rất cồng kềnh, nặng nhọc như máy bắn địch, máy phóng đá, phóng tên... phải tháo rời để di chuyển. Quân đội ngay từ ban đầu buộc phải xây dựng kỹ lưỡng, nhất là những đoạn có đường ống, cầu yếu [30; tr.72]. Điều đặc biệt là bộ phận làm đường được tách hẳn ra khỏi quân đội chiến đấu thông thường, gọi là các binh đoàn công binh riêng biệt. Binh đoàn xây dựng này buộc

đi trước để làm đường cho các binh đoàn chiến đấu hành quân sau. Đây là một mô hình quân đội rất chuyên nghiệp, dẫn đến sự học hỏi của các quân đội hiện đại sau này.

Các con đường của Rome được thiết kế tỉ mỉ và xây dựng theo ba tiêu chuẩn: bền chắc, tiện dụng và thẩm mỹ. Đối với Rome, con đường lý tưởng là đường ngắn nhất nối điểm xuất phát với điểm đích. Đó là lý do tại sao các con đường họ làm có nhiều đoạn thẳng dài, nhưng thường vẫn phải theo đường cong tự nhiên của địa hình. Ở những vùng đồi núi, khi có thể, Rome làm đường ở độ cao lưng chừng, dọc theo bên sườn núi hứng ánh sáng mặt trời. Điều này giúp giảm thiểu những bất tiện do thời tiết xấu gây ra cho người đi đường.

Đầu tiên là xác định tuyến đường. Công việc này được giao cho những người chuyên vẽ bản đồ địa hình. Kế tiếp, công việc đào bới nặng nhọc là phần của binh lính, lao công và nô lệ. Người ta đào hai cái rãnh song song, cách nhau ít nhất khoảng 2,4 mét, nhưng thường là 4 mét, thậm chí còn rộng hơn ở những khúc quanh. Khi đã hoàn thành, chiều rộng của con đường có thể lên tới 10m, gồm cả lối dành cho người đi bộ ở hai bên. Tiếp theo, đất giữa hai rãnh được đào bỏ đi cho đến khi đọng nền đất rắn bên dưới. Hố này sau đó được lấp đầy bằng ba hoặc bốn lớp vật liệu khác nhau. Lớp thứ nhất có thể là đá lớn, thứ hai là đá cuội, có lẽ được trộn với vữa để kết dính, và trên cùng là đá dăm được nén chặt. Một số con đường có bề mặt chỉ là đá dăm nén chặt. Tuy nhiên, điều khiến chúng ta thán phục chính là những con đường với mặt đường được lát bằng những phiến đá lớn, thường được chẻ từ các tảng đá có sẵn ở địa phương. Mặt đường hơi vòng lên ở giữa để nước mưa có thể thoát xuống rãnh ở hai bên. Phương pháp này giúp đường sử dụng được lâu và một số còn tồn tại đến ngày nay.

Via Appia, hay đường Appia, còn được gọi là Regina Viarum, nghĩa là “*hoàng hậu của các con đường*”³⁰ đã minh chứng cho trình độ làm đường của Rome. Thậm chí, các con đường còn băng qua các rào cản tự nhiên như sông suối. Một giải pháp là bắc cầu. Một số cây cầu đó nay vẫn còn, là bằng chứng về trình độ kỹ thuật xuất sắc của Rome xưa. Các đường hầm trong hệ thống cầu đường của Rome có lẽ ít được biết

³⁰ Via Appia Antica là một trong những con đường dài nhất và rộng nhất vào thời điểm được xây dựng ở thế kỷ thứ V TCN, nối thành Rome với thành phố cảng Brundisium (nay là Brindisi), cửa ngõ thông thương với phương Đông. Con đường được đặt theo tên của Appius Claudius Caecus, vị quan La Mã đã khởi công xây dựng nó khoảng năm 312 TCN. Khoảng 900 năm sau khi đường Appia được hoàn tất, sử gia Procopius người Byzantium viết về những phiến đá lát mặt đường như sau: “*Biết bao thời gian đã trôi qua, biết bao cỗ xe đã lăn bánh trên đó mỗi ngày, thế mà những phiến đá ấy vẫn bám chắc và nhẫn nại*”.

đến hơn, nhưng so với kỹ thuật thời bấy giờ, việc xây đường hầm đòi hỏi nhiều công phu hơn. Ngành kiến trúc xây dựng vì thế đã đạt những thành quả mà trong nhiều thế kỷ sau đó không ai sánh kịp³¹. Xây dựng hệ thống cầu đường như thế là một trong những công trình táo bạo nhất của con người.

Hệ thống đường của Rome nối liền các tỉnh lỵ xa xôi với kinh đô của đế quốc. Hệ thống này nối từ các vùng rừng rậm xứ Gaul cho đến tận các thành phố Hy Lạp, và từ sông Euphrates cho đến tận eo biển Manche³². Quan trọng hơn hết, nó giúp cho quân đội có thể đi đến hầu như khắp mọi nơi trên toàn lãnh thổ, củng cố quyền lực của Rome. Từ những trục đường chính được lát đá tủa ra vô số những con đường nhỏ dẫn đến các tỉnh lỵ, thị trấn, khu trồng trọt, thương cảng giúp luồng thương mại phát triển, vận chuyển lữ khách và cả những tư tưởng.

3.3.3. Hệ thống vận tải đường thủy

Nằm trên bán đảo Balkan ở phía Nam châu Âu, thuận lợi cho việc thương mại, buôn bán, họ có thể vượt qua Địa Trung Hải tới Cận Đông là Bắc Phi, phía Bắc là Bắc Âu, phía Tây là Tây Âu và Đại Tây Dương, có nhiều thuận lợi cho giao lưu hàng hoá, thương nghiệp. Rome gọi Địa Trung Hải là Mare Nostrum, tức là “*biển của chúng ta*” hay ao nhà của Rome, với thuyền bè tấp nập ngược xuôi. Các hải cảng Thessalonica, Brindisi, Ostia Antica, Smyrna và Marseilles trong vùng biển Địa Trung Hải cùng với Cadiz ở Đại Tây Dương là nơi tiếp nhận, trung chuyển lượng hàng hóa khổng lồ đi khắp các tỉnh. Trường hợp cảng Ostia Antica kể trên được cho xây dựng dưới thời trị vì của Claudius (41-54), khi vị hoàng đế này cho tổ chức lại các tỉnh phía Đông của Rome và xây một cảng giúp ngũ cốc có thể chuyển về kinh thành Rome trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Tại Hồ Lớn Blue Carrousel, các tàu thuyền qua lại tấp nập, lên xuống hàng liên tục tại các cảng và sau đó hàng hóa tràn ngập các đường phố Rome.

Khảo cổ học hàng hải và các bản thảo từ thời cổ đại cho thấy bằng chứng về các hạm đội thương mại Rome rộng lớn. Phần còn lại đáng kể nhất từ nền thương mại này là cơ sở hạ tầng của bến cảng, kho và ngọn hải đăng tại các cảng như Civitavecchia,

³¹ Một thí dụ điển hình là đường hầm ở đèo Furlo trên Via Flaminia. Vào năm 78, sau khi các kỹ sư đã lập kế hoạch cẩn thận, người ta đào một đường hầm dài 40m, rộng 5m, cao 5m, xuyên qua đá cứng. Đó quả là một công trình đáng khâm phục, so với kỹ thuật thời ấy.

³² Tuy nhiên, các công dân Rome không phải lúc nào cũng tuyệt đối sử dụng những con đường chất lượng đó. Những người đương thời hay dùng thuyền vượt biển Địa Trung Hải để tận dụng sức gió khi đi về hướng Đông. Trái lại, khi đi về hướng tây, họ lại thường dùng đường bộ, theo hệ thống đường của Rome.

Ostia, Portus, Leptis Magna và Caesarea Maritima. Tại Rome, Monte Testaccio là một biểu tượng cho quy mô của thương mại này³³. Tàu biển Rome không có tiến bộ đáng kể so với tàu của Hy Lạp trong những thế kỷ trước. Người Rome sử dụng tàu thuyền có vỏ tròn. Các con tàu được sử dụng sẽ là con mồi dễ dàng cho những tên cướp biển. Do vậy, việc bảo vệ Địa Trung Hải liên tục qua nhiều thế kỷ là một trong những yếu tố chính của sự thành công về thương mại. Các mặt hàng giá trị thấp, cồng kềnh, như ngũ cốc và vật liệu xây dựng chỉ được giao dịch bằng đường biển, vì chi phí vận tải biển thấp hơn 60 lần so với đất liền [30; tr.72-73]. Hàng hóa chính như ngũ cốc để làm bánh mì và cuộn giấy cói để sản xuất sách được nhập khẩu từ Ptolemaic (Ai Cập) đến Italia liên tục.

Một hiện tượng là sự xuất hiện của các thương hiệu kinh doanh lớn có cổ phần hùn của giới quý tộc, tướng lĩnh, quan chức, thầy thuốc để kinh doanh và chia lãi. Thậm chí, người tình của hoàng đế Nero (54-68) cũng tham gia kinh doanh với sự trợ giúp của các công ty vô danh. Vespasianus (69-79) cũng kết hôn với con gái một viên hầu tước thành Rome để kinh doanh, tạo ra lợi nhuận rất cao. Hoàng đế Augustus cũng kiểm soát toàn bộ lúa mì tại Ai Cập cùng nhiều sản phẩm khác như nước hoa, gạch ngói...

Vùng phía Tây đế quốc là nơi sản xuất ra các loại nguyên liệu. Anh cung cấp thiếc, đồng từ bán đảo Iberia. Vùng phía Đông sản xuất các hàng hóa tiêu dùng như vải, thảm, nước hoa, đồ thủy tinh, gốm. Trong đó, gốm là loại hàng hóa được trao đổi rộng khắp. Các sản phẩm gốm giá rẻ, rất tiện trong việc trang trí theo nghệ thuật dân gian và đồ gia dụng. Các con đường trên bộ hay dưới biển không lúc nào ngớt các đoàn thương nhân đi buôn bán. Thương nhân Gallia ở phía Tây đi theo sông Rhine, Danube, Vistula đến tận biển Baltic, Scandinavi để mua bán. Thương nhân Hy Lạp, Syria đến Ấn Độ, Tích Lan, Trung Quốc, thậm chí cả những vùng đất thuộc lãnh thổ Việt Nam ngày nay. Theo *Hậu Hán Thư*: “Hoàng đế Diên Hy năm thứ 9 (166) và Đại Tàn là An Đôn sai sứ đi từ Nhật Nam đến dâng ngà voi, tê giác, đồi mồi, mở đầu cho việc thông thương”. Trong đoạn trích này, Đại Tàn là Rome, An Đôn là hoàng đế Marcus Aurelius Antoninus của vương triều Antonine, Nhật Nam là một quận bị nhà Hán đô hộ, vùng đất thuộc miền Trung Việt Nam. Các sứ giả của Rome là những thương nhân

³³ Monte Testaccio, cũng được biết đến như Monte dei Cocci (“Núi Gốm”), được tạo thành bởi khoảng năm mươi ba triệu vỏ hai quai. Khi các vỏ được dỡ xuống từ các tàu, chúng được bỏ lại, trong hàng thế kỷ đã tạo thành một quả đồi lớn.

buôn bán, thu mua hàng hóa ở Viễn Đông, riêng Trung Quốc là mặt hàng tơ lụa và họ cũng gọi Trung Quốc là nước tơ lụa, mở đầu cho hoạt động giao thương trên “con đường tơ lụa” suốt nghìn năm sau này [55; tr.74-79].

Đặc biệt, thương mại trên Ấn Độ Dương nở rộ vào thế kỷ thứ nhất và thứ hai. Các thủy thủ đã sử dụng gió mùa để băng qua đại dương từ các cảng Berenice, Leulos Limen và Myos Hormos trên bờ Biển Đỏ, Ai Cập đến các cảng Muziris và Nelkynda ở bờ biển Malabar. Các đối tác thương mại chính ở miền Nam Ấn Độ là các triều đại Tamil của Pandyas, Cholas và Cheras. Nhiều hiện vật Rome đã được tìm thấy ở Ấn Độ; ví dụ, tại địa điểm khảo cổ Arikamedu gần Pondicherry ngày nay, đã được mô tả tỉ mỉ về các cảng và các mặt hàng thương mại quanh Ấn Độ Dương có thể được tìm thấy trong công trình ở vùng biển Erythraean. Người Do Thái cũng tỏ ra là những nhà ngoại thương có bản lĩnh: “*Các thương nhân Do Thái là một trong những người đầu tiên tham gia vào thương mại hàng hải đang phát triển với phương Đông, và đến gần thế kỷ II, họ đã được thiết lập việc buôn bán ở Cochinchon, bờ biển Malabar (Ấn Độ) và từ đó họ có thể xây dựng mối quan hệ thương mại với Trung Quốc*” [67; tr.32]. Những mối quan hệ buôn bán trên biển thật sự đã nở rộ trong hai thế kỷ sơ kỳ Đế chế.

Các nhà quý tộc, vua quan thích thưởng thức các loại thức ăn quý hiếm. Họ thích ăn sò Colchester và trứng cá muối từ biển Baltic, mận khô từ Syrie... Các gia vị quý hiếm như quế, nhục đậu khấu, hành tỏi... cũng được sử dụng với số lượng lớn nhập từ phương Đông. Phụ nữ sử dụng mỹ phẩm như nước hoa, nhang trầm, mỡ bôi trơn, tinh dầu các loại hoa hiếm... Các thứ kim loại quý hiếm như vàng bạc, kim cương, các loại châu báu như đồi mồi, hổ phách, san hô, ngọc bích, đá quý... được dùng làm đồ trang sức. Thú rừng châu Á, châu Phi, các nô lệ, võ sĩ giác đấu, người dị dạng... cũng trở thành hàng hóa đặc biệt. Những thành phố lớn như Rome, Alexandria trở thành trung tâm mậu dịch và là nơi tập trung, phân phối hàng hóa.

Nền thương mại được tất cả các công dân hưởng ứng và có quyền lợi như nhau. Ở thành Rome hay các tỉnh đều có những thương nhân là công dân Rome. Họ có quyền đi lại tự do trên các con đường. René Poirier mô tả rằng: “... *thường thấy một người Syrie ngồi ở một quầy nước Anh, một cục hổ phách lớn của xứ Gaul lại xuất hiện ở các nước Bắc Âu, một người Tây Ban Nha lại ở trong lều của một xứ tại Algeria...*” [47; tr.88-89].

Công dân Rome tham gia việc kinh doanh rất mạnh mẽ và gặt hái nhiều thành tựu từ công việc này. Tập quán thương mại được chấp nhận đó là tính trung thực, tôn trọng các cam kết và hàng hóa được cân đo đong đếm chính xác. Mặc dù vậy, những tiêu chuẩn này không hẳn là phổ biến ở mọi nơi. Người phương Đông không được đánh giá cao về phong cách buôn bán. Tác giả Michael James Coombes đã nhận định chung rằng: *“Thương mại và thủ công nghiệp chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng thể nền kinh tế Rome. Tuy nhiên, từ một quan điểm kinh tế rằng thương mại và ngành công nghiệp đại diện cho sự tăng trưởng kinh tế. Ngành này cũng thể hiện sự triển vọng của giai cấp tiến bộ như sự tiêu biểu trong hư cấu của Petronius về người giải phóng”* [73; tr.167].

Hoàng đế Augustus (27TCN-14) ca ngợi nền thương mại thịnh vượng của Rome dưới thời trị vì của ông rằng: *“Dưới triều đại của ta nhiều nước trước đây không có quan hệ ngoại giao đã có dịp đánh giá lòng trung thực của người Rome”* [47; tr.89]. Còn Pliny viết: *“Sức mạnh của Rome đã đem lại sự thống nhất cho cả thế giới. Mọi người phải đồng ý rằng cuộc sống con người, tổng quát mà nói, đã có được sự giao tiếp lẫn nhau và thụ hưởng được sự bình yên và phước lành”* [47; tr.89].

Do vậy, sự thịnh vượng về thương mại đã khiến các con đường trên bộ, dưới biển của Rome không lúc nào ngơi nghỉ. Lượng hàng hóa khổng lồ không những đi trong nội bộ lãnh thổ mà còn đi khắp cả thế giới qua những con đường giao thương bất tận.

3.3.4. Phương thức giao dịch và kiểm soát tiền tệ

Trước thời kỳ Pax Romana, Rome đã ban hành việc sử dụng đồng tiền để làm vật ngang giá, mua bán hàng hóa. Vào thế kỷ 3 TCN, họ học theo người Hy Lạp để đúc tiền tệ. Đồng tiền cơ bản bằng đồng gọi là đồng sestertius, là đồng tiền có giá trị nhỏ nhất. Đồng tiền bằng bạc gọi là denarius, mỗi đồng bạc denarius có giá trị bằng 4 đồng tiền sestertius. Đồng tiền lớn nhất là đồng tiền vàng aureus (viết tắt là as) trị giá bằng 100 đồng tiền sestertius, tức bằng 25 đồng bạc denarius. Thế kỷ 2 TCN, việc sử dụng đồng tiền bạc khó khăn vì Rome không khai thác đủ bạc để đúc tiền. Tuy nhiên, khi chinh phục Tây Ban Nha và khai thác các mỏ bạc ở đây, đồng bạc được Rome sử dụng rộng rãi. Tiếp đó, đồng As là thứ tiền lẻ, được đúc bằng đồng có giá trị bằng 1/100 đồng bạc ra đời. Các địa phương vẫn tồn tại đồng tiền riêng. Tiền tệ phát triển giúp cho thương mại cũng sôi động theo.

Những người làm nghề cho vay nặng lãi là những kẻ sớm trở nên giàu có nhờ cơ chế tiền tệ này. Thông thường, việc cho vay nặng lãi có thể thu lãi suất cao đến 50% hoặc hơn. Những người vay tiền không trả nổi buộc phải bị bán làm nô lệ. Nhà nước đúc tiền và bơm nó vào nền kinh tế thông qua các khoản thanh toán cho binh lính và các quan chức khác.

Việc lưu thông tiền kim loại được đánh giá cao: *“Người Rome vào thế kỷ 1 và 2 tính số lượng tiền, chứ không phải cân chúng - một dấu hiệu cho thấy đồng tiền được định giá ngay trên mặt của nó và không phải dựa vào hàm lượng kim loại của đồng tiền”* [105; tr.1-32].

Tiền tệ là vật trung gian để mua bán và cũng là đối tượng để trao đổi. Ban đầu là việc hình thành các sạp đổi tiền ở thành thị, nơi đông người, kể đến là các cửa hiệu chuyên đổi tiền. Những dịch vụ tiền tệ như cho gửi tiền, vay tiền, chuyển đổi loại tiền này sang loại tiền khác và cả dịch vụ chuyển ngân cho các thương nhân... Các ngân hàng cổ đại đã ra đời như thế. Nhìn vào những hoạt động giao dịch, chúng ta nghĩ chẳng khác gì cơ chế hoạt động của ngân hàng ngày nay. Tuy nhiên, Rome không có ngân hàng trung ương. Ngân hàng thường tiến hành dự trữ với số lượng nhỏ. Một ngân hàng điển hình thường có số vốn hạn chế, và thường chỉ có một người chủ hoặc một nhóm người cùng sở hữu.

Về mặt tài chính, trước khi Viện Nguyên lão kiểm soát ngân khố, Augustus định ra rằng tiền thuế từ các tỉnh của hoàng đế sẽ được chuyển vào Fiscus (một ngân khố riêng của hoàng đế). Điều này khiến Augustus trở nên giàu hơn cả Viện Nguyên lão và dư dả tiền bạc để đảm bảo sự trung thành của binh lính.

Một vấn đề khác là những người thu thuế nông dân (tax farmer) thường được dùng trong việc thu thập thuế ở các tỉnh. Trước kia họ đã có quyền thu thuế ở những địa phương cụ thể và có những năm họ dùng quyền này để đội giá, khiến cho ngân khố của Rome gia tăng khả năng thu thuế. Do đó, những người thu thuế nông dân đã cho họ vay tiền trước khi nộp thuế cho nhà nước. Đây là mầm mống của hoạt động tài chính, cho vay kiếm lời vốn rất phát triển trong xã hội Rome. Nhiều người giàu lên nhờ công việc cho vay này. Những người thu thuế cũng có trách nhiệm cải đổi các thứ thuế ở trong tỉnh, thường được thu bằng hiện vật, đến tiền mặt có giá trị cao. Vì vậy, những người thu thuế nông dân đã cung cấp đầy đủ cho ngân khố nhà nước để chi trả các hoạt động, cũng như tạo sự giao dịch của đồng tiền làm thay đổi việc thu thuế

chuyển sang tiền mặt. Việc thu thuế nông dân khá có lợi và là một phương tiện đầu tư chủ đạo đối với những công dân giàu có của thành Rome.

Tuy nhiên, trong thời trị vì của mình, Augustus đã kết thúc việc thu thuế nông dân vì những đơn khiếu kiện từ các tỉnh gửi đến. Đáng quan tâm, sự phản đối của họ không chỉ nhắm đến mức định giá thuế vượt ngưỡng bởi những người thu thuế, như người ta có thể kỳ vọng, mà còn vì thực tế rằng các tỉnh đang dần mắc nợ ngày một nhiều hơn. Vì rằng các tỉnh buộc phải cung cấp sự hỗ trợ tài chính cho Rome. Một số tỉnh phải cống nạp bằng nhiều hình thức khác nhau, thường là lương thực, trong khi các tỉnh khác được ấn định một số tiền cố định. Để thu được thuế, nhà nước nghĩ ra một hệ thống thu thuế thuận tiện. Thường những người thu thuế bỏ thầu các hợp đồng để thu thuế các tỉnh nào đó, nhất là các tỉnh ở phương Đông. Những người quên quán ở các tỉnh hầu như không thể chống lại những vụ cướp bóc của những tay thu thuế. Sự bảo vệ duy nhất của họ là thống đốc tỉnh, người được xem là giám sát người thu thuế không cho thu nhiều hơn số tiền hợp lý.

A. H. M. Jones mô tả những vấn đề với những người thu thuế rằng sự áp bức và sự moi tiền, từ rất sớm, đã diễn ra ở các tỉnh và diễn ra trên diện rộng một cách công khai vào thời gian sau đó ở trong cộng đồng. Phần lớn các tổng trấn về cơ bản đều quan tâm đến việc giành được sự vinh danh của quân đội, đó là cơ hội để những kẻ thâm thủ kiếm được nhiều lợi nhuận hơn nữa. *“Một sự lộng hành diễn ra trên diện rộng lớn khác ở trong các tỉnh là tình trạng cho vay với tiền lãi cao cắt cổ đối với các cộng đồng trong tỉnh, không thể đủ để chuẩn bị tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu sách tiền lãi của những người thu thuế và sự hăm dọa tổng tiền được đánh thuế bởi các tổng trấn”* [89; tr.11]. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình nội trị của nhiều tỉnh.

Đặc biệt, nghề cho vay nặng lãi phát triển đến độ trong xã hội xuất hiện tầng lớp “kỵ sĩ” vốn mặc định là hạng kỵ binh hạng nhất trong quân đội lại dùng để chỉ những người có nhiều tài sản, có hoạt động tiền tệ và nhất là cho vay nặng lãi.

Rome ý thức được rằng đồng tiền phải được duy trì ổn định sự cung ứng, đúc tiền và phát hành, tiêu thụ rộng rãi trong nền kinh tế. Tính chất sử dụng đồng tiền và nguồn cung ứng được Christopher Howgego lý giải: *“Đồng tiền vàng và bạc là khía cạnh quan trọng nhất của nguồn cung tiền cho Rome, do giá trị tương đối cao và số lượng các kim loại này trong thế giới Rome phụ thuộc vào ba yếu tố: đầu tiên là việc*

chinh phục, chiến lợi phẩm, và sự cống nạp bên ngoài, thứ hai là cân cân thương mại và thứ ba năng suất của các mỏ” [87; tr.4].

Chính sách tiền tệ trong 2 thế kỷ của thời kỳ Pax Romana được thực hiện nghiêm túc, chứng tỏ thể mạnh của nền kinh tế chuyển biến sang thị trường. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử, đồng tiền các thời kỳ sau mất đi tính ưu việt của nó.³⁴

3.4. Thể chế quản lý kinh tế

3.4.1. Kinh tế cung điện

Trong nền kinh tế của Rome, sự sở hữu tài sản của người đứng đầu Đế quốc là các hoàng đế được luật pháp công nhận. Kho bạc của hoàng đế và quyền sở hữu của ông tách biệt với nhà nước. Nền kinh tế cung điện (Palace economy) được định nghĩa: *“Nền kinh tế cung điện là hệ thống tổ chức kinh tế, trong đó sự giàu có chảy ra từ nguồn trung tâm (tức cung điện) và sau cùng đưa đến sở hữu chung cho những người thường dân, không có nguồn tài sản nào khác”*³⁵.

Kho bạc của hoàng đế được gọi là fiscus Caesaris, chỉ giữ tiền riêng của hoàng đế, có nghĩa là không có thuế của nhà nước chảy vào kho bạc này, trừ các tỉnh do hoàng đế (hoàng đế thuộc tỉnh) trực tiếp quản lý. Tất cả các loại thuế, từ tất cả các tỉnh, vẫn đi vào ngân quỹ nhà nước trung ương một và duy nhất, được gọi là ngân khố quốc gia (aerarium populi).

Hơn nữa, sự khác biệt không chỉ áp dụng cho tiền, mà còn cho bất kỳ hình thức vốn nào khác. Hoàng đế vẫn sở hữu vùng đất riêng của mình, và nhà nước sở hữu đất công cộng. Hoàng đế về mặt lý thuyết đã kiểm soát tất cả mọi thứ trong Đế quốc và ngân khố của ông vẫn có quyền yêu cầu sự ủng hộ của Viện Nguyên lão. Chính khía cạnh này cho thấy bản chất kép của địa vị quyền lực của hoàng đế. Cuối cùng, nếu hoàng đế tạo ra ngân khố riêng để trả tiền cho một số chi tiêu thì nhà nước đang bơm tiền cho nó.

Một ví dụ về điều này là Cassius Dio (155 - 235), viết một cuốn sách lịch sử về cuộc đời của Augustus, dường như không thể phân biệt được nếu thực ra Augustus đã trả tiền cho việc xây dựng một số con đường hay là nhà nước chi trả. Nhiều công trình

³⁴ Vào thế kỷ 3, đế chế hứng chịu lạm phát nghiêm trọng, Giá thực phẩm tăng, nguồn cung cấp vàng và bạc cạn kiệt. Chính phủ phát hành những đồng xu chỉ có rất ít vàng và bạc làm người dân không còn tin tưởng vào hệ thống tiền tệ nữa, nền kinh tế quay trở lại phương thức hàng đổi hàng, đánh thuế bằng hiện vật (Theo Cynthia Stokes Brown, bản dịch Phan Triều Anh (2009), *Đại sử từ vụ nổ lớn đến hiện tại*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh).

³⁵<http://open-encyclopedia.com> Open Encyclopedia, *Palace Economy* [Online] Available at [Accessed 19 December 2007]

khác cho rằng các hoàng đế đã trực tiếp kiểm soát tất cả các phương tiện ngân khố, tài chính và do đó sở hữu tất cả các phương tiện tài chính. Những sự phân biệt giữa ngân khố hoàng đế và ngân khố nhà nước được thừa nhận rằng sự khác biệt giữa chúng không tồn tại. Một số triều đại, sự khác biệt giữa hai kho bạc trở nên mờ nhạt, nhưng vẫn là hai thực thể hợp pháp, tách biệt.

Về cơ bản là “kho bạc” của tỉnh (*fisci provinciarum*), nằm ở mỗi tỉnh như có một kho bạc nằm ở châu Á (*fiscus Asiaticus*), nằm ở Ai Cập (*fiscus Alexandrinus*)... Các kho bạc của tỉnh thuộc về các quản trị viên cai quản chi tiêu và thu nhập liên quan đến các tỉnh cho nhà nước. Về cơ bản, sau khi thu thuế và khấu trừ chi tiêu, mỗi tỉnh sẽ gửi phần còn lại về Rome và vào trong kho bạc nhà nước.

Ở một số tỉnh thuộc quyền kiểm soát trực tiếp của hoàng đế (hoàng đế thuộc tỉnh), các nhà quản lý tài chính của hoàng đế (và nhân viên) chịu trách nhiệm quản lý cả tài sản riêng của hoàng đế và sự giàu có của nhà nước. Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhớ là mặc dù chịu trách nhiệm quản lý cả hai khoản tiền, nhưng vị giám sát vẫn phải phân biệt rõ ràng giữa hai người. Như vậy, thuế vẫn đi hai đường, các tỉnh thuộc Viện Nguyên lão sẽ về quốc khố, trong khi thu nhập cá nhân của hoàng đế từ các tỉnh do hoàng đế cai trị.

Augustus đã công bố tổng quan về tất cả nguồn lực quân sự và tài chính của đế quốc. Sau đó, Tiberius đã quyết định giấu thông tin này, nhưng Caligula lại một lần nữa mở nó cho công chúng. Trong thời gian trị vì của Tiberius không có thay đổi lớn nào được thực hiện từ thời Augustus, ngoại trừ hai khía cạnh nhỏ. Sự khác biệt nhỏ này là Tiberius đã tự do trong việc sở hữu quản lý tiền của, tài sản của một kẻ phản bội đã bị hành quyết gần đây có tên là Sejan, và để giành được phần thừa kế của kẻ phản bội khác tên là Silius. Tiberius đã vượt qua quyền hạn của Viện Nguyên lão. Theo luật, tài sản kẻ phản bội sung công quỹ nhưng Tiberius đã thuyết phục một cách hợp pháp rằng Sejan chỉ kiếm được tài sản của mình nhờ viện trợ của hoàng đế.

Dưới triều đại của Caligula, sự phân biệt rõ ràng giữa nhà nước và kho bạc tư nhân bắt đầu mờ đi. Vào đầu triều đại của mình, ông đã làm tất cả mọi thứ theo pháp luật. Trong thực tế, ông cho công bố các chi tiêu nhà nước (*brevarium totius imperii*). Tuy nhiên, đối với phần sau của triều đại Caligula của ông dường như không tập trung vào sự phân biệt rõ ràng này nữa. Sự khác biệt chính là các tiền lệ do Tiberius thiết lập đã được tái ban hành bởi Caligula, và rõ ràng, trong một thời gian ngắn hơn nhiều.

Caligula đã thực hiện điều này một cách hợp pháp, trước tiên bằng cách lấy một phần của sự giàu có của Flaccus đã bị đầy. Năm 39, Caligula đã lấy toàn bộ tài sản của cựu chỉ huy quân đoàn cho vào kho của mình mà không cần thông qua Viện Nguyên lão [106; tr.212].

Hoàng đế Nero trong thời trị vì của mình đã thò tay rất sâu vào kho bạc nhà nước Rome. Ông có ba cách để ảnh hưởng đến kho bạc nhà nước. Thứ nhất, ông gây ảnh hưởng đến những người phụ trách quản lý kho bạc, ví dụ, vào năm 56, ông đã lấy đi quyền hạn hành chính của quan coi quốc khố (quaestor) và trao cho những người do ông chọn. Sau đó, vào năm 62, ông đã thành lập một ủy ban để giám sát các kho bạc nhà nước. Hoàng đế có khả năng ban hành luật, thông qua sắc lệnh để ông có thể chi phối đến kho bạc nhà nước. Ví dụ, ông đã thực hiện một sắc lệnh quy định các câu hỏi khác nhau liên quan đến thuế nhà nước và dự trữ tiền trong quốc khố rồi biến nó dần phụ thuộc vào mệnh lệnh hoàng đế. Vào năm 62, Nero bắt đầu bằng cách cho nhà nước tổng số 60 triệu sestertii (tiền của Đế chế Rome) chi tiêu hàng năm [73; tr.100]. Tuy nhiên, bất chấp những thay đổi này, vẫn có một sự phân biệt rõ ràng giữa sự giàu có của hoàng đế và của cái của nhà nước. Dưới thời các hoàng đế Trajan, Hadrian, sự phân biệt tài sản của hoàng đế và nhà nước vẫn được duy trì và tỏ ra minh bạch hơn.

Như vậy, trong thời kỳ chúng tôi khảo sát (27 TCN – 192), sự giàu có của hoàng đế và sự giàu có của nhà nước đã tách biệt rõ ràng trong khoảng thời gian được đề cập, bất kể những nỗ lực quyền kiểm soát của các hoàng đế. Tuy nhiên, ngay cả trong sự kiểm soát được tăng cường của hoàng đế đối với cả quốc khố (aerarium) và kho bạc hoàng đế (fiscus) như dưới thời Domitian, vẫn có sự khác biệt rõ ràng rằng tài sản của hoàng đế không phải là tài sản của nhà nước. Như vậy, khi hoàng đế quyên góp hoặc chi tiêu cho một hoạt động nào đó như một cá nhân riêng tư và không phải là nhà nước. Đương nhiên, với tư cách là người đứng đầu nhà nước, hoàng đế cũng có quyền hạn và kiến thức nhất định về tình trạng tài chính của đế quốc.

3.4.2. Kinh tế quân đội

Ngoài vai trò quân sự, quân đội còn là một nhân tố rất quan trọng trong kinh tế Rome thời kỳ Pax Romana. Một quân đội quy mô lớn với số lượng khoảng 300.000 đến 400.000 người sẽ yêu cầu một lượng thực phẩm đáng kể và các nhu yếu phẩm, vũ khí to lớn. Đây là một gánh nặng rất lớn đối với nền kinh tế Rome, vốn chủ yếu dựa trên nông nghiệp, có đến 80% dân số làm trong ngành kinh tế này. Hầu như tất cả các

loại thuế và tiền thuế của nhà nước được chi cho quân đội, chiếm khoảng 80% ngân sách. Và chi tiêu quân sự này được cấu thành, ước tính khoảng 2,5% GDP của toàn đế quốc [77; tr.263-288]. Đó là những con số khổng lồ, tác động lớn đến sự bình ổn và phát triển kinh tế của Rome.

Việc cung cấp hàng hóa cho quân đội liên tục sẽ hỗ trợ đáng kể thương mại và tạo ra một thị trường bất cứ nơi nào quân đội đến. Ở những vùng quân đội đóng quân và các vùng lân cận cung cấp các điều kiện cần, nhu cầu của một doanh trại đã có sự phát triển nhất định. Những khu vực này bất ngờ có sự gia tăng của một “dân số bổ sung” là những người lính với sức mua đáng kể, tạo ra nền thương mại địa phương và một thị trường buôn bán đúng nghĩa và đặc biệt còn tăng sản lượng của một loạt các sản phẩm ở những khu vực đó. Nhiều nơi quân đội Rome đóng quân trong thời gian dài đã biến các làng mạc, thị trấn nhỏ bé trở thành các thành thị và chúng tồn tại cho đến bây giờ. Các vùng đất phía Bắc, vùng Balkan và các tỉnh Danube đã chứng minh điều đó.

Đối với các khu vực cung cấp nhu yếu phẩm cho quân đội, trước đây chủ yếu được cung cấp ở các vùng bán đảo Italy, nhưng sau đó trong thời kỳ này quân đội đã bắt đầu trang trải các nhu cầu từ các tỉnh. Nguyên do chính là phần lớn quân đội đã xa thành Rome, bán đảo Italy để tới các vùng xa xôi khác trong toàn Đế quốc và các khu vực địa phương sẽ dễ dàng cung cấp, cắt giảm chi phí vận chuyển đáng kể nếu như vận chuyển từ Italia.

Những người lính đã mua mọi thứ bằng tiền lương của họ. Việc một người lính thực sự có một tài khoản tiền gửi từ quân đội, là những dấu hiệu mạnh mẽ của một nền kinh tế thị trường tiền tệ và không phải của một nền kinh tế sinh tồn.

Khi chiến tranh đến, mọi nhu cầu tài chính, hàng hóa được cung cấp cho quân đội và được xử lý trên cơ sở đặc biệt. Một số quan lại tích cực thu thuế để trang trải cho cuộc chiến, cũng như chuẩn bị các điều kiện cần có khác để quân đội ra trận. Về mặt lý thuyết, tất cả những người đàn ông có thể là người chịu trách nhiệm về nghĩa vụ quân sự, nhưng với Rome, các chỉ huy chịu trách nhiệm tuyển dụng binh sĩ của họ.

Thời trị vì của hoàng đế Hadrian, chi phí cho quân đội được tái cơ cấu vào năm 121 sau khi có những thay đổi trong bộ máy nhà nước. Trong nửa sau của thế kỷ thứ hai, các hoàng đế bắt đầu tính chi tiêu của kỵ binh trên thức ăn gia súc. Bản thân quân đội cũng tự sản xuất các vật tư cần thiết để tự cung cấp cho mình.

Và một thực tế khác, những người lính trong quân đội ngoài việc có tiền chi tiêu, còn góp phần quan trọng hơn là bày vẽ các kiến thức về phương pháp canh tác mà họ được học khi sinh sống, làm việc trước khi nhập ngũ. Nhiều vùng đất bị chinh phục đã được Rome du nhập các hình thức canh tác tiên tiến thời bấy giờ theo cách này. Một số trường hợp khác, quân đội mang theo những người nông dân đi lập nghiệp ở các khu vực như châu Phi. Những người định cư này đã được Augustus cho phép để hình thành chính quyền địa phương của chính họ bên cạnh với chính quyền bản xứ. Quân đội đã tạo ra hiệu quả thực sự từ việc di chuyển, đóng quân của họ trên khắp các tỉnh của Đế quốc.

Như vậy, thông qua số lượng binh lính luôn được duy trì ở mức cao, những liên đới trong việc định hướng, phát triển kinh tế vùng dựa trên sự chi tiêu và nhu cầu của quân đội. Vai trò và vị thế đó của quân đội trong nền kinh tế đã được khẳng định, chủ yếu với tư cách là một “khách hàng” hay thị trường tiêu thụ đặc biệt buộc cả hệ thống kinh nuôi dưỡng. Vì thế, một bộ phận nền kinh tế mang tính chất phục vụ quân đội là một đặc điểm lớn trong nền kinh tế Rome.

Tiểu kết chương 3

Hai thế kỷ của thời kỳ Pax Romana đã minh chứng một cấp độ của sự thịnh vượng kinh tế và những chuyển biến trong nền kinh tế Rome. Điều này được lý giải vì những điều kiện thuận lợi về tự nhiên, xã hội và chế độ chính trị. Ở trong khuôn khổ của Đế quốc, hòa bình được thiết lập trên những vùng đất rộng lớn và sự trao đổi thương mại được đảm bảo. Chỉ trong hai thế kỷ đầu Công nguyên, sự thay đổi về thể chế chính trị theo hướng quân chủ cũng như sự cai trị đầy quyền lực của các vị nguyên thủ đã tạo dựng nên sự thịnh vượng mới.

Sự phát triển này thể hiện ở quy mô vật chất các công trình, đời sống dân cư và sự đột biến của dân số³⁶. Một đặc điểm nhận thấy là những người có khối tài sản lớn, có địa vị chính trị đã làm thay đổi chế độ nô lệ, các Latifundia, các thể chế thương mại... Chủ nghĩa cá nhân và sự tổ chức kinh doanh tư nhân, thu về được tất cả lợi ích cổ hữu ở trong một hệ thống như các khoản cho vay nặng lãi, canh tác và thu thuế nông nghiệp, mở các hiệu buôn, các cơ sở sản xuất đồ thủ công và đầu tư vào quân đội.

Nhà nước Rome đã duy trì cách thức của nền kinh tế tự vận hành, đảm bảo một cách thận trọng các hoạt động thương mại qua chính sách kinh tế tự do. Rome cơ bản đã gìn giữ một hình thức kinh tế dựa trên một nền kinh tế nông nghiệp đóng vai trò trọng yếu, là sự tất yếu của các đế quốc cổ đại phát triển dựa trên xã hội chiếm hữu nô lệ. Bên cạnh đó là sự phát triển của kinh tế thương mại, giao lưu buôn bán trong toàn Đế quốc và cả bên ngoài qua hệ thống đường bộ và cảng biển.

Việc hình thành nền kinh tế cung điện và kinh tế quân đội đã làm thay đổi bộ mặt kinh tế Rome khi gắn bó với lợi ích của giai cấp có nhiều đặc quyền, đặc lợi. Chính những thành phần kinh tế này đã lũng đoạn, chi phối nhiều đến sự phát triển chung ở hai mặt tích cực và tiêu cực.

Những nguyên nhân khiến nền kinh tế của Rome phát triển trong thời kỳ Pax Romana bao gồm:

Giao thông thời kỳ này thuận tiện hơn bao giờ hết nhờ hệ thống đường bộ quy mô đồ sộ khắp lãnh thổ, đường biển cũng phát triển không kém qua hệ thống cảng

³⁶Kết quả các cuộc điều tra dân số chỉ riêng khu vực Italia là 7,5 triệu người, so với năm 1500 là 10 triệu người [33;tr.162], thành phố Rome có đến 1 triệu cư dân. Nhiều sử gia cho rằng, sự thịnh vượng này cả ngàn năm sau châu Âu mới được chứng kiến lại.

biển. Giao thông thuận tiện dẫn đến việc vận chuyển hàng hóa, đi lại dễ dàng. Nhà nước Rome cũng đã duy trì nền kinh tế nông nghiệp và phát triển giao thương, đảm bảo một cách thận trọng các hoạt động thương mại qua chính sách kinh tế tự do.

Kỹ thuật trong các ngành kinh tế từ nông nghiệp đến thủ công nghiệp được cải tiến, ứng dụng rộng rãi và có sự giao lưu giữa các vùng đất, các tỉnh tạo nên sự phát triển đồng bộ, học hỏi lẫn nhau.

Chế độ chiếm nô thời kỳ Pax Romana thay đổi có tính bước ngoặt sau các cuộc khởi nghĩa của nô lệ thời kỳ Cộng hòa trước đó. Tiêu biểu, chế độ lệ nông giai đoạn đầu với việc cho phép lệ nông canh tác tự do trên mảnh ruộng được phân đã kích thích sự phát triển sản xuất.

Tình hình chính trị ổn định hơn, các cuộc chiến nội bộ không còn diễn ra ác liệt như trước và nền thái bình của Rome được duy trì, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.

CHƯƠNG 4. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ CỦA ROME TỪ NĂM 27 TCN ĐẾN NĂM 192

Qua những chương trước, chúng tôi đã làm rõ những nội dung về các thể chế chính trị, kinh tế của Rome, đồng thời trình bày các vấn đề có tính tổng quan trong quá trình nghiên cứu Rome. Và chương 4 là chương trọng điểm, đúc kết các kết quả đạt được về các đối tượng nghiên cứu, rút ra các nhận xét về đặc điểm các thể chế và đánh giá các tác động theo khuynh hướng nghiên cứu độc lập, trên cơ sở đối chiếu các quan điểm của các nhà nghiên cứu đi trước.

4.1. Đặc điểm thể chế chính trị, kinh tế của Rome

4.1.1. Đặc điểm thể chế chính trị

Chế độ nguyên thủ (Principate) có bản chất là chế độ quân chủ chuyên chế chủ nô được ngụy trang dưới lớp vỏ cộng hòa quý tộc chủ nô

Trước hết, chúng ta cần nhận rõ cái bản chất của nhà nước Rome thời bấy giờ. Một điều hiển nhiên và điển hình trong xã hội chiếm hữu nô lệ là tầng lớp quý tộc chủ nô của Rome thống trị đông đảo nô lệ và dân nghèo, chiếm đoạt hầu hết của cải và trở thành những kẻ giàu có và tàn bạo. Dù thế, tầng lớp này lại thường bị đe dọa bởi những cuộc khởi nghĩa của nô lệ và dân nghèo. Việc hình thành nhà nước quân chủ phần nào đó là sự mong mỏi ở một chính quyền hùng mạnh. Nhờ thế, chính quyền ấy mới có thể trấn trị những bất ổn và bảo vệ lợi ích của bộ phận giai cấp thống trị. Đó là việc mạnh mẽ thực hành chế độ chuyên chế trung ương tập quyền để duy trì quyền lợi của quý tộc chủ nô một cách có hiệu quả. Do đó, nền quân sự độc tài, đại diện cho quyền lợi của tầng lớp đại quý tộc chủ nô, lại đến thay thế cho chế độ cộng hòa quý tộc trước đó. Mô hình lí tưởng nhất có lẽ là chế độ Nguyên thủ (Principate), trong đó vai trò của một vị hoàng đế với việc thu tóm quyền lực tập trung là rõ ràng nhất.

Khi lên nắm quyền vào năm 27 TCN, Augustus không dám coi thường truyền thống cộng hòa, nên không xưng là hoàng đế, thay vào đó là danh hiệu *Princeps*, là người công dân số 1 của Rome. Tên của ông được xếp hàng đầu trong danh sách nghị viên Viện Nguyên lão. Đó là một sự cân nhắc khôn ngoan. Chỉ tính cách ứng xử về mặt danh hiệu của quyền lực đã cho thấy các hoàng đế Rome đã ý thức được vị thế và sự tồn tại của mình. Trong thời gian khởi đầu sự thiết lập chế độ chính trị mới,

Augustus vẫn duy trì vỏ bọc của nền cộng hoà, bằng chứng là Viện Nguyên lão không bị xóa sổ.

Những người kế vị Augustus đã tiếp tục thực hiện một cách khéo léo, kiên nhẫn và duy trì thể chế đó. Sau này, dưới thời đại Tiberius (14 - 37), hình thức của chế độ mới được củng cố thêm một bước nữa. Vị hoàng đế này đại biểu cho quyền lợi của tầng lớp quý tộc chủ nô, tước đoạt quyền lập pháp và quyền bầu cử của Đại hội nhân dân, khiến cho Viện Nguyên lão trở thành cơ quan lập pháp duy nhất. Từ đó, Đại hội nhân dân chỉ có danh mà không có thực. Cơ quan này không còn là một bộ phận trọng yếu trong tổ chức chính trị của Rome nữa. Như thế, tính dân chủ ngay từ đầu đã bị bóp méo một cách rất có tính toán. Khi cơ quan dân chủ của đại bộ phận dân chúng Rome bị xóa đi, cũng là lúc để sự chuyên chế có cơ hội bộc phát.

Hoàng đế Rome bằng nhiều cách đã vượt quá tính truyền thống, vô ý lộ bản chất thực của hoàng đế như việc Tiberius tự phong cho Sejanus là tướng dù Sejanus là hiệp sĩ, không phải là một Nguyên lão nghị viên, không đủ tư cách cho phẩm hàm cao như vậy. Chế độ nguyên thủ đã thật sự biến thành chế độ quân chủ, dù hoàng đế có xưng danh hiệu khiêm tốn gì đi nữa và một số cơ quan chính trị của thời kỳ Cộng hòa vẫn còn được duy trì.

Dù thế, cần phải nhận thấy rằng, thực ra Augustus và những người kế vị thực hành một nền độc tài chuyên chế thật sự. Augustus trở thành người cầm quyền duy nhất của Đế quốc Rome. Chính quyền của Augustus là một hình thức đặc biệt của chế độ quân chủ chuyên chế. Hoàng đế nắm mọi quyền hành trong tay mà chúng tôi đã trình bày trong chương 2.

Bên cạnh đó, sự hạn chế các nhánh quyền lực khác ngoài hoàng đế đã làm tăng thêm tính chuyên chế, độc tài mà bất kì vị quân vương nào cũng khao khát. Điều này đã trái ngược lại với những quy ước, luật định thời Cộng hòa. Hoàng đế độc tôn, dẹp bỏ Đại hội nhân dân, biến Viện Nguyên lão thành tổ chức của những người già biết điều và những kẻ có tiền nhưng biết cách quy phục. Hoàng đế có tài sản lớn, có quân đội mạnh có thể thắng tay với bất kì kẻ nào chống đối. Hoàng đế là nhà chiến lược quốc gia, quan tòa, chức sắc tôn giáo... Như vậy, cả vương quyền và thần quyền đều nằm trong tay hoàng đế nên gọi là chế độ quân chủ thì không có gì là không hợp lí.

Vị hoàng đế này lại vượt xa sự giàu có của các công dân Rome khác, có sự ủng hộ của hàng nghìn chiến binh trung thành, có quyền thay đổi mọi vấn đề về pháp luật,

chính sách... Tóm lại, hoàng đế Rome là tập hợp của mọi quyền lực, đỉnh cao của sự sở hữu quyền lực và danh vị mà không công dân nào có được thứ quyền như thế.

Cách nguy tạo chính thể Cộng hòa hình thức kể trên cần phải hiểu rằng, đó là một chính quyền bền vững, không cai trị bằng Viện Nguyên lão và Đại hội nhân dân. Dần dần hoàng đế ngày càng trở thành một kẻ chuyên quyền với quyền lực dựa vào vũ lực là chính. Sau này, trong cảnh hỗn loạn của thế kỷ thứ III, chính thể chuyên chế cuối cùng cũng lộ ra dưới thời Diocletian và Constantine với một vị hoàng đế trở thành một nhân vật siêu phàm, được các triều thần quỳ châu chung quanh [96; tr.94].

Như vậy, chính thể kể trên thực chất là một nền quân chủ chuyên chế trá hình, khoác bên ngoài cái áo cộng hoà để tạo ra một chính thể dân chủ hình thức để tiếp tục duy trì và phát huy sự giàu mạnh và ổn định cần thiết của đế quốc, bởi dù sao đi nữa Rome thì khó có thể đánh mất truyền thống Cộng hòa kéo dài nửa thiên niên kỷ trước đó.

Hệ thống chính quyền chuyên chế chủ nô có tính liên hợp và thống nhất

Ở phần trên chúng tôi đi sâu vào phân tích tính dân chủ hình thức mà thời kỳ mở đầu Đế chế đã phát lộ, hay chế độ quân chủ dưới lớp vỏ cộng hòa có vẻ hợp lý hóa sự tồn tại của những nguyên thủ - hoàng đế chuyên chế và có thực quyền. Vậy tính chuyên chế đó là gì và có mang bản chất giai cấp không? Nội dung đó sẽ được chúng tôi hoàn thiện trong mục này.

Về tính chuyên chế, Augustus đã khôn khéo hơn, nguy trang nền móng của chủ nghĩa tập trung quyền lực vào một người của thể chế mới của mình cẩn thận đến độ Viện Nguyên lão có thể cùng ông khôi phục nền Cộng hòa. Thời kỳ này không phải ngẫu nhiên mà các sử gia đều dùng từ hoàng đế (Imperator) thay vì dùng Principate như cách mà Octavius đã dùng. Quyền hạn của hoàng đế vô cùng lớn, nên chính thể quân chủ hội tụ những nội hàm cần thiết để gọi đúng tên của nó.

Về tính chủ nô, rõ ràng sơ kỳ Đế chế vẫn nằm trong một hình thái xã hội của một Rome chiếm hữu nô lệ, không khác với thời kỳ Cộng hòa về mặt nội dung. Dưới thời này, Nguyên lão nghị viên, các chấp chính quan tối cao, các pháp quan, thống đốc tỉnh được chọn từ những thành viên toàn là những người giàu có, quý tộc. Họ đều sở hữu nô lệ và là những chủ nô quyền lực.

Nói về hệ thống trong hệ thống thể chế quyền lực của Rome, Lenin cho rằng: *“Nhà nước Rome đã trở thành một bộ máy khổng lồ phức tạp, chuyên dùng để bóc lột*

nhân dân. Thuế má, khổ dịch, và đủ thứ đóng góp đã ngày càng chìm nhân dân vào cảnh bần cùng; ách áp bức đó lại càng tăng thêm, do sự những nhieu của các thống đốc, bọn thu thuế và lính tráng, đã trở nên không thể chịu nổi. Đó là tình trạng mà Nhà nước Rome, với quyền bá chủ thế giới của nó, đã đạt tới. Nó xây dựng quyền tồn tại của mình trên cơ sở duy trì trật tự bên trong, và chống những người dã man ở bên ngoài” [28; tr.41].

Tính hệ thống kể trên có 5 nhánh quyền lực hợp nhất để duy trì Đế chế Rome do Augustus sáng lập. Đó là một hệ thống quyền lực đồ sộ và tổ chức tốt dựa theo những chế định pháp quyền.

Nhánh quyền lực thứ nhất là hình ảnh hoàng đế mà mọi thần dân thừa nhận là người đứng đầu tuyệt đối của đế quốc.

Nhánh quyền lực thứ hai là Viện Nguyên lão dù có suy giảm về vai trò chính trị nhưng vẫn có những quyền lực được duy trì từ thời Cộng hòa.

Nhánh quyền lực thứ ba là các quan chức ở bộ máy trung ương đóng vai trò điều hành hệ thống đế quốc từ bên trên.

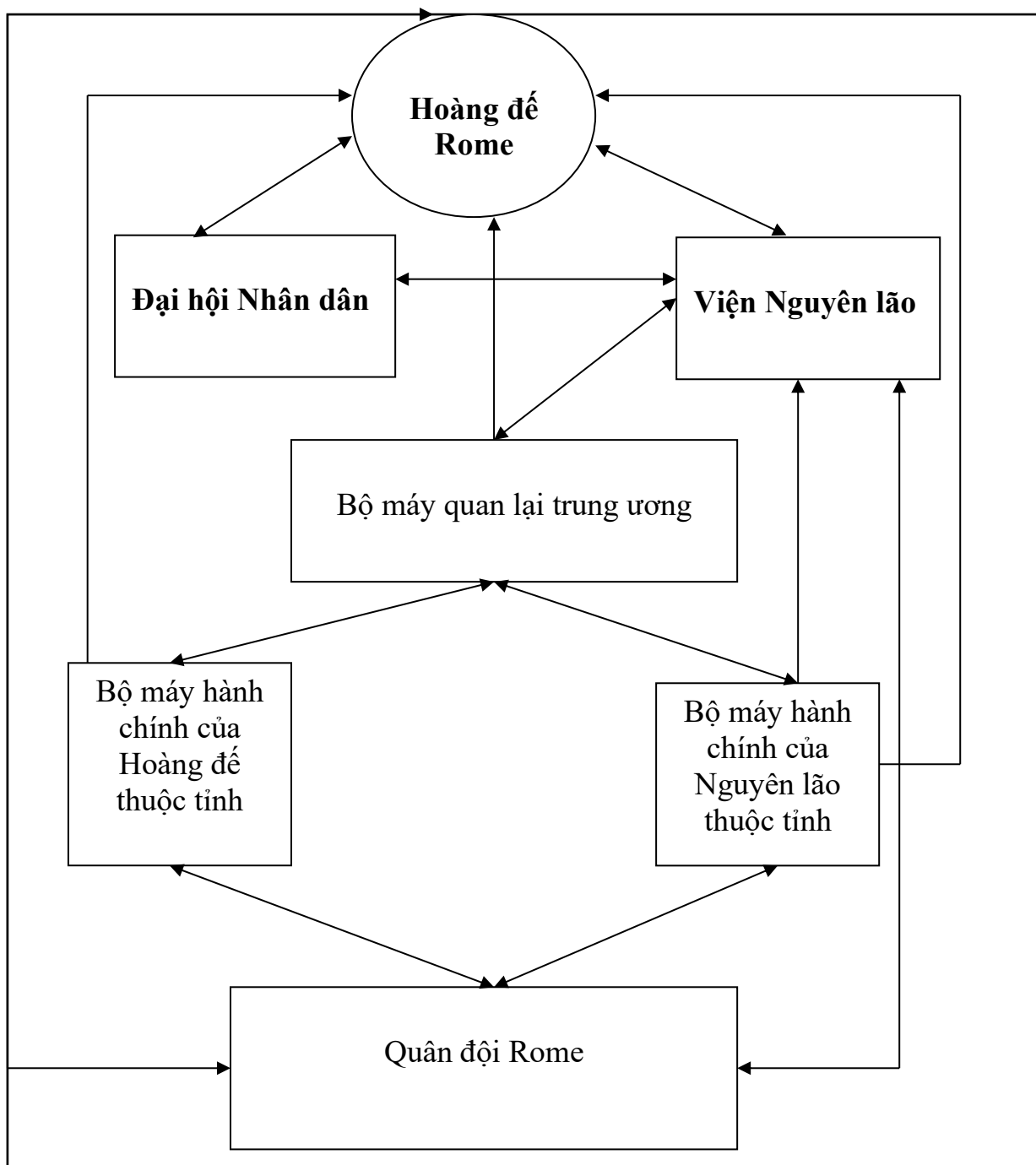
Nhánh quyền lực thứ tư là bộ máy cai trị ở các tỉnh thuộc Nguyên lão và tỉnh thuộc Hoàng đế.

Nhánh quyền lực thứ năm là nhánh quyền lực đặc biệt, thuộc về quân đội, đóng vai trò vừa là hệ thống an ninh tuyệt đối của chính hoàng đế, vừa là những người bảo vệ các biên giới.

Bên cạnh đó còn có tầng lớp những kỹ sĩ quý tộc, mạng lưới những quan thu thuế... cũng làm nên bản sắc quyền lực của đế quốc. Các nhánh quyền lực hỗ trợ nhau, và sự thất bại của một trong năm sẽ đe dọa đến các yếu tố kia và đó cũng là nền tảng của cấu trúc nhà nước Rome vào sơ kỳ Đế chế.

Trên khía cạnh cai trị, Nigel Rodgers còn đưa ra nhận xét về một tính hệ thống khác về nền hành chính: *“Thực chất, đế chế trở thành một liên minh của các đô thị tự trị nội tại. Tuy nhiên, quốc phòng và ngoại vụ được chuyển sang cho Rome điều hành”* [96; tr.253]. Cơ sở cho nhận xét trên suy từ việc Rome cai trị đế chế hùng mạnh bởi một nội các thiểu số là một chính quyền trung ương ở Rome xa xôi và ít ỏi. Thay vào đó, Rome kết nạp các quý tộc của các lãnh thổ bị xâm chiếm khác, đầu tiên ở Italia, sau đó quanh vùng Địa Trung Hải, Germania, Gaul, Tiểu Á... cùng chung thống trị đế quốc nhân danh Rome. Chúng tôi đã hệ thống hóa như sau:

4.1. Sơ đồ biểu thị mối quan hệ của các nhánh quyền lực của Đế chế Rome



Chú thích:

Sự phụ thuộc, tương hỗ lẫn nhau: $\longleftrightarrow$

Sự trực thuộc: $\longrightarrow$

Đế quốc Rome về quy mô lãnh thổ lẫn bộ máy tổ chức đều đồ sộ, thể hiện một cách tổ chức rất tốt, có sự phân tầng quyền lực, phụ thuộc và kiểm soát quyền lực chặt chẽ. Chính tính hệ thống đó đã củng cố sự tồn tại của Rome khi nó bước qua thời kỳ

Cộng hòa để bước vào thời kỳ Đế chế như tính quy luật của lịch sử và khắc phục những yếu kém về hình thức cai trị mà các thể chế chính trị trước đó đã vấp phải.

Thể chế chính trị mang tính quân sự rõ rệt

Rome đã sử dụng tối đa ưu thế quân đội để kiểm soát và duy trì quyền lực.

Đầu tiên phải kể đến phương thức thiết lập quyền lực của các hoàng đế, là những người có quyền lực về điều hành quân đội bởi họ là tổng chỉ huy cao cấp nhất. Ngay cả việc lên ngôi của hoàng đế, nếu như không phải là một vị tướng kinh qua trận mạc thì rất khó để có nền tảng tốt. Các vị vua đồng thời là các chiến tướng am hiểu binh pháp, có thể tham chiến như bất kì một quân nhân nào. Có rất nhiều nhân vật như thế, những vị tướng quân sự, những hoàng đế Augustus, Trajanus, Hadrian... Những người này vừa là một tướng lãnh vừa là một nhà chính trị xuất sắc của Rome. Bởi họ hiểu rằng người kiểm soát quân đội tức là kẻ nắm quyền lực và đây cũng là đặc điểm nổi bật của vương quyền Rome.

Tính quân sự còn ảnh hưởng trong cách duy trì sự cai trị của Đế quốc trên hầu khắp lãnh thổ. Sở dĩ Rome duy trì khả năng phồn thịnh suốt trong thời gian dài và mở rộng đế quốc rộng lớn là nhờ sức chiến đấu của quân đội và tài chỉ huy của các tướng lĩnh. Ngay từ buổi đầu, Augustus duy trì một đội quân thường trực là 300.000 người [74; tr.154]. Những hoàng đế sau này còn mở rộng hơn mà thời kì đỉnh cao đế quốc Rome đã duy trì một lực lượng quân đội hùng mạnh nhất thế giới với 500.000 binh lính trên khắp toàn lãnh thổ [35; tr.10]. Với số lượng như thế trong một đế quốc có 50,1 triệu người, chiếm 1% dân số là tỉ lệ chuẩn cho nền quân sự hiện đại [35; tr.42-46]. Cứ 100 người thì có một người lính và những người đã từng là lính. Nhờ thế, an ninh của Đế quốc được đảm bảo tốt. Không những thế, họ còn đóng vai trò phổ biến văn hóa Rome tới các tỉnh trực thuộc như các đặc sứ về văn hóa. Có thể nói, không có sự góp mặt cai trị và gìn giữ của quân đội, Rome khó có thể ổn định như thế.

Ngoài ra, quân đội dưới sự chỉ đạo của tướng lĩnh đã phát huy sức chiến đấu hiệu quả, sẵn sàng có mặt ở bất cứ nơi đâu, trong tình huống nào, ở các tỉnh hay ở biên giới. Phần lớn tướng lĩnh đã có rất nhiều công lao trong việc cải tổ lại bộ máy quân đội, mô hình chiến thuật và những chiến công trên chiến trường để có thể trở thành những nhân vật chính trị quyền lực.

Vì vai trò quan trọng như vậy nên quân đội nhiều lúc can thiệp sâu vào nền chính trị của Rome. Chẳng hạn, sự can thiệp thường xuyên vào công việc nhà nước của Vệ

binh Pháp quan của hoàng đế như can thiệp vào công việc chính trị là năm 41 buộc Viện Nguyên lão thừa nhận Claudius là hoàng đế và Nero năm 54. Nhiều trường hợp ở các tỉnh, tướng chỉ huy binh đoàn cũng là thống đốc về hành chính. Cho nên, ai kiểm soát quân đội, người đó có quyền lực và địa vị.

Quân đội có khắp mọi nơi, ảnh hưởng từ chính trị tới đời sống văn hóa xã hội, cho nên tính quân sự trong hệ thống thể chế chính trị của Rome là một đặc điểm quan trọng.

Sử dụng tôn giáo như là công cụ hỗ trợ cho cai trị

Sự vận động của tôn giáo là một quá trình đi song song với sự phát triển của Đế chế. Trong nhiều thế kỷ, quyền lực và niềm tin của Rome không thể lay chuyển nổi bởi nó đã đắm mình trong những thành tựu vĩ đại của Đế chế uy quyền tột đỉnh. Tuy nhiên, các hoàng đế nhận ra thần quyền cũng có giá trị như vương quyền ở một mức độ của sự kính trọng và thần phục.

Tính tôn giáo là một vấn đề lịch sử của Rome. Nó không đồng nhất với sự phản ánh trong các truyền thuyết và có vẻ phức tạp hơn. Nhưng thần thoại về “*đức hạnh Rome*” (virtus romanus) là linh hồn của nó [39; tr.103]. Ngay từ buổi đầu lập quốc, ý hướng thần quyền đã ăn sâu vào máu thịt Rome cũng như nhiều dân tộc khác.

Bàn về tính tôn giáo, sử gia Live sống vào đầu thời Đế chế, thời của hoàng đế Augustus, cho đó là lớp người được sinh ra và nuôi lớn trong tinh thần dũng cảm trung kiên và sự hy sinh quên mình đồng thời với sự chết dần chết mòn của cái gọi là “linh hồn của Rome”.

Live cũng lên tiếng về sự suy đồi đạo đức, rằng: “*Tôi nghĩ rằng sự ham muốn đã đưa chúng ta đi quá xa các giới hạn và rồi sau đó chúng ta bị cột chặt vào cái chết. Rome đang ở vào buổi đầu tăm tối của một thời kỳ mà chúng ta không thể chịu đựng nổi những thói hư tật xấu và chúng ta biết tìm đâu ra phương thuốc để chữa những căn bệnh trầm kha đó*” [35; tr.16].

Có lẽ vì thế mà tôn giáo ngoài mục đích về thần quyền kết hợp với vương quyền còn là biện pháp để ổn định xã hội. Bởi sự mở rộng của Đế chế đồng nghĩa với việc cư dân Rome bao gồm người đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau, sự cúng bái những vị thần với số lượng ngày một gia tăng được chấp nhận. Chính quyền Đế chế nói riêng và người Rome nói chung, đều có xu hướng rất khoan dung cho phần lớn tôn giáo và tín ngưỡng, sao cho họ không gây bất an. **Trong một nỗ lực nhằm tăng cường lòng trung**

thành, các công dân của Đế quốc đã được kêu gọi tham gia việc thờ cúng hoàng đế để tỏ lòng tôn kính đối với những vị hoàng đế. Sau này, việc Augustus đảm đương chức vụ của Đại Giáo chủ (Pontifex Maximus) và cố gắng làm sống lại tôn giáo Rome cổ, có lẽ như là một công cụ thúc đẩy sự ổn định chính trị. Ông cũng thấu hiểu khả năng sùng bái người cai trị. Như vậy, một phần của sự hồi sinh tôn giáo là xây dựng lại hàng chục đền thờ và việc dâng lễ vật cho Thần Bản Mệnh (thần bảo vệ) của hoàng đế cũng trở thành tục lệ.

Tôn giáo ở Rome có thể nói là sự tôn nghiêm lí tưởng, nếu biết khai thác bằng thái độ chính trị thì tỏ ra hiệu quả. Các vị hoàng đế đã khơi lại truyền thống tôn giáo của Rome và cho kết quả thu hút rất mạnh mẽ. Bằng chứng là sự xuất hiện của Công giáo đầu thế kỷ I bị đàn áp dữ dội và mãi gần hai thế kỷ sau mới có chỗ đứng trong Đế chế. Bởi tôn giáo Rome mang tính chất bên ngoài và máy móc, chứ không phải bên trong hay tinh thần. Những gì mà tín đồ Công giáo xem là lý tưởng cao nhất như lòng mộ đạo được cho là thái độ yêu mến thần thánh duy cảm, thì người Rome cho đó là mê tín.

Thế nhưng, một tôn giáo như Công giáo đã đảm đương đầu với sự kiêu mạn của đế chế, phơi bày sự tàn nhẫn của những kẻ sống bằng lưỡi gươm chinh phục và đàn áp đã thành công và sau này trở thành một tôn giáo của Đế chế. Đó là bản chất của xã hội đang quần quai trong sự tha hóa, thời của Augustus đã nghĩ đến tình trạng này. Tiếp đến, Công giáo mà Jesus được mặc khải đã làm tốt nhiệm vụ của nó. Đây là sự tiếp nối có tính điển hình mà các hoàng đế đã thức thời nhận ra, dù vấn đề này không nằm trong phạm vi mà chúng tôi nghiên cứu.

Về mặt đạo đức xã hội của Rome, bao gồm chủ nghĩa ái quốc, thái độ tôn trọng quyền lực và truyền thống. Đức hạnh chủ yếu là lòng dũng cảm, danh dự, kỷ luật, kính trọng thần thánh và tổ tiên, có nghĩa vụ đối với quốc gia và gia đình. Trung thành với thành thị mình đang sống là điều kiện, quan trọng hơn hết. Vì lợi ích của thành thị, công dân phải sẵn sàng hy sinh không những sinh mạng của mình, nếu cần phải hy sinh sinh mạng của cả gia đình lẫn bạn bè. Có thể nói, thiếu vắng tôn giáo và thần quyền của hoàng đế, Rome khó có thể tích hợp những đặc tính đạo đức như trên.

Tổng hợp về vấn đề tôn giáo, các tác giả trong cuốn *Các nền văn hóa thế giới*, nhận định: “*Bản chất của tinh thần Rome thể hiện ở chỗ nó kìm giữ người con trong trạng thái sợ hãi người cha, công dân sợ hãi người cai trị, tất cả họ đều sợ hãi thần*

linh... Đối với nó thì nhà nước là tất cả, còn việc mở rộng nhà nước là khát vọng cao cả duy nhất không bị cấm đoán” [39; tr.103].

Như vậy, tôn giáo của Rome song hành cùng chính trị, thể hiện ý muốn chính trị và đưa xã hội Rome có sự phục tùng cần thiết cho Đế chế. Việc sử dụng tôn giáo như một công cụ hỗ trợ cho cai trị có thể nói là sự linh hoạt của các hoàng đế mà ở một vài thời điểm đã đồng nhất vương quyền và thần quyền.

4.1.2. Đặc điểm thể chế kinh tế

Qua việc tìm hiểu một số thể chế của Rome trong thời kỳ Pax Romana, chủ yếu trong nông nghiệp, thủ công nghiệp, tiền tệ, thương mại, giao thông vận tải, chúng tôi rút ra một số đặc điểm sau:

Thể chế kinh tế mang bản chất nền kinh tế hàng hóa, tiền tệ cổ đại sơ khai và có quy mô lớn

Rome đã phát triển nền kinh tế có quy mô rộng lớn, tuy rằng nền kinh tế mang bản chất hàng hóa, tiền tệ cổ đại sơ khai. Sự chuyên canh trong kinh tế nông nghiệp với sự phát triển của các đại điền trang Latifundia. Thủ công nghiệp đã phân loại ngành nghề, có nghiệp đoàn và chủ yếu cung cấp trong lãnh thổ, đặc biệt là vùng kinh đô đế quốc và bán sản phẩm để đổi lấy lương thực. Nền thương nghiệp mở rộng không những trong đế quốc mà còn ra bên ngoài và con đường tơ lụa trên biển sang Viễn Đông là bước phát triển lớn. Tuy nhiên, nền kinh tế chưa nặng về tính tiêu dùng.

Tính quy mô thể hiện ở lượng hàng hóa, sản phẩm được sản xuất, phân phối qua các luồng thương mại, không những trong lãnh thổ Rome mà còn mở rộng ra bên ngoài. Điều này tác động lớn đến việc hình thành các hệ thống giao thông, thương mại. Mỗi ngành kinh tế đều có sự tăng vọt về lượng. Từ kinh đô Rome đến các tỉnh phía Đông và phía Tây có sự kết nối về kinh tế, hình thành một mạng lưới luân chuyển, trao đổi hàng hóa từ các cơ sở sản xuất hàng thủ công nghiệp, các mặt hàng nông phẩm, đến những hàng xa xỉ phẩm, hàng nhập nước ngoài... Do sự sản xuất hàng hóa tăng lên, nhu cầu trao đổi qua thị trường cấp thiết hơn trước, liên kết vùng miền được đề cao nên xóa dần ranh giới của tính chất tự nhiên tự cung tự cấp. Rome phải nhập hàng hóa từ Ai Cập, xứ Gaul, Tiểu Á, đảo Sicily... trong lãnh thổ và cả hàng hóa từ Trung Quốc, Ấn Độ... để phục vụ từ nhu cầu đời sống đơn giản đến nhu cầu xa hoa của mình.

Tư liệu sản xuất được cải biến nhiều qua công cụ lao động hoặc tiếp thu từ các văn hóa khác hoặc tự sáng chế. Chẳng hạn, lưỡi cày có bánh xe kéo của xứ Gaul có thể cày trên đất cứng, lưỡi hái để gặt... Nhiều phát minh trong thời đại Pax Romana được ứng dụng trong lao động, sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Ví dụ, khung dệt, thuốc nhuộm trong ngành dệt, công nghệ chưng cất rượu của ngành sản xuất rượu, máy xay bột trong nông nghiệp, kỹ thuật làm đường giao thông ...

Sự phát triển kinh tế đã phủ lên trên mọi giá trị khác là sự phát triển vật chất huy hoàng biểu hiện qua vô số các công trình kiến trúc, điêu khắc, bích họa, các tác phẩm nghệ thuật...

Nhiều ngành kinh tế phục vụ nhu cầu xa hoa cho giới quý tộc, quan chức. Chúng chỉ đáp ứng nhu cầu cho một bộ phận nhỏ đặc quyền đặc lợi lại chiếm vị trí quan trọng trong mậu dịch buôn bán. Mọi thứ hàng hóa như nông sản phẩm, rượu, dầu ô liu, vải vóc, đồ gốm, đồ kim loại, gỗ quý cũng như nô lệ ở các nơi đều tập trung về Rome. Sự xa hoa, phung phí hưởng thụ cho thấy sự giàu có quá mức của Rome trong một vài mốc lịch sử. Việc sử dụng các xa xỉ phẩm ngoài việc kích thích sản xuất các mặt hàng thủ công nghiệp đòi hỏi trình độ sản xuất cao, cũng bộc lộ khuyết điểm là tính thiếu tiết kiệm để rồi sau này Rome phải trả giá.

Hệ thống giao thông đường bộ phát triển cả về quy mô lẫn chất lượng. Về quy mô, Rome dường như đã kết nối được các vùng lãnh thổ của mình qua các tuyến đường bộ được quy hoạch và thiết kế chi tiết. Kỹ thuật xây dựng đã vươn lên tầm cao mới, đảm bảo sự thông suốt, bền vững. Giao thông đường bộ chú trọng phát triển, qua hệ thống đường sá, cầu cống trong lãnh thổ Rome và mở rộng phát triển con đường tơ lụa trên bộ. Đường bộ đã phục vụ cho các mục đích dân sự, giao thông, buôn bán và cả mục đích quân sự của đế quốc.

Hệ thống đường thủy phát triển táo bạo và tầm vươn xa hơn qua các vùng lãnh thổ khác, nhất là vùng Viễn Đông, chinh phục các tuyến vận tải biển như Ấn Độ Dương và hoàn toàn làm chủ Địa Trung Hải. Các đầu mối giao thông sông ngòi, cảng biển được đầu tư xây dựng, các đoàn thuyền buôn qua tận Viễn Đông để phục vụ thương mại và các mục đích khác. Hệ thống này khiến sự giao thương và trao đổi văn hóa của Rome nở rộ hơn bao giờ hết, tiếp thu được các thành tựu văn minh bên ngoài Rome, góp phần khám phá và khai mở thế giới, tạo dựng nền tảng cho các thực thể chính trị châu Âu khác vào các thời kỳ lịch sử sau này.

Đặc biệt, sự hình thành các đô thị là một trong những thành quả quan trọng của nền kinh tế đẩy mạnh sự giao thương. Đa số các đô thị nằm ở miền Tây đế quốc, Nam và Trung bộ xứ Gaul, miền Trung Tây Ban Nha, vùng Bắc Phi. Đây là những nơi tập trung hành chính, giao thương và rất thịnh vượng. Các đô thị do Rome xây dựng đều trở thành những đô thị bền vững mãi cho đến tận ngày nay.

Hình thái kinh tế chiếm hữu nô lệ, nặng về bóc lột

Do sở hữu được lực lượng sản xuất, tư liệu sản xuất, nắm trong tay quyền điều phối quan hệ sản xuất nên chủ nô có nhiều đặc quyền đặc lợi... Các vị vua của Rome, các thành viên của Viện Nguyên lão, tướng lĩnh đều là những người giàu có, nắm tài sản lớn, nhiều đất đai. Họ nắm quyền lực, sở hữu nhiều nô lệ, các phương tiện canh tác, sản xuất... chiếm hầu hết các lợi ích trong Đế quốc. Việc duy trì chế độ chiếm nô bị lên án gay gắt vì hình thái kinh tế chiếm hữu nô lệ kìm hãm sự phát triển sản xuất, tạo ra mâu thuẫn giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất. Nhà sử học Peter Temin nhận định: *“Việc sử dụng rộng rãi chế độ nô lệ ở Rome được coi là một dấu hiệu cho thấy quan hệ xã hội (Gemeinschaft) này thống trị cuộc sống của Rome thời cộng hòa và đế chế thời kỳ đầu. Finley, và những người kế tục, lập luận rằng nền kinh tế cổ đại không phải là nền kinh tế thị trường, mà là một nền kinh tế có tính chất xen kẽ (alternate), giữa tính tự nhiên nguyên thủy về hình thức [103; tr.513].*

Dù khung cảnh hai thế kỷ Pax Romana là hòa bình, phồn vinh nhưng trong bản thân nó đã có những sự khập khiễng vì nền kinh tế xây dựng trên cơ sở không vững chắc. Lực lượng sản xuất là những người tự do và nô lệ. Tư liệu sản xuất nằm trong tay địa chủ và ra sức bóc lột nặng nề những người tự do và nô lệ. Họ phải làm việc cực lực, bị đối xử thậm tệ và ít được hưởng những quyền cơ bản của con người. Chính sự phân biệt này đã đưa tình cảnh ngột ngạt trong đời sống của những người dưới đáy xã hội như nô lệ, người nghèo. Trong sản xuất thủ công nghiệp, những người thợ làm việc trong các ngành khai khoáng, luyện kim như vàng, chì, đồng, thiếc, ngành kiến trúc, làm gốm, nấu rượu... cũng phải làm việc hết sức cực lực để phục vụ cho lợi ích của những ông chủ. Trong mạng lưới thương nghiệp, những thủy thủ, người phu khuân vác cũng phải cùng mình làm việc, để hàng triệu tấn hàng hóa luân chuyển khắp đế quốc. Những kỳ sĩ xuất hiện trong mối quan hệ thương nghiệp nhờ sự bóc lột tàn nhẫn nô lệ, thu thuế, lập hội kinh doanh là sản phẩm của một nền sản xuất bóc lột. Quan hệ sản xuất bóc lột ấy đặc biệt lan nhanh tới các tỉnh bị chinh phục, thuộc địa. Mới đầu, Rome

liên minh với các nước bị chinh phục và coi họ là bình đẳng với mình. Nhưng chẳng bao lâu sau, Rome nô lệ hóa các dân tộc ấy, chống lại họ kịch liệt khi họ nổi dậy. Nguyễn Mạnh Tường dùng chữ “*Cướp bóc, hút máu các dân tộc bị chinh phục*” đã nói rõ điều đó [61; tr.140].

Vai trò nô lệ trong kinh tế có nhiều thay đổi

Người lao động, không còn thuần túy là nô lệ nữa mà chuyển sang chế độ lệ nông, bao gồm cả nông dân tự do, người nghèo và nô lệ. Điều này đã tác động sâu sắc đến lực lượng sản xuất, đẩy nhanh quá trình sản xuất và đạt được giá trị thành quả lao động. Nhiều sử gia kết luận, từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 3, xu hướng chung về lực lượng lao động nông nghiệp là thay đổi từ hình thức nô lệ sang hình thức cày thuê. Sự chuyển biến ngay trong lực lượng sản xuất dù còn chậm chạp, chưa toàn diện nhưng là dấu hiệu mới của một hình thái sản xuất mới, phù hợp với sức sản xuất và nhu cầu của xã hội.

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng nền kinh tế Đế quốc Rome chưa hẳn phụ thuộc vào chế độ nô lệ (slavery), và phần lớn lao động không được thực hiện bởi nô lệ, bất chấp Đế quốc này gắn bó với xã hội nô lệ. Các nhà nghiên cứu cho rằng, nếu nền kinh tế là dựa trên nô lệ thì lao động nô lệ sẽ phải chiếm hơn 50% lực lượng lao động và con số khác là tỷ lệ 1/3 dân số thường được nhắc đến trong các số liệu nói về xã hội nô lệ như các thành bang Hy Lạp và cả Rome.

Nhà sử học Temin viết rằng: “*Ước tính rằng một phần tư hoặc ít hơn nô lệ vùng Italia sống ở Rome, trong khi phần còn lại sống ở các thành thị nhỏ và nông thôn - nơi họ ít hơn 1/3 lực lượng lao động ở nông thôn. Nếu những ước tính gần đúng, nô lệ không phải là lực lượng lao động chiếm ưu thế trong thành thị hay vùng nông thôn của thời kỳ đầu của Đế quốc*” [103; tr.13].

Điều này cho thấy vai trò của nô lệ trong nền kinh tế có nhiều thay đổi và những chuyển biến đó đặt ra những tiền đề để chế độ phong kiến được hình thành trên lãnh thổ châu Âu sau này.

4.2. Những tác động của các thể chế

4.2.1. Những tác động trực tiếp đến Rome

Về chính trị

Tựu chung, có một nhận định khi bàn về việc xây dựng các thể chế của Rome và những đóng góp như thế này: “*Người Rome đã sáng tạo ra những kiệt tác của mình*

trong lĩnh vực đời sống công dân, trong chính trị, trong xây dựng nhà nước. Họ dành tất cả cho chính trị và đạt tới sự toàn vẹn và hoàn hảo ở đây” [39; tr.102]. Những vùng đất của đế quốc Rome tương đương với 40 quốc gia ngày nay với khoảng 6.5 triệu km².

Năm	25 TCN	117
Diện tích (km ²)	2.750.000	6.500.000
Dân số (người)	56.800.000	88.000.000
Mật độ dân cư (người/km ²)	20.7	13.5

4.2. Bảng thống kê sự mở rộng và phát triển của Đế quốc Rome [101; tr.125].

Trong hai thế kỷ sơ kỳ Đế chế, Rome đã tạo ra một diện mạo hòa bình, ổn định nhất trong các thời kỳ trước và sau nó. Lịch sử gọi là Pax Romana, thái bình La Mã, hay như Matthew J. Bowser gọi là Golden Age với kết luận: *“Tôi đã thu hẹp khái niệm về thời đại hoàng kim với ba phẩm chất cơ bản: hòa bình và an ninh, hưng thịnh của những đức tính Cộng hòa cũ, và thịnh vượng dưới một nhà lãnh đạo vinh quang, thiêng liêng”* [70; tr.4].

Các thể chế chính trị ổn định đã tạo đà cho sự phát triển của Rome, nhất là chính sách nhất quán trong việc mở rộng lãnh thổ, xây dựng các thành thị. Những thành thị không ngừng mọc lên trên những vùng đất mới, một trong những biểu hiện thành công của đế quốc. Những thành thị trông giống nhau đến nỗi người ta nghĩ Rome cứ xây đi xây lại một thành thị. Nhiều thành thị sau này như Paris, London... cũng trực tiếp được xây dựng trên nền móng của những thành phố Rome cổ xưa. Điều này biểu hiện qua lối kiến trúc, phương cách xây dựng.

Bên cạnh đó, đế quốc Rome còn đảm bảo cho việc đi lại giữa các vùng miền. Các công dân Rome có quyền đi khắp đế quốc rộng lớn ấy. Ví như, sau khi Augustus chinh phục Ai Cập, nhiều quý tộc Rome, các công dân tự do thích phiêu lưu đã đến xứ này để tham quan. Họ đã để lại những nhận xét vô cùng tinh tế về sự phát hiện của mình: *“Ta là quan tòa Rome, ta đã đến thăm đây và hoàn toàn sững sốt... Hay “ Ta chỉ huy quân đội, ta đã đến đây cùng con gái và ngạc nhiên về nơi này. Thật là kỳ lạ, thật là độc đáo, ta chỉ còn biết tự trách mình là sao không hiểu nổi các chữ tượng hình mà người Ai Cập đã viết ra”* [35; tr.83].

Về quản lí công dân, Rome cho dân chúng từ các tỉnh được thưởng cho sự nhập ngũ phục vụ để quốc của mình là quyền công dân Rome cho họ lẫn gia đình họ. Dân chúng Rome được chia các nấc thang rõ ràng: Công dân Rome, dân địa phương, phi công dân và nô lệ. Bản thân các công dân này cũng chia thành các tầng lớp khác nhau và có đặc quyền khác nhau mà các phi công dân không có.

Vì thế trở thành công dân Rome là điều tha thiết của đa số dân chúng ở trên toàn lãnh thổ Đế quốc. Dân của địa phương phục vụ trong quân trợ chiến 25 năm mới được ban cho quyền công dân Rome để hưởng các quyền pháp lý và đặc quyền quan trọng. Để chứng minh, một số quân nhân đã cho người làm những phiên bản bằng đồng sao lại văn bản chính. Quân nhân sau khi giải ngũ được ban đất đai hoặc tiền bạc. Một số nơi, quân nhân kết hôn với phụ nữ địa phương giúp cho việc phổ biến văn minh và lối sống Rome và cấu kết chặt chẽ các tỉnh với Rome [22; tr.120].

Chẳng hạn, một nhà sử gia Rome cho chúng ta biết người Anh khi mới bị đô hộ đã học tiếng Latin, bắt đầu mặc toga, xây nhà tắm công cộng, và sống như người Rome như thế nào. *“Họ gọi những điều mới mẻ này là văn minh, nhưng thực ra chúng chỉ là công cụ để biến họ thành nô lệ”*. Ý rằng, người Rome thuyết phục người Anh và các dân tộc khác sống dưới sự đô hộ của họ bằng cách mang lại cho những người này những thứ sang trọng và thú vui mà họ chưa bao giờ biết đến.

Nhờ vậy, Rome là đế quốc cổ xưa có số lượng công dân ngày càng đông, đa màu sắc đa dân tộc đa văn hóa. Điều đáng ngạc nhiên là các dân tộc bị chinh phục cũng đã hòa nhập rất nhanh tập quán, luật pháp, cả ngôn ngữ Latin của Rome. Điều này đã góp phần hình thành nên nền văn minh phương Tây đến hàng thế kỷ sau.

Đế quốc này còn được biết đến như một chính thể không xem phân biệt chủng tộc là quan trọng. Người Rome cổ đại không đánh giá con người dựa trên màu da, và sắc tộc cũng không ảnh hưởng tới địa vị của mỗi cá nhân trong đế quốc Rome. Người châu Phi và những dân tộc khác đều có mặt trong mọi tầng lớp của xã hội Rome cổ đại. Quân đội ngoài người Italia còn bao gồm cả người Tây Ban Nha, Germania, Bắc Phi, Gaul... Những binh lính này có thể được phong cấp không kể màu da, nguồn gốc, chừng nào họ còn trung thành với đế quốc. Thậm chí một số hoàng đế là người ngoại tộc như bản thân hoàng đế Hadrian là người Tây Ban Nha.

Nhìn chung, nền hành chính của Đế quốc, việc sùng bái một nhà vua, tiền tệ chung, và hai ngôn ngữ chung (tiếng Latin ở phương Tây, và tiếng Hy Lạp ở phương

Đông) là những mối liên hệ gắn liền đế quốc. Tất cả duy trì trên nền tảng của Luật Rome và sự cai trị của các hoàng đế. Từ Anh quốc cho tới bờ sông Euphrates, câu nói “*Civis Romanus Sum*” (Tôi là công dân Rome) [6; tr.76], chứng tỏ họ tự hào là mình là một phần tử của cơ đồ chính trị huy hoàng nhất trong lịch sử nhân loại.

Sự cai trị thành công của Rome được lí giải, rằng Rome rất giỏi đồng hóa các dân tộc khác trong quá trình chinh phục. Đó là sức mạnh văn minh mà Rome xây dựng trong hàng thiên niên kỷ, sức mạnh bền vững và tạo sự kính phục của các dân tộc man rợ, kém văn minh khác. Ngoài vũ khí của quyền lực và quân đội, sự vượt trội về văn minh của Rome ở vùng phía Tây thế giới chính là nền tảng căn bản xây dựng đế quốc hưng thịnh.

Sự cai trị thành công của Rome ở các tỉnh Đế quốc được F.Engels đánh giá “*Suốt nhiều thế kỷ, nền thống trị thế giới của Rome, như một cái bào, đi đến đâu là gọt bằng đến đấy, đã tiến qua khắp các nước ven Địa Trung Hải. Trừ những chỗ mà tiếng Hi Lạp có phản kháng lại, còn thì mọi ngôn ngữ dân tộc đều phải nhường chỗ cho một thứ tiếng Latin đã bị biến chất đi; không có sự phân biệt dân tộc nào nữa, không còn người Gaul, người Iberia, người Liguria, người Noricum nữa, tất cả đều thành người Rome*” [17; chương. VIII].

Thay vì bắt các dân tộc bại trận làm nô lệ, Rome lại biến họ thành những đồng minh, sáp nhập vào Rome, ban cho những kẻ bại trận vinh dự được làm công dân Rome. Rất nhiều dân tộc, lãnh thổ đồng ý với phương án này, vì họ không muốn lặp lại kết cục bi thảm của đế quốc Carthage, mặc khác họ lại có lợi khi duy trì sự tồn tại trong một đế quốc đủ làm họ thỏa mãn trạng thái của nền văn minh tiên tiến của thế giới cổ đại. Như vậy, Rome tạo ra nhiều thứ cho công dân trong đế quốc mình. Công dân đảm bảo những quyền lợi chính trị về bầu cử, cạnh tranh công bằng ở mức độ nào đó của nỗ lực cá nhân, lại được bảo vệ bởi một hệ thống luật pháp tường định, nghiêm túc. Bên cạnh đó, sự vững vàng của quân đội Rome mang lại sự trật tự trên toàn lãnh thổ. Tất cả mang lại sự tin tưởng cho những kẻ đã là công dân và những kẻ mới bị chinh phục.

Về kinh tế - xã hội

Đế quốc Rome cai quản một vùng đất rộng lớn, với nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào, nhân khẩu đông đúc và vị trí địa lý thuận lợi để hình thành một nền kinh tế phát triển vào loại bậc nhất trên thế giới thời bấy giờ. Nền kinh tế của Rome tập

trung vào nông nghiệp và thương mại, tạo nên nhiều thành tựu kinh tế nổi bật trên hai ngành kinh tế chủ đạo này. Các thể chế kinh tế trong đế quốc cũng “đâm chồi” từ hệ hình kinh tế này và tạo ra một hệ quả: “*Dưới thời đại Augustus, đế quốc Rôma đã trải qua một thời kỳ phồn thịnh chưa từng có*” [1; tr.149]. Sự phồn thịnh này ảnh hưởng rất lớn đến Rome hai thế kỷ sau đó mà lịch sử gọi là thời kỳ thái bình Pax Romana.

Nông nghiệp với chế độ lệ nông, Latifundia đã thay đổi những cánh đồng nho và ô liu rộng lớn quanh khu vực nông thôn của Rome. Việc sáp nhập Ai Cập, Sicily và Tunisia ở Bắc Phi là nguồn cung cấp ngũ cốc liên tục cho thành Rome và nhiều vùng thành thị khác. Nhu cầu và an ninh lương thực của Rome được đảm bảo. Mặc dù trước đó, nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào lao động nô lệ cho cả công việc lành nghề và không có kỹ năng với ước tính đã chiếm khoảng 20% dân số của Đế quốc và 40% ở thành phố Rome. Bước qua thời kỳ Pax Romana, khi cuộc chinh phục dừng lại và giá nô lệ tăng lên, lao động làm thuê trở nên có giá trị hơn trong nền kinh tế, thay vì sở hữu nô lệ.

Thể chế tác động lớn đến cấu trúc chế độ nô lệ, cùng với hoàn cảnh xã hội khiến cho lực lượng này ngày mỗi suy giảm. Chế độ nô lệ có tồn tại ở thành Rome nhưng nô lệ gồm cả người da đen lẫn người da trắng. Chế độ nô lệ là một thành phần kinh tế trong cuộc sống và không liên quan gì tới sự phân biệt chủng tộc. Mọi người ca ngợi những nô lệ da đen người Nubia vì dáng vẻ oai phong cũng như coi trọng các nô lệ người Hy Lạp tóc vàng, mắt xanh [108].

Thương mại là động cơ thúc đẩy nền kinh tế của Rome trong thời Cộng hòa và cả thời Pax Romana. Thương mại phát triển cả ở đường bộ và đường thủy, đáp ứng một lượng lớn thương mại giữa các tỉnh của đế quốc. Để tạo sự liên hệ giữa các tỉnh, Rome đã xây dựng 85.000km đường lát đá để nối liền các vùng đất của đế quốc lại với nhau. Những con đường này nếu xếp cùng một trục đường thì có thể bao quanh trái đất 2 lần và tốt đến nỗi ngày nay vẫn còn tồn tại. Những con đường này giúp cho Rome giữ vững và kiểm soát được lãnh thổ rộng lớn, như dễ dàng thông thương, điều động quân đội khi cần thiết. Trên các con đường chằng chịt đó, người Rome cho xây dựng những trạm dừng chân cho người đưa thư, nếu nhanh chân có thể di chuyển 300 km mỗi ngày. Còn trên mặt biển Địa Trung Hải, thuyền bè đi lại như mắc cửi.

Khái quát về kinh tế đế quốc Rome, một người Hy Lạp tên là Dionysius xứ Halicarnassus đã liệt kê tất cả những thứ mà ông cho là thành tựu rực rỡ nhất của

người Rome. Điều gây ấn tượng với ông không phải là cách Rome xây dựng nên một đế quốc hùng mạnh đến thế hay cách họ tổ chức quân đội. Theo Dionysius: *“Ba thành tựu rực rỡ nhất của Rome góp phần tạo nên sự vĩ đại của Đế chế này là hệ thống dẫn nước, đường xá rộng, và hệ thống thoát nước, tất nhiên không chỉ do tính hữu dụng của chúng mà còn do kinh phí xây dựng chúng quá lớn”* [21; tr.186].

Việc làm hệ thống giao thông ngoài mục đích đi lại chính là cách để kiểm soát bằng quân đội. Thật vậy, quân đội Rome có thể đến bất kì nơi đâu trong vòng vài tuần lễ. Chẳng hạn, một cuộc hành quân từ Rome tới Tây Ban Nha là 27 ngày [35; tr.65]. Hầu như các tỉnh trực thuộc, các thuộc địa đều có hệ thống đường như thế nên việc di chuyển rất thuận lợi. Điều đặc biệt nữa là ở nơi đâu có ba tuyến đường gặp nhau thì ở đó có những thông tin dán lên cho công dân Rome theo dõi. Vào năm 100, người ta có thể đi từ Ai Cập đến Pháp trên những con đường lát đá mà chỉ cần một loại tiền tệ duy nhất và một chiếc thẻ trong túi. Như vậy, hệ thống đường xá quy mô đã góp phần tạo nên sự hoàn chỉnh, thống nhất của đế quốc Rome, thuận lợi trong việc buôn bán, trao đổi, góp phần truyền bá nền văn minh của đế quốc và ảnh hưởng sâu sắc tới tư duy quản lí của thế giới.

Ngoài ra, theo sử gia Pliny định nghĩa quan điểm của Rome về khả năng xây dựng các công trình kiến trúc mang đậm dấu ấn văn hóa Rome để nói lên sức mạnh của Đế quốc như sau: *“Bây giờ là tiến trình đi tới kỳ quan của Rome, để kiểm tra những gì chúng ta đã học được hơn 800 năm qua và cho thấy rằng chúng ta đã chinh phục thế giới bằng chính các công trình kiến trúc của mình (Pliny, XXXVI, 101)* [100; tr.1].

Hơn nữa, những nhà cầm quyền Rome ngoài việc thiết lập các thể chế chính trị, kinh tế còn rất mực quan tâm tới đời sống tinh thần của công dân Đế quốc. Nhiều trong số các vị hoàng đế đã bảo hộ cho thi ca, triết học, sử học và nhiều ngành khoa học sơ khai khác nở rộ. Vì họ ý thức được rằng, sự đầu tư cho văn hóa sẽ khẳng định Rome với thế giới các dân tộc bị chinh phục và lưu danh tên tuổi họ. Các thể chế về mặt tổ chức nhà nước, các hệ hình kinh tế tác động mạnh đến lĩnh vực văn hóa. Và ngược lại, những yếu tố văn hóa này sẽ tương trợ cho chính trị, kinh tế. Không khó để biết một Augustus luôn bảo trợ một nền thi ca giàu hình tượng, một Ne Ro mê thơ và nghệ thuật, một Aurelius đầy suy tư triết học và nhiều hình ảnh cá nhân chính trị khác. Đồng thời, họ cũng định hướng cho nền văn hóa Rome ở mức độ nào đó như nhận xét:

“Các nhu cầu thẩm mỹ của tầng lớp tinh hoa trong thực tế được kết hợp với những nhu cầu thẩm mỹ của quần chúng phải cư trú và làm việc trong những thành phố đang phát triển nhanh chóng” [2; tr.117]. Các hoàng đế còn dùng tiền của trong kho bạc hoàng đế để chi cho việc xây dựng đền thờ, quảng trường, nhà tắm công cộng... để thể hiện sự quan tâm đến dân chúng, lấy lòng các công dân của Rome. Sự kết hợp này đã tạo nên những sản phẩm văn hóa của Rome.

Qua những lời trên, chúng ta nhận thấy rằng sự đóng góp của Rome vào mô hình, kỹ thuật, công nghệ xây dựng là rất to lớn, quyết định đến sự tồn tại và thịnh vượng của đế quốc. Trên cơ sở ổn định về thể chế chính trị, kinh tế, Rome đã có thời gian và tâm sức để phát triển các sản phẩm văn hóa, văn minh. Những liên quan khác như vật liệu, phương pháp xây dựng, và đặc điểm kiến trúc đã trở thành, điểm nhận dạng đế quốc Rome. Công trình kiến trúc có khả năng truyền tải thông điệp chính trị, sự phồn vinh về kinh tế và Rome đã truyền đạt sự hùng vĩ, lộng lẫy và sang trọng đến với thế giới để nhận biết họ ở thời điểm đó và cả sau này.

4.2.2. Đối với châu Âu

Từ khi Rome xuất hiện trên vũ đài lịch sử và thực hiện việc bành trướng lãnh thổ, hình thành đế quốc rộng lớn thì cũng từ đó, văn minh Rome đã có vai trò to lớn ở khắp vùng Địa Trung Hải và châu Âu. Sự ra đời của Đế quốc Rome với thể chế chính trị của nó hầu như không ít những nhược điểm, dù thế vẫn có sức cuốn hút rất lớn đối với các thời đại sau này. Rõ ràng, triều đại của Augustus đã đặt những nền tảng cho một chế độ kéo dài hàng trăm năm cho đến những ngày cuối cùng của sự suy tàn của Đế quốc Rome.

Vào thiên niên kỷ thứ nhất, tất cả các quốc gia mới đều xuất phát từ vùng biên giới Rome. Hãy xem xét nhận định đó về mặt số lượng. Tổng diện tích của châu Âu là 3,8 triệu dặm vuông. Chiều dài của biên giới Rome từ cửa sông Rhine đến cửa sông Danube là hơn 1.200 dặm. Giả định rằng ảnh hưởng của vùng biên giới mở rộng ra hai bên khoảng 100 dặm, tổng diện tích của vùng biên giới sẽ là 240.000 dặm vuông hoặc nhỏ hơn bảy phần trăm tổng diện tích châu Âu. Tất cả bảy quốc gia lớn của châu Âu thời kỳ hậu Rome (và ba quốc gia có diện tích nhỏ hơn và thời gian tồn tại ngắn hơn) đều xuất hiện trong dải đất nhỏ hẹp này [58; tr.126].

Chẳng hạn, ở vùng bắc xứ Gaul, phía Nam sông Rhine, đã có hai cố gắng muốn xây dựng các đế quốc, đó là Đế quốc xứ Gaule của Postumus trong thế kỷ thứ III và

vương quốc của Syagrius trong thế kỷ thứ V, tuy nhiên cả hai đều bị chết yểu (bị những đối thủ mạnh hơn tiêu diệt). Trong vùng Balkan, phía Nam sông Danube, cố gắng xây dựng nên đế quốc đã thành công và tạo ra được Đế quốc Byzantine hùng mạnh và bền vững. Tương tự như vậy, những vùng đất không thuộc về Rome vốn đã tạo ra những đế quốc là những lãnh thổ nằm trong vùng biên giới. Lưu vực sông Rhine là nơi mà đế quốc người Frank được khai sinh, ảnh hưởng sâu đậm đến quá trình tiếp theo của lịch sử châu Âu.

Chúng tôi xin tập trung vào ví dụ về quốc gia của người Ostrogoths dưới triều Theodoric để chứng minh sự ảnh hưởng của Đế quốc Rome như thế nào. Khi bộ tộc Visigoths xâm chiếm Italia năm 489, họ đối đầu với một hệ thống chính quyền vững vàng của Rome. Bộ máy quan liêu của các tỉnh thành vẫn tồn tại, và thủ lĩnh Theodoric của nhánh Ostrogoths (trị vì 475-526) đã quyết định duy trì bộ máy cai trị của Rome. Dưới sự lãnh đạo của ông, một chương trình quản lý dân sự (*civilitas*) đã nảy sinh, với mục đích duy trì hệ thống hành chính, kinh tế và văn hóa của Rome. Do đó, truyền thống quản lý Rome vẫn được giữ gìn một cách thành công bởi bộ tộc Ostrogoths hơn bất cứ các chính thể kế thừa nào khác.

Để đạt được mục đích cai trị theo luật pháp, Theodoric duy trì hệ thống hành chính của Rome đã tồn tại từ trước. Người Rome vẫn nắm quyền lực ở các cơ sở hành chính dân sự. Trong khi đó, các chiến binh Ostrogoths chỉ giữ vai trò thủ lĩnh quân sự thuần túy, cung cấp lực lượng để bảo vệ các vùng đất mà thôi.

Sự học hỏi nhiệt tâm của vị vua này được thể hiện trong một bức thư như sau: *“Tuân theo các phong tục tập quán của Rome. Nhờ sự chúc phúc của Thượng đế, các người được phục hồi tự do như cũ; thoát khỏi cuộc sống man rợ, khoác lên mình chiếc áo choàng đạo đức; gạt bỏ sự độc ác, mà vì điều đó các người không đáng là thuộc hạ của ta... Đừng ghét sự cai trị của luật pháp bởi vì đối với các người nó rất mới, sau những phần uất không chủ đích của tính cách man rợ”* [49; tr.55-56].

Quyết định của Theodoric đã phổ biến các giá trị của Rome cho bộ tộc Ostrogoths, và sau là cho các bộ tộc Germania khác. Vì thế nó góp phần tạo nên bộ mặt phong kiến châu Âu thời Trung cổ.

Bên cạnh đó, trong những thành tựu của Rome, luật pháp của họ trở thành một bộ phận quan trọng trong Bộ luật Justinian sau này và được truyền đến cuối thời Trung cổ. Về danh hiệu, tên hoàng đế Augustus và họ Caesar đã trở thành những danh

hiệu vĩnh viễn của các hoàng đế của đế quốc Rome trong 14 thế kỷ sau khi ông mất, được sử dụng ở cả đế chế Rome cũ và Rome mới. Trong nhiều ngôn ngữ, Caesar trở thành danh từ để chỉ hoàng đế. Trong tiếng Đức nó trở thành “Kaiser”; trong một số ngôn ngữ Slavic nó đã trở thành Tsar (Sa hoàng); ở tiếng Hungary nó đã trở thành “Császár” và nhiều biến thể hơn khác. Danh hiệu này bắt nguồn từ tên riêng của Julius Caesar là Caesar: tên riêng này đã được thông qua bởi tất cả các hoàng đế Rome, độc quyền bởi vua cầm quyền sau khi triều Julius-Claudius chấm dứt. Trong truyền thống này, Julius Caesar đôi khi được xem như là “Caesar hoàng đế”. Đây là một trong những danh hiệu được dùng lâu dài nhất, Caesar và chuyển thể của nó xuất hiện trong các năm kể từ thời của Caesar Augustus cho tới khi Sa hoàng Symeon II của Bulgaria bị truất ngôi vào năm 1946.

Ngoài các chính thể phong kiến, Rome còn ảnh hưởng đến những tổ chức khác như vấn đề tổ chức Giáo hội Công giáo và cả phản nghi lễ trong tôn giáo này, đều phỏng theo cấu trúc của nhà nước Rome và sự phức hợp trong tôn giáo Rome. Chẳng hạn, Đức giáo hoàng vẫn còn mang danh hiệu Supreme Pontiff (*Pontifex Maximus* — *Trưởng tế tối cao*), dùng để gọi quyền lực của hoàng đế như người đứng đầu tôn giáo công dân thời Đế chế.

Đặc biệt, là sự tiếp nối của Đế chế Byzantine:

Sau vị hoàng đế Rome cuối cùng ở phương Tây, đã bị truất phế năm 476, đế chế ở phương Đông vẫn tiếp tục tồn tại như một xã hội thịnh vượng và hùng mạnh thời Trung cổ và mãi đến năm 1453 mới kết thúc. Người Byzantine gọi đất nước mình là “Đế quốc Rome”. Tuy nhiên, người Byzantine thời Trung cổ là những người khác biệt với người Rome cổ đại. Đây là lý do tại sao các sử gia đã sáng tạo ra cái tên Byzantine³⁷. Tuy nhiên khi tự cho mình là “người Rome” không phải là một lý do đầy đủ để đánh đồng những người sau này với người Rome trước đó. Chẳng hạn như có một quốc gia trong thời hiện đại mà công dân của nó vẫn tự gọi mình là “người Rome”, đó là Rumania. Nói chung việc sử dụng tên một quốc gia cũ và hào hùng là điều thông thường trong lịch sử như người Pháp gọi họ là “người Frank”, người Nga (Russian) cho rằng họ là hậu duệ trực tiếp của người Rus ở Kiev. Nhưng đó không hẳn là không có nguyên do. Dù họ nói ngôn ngữ khác nhau (tiếng Latin đôi với tiếng Hy

³⁷ Từ chữ *Byzantion*, tên của thành phố Hy Lạp, nơi thủ đô Constantinople của Đế quốc Byzantine được xây dựng trong thế kỷ thứ 4.

Lạp), theo tôn giáo khác nhau (Chính thống giáo so với Công giáo) và lãnh thổ trung tâm của họ là hai phần đất châu Âu khác biệt. Tóm lại, điều không thể bàn cãi là người Byzantine là một dân tộc mới, tuy nhiên họ vẫn kế thừa những đặc tính của đế quốc Rome.

Trước hết, đặc điểm nổi bật của đế quốc là có một tín ngưỡng chung, có nguồn cội sâu xa và có tinh thần sẻ chia của hầu hết mọi tầng lớp xã hội. Như là trái tim của đế quốc, thành phố thủ đô Constantinople là một biểu tượng tâm lý của sự thống nhất và một trung tâm thích hợp cho thương mại với vai trò như thành Rome trước đây. Constantinople hoạt động như là trung tâm của một chính quyền phức tạp với một bộ máy hành chính quan liêu công kênh được sự ủng hộ của một lực lượng quân đội tinh nhuệ trang bị đầy đủ vũ khí.

Xét về mặt chính thể, thì Byzantine có vẻ phát huy những giá trị của nền quân chủ chuyên chế chủ nô điển hình của Rome. Người Byzantine được cai trị bởi một *avtokrator*, về mặt lý thuyết, ít nhất cũng có toàn quyền về vấn đề sinh và tử, mang tính chuyên chế như hoàng đế Rome. Tính hợp pháp của *avtokrator* xuất phát từ một sự ủy nhiệm thiêng liêng, kiểu như thần quyền trong vương quyền của hoàng đế Rome.

Ở tột đỉnh của một đế chế, trong mắt thần dân thì hoàng đế chính là một vị thần được Thượng đế chỉ định xuống cai trị họ. Chế độ quân chủ của ông là một chế độ quân chủ tuyệt đối. Hoàng đế nắm quyền sinh sát và quyền uy là tối thượng. “*Hoàng đế chính xác được xem là người duy nhất làm ra luật và là người duy nhất làm sáng tỏ luật pháp...*” [49; tr.63].

Uy quyền của hoàng đế cũng bao trùm các vấn đề tôn giáo, vì chính hoàng đế bổ nhiệm Tổng giám mục của Constantinople. Kiểu mẫu này đã được thiết lập trong thế giới Rome dưới thời trị vì của Augustus, là *Pontifex Maximus* là trưởng tế tối cao hay đại giáo chủ. Khác hẳn, trong đế chế Byzantine, học thuyết Công giáo và nghi thức tế lễ bị đồng hóa với kiểu mẫu xưa. Hoàng đế được xức dầu thánh và vị trí của ông đã được thần thánh hóa. Ông rất quan tâm đến giới giáo sĩ và có quyền kỷ luật giáo sĩ nào không làm theo các ý muốn của ông.

Ngoài ra, cách tổ chức ở các tỉnh của đế chế này phần lớn học tập cách cai trị của Rome. Như vậy, Byzantine là sự kế thừa những thành quả chính trị từ thời Đế chế

Rome với một hình thức mới phù hợp hơn với sự phát triển của lịch sử, thực tiễn vùng đất và văn hóa dân tộc.

Tóm lại, đế chế Rome với những thể chế chính trị có tính mẫu hình của mình đã được châu Âu kế thừa một cách chu toàn.

4.3.3. Đối với thế giới

Rome trở thành một siêu cường của thế giới cổ đại, tấm gương điển hình về một chính thể hùng mạnh, bền bỉ và giàu tính bản sắc. Cho đến sau đó, các siêu cường khác đã không ngừng học hỏi về sự hưng thịnh của nó.

Bàn về ảnh hưởng của Rome, có nhiều quan niệm của các nhà sử học, mà trên hết với cách lí giải của Edwar Mc Nall Burn rằng *“Thế giới hiện đại nợ rất nhiều từ người Rome: trước tiên, vì Rome gần với chúng ta hơn về thời gian nếu so với các nền văn minh khác thời cổ đại, và thứ hai, vì Rome có vẻ có mối quan hệ gần với diễn biến trong thời hiện đại”* [7; tr.232].

Điều này đã được thể hiện khá rõ trong một số điểm tương đồng giữa lịch sử Rome và lịch sử Anh hay Mỹ trong các thế kỷ XIX và XX cũng thường được đề cập. Chúng ta có thể nhận thấy có những điểm như: sự phát triển kinh tế Rome theo cách cải cách ruộng đất đơn giản cho đến hệ thống đô thị phức tạp với các vấn nạn thất nghiệp, độc quyền, khoảng cách giàu nghèo quá lớn, và khủng hoảng tài chính...

Thể chế chính trị của Rome được các quốc gia châu Âu sau này coi trọng và vận dụng cho thích hợp vào điều kiện lịch sử của mình. Tổ chức nhà nước Rome qua các thời kỳ cùng với hệ thống luật pháp của nó đã in dấu ấn vào các nhà nước ở vùng Địa Trung Hải, ở các nước châu Âu trong thời trung đại và cận đại với những mức độ khác nhau.

Những luật pháp Rome trong thời kỳ của nền văn minh, kể từ bộ luật 12 bảng đã được các nhà làm luật, các chính khách tiếp thu có chọn lọc, có phê phán để xây dựng những bộ luật của quốc gia. Dấu ấn của luật pháp Rome có thể thấy trong các chương, điều của nhiều bộ luật của các quốc gia châu Âu sau này, từ luật dân sự, luật hôn nhân và gia đình, luật hình sự, luật về nghĩa vụ, tài sản đến luật thừa kế...

Nguyên tắc công bằng nhân đạo trong luật pháp Rome kết hợp với triết lý của trường phái khắc kỷ vẫn được thể hiện trong luật pháp châu Âu thời đại sau. Quyền công dân trong luật Rome từng bị xem nhẹ trong thời phong kiến châu Âu đã được khôi phục trong luật pháp tư sản từ thời cận đại. *“Một trong những đặc điểm đặc trưng*

cơ bản nhất của hệ thống pháp luật châu Âu lục địa đó là sự ảnh hưởng của luật La Mã đối với hệ thống này xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển” [34; tr.76]. Từ thế kỷ XI - XIII là giai đoạn phục hưng của luật Rome. Hệ thống luật này còn được kế thừa từ nhận thức của trường phái luật tự nhiên (Natural law) trong thế kỷ XVI - XVII. Bước sang thế kỷ XIX, việc pháp điển hóa một số bộ luật ở Pháp (1805), Đức (1896) chịu ảnh hưởng truyền thống pháp điển hóa các bộ luật.

Đặc biệt, về vấn đề nhất thể hóa, toàn cầu hóa đã được vận dụng một cách linh hoạt. Rome đã tập hợp các dân tộc của nhiều vùng lãnh thổ, quốc gia, nhiều trình độ phát triển khác nhau dưới ngọn cờ đế quốc. Các hoàng đế vào sơ kỳ Đế chế với các chính sách chính trị đã tiếp tục duy trì một khối ấy bằng nhiều công cụ quan trọng. Điều này được Francois Jullien nhìn nhận như sau: *“La Mã đã cung cấp kinh nghiệm thứ nhất, khía cạnh châu Âu, của một vận động toàn cầu hóa không tự giới hạn vào chỗ đồng nhất hóa khu vực về các phương thức đời sống xuất phát từ sự xáo trộn không thể tránh được giữa những dân tộc và sự lưu thông ở cấp độ quá rộng lớn của những tài sản và những ý tưởng”* [23; tr.103-104]. Đây là một cách thức hành động được thế giới coi trọng, học hỏi.

Ngày nay, giới luật sư hiện đại và nhất là các quan tòa Mỹ thường dẫn chứng nhiều câu châm ngôn của các luật gia Rome. Ngoài ra, hệ thống pháp lý của gần như tất cả các nước châu Âu ngày nay đều kết hợp chặt chẽ phần lớn với luật Rome. Luật pháp này có ảnh hưởng đáng kể trong việc củng cố quyền sở hữu cá nhân về tài sản.

Hơn một ngàn năm sau khi Rome sụp đổ, Napoleon khi đến đánh chiếm vùng đất Italia đã được các sử gia nhận xét: *“... Nó là một nơi có ý nghĩa tôn giáo bởi Napoleon cho rằng mình là hậu duệ tinh thần của các hoàng đế Rome”* [35; tr.7]. Vị hoàng đế Pháp lừng danh này còn có một nhận định nổi tiếng khác là *“câu chuyện về Rome là câu chuyện của cả thế giới”*. Điều này xuất phát từ những vị vua, những nhà chính trị xuất sắc như Caesar, Augustus, Hadrian, Trajan ... Nó hấp dẫn thế giới sau này bởi những tìm tòi về sự lớn lao của tư tưởng, sự đam mê quyền lực và sự suy tàn tất yếu. Vì lẽ đó, Napoleon rất chăm chú đến việc đội vòng nguyệt quế của các ông vua Rome xưa, như một cách để tưởng nhớ tới sự cai trị của đế quốc lừng danh Rome vậy.

Một ví dụ khác như siêu cường Mỹ hôm nay. Vào buổi ban sơ, người Mỹ xây dựng đất nước, họ cố thiết lập một hệ thống chính trị ban đầu cho quốc gia họ với một nền móng khá vững chắc. Thomas Jefferson, tác giả của bản Tuyên ngôn độc lập và là

vị tổng thống thứ ba của Mỹ cho rằng: *“Trong quá trình lập hiến của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, chúng ta đã tìm kiếm những tiền lệ của nền Cộng hòa Rome, rút ra những bài học từ những ý tưởng chủ đạo của nó lẫn những lộn xộn bề phái làm cho nó suy tàn”* [35; tr.11].

Bên cạnh đó, một điều không thể phủ nhận là những người khai sáng nước Mỹ đã dành nhiều thời gian để đọc những tác phẩm nổi tiếng, kinh điển bằng tiếng Latin có từ thời Rome. Với họ, quá khứ là một pho sách tuyệt vời của ý chí và kinh nghiệm, đặc biệt là quá khứ của Rome thật sự ấn tượng và lôi cuốn trong vô vàn những thứ có thể học hỏi được như những tiền lệ về luật pháp, thiết lập quyền lực chính trị, cai trị thuộc địa và bảo hộ chư hầu.

Nhiều sử gia nhận định, *“nền tảng chính trị cơ bản của nước Mỹ nằm trong Rome và phương Tây lớn lên trong cái bóng của Rome. Những truyền thuyết, những luật lệ, những thể chế và ngôn ngữ của Rome bao trùm cả khu vực này”* [35; tr.11].

Một nhân vật tên là Cuculilius (không rõ năm sinh, năm mất) đã hệ thống hóa những tư tưởng chủ đạo của nền chính trị đó thành luật. Hai nghìn năm sau, những người khai sáng nước Mỹ đã thể hiện hiến pháp của mình cũng đã viết nó bằng cái tên Cuculilius. Cách mạng Mỹ là một giai đoạn lý thú đối với những người khai sáng vì họ có dịp so sánh mình với các anh hùng Rome.

Cincinnatus là một vị vua Rome, hiện thân của một minh quân tài ba, đức độ. Ông là một quý tộc rất tài giỏi về binh quyền nhưng lại yêu thích cuộc sống ẩn dật. Khi Rome bị kẻ thù uy hiếp và thất bại, sứ giả đã đến mời ông về cầm quyền. Ông về làm vua, đánh tan kẻ thù và sau đó quay trở lại với cuộc sống điền viên.

Mẫu người anh hùng công hiến cho tổ quốc như Cincinnatus đã được các nhà chính trị sau này học hỏi. Tiêu biểu như vị Tổng thống đầu tiên của nước Mỹ George Washington, người theo phong cách của vị vua Rome xưa. Khi chiến tranh giành độc lập của 13 bang thuộc địa Mỹ thành công, khi kẻ thù là đế quốc Anh tuyên bố rút lui thì ông cũng lui về an thú cuộc sống ở chốn dân dã.

Ngoài ra có nhận định rằng: *“Đế chế Rome, cũng giống như Đế quốc Anh và Mỹ được hình thành trên sự xâm lược và quan điểm Thuyết bành trướng do định mệnh”* [7; tr.233].

Tinh thần Rome là tinh thần của con người thời cổ đại, nhưng dù ít dù nhiều, nó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự học hỏi kinh nghiệm của các đế quốc thời hiện đại.

Chính Đế chế Rome (Edwar Mc Nall Burn và nhiều nhà sử học gọi là Pax Romana) đã truyền cảm hứng cho Đế quốc Anh (Pax Britannica) tương tự trong thế kỷ 19. Kiểm soát một dân số bằng 3/4 dân số thế giới và duy trì một hạm đội hải quân có sức mạnh bằng các lực lượng hải quân của hai cường quốc khác cộng lại, nước Anh định hình số phận của hầu hết thế giới. Bằng cách này, nước Anh thành công trong việc ngăn chặn các cuộc chiến lớn và chiếm ưu thế văn hóa và kinh tế.

Bên cạnh đó, cuối thế kỷ XIX, nhiều người Mỹ cảm thấy mình bị bùa mê của thời kỳ Pax Romana. Các nhà chính trị và tuyên truyền như Albert J. Beveridge, William Allen White, và Theodore Roosevelt quả quyết sứ mệnh của nhân dân Mỹ là phải trở thành “những nhà tổ chức bậc thầy” của thế giới, thực thi hòa bình, và làm tăng phúc lợi cho con người. Họ nhấn mạnh rằng đất nước của họ đã được thần linh chỉ định làm “*người được ủy thác nền văn minh thế giới*” [7; tr.234].

Ở một góc nhìn khác, sơ kỳ Đế chế đã tái khẳng định những nguyên lý của thể chế Rome ở trên khía cạnh dân chủ, tự do dù rằng đã có những sự thay đổi cục bộ khi chế độ Nguyên thủ mang tính chất chuyên chế, quân chủ chủ nô hình thành, thống trị. Dân chủ ở đây chính là sự duy trì Viện Nguyên lão, mở rộng các quyền công dân, thay đổi sâu sắc chế độ nô lệ. Vì rằng, những biểu hiện của dân chủ - tự do đã diễn ra như đòi hỏi tất yếu của bản tính con người và của ngay các thể chế do con người dựng lên đang tồn tại, kể cả khi đã xuất hiện của các giai cấp và sự thống trị mang tính giai cấp. “*Những yếu tố “dân chủ - tự do” nếu có của phương Tây phải được truy nguyên từ cái cội nguồn xa xưa đó. Có thể nghĩ rằng, con người sinh ra, tập hợp thành nhóm, những cộng đồng để sinh sống, bắt đầu cần đến một hình thức quản lý và tự quản lý, dù thô sơ đến mấy, để tổ chức cuộc sống, thì bên cạnh cái yêu cầu trật tự - kỷ cương, bao giờ cũng có cái yêu cầu dân chủ - tự do*” [56; tr.88]. Sự thích nghi này trong hai thế kỷ được đánh giá cao, là gốc rễ của các thể chế phương Tây mà Rome đã ảnh hưởng. Hiện thực dân chủ - tự do đi trước những lý thuyết dân chủ - tự do, hay sẽ có thể trở thành cơ sở thực tế cho lý thuyết đó phát triển như ta sẽ thấy sau này.

Tất cả những sự kiện trên cho thấy mô hình mà Rome xây dựng mang tính chất quân chủ chuyên chế chủ nô, dù đội lốt Cộng hòa đi chăng nữa nhưng đã bộc lộ những thế mạnh về cai trị và tạo ra sự hấp dẫn đối với nhiều chính thể thời đại sau này.

KẾT LUẬN

1. Quá trình chuyển biến từ thể chế Cộng hòa sang thể chế Principate đã quyết định thời kỳ vàng son của Rome từ năm 27 TCN đến năm 192. Lịch sử của Rome cũng đồng thời là lịch sử của sự bành trướng, được nỗ lực qua nhiều thể hệ chính trị. Dù tình hình nội chính có nhiều lúc vương phải những trở ngại và tham vọng, nhưng chế độ Cộng hòa vẫn là dấu ấn chính trị vững vàng, khó phai nhạt trong truyền thống chính trị của Rome. Chính vì vậy, thời kỳ Đế chế sau này không thể tách hai chữ “Cộng hòa” ra khỏi hệ thống quyền lực của mình.

Bên cạnh đó, những tiền đề chính hình thành Đế chế là sự kế thừa và phát triển thành tựu của nền văn minh Hy-La; Những bước tiến của nền kinh tế chiếm nô; Nền móng từ thể chế chính trị thời độc tài Marius, Sulla và Caesar; Chiến tranh và sự mở rộng cương giới, lãnh thổ... đã để lại cho Rome một nền móng vững vàng. Không có thành tựu văn minh Hy Lạp, Rome sẽ như thế nào với thể chế chính trị lạc hậu trước đó của mình; thiếu vắng nền kinh tế chiếm nô, Rome sẽ ra sao; Các nhà độc tài không xuất hiện liệu rằng có sự kế thừa của các hoàng đế Rome sau này... Các tiền đề đã đặt căn bản và giải quyết các vấn đề của tiến trình lịch sử Đế quốc Rome. Di sản để lại đó đã khiến Rome “giàu có” trong hành trình tiếp theo và để lại kinh nghiệm lịch sử vô cùng quý báu, nhất là trong việc xây dựng các thể chế mới. Có thể nói, thời kỳ Pax Romana là sự tiếp tục những tham vọng chính trị, tiếp tục những âm mưu bành trướng lãnh thổ.

Được khởi đầu bằng sự chuyển biến quyền lực mà Octavius đã bản lĩnh giành chiến thắng sau cuộc nội chiến và được tiếp tục bằng những thành tích của chiến tranh ra bên ngoài lẫn nội chiến bên trong để thống nhất, phát triển đất nước mang tính chiến lược. Thời thịnh trị của Augustus (27 TCN - 14), đã được các triều đại sau kế thừa và kiện toàn đã tạo nên một lịch sử đế quốc thời kỳ hùng mạnh. Giới sử gia gọi thời kỳ từ năm 27 TCN đến năm 192 là thời thái bình, thịnh trị của Rome. Chính quyền theo hướng quân chủ chủ nô được củng cố; lãnh thổ Đế quốc được mở mang rộng nhất; nền kinh tế chiếm hữu nô lệ phát triển cao độ.

2. Thể chế chính trị của Rome có hệ thống rất rõ ràng, một hệ thống mới khác xa với thời kỳ Cộng hòa trước đó. Sự phân cấp quyền lực là đặc điểm lớn trong chế độ Principate. Đế quốc có 5 nhánh quyền lực hợp nhất để duy trì, bao gồm vương quyền

của hoàng đế, Viện Nguyên lão, các quan chức ở bộ máy trung ương, bộ máy cai trị ở các tỉnh và nhánh quyền lực đặc biệt, không thể thiếu của quân đội Rome.

Dưới chế độ này, hoàng đế có uy quyền tuyệt đối trên mọi phương diện và dẫn tới hệ quả Đại hội Nhân dân cũng bị giải thể, Viện Nguyên bị hạn chế quyền lực. Chế độ Principate là một sáng tạo lớn trong thể chế chính trị phương Tây cổ đại, biến đổi phù hợp với hoàn cảnh lịch sử. Danh hiệu Hoàng đế Rome, mặc dù dưới hình thức Principate - nguyên thủ, nhưng lại biểu hiện phương cách chính trị độc tài trong một vỏ bọc dân chủ. Suốt quá trình khảo lược từ các giai đoạn lịch sử đến vị trí, vai trò của từng vị hoàng đế, cũng như tham khảo ý kiến các chuyên gia về vấn đề này, chúng tôi mạnh dạn gọi đây là hoàng đế theo nghĩa sơ khai của chế độ quân chủ vào sơ kỳ Đế chế. Các hoàng đế là tập hợp mọi quyền lực của quyền lực Đế chế, là nhánh quyền lực tập quyền hàng đầu, vượt qua mọi thứ quyền lực khác. Chính các hoàng đế đã xây dựng nên chế độ dân chủ hình thức hay sự dung hòa, pha trộn giữa hình thức quân chủ chuyên chế chủ nô và cộng hòa đại nghị tinh vi và tham vọng. Gần 200 năm tồn tại, bản chất của chính thể quân chủ chuyên chế chủ nô ngày càng lộ rõ và vững chắc. Các vị hoàng đế Rome tìm mọi cách để hạn chế các nhánh quyền lực khác, củng cố quyền lực tập trung của bản thân, để hoàng đế luôn là trung tâm của Đế quốc Rome.

Tiếp đến, trái tim của chế độ Cộng hòa - Viện Nguyên lão sau một thời gian đình đốn dưới các chế độ độc tài giờ được tái tổ chức một cách linh hoạt. Các hoàng đế đã cải tạo Viện Nguyên lão nhưng cũng thay đổi luôn về vai trò của Viện Nguyên lão. Không giống như trước đây, Viện Nguyên lão suy giảm về quyền lực chính trị, chỉ đảm đương những chức trách do hoàng đế trực tiếp giao phó và thực tế, quyền quyết định các vấn đề đại sự của Đế quốc đều do hoàng đế trực tiếp chỉ đạo trên cơ sở tham khảo Viện Nguyên lão. Các Nguyên lão nghị viên trở thành những chức danh, chỉ riêng tầng lớp quý tộc chủ nô được đặc cách đảm nhận. Như vậy, các hoàng đế độc quyền trong những quyết sách chính trị, lãnh đạo một chính thể với tư cách cá nhân là chủ yếu. Trong khi đó, nhóm lãnh đạo tập thể với truyền thống dân chủ trước đó của Viện Nguyên lão đã bị phai nhạt và trở thành nhóm lợi ích chức danh hơn là những công hiến chính trị. Tuy nhiên, Viện Nguyên lão vẫn là cơ quan truyền thống để chúng ta học hỏi trong thời hiện đại với tư cách và chức năng khác.

Bên cạnh đó, bộ máy các quan lại trung ương và cách tổ chức các tỉnh cho chúng ta biết được quy mô của Đế quốc và sự quản lý đội ngũ lẫn cai trị tinh vi bằng pháp

quyền chế ước. Một hệ thống các quan lại giúp việc cho hoàng đế, trực tiếp ở Rome và có thể biệt phái ở khắp nơi trên toàn lãnh thổ. Các bộ phận này hữu hiệu với chế độ quân chủ chủ nô như cách làm nên những thành tựu về quản lí. Mặc dầu vậy, theo chúng tôi, sự đáng nể nhất và học hỏi nhất là cách cai trị và duy trì các tỉnh quy mô lớn của Rome. Sự phân quyền ở bên trên: tỉnh thuộc Nguyên lão và tỉnh thuộc Hoàng đế là sự sắp xếp về hình thức chính trị. Còn sự phân biệt các tỉnh phương Đông và phương Tây dựa trên trình độ văn minh, phát triển và sự thần phục, đó mới là sự sáng tạo chính trị linh hoạt của Rome.

Quân đội là một nhánh quyền lực đặc biệt, một trụ cột chính trong thể chế chính trị của Rome. Quân đội đã làm tốt vai trò, tận lực để có một đế quốc thống nhất và an bình. Nhưng quân đội không dừng ở đó, họ đã đi xa hơn, vượt qua cả nền hành chính chính trị để can thiệp vào nội tình chính trị. Ngay từ đầu, nền tảng thể chế chính trị của Rome quá coi trọng quân đội nên dẫn đến tình trạng lạm dụng nó, biến thành thứ quyền lực đa năng để giải quyết các thứ quyền lực vô hình khác. Quân đội can thiệp quá sâu vào chính trị, vào vương vị hoàng đế và những bất ổn chủ yếu do bộ máy này gây ra. Vì thế, khi nhắc đến vấn đề này, chúng tôi đã nêu ra bài học kinh nghiệm về việc sử dụng quyền lực quân sự và sự tách biệt nền hành chính chính trị ra khỏi những truyền thống quân sự hóa. Chúng ta học hỏi ở Rome rất nhiều về cách quản lý, sử dụng quân đội, về quyền lực của nó và vai trò quân đội trong thể chế chính trị Rome và cả trong nền kinh tế.

3. Các thể chế kinh tế đã tồn tại dựa trên sự phân quyền tương đối về chính trị và cho thấy sự vận hành hữu hiệu trong một nền hòa bình tương đối trong hai thế kỷ luận án khảo sát. Bước đầu đã cho thấy dấu ấn của sự chuyển biến của nền kinh tế hàng hóa tiền tệ sơ khai. Sự phân tích các tiền đề để nền kinh tế Đế quốc Rome hình thành chủ yếu về điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội cho thấy tiềm năng lớn của nền kinh tế này. Đặc biệt, yếu tố chính trị - xã hội đã làm thay đổi khá lớn cơ chế vận hành của kinh tế Rome. Nhìn chung, Rome vẫn duy trì một nền kinh tế nông nghiệp nhưng với quy mô lớn, trải rộng trên vùng lãnh thổ khổng lồ. Kinh tế nông nghiệp ấy đủ cung cấp tất cả các nhu cầu của công dân Đế quốc, nhất là nhu cầu của thành Rome. Ngành trồng trọt nổi bật với ổn định nguồn lương thực lúa mì, trồng nho, oliu và các nông sản khác.

Chế độ nô lệ đi đến sự phát triển đỉnh cao vào thế kỷ I, ảnh hưởng to lớn đến kinh tế, xã hội và có những biến chuyển sâu sắc theo điều kiện lịch sử. Bên cạnh đó,

chế độ lệ nông được thiết lập cho thấy sự biến đổi về mặt xã hội so với các thời kỳ trước đó. Đây cũng là điểm đặc biệt của nền sản xuất chiếm hữu nô lệ của Rome so với các nền văn minh đồng đại khác. Tiếp đó, sự xuất hiện và phát triển của Latifundia, những vấn đề về ruộng đất được tìm hiểu, nhìn nhận cho thấy phần nào sức phát triển của nền kinh tế Rome trên lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó, Latifundia là dấu ấn lớn trong kinh tế điền trang nông nghiệp, với sự phát triển của các vùng chuyên canh đóng góp lớn vào sản phẩm nông nghiệp và là khối bất động sản có tính quyết định đối với vị thế chính trị của giới quý tộc, chủ nô.

Nhưng Rome không dừng lại ở đó, nền kinh tế chuyển mạnh về thành thị, bảo vệ lợi ích của kinh doanh, thủ công nghiệp, thương nghiệp và tiền tệ. Như vậy, ở Rome, nền kinh tế trọng thương nâng lên tầm cao mới, không những đảm bảo về mặt luân chuyển hàng hóa trong Đế quốc, mà còn mở rộng giao lưu quốc tế. Từ đó, nền kinh tế hình thành các thể chế trong luồng thương mại, buôn bán. Luận án trình bày quy tắc vận hành các luồng thương mại theo những điều kiện và quy định. Đế quốc Rome xây dựng hệ thống vận chuyển đường bộ là mạng lưới đường hoàn hảo, đảm bảo nhu cầu vận chuyển hàng hóa, con người và nhiều giá trị tinh thần khác. Hệ thống vận chuyển sông ngòi, cảng biển cũng được đầu tư xây dựng, quy hoạch chi tiết. Con đường tơ lụa trên bộ, các đoàn thuyền buôn qua tận Viễn Đông đã minh chứng cho tinh thần này.

Nền kinh tế phát triển theo xu thế mới, dẫn đến ra đời những tầng lớp mới trong nền kinh tế thương nghiệp và hàng hóa như tầng lớp kỹ sĩ. Tuy nhiên, các thể chế quản lý và lũng đoạn nền kinh tế vẫn được thiết lập trong bối cảnh mới. Nền “Kinh tế cung điện” của các vị hoàng đế là minh chứng rõ nhất của sự lũng đoạn. Trái với tinh thần Cộng hòa, các hoàng đế đã dần hợp pháp hóa vai trò quyền lực trong kinh tế với việc thu thuế riêng tại các tỉnh thuộc Hoàng đế, có kho bạc cá nhân để dùng vào chi tiêu riêng. Trong cơ chế lũng đoạn, quân đội tham gia nền kinh tế vì vị thế và vai trò rất lớn của những binh đoàn với số lượng đông đảo binh lính trên khắp Đế quốc. Hai bộ phận này cùng với tầng lớp quý tộc, địa chủ cũ, tầng lớp kỹ sĩ mới đã thao túng nền kinh tế bằng sự bóc lột có quyền hạn của họ.

Các thể chế kinh tế khác như sản xuất thủ công nghiệp và các nghiệp đoàn cho thấy sự quan trọng của họ trong nền kinh tế. Cơ cấu sử dụng tiền tệ cũng được chú trọng để đảm bảo những tính chất quan trọng của nền kinh tế thương nghiệp trên góc gác nông

ngiệp của Đế quốc Rome. Và chính Rome đã tạo lập được một nền kinh tế hàng hóa tiền tệ sơ khai với các thành phần cơ bản để phương Tây sau này phát triển theo hướng riêng.

4. Cuối cùng, chúng tôi đưa ra những kết luận về sự ảnh hưởng, tác động của thể chế chính trị, kinh tế thời kỳ Pax Romana trực tiếp đến Đế quốc Rome và thời kỳ quân chủ trong lịch sử châu Âu; Đế chế Byzantine và với các chính thể khác. Dù trung đại, cận hay hiện đại đều có những ảnh hưởng và bài học về Rome. Đế chế Rome là biểu trưng sáng chói về quyền lực và văn minh, là cái mà con người nhiều thời đại đã kế thừa để “trị quốc, bình thiên hạ”. Rome đã phát huy những giá trị văn hóa, văn minh của mình ở mức độ khoan hòa và hợp dung cao nhất trên nền tảng của thể chế chính trị, kinh tế họ tạo ra. Đế quốc thống nhất lãnh thổ, dân cư nhưng không xóa bỏ các nền văn hóa khác. Rome sở dĩ được các dân tộc khác thần phục ngoài sức mạnh quân sự, chính trị và phương cách cai trị, còn là sự vượt trội về trình độ phát triển văn minh. Các quốc gia, dân tộc bị chinh phục, lệ thuộc đó đã chấp nhận Rome như một sự đảm bảo cho quyền lợi được hưởng những giá trị thiết thực của đời sống văn minh thay vì cảm giác đô hộ như cách chúng ta nghĩ về các thuộc địa nô dịch. Đế chế Rome biến mất khỏi lịch sử, nhưng những thành tựu của nó mãi là tấm gương soi chiếu các giá trị luôn biến thiên của các vấn đề về thể chế chính trị. Các thể chế này cùng với vị trí lịch sử của Rome đã vẽ ra bức tranh toàn cảnh của một chế độ chiếm hữu nô lệ điển hình và đúng bản chất của nó. Trong nhận thức hạn chế của mình, chúng tôi tiếp nhận nó trong sự dung hòa với các trạng thái lý tính của chính trị Đông phương, đó là tư tưởng của sự khoan dung chính trị cũng như nền tài - đức trị trong những sự đổi thay có tính lịch sử của nhân loại.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Vũ Trường Giang (2015), “Bàn thêm về những tiền đề hình thành chế độ quân chủ của Rome”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2015, số 6 (177), trang 59 -69.
2. Lê Vũ Trường Giang (2016), “Tổ chức chính quyền và phương thức kiểm soát lãnh thổ ở các tỉnh phía Đông và phía Tây của Đế chế Rome”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2016, số 6 (189), trang 61 - 71.
3. Lê Vũ Trường Giang (2018), “Vài vấn đề về vương quyền hoàng đế Rome, thời kỳ Pax Romana”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2018, số 1 (208), trang 48-55.
4. Lê Vũ Trường Giang (2018), “Tính tương tác giữa các giá trị văn hóa và yếu tố chính trị của Đế quốc Rome trong hai thế kỷ Pax Romana (27TCN- 180)”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Viện Nghiên cứu Châu Âu, 2018, số 10.
5. Lê Vũ Trường Giang (2018), “Hoàng đế La Mã, vương quyền với sự phát triển của Đế chế thời kỳ Pax Romana (27 TCN - 180)”, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Vol 128, N0 6A (2019).
6. Lê Vũ Trường Giang (2018), “Những đặc tính của di sản vật chất trong văn hóa Rome cổ đại”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ trường Đại học Khoa học, Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tập 8, số 2.
7. Lê Vũ Trường Giang (2018), “The spiritual values of Roman culture in two centuries of the Pax Romana period(27bc-180)”, *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, Vol 128, N0 6B (2019).
8. Lê Vũ Trường Giang (2018), “Sự vận hành hệ thống giao thông - thương mại trên đường bộ và đường thủy của Đế quốc Rome trong hai thế kỷ đầu Công nguyên”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, Viện Nghiên cứu Châu Âu, số 8, 2019.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Đức An (chủ biên), (2005), *Những mẫu chuyện lịch sử thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Jacques Attali (2017), *Lịch sử của tính hiện đại*, bản dịch Hiếu Tân, Nxb Tri thức.
3. Nguyễn Trần Bạt (2005), “Thế chế và Thành tích”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp* (Số 03-2005).
4. Chu Hữu Chí, Khương Thiệu Ba (2002), *Thế giới 5000 năm*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Georges Bourgin (1963), *Lịch sử Ý Đại Lợi*, bản dịch Thái Văn Kiểm, Nxb Đại học Huế, Huế.
6. Crane Brinton, John B.Christpher (1994), *Văn minh Phương Tây*, bản dịch Nguyễn Văn Lương, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Edwar Mc Nall Burn (2008), *Văn minh phương Tây*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
8. Cynthia Stokes Brown (2009), *Đại sử từ vụ nổ lớn đến hiện tại*, bản dịch Phan Triều Anh, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Norman F. Cantor (2008), *Nền văn minh thế giới cổ đại*, bản dịch Kiên Văn và Khắc Vinh, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.
10. X.Carpusina. V.Carpusin (2002), *Lịch sử Văn hóa thế giới*, bản dịch nhóm TG Nxb Thế giới, Hà Nội.
11. Marcus Tullius Cicero (2017), *Bàn về chính quyền*, bản dịch Lương Đăng Vĩnh, Nxb Hồng Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
12. Diễn đàn Kinh tế thế giới WEF: Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2009, 2010.
13. Jean Pierre Drège (1998), “Những ghi chép đầu tiên về nghề làm giấy Việt Nam qua thư tịch Trung Hoa”, *Việt Nam Học - Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ nhất*.
14. Phạm Cao Dương (1967), *Thượng cổ sử Tây phương*, Nxb Sài Gòn, Sài Gòn.
15. Nguyễn Ngọc Đào (1994), *Luật La Mã: Tìm hiểu pháp luật nước ngoài*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

16. Hoàng Điệp, Trịnh Nhu, Đỗ Văn Nhung, Nguyễn Gia Phú (1971), *Lịch sử Thế giới cổ đại (tập 1 và 2)*, Hà Nội.
17. F. Engels (1961), *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
18. F. Engels (1978), *Tuyển tập Luận văn quân sự*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
19. Pierre Grimal (2004), *Đời sống La Mã thời cổ đại*, bản dịch Trịnh Thu Hồng, Nxb Thế giới, Hà Nội.
20. Samuel Huntington (2005), *Sự va chạm của các nền văn minh*, bản dịch Nguyễn Phương Sửu, Nxb Lao động, Hà Nội.
21. Edward James (2002), *Chuyện kể về những nền văn minh cổ*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
22. Simon James (2000), *La Mã cổ đại*, bản dịch Minh Tân, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
23. Francois Jullien (2008), *Tính khả tri của văn hóa*, bản dịch Nguyên Ngọc - Phạm Dong, Nxb Lao động, Hà Nội.
24. Nguyễn Văn Khang, Đặng Thị Hạnh (1998), *Các nền văn minh trên thế giới*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
25. Lương Văn Kế, Trần Dương (2004), *Phác thảo chân dung đời sống văn hóa Đức đương đại*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
26. Mark Kishlansky (chủ biên), (2005), *Văn Minh phương Tây*, bản dịch Lê Thành, Nxb Văn hóa Thông tin, thành phố Hồ Chí Minh.
27. David Lakes (2005), *Lịch Sử Châu Âu*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
28. Lenin (1957), *Bàn về Nhà nước*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
29. Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang (2000), *Lịch sử Thế giới, quyển 1*, Nhà Nxb Văn Hóa Thông tin, Hà Nội.
30. Quang Liêm (2002), “Những con đường La Mã”, *Tạp chí Giao thông vận tải*, số 02, Hà Nội.
31. Đinh Văn Mậu (2005), *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai.
32. John Stuart Mill (2017), *Chính thể đại diện*, bản dịch Nguyễn Văn Trọng và Bùi Văn Nam Sơn, Nxb Tri thức, Hà Nội.

33. Montesquieu (2004), *Bàn về tinh thần pháp luật*, bản dịch của Hoàng Thanh Đạm, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
34. Nguyễn Văn Nam (2006), “Luật La Mã trong sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật châu Âu lục địa”, Tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, số 3/2006.
35. Nguyễn Đình Nhơn (2004), *Những câu chuyện bí mật về một đế chế vĩ đại trong thế giới cổ xưa*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
36. Nhiều tác giả (1996), *Những nền văn minh rực rỡ cổ xưa (tập III): Hy Lạp và La Mã*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
37. Nhiều tác giả (2003), *Rome*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
38. Nhiều tác giả (2004), *Lịch sử Văn minh phương Tây*, bản dịch nhóm Trí Tri, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
39. Nhiều tác giả (2011), *Các nền văn hóa thế giới, Tập II: Phương Tây*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
40. Nhóm biên soạn DSC (2007), *Những bí ẩn quân sự thế giới*, Nxb Thanh Hóa, Thanh Hóa.
41. Lương Ninh (1998), *Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
42. Lương Ninh (chủ biên), (2005), *Lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
43. Trịnh Nhu (1977), *Đại cương Lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
44. Geoffrey Parker (2006) *Lịch sử chiến tranh*, bản dịch Lê Thành, Nxb Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
45. Nguyễn Gia Phú (1994), *Lịch sử Hy Lạp và Rô Ma cổ đại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Plutarque (2005), *Những cuộc đời song hành: Đời các nhân vật kiệt xuất Hy Lạp - La Mã cổ đại, tập I*, bản dịch Cao Việt Dũng, Nxb Tri thức, Hà Nội.
47. René Poirier (2001), *Những công trình vĩ đại của nhân loại*, bản dịch Phạm Quý Điềm, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
48. Jean - Jacques Rousseau (2004), *Bàn về khế ước xã hội*, bản dịch của Hoàng Thanh Đạm, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
49. Kay Slocum (2012), *Văn minh Trung cổ*, bản dịch Vĩnh Khôi, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

50. Lưu Hải Sinh - Phú Quang Hải (2008), *100 nhà quân sự có ảnh hưởng đến thế giới*, bản dịch Nguyễn Gia Linh, Nxb Lao Động, Hà Nội.
51. *Tạp chí Tỉnh Thức* (2005), “Phải chăng đường nào cũng tới La Mã?”.
52. Cố Vân Thâm (Chủ biên), (2003), *10 đại tướng soái thế giới*, bản dịch Phong Đảo, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
53. Chiêm Tế (2000), *Lịch sử thế giới cổ đại tập 2*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
54. Cao Huy Thuần (2000), *Thượng Đế, Thiên Nhiên, Người, Tôi và Ta*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
55. Chữ Bích Thu (2014), *Con đường tơ lụa trên biển*, Trung tâm Nghiên cứu Biển và Đảo, Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.
56. Nguyễn Chí Tình (2007), *Số phận các nền văn minh và thế giới ngày nay*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
57. Thôi Liên Trọng (2002), *Lịch sử thế giới: tập 1 - thời cổ đại*, bản dịch Phong Đảo, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
58. Peter Turchin (2012), *Sự thăng trầm của các đế chế*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
59. Phạm Thị Túy (2014), “Vai trò của thể chế trong phát triển”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số 2-2014, Hà Nội.
60. Nguyễn Thanh Tuyền, Nguyễn Lê Anh (2015), “Mối quan hệ hữu cơ giữa thể chế, cơ chế, chính sách, cơ chế điều hành và hành vi ứng xử”, *Tạp chí Hội nhập và Phát triển*, số 22, 5-6/2015, Hà Nội.
61. Nguyễn Mạnh Tường (1996), *Virgile - nhà thơ vĩ đại của thời kỳ La Mã cổ đại*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
62. Miranda Twiss (2010), *Những người đàn ông độc ác nhất lịch sử*, bản dịch Trần Thạch Vũ, Tín Việt, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
63. Niccolo Machia Velli, *Quân vương - Thuật trị nước*, bản dịch Vũ Mạnh Hùng và Nguyễn Hiền Chi, Nxb Tri thức, Hà Nội.
64. Witold Wolodkiewicz, Maria Zablocka (1999), *Luật La Mã*, bản dịch Lê Nết, cho Khoa Luật dân sự, Trường đại học Luật, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

65. Frank Frost Abbott (1901), *A History and Description of Roman Political Institutions*, Publishers Suffenarttm, Boston, USA.
66. Clifford Ando (2010), *"The Administration of the Provinces"*, Blackwell publishing, USA.
67. Marcus Arkin (2002), *Aspects of Jewish economic history*, Varda books, Illinois, USA.
68. Adolf Berger (1953), "Encyclopedic Dictionary of Roman Law", *The American Journal of Philology*, USA.
69. Arthur Edward Romilly Boak (1921), *A History of Rome to 565 A.D.*, The Project Gutenberg License, University of Michigan, USA.
70. Matthew J. Bowser (2013), *The Golden age of Rome: Augustus' program to better the Roman empire*, University of Pittsburgh Press, Pennsylvania, USA.
71. David J. Breeze et al. (2008), *"Frontiers of the Roman Empire the European dimension of a World Heritage Site"*, Historic Scotland, UK.
72. Amanda Claridge (1998), *Rome: An Oxford Archaeological Guide*, First, Oxford, UK: Oxford University Press, UK.
73. Michael James Coombes (2007), *The Socio-Economic Impact of the Pax Romana and Augustus' Policy Reforms on the Roman Provinces*, University of Pretoria, South Africa.
74. Albert M. Craig (2003), *The heritage of world civilizations*, Person Education upper saddle writer, Prenticehall, New Jersey, USA.
75. Michael Gagarin (2010), *The Oxford Encyclopedia of Ancient Greece and Rome*, Oxford University Press. UK.
76. Edward Gibbon (2003), *The History of the Decline and Fall of the Roman Empire*, Modern Library, New York, USA.
77. R.W. Goldsmith (1984), *Cf article in Journal of the Int'l Assoc, Research in Income and Wealth Series 30*, UK.
78. Adrian Keith Goldsworthy (1996), *The Roman Army at War 100BC - AD 200*, Oxford University Press, UK.
79. P. A. Harland (1996), *Honours and Worship: Emperors, Imperial Cults and Associations at Ephesus (First to Third Centuries C.E.)*, Studies in Religion/Sciences religieuses.

80. Kyle Harper (2011), *Slavery in the Late Roman World, AD 275 - 425*, Cambridge University Press, UK.
81. W. V. Harris (2000), "Trade", *The Cambridge Ancient History: The High Empire A.D. 70–192*. 11, Cambridge University Press, UK.
82. Geoffrey M. Hodgson (2006), "What Are Institutions?", *Journal of Institutional Economics*, Vol XI, (3/2006), Cambridge Universitym UK.
83. Karl-J. Hölkeskamp (2010), *Reconstructing the Roman Republic: An Ancient Political Culture and Modern Research*, Princeton University Press, USA.
84. Keith Hopkins (1978), *Conquerors and Slaves*, Cambridge University Press, New York, USA.
85. Keith Hopkins (2009), "The Political Economy of the Roman Empire", in *The Dynamics of Ancient Empires: State Power from Assyria to Byzantium*, Oxford University Press, UK.
86. Samuel P. Huntington (1968) *Political Order in Changing Societies*, Yale University Press, USA.
87. Christopher Howgego (1992), "The Supply and Use of Money in the Roman World 200 B.C. to A.D. 300", *The Journal of Roman Studies*, Vol. 82, Cambridge University, UK.
88. H.Stuart John (1908), *The Roman Empire B.C. 29 - A.D 476*, T. Fisher Unwin, Lon Don, UK.
89. A. H. M. Jones (1968), *The Decline of the Ancient World*, Holt, Rinehart and Winston Published, USA.
90. A.H.M. Jones, "The Cloth Industry under the Roman Empire", *Economic History Review*, New Series, Vol. 13, No. 2 (1960), University of Glasgow, Scotland, U.K.
91. Livy (1881). J. R. Seeley. ed. Livy, *Book I, with Introduction, Historical Examination, and Notes*, Clarendon Press, UK.
92. Edward Luttwak (1979), *The Grand Strategy of the Roman Empire*, Johns Hopkins University Press, USA.
93. Thomas McGinn (2003), *Prostitution, Sexuality, and the Law in Ancient Rome*, Oxford University Press, UK.

94. Pliny (1938), *Natural History*, Translated by H. Rackham (vols. 1-5, 9) and WHS Jones (vols. 6-8) and DE Eichholz (vol. 10), Harvard University Press, Massachusetts and William Heinemann, London, UK
95. Dena Ringold et al. (2005), *Roma in an expanding Europe : breaking the poverty cycle*, World Bank Press, Washington D.C, USA.
96. Nigel Rodgers (2003), *Rome: The Greatest Empire*, Anness Publishing limited, U.K.
97. Leonard Victor Rutgers (1994), “*Roman Policy towards the Jews: Expulsions from the City of Rome during the First Century c. E, Classical Antiquity*”, Vol. 13, No. 1, University of California Press, California, USA.
98. Walter Scheidel (2005). “Human Mobility in Roman Italy, II: The Slave Population”, *Journal of Roman Studies* 95, Cambridge University, UK.
99. Vincent Scramuzza (1940), *The Emperor Claudius*, Harvard University Press, USA.
100. Michael Harold Strickland, *Construction Methods, and Architecture: The Identity of an Empire*, Library of Clemson University, USA.
101. Taagepera & Rein (1979), *Size and Duration of Empires: Growth-Decline Curves, 600 B.C. to 600 A.D*, Duke University Press, USA.
102. Tacitus, with notes by Rev. Percival Jost, M.A. (1861), *The Germania and Agricola*, Late peilow of ST. John'8 college, Cambridge, Lon Don, UK.
103. Peter Temin (2004), “The Labor Market of the Early Roman Empire”, *Journal of Interdisciplinary History*.
104. C. Suetonius Tranquillus, (2006), *The Lives Of The Twelve Caesars*, Translate by Tapio Riikonen and David Widger, The Project Gutenberg Ebook, Germany.
105. Andrew Wilson (2002), “Machines, Power and the Ancient Economy”, *The Journal of Roman Studies*, Vol. 92, Cambridge University, UK.
106. Andrej Zgur (2007), *The economy of the Roman Empire in the first two centuries A.D.*, University of Aarhus, Denmark.
107. Đào Minh Hồng, Lê Hồng Hiệp (2018), *Sổ tay Thuật ngữ Quan hệ Quốc tế*, Nxb Chính Trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. (bản điện tử <http://nghienquocquocte.org/2016/06/04/the-che-institution/>).

108. Minh Thi (2003), “Không có sự phân biệt sắc tộc trong xã hội La Mã”, (<http://vnexpress.net>).
109. Tháp Canh (2006), *Những con đường La Mã chứng tích của ngành kiến trúc cổ đại*. (<https://wol.jw.org/vi/wol/d/r47/lp-vt/2006764>)
110. www.roman-empire.net
111. <http://www.romanscotland.org.uk/pages>
112. <http://www.overclockers.com/forums/showthread.php?t=454334>)
113. www.bbc.co.uk/history/ancient/romans
114. http://www.romanempire.net/romepage/PolCht/Main_political_hierarchy.htm
115. <http://www.techpin.com/coolest-looking-soldiers/>
116. <http://penelope.uchicago.edu>
117. <http://www.romanempire.net/romepage/ForumRomanum/mosmaiorum/mosmaiorum.htm#RANK>
118. <http://www.livius.org/q/quaestor/quaestor.html>
119. <http://www.classicsunveiled.com/romeh/html/impregime.html>
120. http://www.ancient.eu/Roman_Army/
121. <https://www.questia.com/library/history/ancient-and-classical-history/ancient-rome/roman-empire>
122. <http://www.unrv.com/provinces/provincetable.php>
123. <http://www.history.ac.uk/>
124. www.bartleby.com
125. <http://open-encyclopedia.com> Open Encyclopedia, *Palace Economy* [Online] Available at [Accessed 19 December 2007]

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

1.1. Lược sử Rome qua các mốc thời gian

TIMELINE OF ROMAN HISTORY

Period: The Monarchy, 753 BC to 509 BC			
Political and military events		Cultural and other events	
753	Foundation of Rome	c.600	Iron Age huts on Palatine hill Forum area drained Earliest Latin inscriptions
616-579	Tarquinius Priscus		
579-543	Servius Tullius		
543-509	Tarquinius Superbus		Capitoline temple built
Period: The Republic, 509 BC to 27 BC			
Political and military events		Cultural and other events	
509	Expulsion of the Kings		More temples built
494	Plebeians struggle with patricians for rights	450	First law code: Twelve Tables
390	Rome sacked by Gauls	378	City wall built Romanisation of Italy
338	Extension of Roman citizenship	312	Appian Way built
287	End of struggle with patricians	c.280	Coinage begins
272	Rome wins control of whole of Italy	264	First gladiatorial games
264-241	First Punic War (against Carthage); Rome wins Sicily		Hellenisation of Roman society; comedies of Plautus and Terence; poetry of Ennius
218-201	Second Punic War; Hannibal defeated; 206 Spain becomes two Roman provinces		
214-167	Macedonian Wars		
197-133	Wars in Spain		
149-146	Third Punic War; Carthage destroyed; Africa becomes Roman province		
148	Macedonia becomes Roman province		
133	Asia becomes Roman province; land reforms of Tiberius Gracchus		
123-122	Laws of Gaius Gracchus		
113-101	War against Cimbri		
107-86	Seven consulships of Marius; 104 army reforms		
91-87	Social War; Roman citizenship extended to all Italy		
88-85	First Mithridatic War		
82-81	Dictatorship of Sulla: proscriptions, reforms; rise of Pompey		
73-71	Revolt of Spartacus		
73-63	Third Mithridatic War		
63	Consulship of Cicero; conspiracy of Catiline		
60	'First triumvirate' (Pompey, Caesar, Crassus)		
58-50	Caesar conquers Gaul; 55, 54 expeditions to Britain		Speeches, treatises and letters of Cicero; poetry of Catullus and Lucretius; histories of Caesar; 55 Pompey's theatre
49-45	Caesar wins civil war against Pompey and republicans	46	Caesar's forum
44	Caesar dictator for life; assassinated		
43	'Second triumvirate' (Antony, Octavian, Lepidus); proscriptions, murder of Cicero		
32-31	Octavian wins civil war against Mark Antony; 31 Actium	c.39	Histories of Sallust Virgil's Eclogues
30	Death of Antony		

Period: The Empire, 27 BC to AD 476

Political and military events		Cultural and other events	
27	Octavian becomes first emperor Augustus	27	Agrippa's Pantheon
16-AD 6	Conquest of Danube provinces	19	Virgil's Aeneid; poetry of Horace, Tibullus, Propertius, Ovid; history of Livy
AD		13	Theatre of Marcellus
9	Varian disaster	9	Ara Pacis Augustae
14	Death of Augustus	2	Augustus' forum
14-37	Tiberius	AD	
37-41	Caligula	14	Augustus' Res Gestae
41-54	Claudius		Teaching and death of Christ
43	Conquest of Britain		
54-68	Nero		Treatises and tragedies of Seneca; poetry of Persius and Lucan; novel of Petronius
60-61	Boudicca's revolt	64	Fire of Rome; first persecution of Christians
66-70	Jewish revolt		
68-69	Galba, Otho, Vitellius		Histories and treatises of Pliny the Elder
69-79	Vespasian	79	Eruption of Vesuvius
79-81	Titus	80	Colosseum
81-96	Domitian		Epigrams of Martial, rhetoric of Quintilian
96-98	Nerva		Histories of Tacitus, letters of Pliny the Younger, satires of Juvenal
98-117	Trajan	112	Trajan's forum
107	Conquest of Dacia	122	Biographies of Suetonius
117-138	Hadrian	142	Hadrian's Wall Antonine Wall Novel and oratory of Apuleius; legal writings of Gaius
138-161	Antoninus Pius		
161-180	Marcus Aurelius	216	Baths of Caracalla
180-192	Commodus	260	Decree of toleration of Christianity
193-235	Severan dynasty	271	Aurelian's city wall
212	Roman citizenship extended to all free inhabitants of the empire		
272	Dacia ceded to the Goths	315	Arch of Constantine
284-305	Diocletian	324	Foundation of Constantinople
293	Tetrarchy established		
307-337	Constantine I		
312	Defeat of Maxentius at Milvian Bridge		
410	Britain told to defend itself		
455	Vandals sack Rome		
476	Loss of western Roman empire complete		

(Nguồn: <https://romeinaday.weebly.com/timeline.html>)

1.2. Thế thứ các hoàng đế thời kỳ Pax Romana (27 TCN – 180)



(Nguồn: <http://www.history.ac.uk/>)

1.3. Bảng thống kê các hoàng đế, thời gian và các lần tuyên cáo

<i>Years</i>	<i>Legion</i>	<i>Senate</i>	<i>Years</i>	<i>Legion</i>	<i>Senate</i>
	<i>emperors</i>	<i>emperors</i>		<i>emperors</i>	<i>emperors</i>
-25-25	2	2	01-50	4	4
26-75	7	7	51-100	9	9
76-125	5	5	101-150	2	2
126-175	4	4	151-200	10	8
176-225	12	10	201-250	15	13

Numbers of Roman emperors, by date and proclamation

Nguồn: Internet emperor lists and biographies.

([ttp://www.roman-emperors.org/impindex.htm](http://www.roman-emperors.org/impindex.htm))

1.4. Bảng tính tổng sản xuất trên đầu người của toàn đế quốc Rome vào năm 14.

DERIVATION OF GROSS NATIONAL PRODUCT PER HEAD, ROMAN EMPIRE AD 14

	Estimates (rounded)
I. <i>From expenditure side</i>	
1. Wheat consumption per year (modii)	37½
2. Wheat price per modius (HS)	3
3. Wheat	112
4. Foodgrain	130
5. Food	200
6. Total consumer expenditures (HS)	350
7. Total national expenditure (HS)	380
II. <i>From income side</i>	
1. Average daily labor compensation (HS)	3½
2. Working days per year	225
3. Average annual labor compensation (HS)	790
4. Dependency ratio ^a	2.5
5. Labor income per head of population (HS)	315
6. Step-up for non-labor income	1.20
7. Total income per head (HS)	380

(Nguồn: Peter Temin (2004), "The Labor Market of the Early Roman Empire", *Journal of Interdisciplinary History*)

1.5. Chân dung hoàng đế Augustus tại Rome hiện nay



(Nguồn: www.roman-empire.net)

PHỤ LỤC 2

SUETONIUS THE TWELVE CAESARS

Book Six: Nero Book Six: Nero

Book Six: I The Domitian Family

Of the Domitian family, two branches acquired distinction, namely the Calvini and the Ahenobarbi. The founder of the Ahenobarbi, who first bore their surname, was Lucius Domitius, who was returning from the country one day, so they say, when a pair of youthful godlike twins appeared and told him to carry tidings of victory (at Lake Regillus, c498BC) to Rome, news that would be welcome in the City. As a sign of their divinity, they are said to have stroked his face and turned his beard from black to the colour of reddish bronze. This sign was inherited by his male descendants, the majority of whom had red beards. Attaining seven consulships, a triumph and two censorships, and enrolment among the patricians, they continued to employ the same surname, while restricting their forenames to Gnaeus and Lucius, use of which they varied in a particular manner, sometimes conferring the same forename on three members of the family in succession, sometimes varying them in turn. So, we are told that the first three Ahenobarbi were named Lucius, the next three Gnaeus, while those that followed were named Lucius and Gnaeus alternately. I think it useful to give an account of several notable members of the family, to illustrate more clearly that Nero perpetuated their separate vices, as if these were inborn and bequeathed to him, while failing to exhibit their virtues.

Book Six: II Nero's Ancestors

So, beginning quite far back, Gnaeus Domitius, Nero's great-great-grandfather, when tribune of the commons (in 104BC) was angered with the College of Priests and transferred the right to fill vacancies to the people, after the College failed to appoint him as successor to his father, also named Gnaeus. His father it was who during his consulship (in 122BC) had defeated the Allobroges and the Arverni, and ridden through the province on an elephant, surrounded by his troops, in a kind of triumphal procession. The orator Licinius Crassus said of the son that his bronze beard was hardly surprising considering that he had a face of iron and a heart of lead. His son in turn, Nero's great-great-grandfather, Lucius Domitius Ahenobarbus while praetor

(in 58BC), summoned Julius Caesar before the Senate at the close of his consulship on suspicion that the auspices and laws had been defied under his administration. Later in his own consulship (54BC) he tried to remove Caesar from his command of the troops in Gaul, and was named successor to Caesar by his own party. At the beginning of the Civil War he was taken prisoner at Corfinium (in 49BC). Given his freedom, he heartened the people of Massilia (Marseille), who were under heavy siege, by his presence, but abruptly abandoned them, falling a year later at Pharsalus. Lucius was irresolute, but with a violent temper. He once tried to poison himself in a fit of despair, but was terrified by the thought of death and vomited the dose, which his physician, knowing his master's disposition, had ensured was not fatal. Lucius gave the man his freedom as a reward. When Pompey raised the question of how neutrals should be treated, Lucius was alone in classifying those who had sided with neither party as enemies.

Book Six: VIII His Accession to Power

After Claudius's death (AD54) had been announced publicly, Nero, who was not quite seventeen years old, decided to address the Guards in the late afternoon, since inauspicious omens that day had ruled out an earlier appearance. After being acclaimed Emperor on the Palace steps, he was carried in a litter to the Praetorian Camp where he spoke to the Guards, and then to the House where he stayed until evening. He refused only one of the many honours that were heaped upon him, that of 'Father of the Country', and declined that simply on account of his youth.

Book Six: IX His Display of Filial Piety

He began his reign with a display of filial piety, giving Claudius a lavish funeral, speaking the eulogy, and announcing the deceased Emperor's deification. He showed the greatest respect for the memory of his natural father Domitius, while leaving the management of all private and public affairs to his mother Agrippina. Indeed on the first day of his reign he gave the Guard's colonel on duty the password 'Best of Mothers', and subsequently he often rode with her through the streets in her litter. Nero founded a colony at Antium, his birthplace, of Praetorian Guard veterans along with the wealthiest of the leading centurions whom he compelled to relocate, and he also built a harbour there at vast expense.

Book Six: X His Initial Benevolent Intentions

He made his good intentions ever more apparent by announcing that he would rule according to the principles of the Emperor Augustus, and seized every opportunity to show generosity or compassion, and display his affability. He eased or abolished the more burdensome taxes; reduced by three-quarters the bounty paid to informers for reporting breaches of the Papian law; distributed forty gold pieces to every commoner; granted the most distinguished Senators lacking means an annual stipend, as much as five thousand gold pieces in some cases; and granted the Guards' cohorts a free monthly allowance of grain. When asked to sign the customary death-warrant for a prisoner condemned to execution, he commented: 'How I wish I had never learnt to write!' He greeted men of all ranks by name, from memory. When the Senate asked him to accept their thanks he replied: 'When I have deserved them.' He allowed even commoners to watch his exercises in the Campus, and often declaimed in public, reading his poetry too, not only at home but in the theatre, prompting a public thanksgiving voted to him for his delightful recital, while the text he had given was inscribed in gold letters and dedicated to Capitoline Jupiter.

Book Six: XV His Administration of Affairs

In matters of justice, he was reluctant to give his decision on the case presented until the following day, and then in writing. Instead of the prosecution and defence presenting their pleas as a whole, he insisted on each point being separately presented by the two sides in turn. And on withdrawing for consultation, he would not discuss the case with his advisors in a body, but made each of them give his opinion in writing. He read the submissions alone in silence, and then delivered his own verdict as if it were the majority view. For a long while he excluded the sons of freedmen from the Senate, and refused office to those whom his predecessors had admitted. Candidates for whom there was no vacancy won command of a legion as compensation for the postponement and delay. He usually appointed consuls for a six-month period. When one died just before New Year, he left the post vacant, commenting with disapproval on the old instance of Caninius Rebilus who was made consul for a day. He conferred triumphal regalia on men of quaestor rank as well as knights, and occasionally for other than military service. Regarding the speeches he sent to the Senate on various subjects, he usually had them presented by one of the consuls, and not the quaestors whose duty it was to read them.

Book Six: XVI His Public Works and Legislation

Nero introduced a new design for City buildings, with porches added to houses and apartment blocks, from the flat roofs of which fires could be fought. These he had erected at his own cost. He laid down plans to extend Rome's walls as far as Ostia, and to excavate a sea-canal from there to the City. Many abuses were punished severely, or repressed during his reign, under a spate of new laws: limits were set to private expenditure; public banquets were replaced by a simple distribution of food; and the sale of cooked food in wine-shops was limited to vegetables and beans, instead of the wide range of delicacies available previously. Punishment was meted out to the Christians (from AD64), a group of individuals given over to a new and harmful set of superstitions. Nero ended the licence which the charioteers had enjoyed, ranging the streets and amusing themselves by robbing and swindling the populace, while claiming a long-standing right to immunity. He also expelled the pantomime actors and their like from the City.

Book Six: XVII Actions to Combat Forgery and Corruption

During his reign various measures to combat forgery were first devised. Signed tablets had to have holes bored in them, and were thrice threaded with a cord (and sealed, concealing an inner copy). In the case of wills, the first two leaves were to be signed by the witnesses while still displaying no more than the testator's name, and no one writing a will was allowed to include himself among the legatees. Clients were again allowed to pay lawyers a fixed but reasonable fee for their services, but seats in court were to be provided free of charge by the public Treasury. And as regards pleas, those to do with the Treasury were to be heard by an arbitration board in the Forum, with any appeal against the verdict to be made to the Senate.

Book Six: XVIII His Lack of Imperial Ambition

Far from being driven by any desire or expectation of increasing and extending the Empire, he even considered withdrawing the army from Britain, and changed his mind only because he was ashamed of appearing to belittle his adoptive father Claudius's achievement. He only added the realm of Pontus to the list of provinces, on the abdication of Polemon II (in AD62) and that of Cottius II in the Alps when that chieftain died.

Book Six: XIX His Planned Foreign Tours and Expedition

Nero planned two foreign trips. His trip to Alexandria he abandoned on the day he was due to set out, as the result of a threatening portent. While making a farewell round of the temples, he seated himself in the Temple of Vesta, but on attempting to leave his robe was caught, and then his eyes were filled with darkness so that he could not see. His trip to Greece (in 67AD) involved an attempt to cut a canal through the Isthmus. The Guards were summoned and instructed to begin work after a trumpet call was sounded, at which he would break the ground with a mattock, and carry off the first basketful of soil on his shoulders.

He also prepared an expedition to the Caspian Gates, enrolling a new legion of Italian-born recruits, all nearly six foot tall, whom he called 'The Phalanx of Alexander the Great'. I have compiled this description of Nero's actions, some of which merit no criticism, others of which even deserve slight praise, to separate them from his foolish and criminal deeds, of which I shall now give an account.

Book Six: XX His Musical Education and Debut in Naples

Having acquired some grounding in music during his early education, he sent for Terpnus, on his accession, who was the greatest lyre-player of the day, and after hearing him sing after dinner for many nights in succession till a very late hour, Nero began to practise himself, gradually undertaking all the usual exercises that singers follow to strengthen and develop the voice. He would lie on his back clasping a lead plate to his chest, purge himself by vomiting and enemas,

and deny himself fruit and other foods injurious to the voice. Encouraged by his own progress, though his singing was feeble and hoarse, he soon longed to appear on the stage, and now and then would quote the Greek proverb to close friends: 'Music made secretly wins no respect.' He made his debut at Naples, where he sang his piece through to the end despite the theatre being shaken by an earth tremor. He often sang in that city, for several days in succession. Even

when he took time out to rest his voice he could not stay out of sight, visiting the theatre after bathing, and dining in the orchestra, where he promised the crowd in Greek that when he had 'oiled his throat' a little he would give them something to make their ears ring. He was thrilled too by the rhythmic clapping of a group of Alexandrians, from the fleet which had just put in, and sent to Alexandria for more such supporters. Not content with that, he chose some young men from the Equestrian

Order along with five thousand energetic young commoners who were divided into three separate groups, known as the 'Bees', 'Tiles' and 'Bricks', to learn the various styles of Alexandrian acclaim and employ them vigorously whenever he sang. They were easy to recognise by their bushy hair, splendid clothes, and the lack of rings on their left hands. Their leaders were paid four hundred gold pieces apiece.

Book Six: XXI His Debut in Rome

Considering it vital to debut in Rome as well, he held the Neronia again before the five-year date. A universal plea from the crowd to hear his celestial voice received the reply that if anyone wished to hear him he would perform later in the Palace gardens, but when the Guards on duty added their weight to the appeal, he happily agreed to oblige there and then. He immediately added his name to the list of entrants for the lyre-playing, and cast his lot into the urn with the rest. When his turn came round he appeared, accompanied by the Guards commanders carrying his lyre, and followed by a group of colonels and close friends. After taking his place on stage and giving the usual introduction he announced via the ex-consul Cluvius Rufus that he would sing 'Niobe', which he did, until early evening, deferring the prize-giving for the event and postponing the rest of the contest until the following year, to provide another opportunity for singing. But since that seemed to him too long to wait, he continued to perform in public from time to time. He even considered taking part in the public shows given by magistrates, after receiving an offer of ten thousand gold pieces from a praetor if he would agree to perform opposite the professional singers. Nero also sang in tragedies, assuming the part of a hero or god, even on occasions of a heroine or goddess, wearing a mask modelled on his own features or, for the female parts, on the features of whatever woman he happened to be enamoured of at the time. Among his performances were 'Canace in Childbirth', 'Orestes the Matricide', 'Oedipus Blinded', and 'The Crazy Hercules'. During his performance as Hercules, or so the tale goes, a young recruit guarding the entrance seeing his Emperor in ragged clothes and weighed down with chains as the part demanded, dashed forward to lend him aid.

Book Six: XXXI Public Works and the Golden House

There was nothing more ruinously wasteful however than his project to build a palace extending from the Palatine to the Esquiline, which he first called 'The

Passageway', but after it had burned down shortly after completion and been re-built, 'The Golden House'. The following details will give a good idea of its size and splendour. The entrance hall was large enough to contain a huge, hundred-foot high, statue of the Emperor, and covered so much ground the triple colonnade was marked by milestones. There was an enormous lake, too, like a small sea, surrounded by buildings representing cities, also landscaped gardens, with ploughed fields, vineyards, woods and pastures, stocked with wild and domestic creatures. Inside there was gold everywhere, with gems and mother-of-pearl. There were dining rooms whose ceilings were of fretted ivory, with rotating panels that could rain down flowers, and concealed sprinklers to shower the guests with perfume. The main banqueting hall was circular with a revolving dome, rotating day and night to mirror the heavens. And there were baths with sea-water and sulphur water on tap. When the palace, decorated in this lavish style, was complete, Nero dedicated the building, condescending to say by way of approval that he was at last beginning to live like a human being. He began work on a covered waterway flanked by colonnades, stretching from Misenum to Lake Avernus, into which he planned to divert all the various hot springs rising at Baiae. And he also started on a ship-canal connecting Avernus to Ostia, a distance of a hundred and sixty miles, of a breadth to allow two quinqueremes to pass. To provide labour for the tasks he ordered convicts from all over the Empire to be transported to Italy, making work on these projects the required punishment for all capital crimes. Nero relied not merely on the Empire's revenues, to fuel his wild extravagance, but was also convinced by the positive assurances of a Roman knight that a vast treasure, taken to Africa long ago by Queen Dido on her flight from Tyre, was concealed in extensive caves there, and could be retrieved with the minimum of effort.

Book Six: XXXII His Methods of Raising Money

When the tale proved false, he found himself in such desperate straits, so impoverished, that he was forced to defer the soldiers' pay and veteran's benefits, and turn to blackmail and theft. Firstly, he introduced a law stating that if a freedman died who had taken the name of a family connected to himself, and could not justify why, five-sixths of their estate rather than merely half should be made over to him. Furthermore those who showed ingratitude by leaving him nothing or some paltry amount forfeited their property to the Privy Purse, and the lawyers who had written

and dictated such wills were to be punished. Finally, anyone whose words or actions left them open to being charged by an informer was liable under the treason laws. He recalled the gifts he had made to Greek cities which had awarded him prizes in their contests. After prohibiting the use of amethystine and Tyrian purple dyes, he sent an agent to sell them covertly in the markets, and closed down all the dealers who bought, confiscating their assets. It is even said that on noticing a married woman in the audience at one of his recitals wearing the forbidden colour he pointed her out to his agents who dragged her out and stripped her there and then, not only of her robes but also her property. Nero would never appoint anyone to office without adding: 'You know my needs! Let's make sure no one has anything left.' Ultimately he stripped the very temples of their treasures and melted down the gold and silver images, including the Household Gods (Penates) of Rome, which Galba however recast not long afterwards.

Book Six: XXXVI The Pisonian Conspiracy

He attacked those outside his family with the same ruthlessness. Nero was caused great anxiety by the appearance of a comet which was visible for several nights running, an event commonly believed to prophesy the death of some great ruler. His astrologer Balbillus told him that princes averted such omens, and diverted the effect onto their noblemen, by contriving the death of one of them, so Nero decide to kill all his most eminent statesmen, and was later convinced to do so all the more, and apparently justified in doing so, by the discovery of two conspiracies against him. The first and more dangerous was that of Calpurnius Piso in Rome (in AD65); the second initiated by Vinicius was discovered at Beneventum (Benevento). The conspirators were brought to trial triply-chained, some freely admitting guilt, and saying they had sought to do the Emperor a favour, since only his death could aid one so tainted by every kind of crime. The children of those condemned were banished, poisoned, or starved to death. A number of them were massacred together with their tutors and attendants, while at a meal, while others were prevented from earning a living in any way.

Book Six: XXXVII Indiscriminate Persecution

Thereafter Nero dispensed with all moderation, and ruined whoever he wished, indiscriminately and on every imaginable pretext. To give a few instances: Salvidienus

Orfitus was charged with letting three offices, which were part of his house near the Forum, to certain allied states; Cassius Longinus, a blind advocate, with exhibiting a bust of Gaius Cassius, Caesar's assassin, among his family images; and Pactus Thrasea with having the face of a sullen schoolteacher. He never allowed more than a few hours respite to any of those condemned to die, and to hasten the end he had physicians in attendance to 'take care' of any who lingered, his term for opening their veins to finish them off. He was even credited with longing to see living men torn to pieces and devoured by a certain Egyptian ogre who ate raw flesh and anything else he was given. Elated by his 'achievements' as he called them, he boasted that no previous ruler had ever realised his power to this extent, hinting heavily that he would not spare the remaining Senators, but would wipe out the whole Senate one day and transfer rule of the provinces and control of the army to the knights and his freedmen. He certainly never granted Senators the customary kiss when starting or ending a journey, nor ever returned their greetings. And when formally inaugurating work on the Isthmus canal project, before an assembled crowd, he prayed loudly that the event might benefit 'himself and the Roman people' without mentioning the Senate.

Book Six: XXXVIII The Great Fire of Rome

But Nero showed no greater mercy towards the citizens, or even the walls of Rome herself. When in the course of conversation someone quoted the line: ‘When I am dead, let fire consume the earth,’ he commented ‘No, it should rather be – while I yet live...’ and acted accordingly, since he had the City set on fire, pretending to be displeased by its ugly old buildings and narrow, winding streets, and had it done so openly that several ex-consuls dared not lay hands on his agents, though they caught them in situ equipped with blazing torches and tar. Various granaries which occupied desirable sites near the Golden House were partly demolished by siege engines first, as they were built in stone, and then set ablaze. The conflagration lasted seven nights and the intervening days, driving people to take refuge in hollow monuments and tombs. Not only a vast number of tenement blocks, but mansions built by generals of former times, and still decorated with their victory trophies, were damaged, as well as temples vowed and dedicated by the kings, or later leaders during the Punic and Gallic wars, in fact every ancient building of note still extant. Nero watched the destruction from the Tower of Maecenas, and elated by what he called ‘the beauty of the flames’ he donned his tragedian’s costume and sang a composition called The Fall of Troy from beginning to end. He maximised his proceeds from the disaster by preventing any owner approaching their ruined property, while promising to remove the dead and the debris free of charge. The contributions for rebuilding, which he demanded and received, bankrupted individuals and drained the provinces of resources.

Book Six: XXXIX Disasters and Abuse

Various other misfortunes were added by fate to the disasters and scandals of his reign. A plague resulted in thirty thousand deaths being registered at the shrine of Venus Libitina, in a single autumn. There was also the disastrous sack of two major towns in Britain (60/61AD), in which a host of citizens and allies were massacred, and a shameful defeat in the East (62AD), where the legions in Armenia went beneath the yoke, and Syria was almost lost. It is strange and certainly worth noting that Nero seemed amazingly tolerant of public abuse and curses, at this time, and was especially lenient towards the perpetrators of jokes and lampoons. Many of these were posted on walls or circulated, in both Greek and Latin. For example, the following: ‘Nero, Orestes, Alcmaeon’s the other, each of them murdered his mother.’ ‘Add the letters in

Nero's name, and 'matricide' sums the same.' 'Who can deny that Nero is truly Aeneas's heir? Aeneas cared for his father, of his mother the other took care.' 'As long as our lord twangs his lyre, the Parthian the bow, We're still ruled by the Healer, by the Far-Darter our foe.' 'Rome's one enormous House, so off to Veii, my friend, If only it hasn't swallowed Veii as well, in the end!' Yet he made no effort to hunt out the authors. Indeed, when an informer reported some of them to the Senate, Nero prevented their being punished with any severity. Once, as he crossed the street, Isidorus the Cynic taunted him loudly with making a good song out of Nauplius's ills, but making ill use of his own goods. Again, Datus, an actor in Atellan farce, mimed the actions of drinking and swimming to the song beginning: 'Farewell father, farewell mother...' since Claudius had been poisoned, and Agrippina nearly drowned, and at the last line: 'The Lord of the Dead directs your steps...' he gestured towards the Senators present. Nero was either impervious to insult, or avoided showing his annoyance in order to discourage such witticisms, since he was content merely to banish the philosopher and the actor from Rome and the rest of Italy.

Book Six: XLIX His Death

Finally, when his companions urged him, one and all, to escape the impending insults that threatened him, he ordered them to dig a grave, there and then, suitable for a man of his proportions, bring any pieces of marble they could find, and fetch water and wood for washing and burning his corpse, in a little while. While they carried this out, he was in tears, repeatedly murmuring: 'What an artist dies here!' While he endured the wait, a letter arrived for Phaon by courier. Nero snatched it from his hand and read that having been declared a public enemy by the Senate he would be punished in the ancient fashion. Asking what that was he learned that the victim was stripped naked, had his head thrust in a wooden fork, and was then beaten to death with rods. Terrified by the thought, he grasped the two daggers he had brought with him, but after testing their sharpness threw them down again, claiming the final hour had not yet come. He begged Sporus to weep and moan for him, begged someone else to commit suicide and show him the way, and belaboured himself for his cowardice, saying: 'To live, is shame and disgrace', and then, in Greek: 'it's unworthy of Nero, unworthy – we should be ever-resolute – rouse yourself!' By now the cavalry were approaching with orders to take him alive. When he heard them, he quoted Homer in a

quavering voice: 'Listen, I hear the sound now of galloping horses!' Then, with the help of Epaphroditus, his private secretary, he plunged a dagger into his throat, and was already half-dead when a centurion entered, and feigning to have brought aid, staunched the wound with his cloak, Nero gasping: 'Too late: yet, how loyal!' With these words he died, his eyes glazing and starting from their sockets, to the horror of all who saw it. He had forced his companions to promise that, whatever occurred, no one should sever his head from his body, and to contrive somehow that his corpse be given whole to the pyre. This was granted by Icelus, Galba's freedman, who had just been released from the prison to which he had been committed at news of Galba's revolt.

Book Six: LII His Knowledge of the Arts

Nero was educated in all the liberal arts, as a boy, except philosophy, his mother Agrippina warning him that it was an unsuitable subject for a ruler, while Seneca his tutor stopped him reading the early rhetoricians, to prolong his admiration for Seneca's own style. So he turned his hand to poetry, writing verse eagerly and effortlessly. Some claim he published others' work as his own, but I have seen notebooks and papers containing some of his best-known poems in his own handwriting, evidently not copied or transcribed while read aloud, since they show all the processes of creative thought, with plentiful instances of erasure, crossing-out, and superscription. Nero also showed a significant interest in painting and sculpture.

Book Six: LIII His Desire for Popularity

Beyond everything else he desired popularity, and was jealous of anyone who captured the attentions of the crowd. It was generally thought that following his stage triumphs he would likely have competed as an athlete at the next Olympiad, since he practised constantly as a wrestler and loved to watch the gymnastic contests, while seated on the ground in the stadium, like one of the judges. If the pair of contestants moved too far out of position he would push them back with his own hand. Since he was called Apollo's equal in singing, and the Sun's as a charioteer, he had plans to emulate Hercules' exploits too, since they say a lion had been specially trained so that he could face it naked in the arena, in front of a capacity crowd, and kill it with his club or strangle it in his arms.

Book Six: LIV His Last Vow to Perform as Actor and Musician

Near the end of his life, he publicly vowed to celebrate, if he retained power, by playing the waterpowered organ, the flute and bagpipes, at a victory Games, where on the last day he would appear as an actor on stage and dance the part of Turnus in Virgil's Aeneid. It is claimed too that he had the actor, Paris, executed, to remove him as a dangerous rival.

Book Six: LV His Desire for Fame and Immortality

Nero longed for fame and immortality, though his longing was ill-advised. It led him to replace the names of numerous things and locations with ones derived from his own name. April, for example, became the month of Neroneus, while he considered designating Rome as Neropolis.

Book Six: LVI His Superstitious Beliefs

He despised all religious cults, except that of the Syrian Goddess (Atagartis), ultimately showing his contempt for her too, by urinating on her sacred image, after becoming captivated by a different superstition, the sole one to which he persisted in clinging, embodied in a statuette of a girl. He had received it as a gift from some anonymous commoner, as a protection against conspiracies. Such a plot immediately came to light, leading him to venerate the image as a powerful divinity, offering three sacrifices a day to her, and encouraging people to believe that she communicated knowledge of the future to him. Though he attended an augury, they say, a few months before his death, where on inspecting the sacrificial victims he failed to receive a favourable omen.

Book Six: LVII Conflicting Emotions after his Death

He died (on the 9th of June, 68AD) at the age of thirty-one, it being the anniversary of Octavia's murder, and such was the joy people felt that they ran through the city wearing caps of liberty. Yet there were others who, for a long while after, adorned his tomb with spring and summer flowers, placed statues of him on the Rostra wearing the fringed toga, and circulated his edicts, as if he still lived and would soon be back to destroy his enemies. Moreover, Vologases I, the Parthian king, sending envoys to the Senate offering to renew the alliance with Rome, also asked that signal honour be paid to Nero's memory. Twenty years later, too, (in 88AD) when I

was still a young man, a pretender appeared, a youth of obscure origin, claiming to be Nero, who was so strongly supported by the Parthians, the name being still much in favour, that it was only with great reluctance that they agreed to surrender him.

End of Book VI